

# TOAN ẢNH

Nếp cũ

Tín ngưỡng  
Việt Nam

QUYỂN HẠ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



NẾP CŨ  
*TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM*  
Quyển hạ

298 (V)  
TRỄ - 2005 184/47-CXB

**TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN**  
Nhà xuất bản Trẻ xuất bản theo hợp đồng sử dụng tác phẩm 2004-2015.

# TOAN ANH

NẾP CŨ

Tín ngưỡng  
Việt Nam

QUYỀN HẠ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH

NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289  
Fax: 84.8.8437450 - E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)



PHẦN THỨ NHẤT



# Tôn giáo





# THIÊN CHÚA GIÁO



Một tôn giáo vào bậc quan trọng và có tổ chức khoa học nhất tại Việt Nam ngày nay phải kể Thiên Chúa giáo, tuy đạo này mới du nhập vào đây từ hơn ba trăm năm nay.

Thiên Chúa giáo thờ phụng đức Chúa Trời.

Sách chép lại rằng đức Chúa Trời sau khi tạo nên trời đất và muôn vật, lại tạo ra con người. Hai người đầu tiên là ông A-đam và bà Ê-va.

Ông A-đam và bà Ê-va được sống chung trong một vườn cực lạc, được cai quản các thú vật và được ăn hoa quả trong vườn, ngoại trừ trái cấm.

Hai ông bà vẫn giữ lệnh cấm của đức Chúa Trời, không đụng tới trái cấm, nhưng về sau bị quỷ sứ xúi giục, bà Ê-va đã ăn trái này và đã đưa cho ông A-đam ăn.

Ăn trái cấm rồi, hai người biết xấu hổ, và bị đức Chúa Trời trừng phạt đẩy xuống trần gian, với lời hứa sẽ sai người xuống chuộc tội cho.

Người mà đức Chúa Trời sai xuống chuộc tội cho loài người là Chúa Jêsus, con một của đức Chúa Trời, ra đời tại thành Nazareth, xứ Galillêe, ở Tiểu Á (Asie mineure), cách đây 1968 năm, tính tới năm Mậu Thân.

Thân phụ Chúa Jêsus là ông Joseph, thân mẫu ngài là bà Marie. Sự tích Chúa Jêsus chép rằng bà Marie đồng trinh, cảm thông thần mộng sinh ra Chúa.

Chúa Jêsus rất thông minh, trước học theo người Do Thái, nhưng sau thấy các tu sĩ Do Thái có nhiều sự bậy bạ, nên tự ngài phải dạy mọi người lấy sự yêu mến tôn kính đức Chúa Trời làm gốc, và sự tôn kính cần ở trong lòng, còn đối với mọi người thì Chúa dạy người ta phải coi nhau như anh em một nhà và ai cũng bình đẳng cả.

Người ta theo Chúa rất đông, và sự tin theo này đã khiến các tu sĩ Do Thái ghét Người, và Người đã bị người Do Thái đóng đinh trên thập tự giá. Người đã hy sinh để chuộc tội cho nhân loại tại núi Sọ thành Jérusalem, sau khi ra đời 33 năm.

Người đã bị chôn ba ngày nhưng sau đó, Người đã sống lại.

Người đã sống lại thật vì các môn đệ đã trông thấy Người, mó đến Người, chuyện trò cùng Người, và sau đã chịu chết để làm chứng sự thật ấy.

Sau khi sống lại, Người còn ở lại cõi trần 40 ngày để dạy dỗ các tôn đồ và đi giảng Phúc Âm, rồi Ngài mới lên Trời về với đức Chúa Trời.

## TRIẾT LÝ THIÊN CHÚA GIÁO

Chính ra có một triết lý Thiên Chúa giáo không? Có thể có hoặc không được. Sự thực, Thiên Chúa giáo không xuất hiện với một nền tảng triết lý, mà chỉ là một sự thông cảm giữa Thượng đế và loài người qua Chúa Jêsus. Kinh sách Phúc Âm cũng như những sách tường thuật hành động của các Tông đồ không phải là những sách triết lý; đó chỉ là những sách giảng thuật lại cuộc đời của Chúa Jêsus và nói lên những điều gì con người phải làm để ca ngợi Thượng đế, để có thể xứng



đáng được Thượng đế vĩnh viễn ban ơn sau khi chết. Như thế, Thiên Chúa giáo không liên hệ trực tiếp với bất cứ một nền tảng triết lý Âu Á nào.

Tuy nhiên, Thiên Chúa giáo đã có một ảnh hưởng to tát đối với việc phát triển tư tưởng triết lý. Thiên Chúa giáo đã soi sáng cho rất nhiều triết gia danh tiếng nhất là ở Âu châu, và có thể nói được rằng không thể có lịch sử triết học nếu không kể đến sự soi sáng này.

Tại sao Thiên Chúa giáo lại có ảnh hưởng như vậy?

Trước hết Thiên Chúa giáo mang lại những quan điểm mới mẻ và rõ rệt về Thượng đế, về vũ trụ và về loài người. Chính đạo cũng đã làm cho các triết gia thấy rằng Thượng đế không phải chỉ một điều gì mơ hồ, thiếu cá tính như các triết gia thời cổ đã nói, mà chính Thượng đế là một thần linh hoàn toàn, là một đấng cao cả mà mọi người có thể cầu khẩn và đáng cao cả này cai trị toàn vũ trụ: Ngài là Chúa tể và vị Chúa tể là vị Chúa tể duy nhất và thập toàn. Nguồn gốc vũ trụ, trong triết học thời cổ không được giải thích rõ ràng, nhưng Thiên Chúa giáo đã mang lại ý kiến là vũ trụ do vị Chúa tể toàn năng tạo lập ra, vị Chúa tể đã lập ra vũ trụ, với tất cả mọi vật hiện diện trong vũ trụ, mà không cần đến gì cả.

Đạo Thiên chúa cũng đã sửa đổi lại những quan niệm cũ về con người, và chú trọng nhất đến giá trị về tâm linh, giá trị này khiến cho mỗi người phải được tôn trọng không kể gì đến học thức hay địa vị xã hội. Vì vậy, Thiên Chúa giáo đã là một sức mạnh trong việc bãi bỏ nô lệ. Đạo cũng đã chủ trương con người được phú giữ một sự tự do nội tâm, và phải chịu trách nhiệm về những hành động của mình: luân lý không phải chỉ ở chỗ phục tùng những luật lệ của kẻ mạnh, nhưng phải tránh phạm lỗi đối với Thượng đế cũng như đối với người khác. Lòng bác ái không hạn chế đã lan tràn từ khi có giới luật của Chúa Jêsus dạy rằng người ta phải yêu mến hết mọi người, kể cả kẻ thù. Bởi vậy, lễ đương nhiên đạo đã

làm tăng số các cơ quan từ thiện trong mọi thời đại để giúp đỡ kẻ bệnh hoạn cũng như các trường học để giúp đỡ trẻ em trong đám quân chúng.

Đạo Thiên chúa cũng đã hoán cải quan niệm cũ về hôn nhân: đạo dạy rằng việc phối ngẫu giữa nam nữ là một sự cam kết tự do và bất khả ly, như vậy để còn giáo hóa con cái. Đạo cũng dạy nữ giới cũng được tôn trọng như nam giới, do đó không có vấn đề đa thê.

Chính đạo Thiên chúa cũng đã nêu lên sự hợp tác giữa các quốc gia vì lợi ích chung của nhân loại.

Với những điểm mới nêu trên, Thiên Chúa giáo đã đặt nhiều vấn đề cho các triết gia. Người ta bắt đầu bàn cãi về sự liên hệ giữa lý lẽ và lòng tin, giữa tôn giáo và triết học. Những triết gia Thiên Chúa giáo đã chỉ rõ tại sao không nên lầm lẫn và cũng đừng nên chia cách hẳn những điều trên. Tín ngưỡng không phải là lý lẽ: tín ngưỡng phải sử dụng lý lẽ, nhưng cũng đã mang tới cho con người những sự thật vượt trên lý lẽ. Các triết gia thời cổ không có sự phân biệt này.

Thiên Chúa giáo cũng đặt lại vấn đề về sự liên lạc giữa tâm linh bất diệt với thể xác vật chất khả vong. Sự tự do của con người, hoàn toàn trách nhiệm về hành động của mình và không chịu ảnh hưởng các vị tinh tú hoặc những sức mạnh mù quáng, cũng được đặt ra bởi Thiên Chúa giáo, và vấn đề này trong triết học ngày nay đã là một trong những vấn đề được bàn cãi tới nhiều. Quan niệm một Thượng đế duy nhất và sáng tạo vũ trụ đã nêu lên vấn đề có Thượng đế về phương diện triết lý. Ngoài sự quả quyết về tín ngưỡng, người ta có thể chứng minh sự hiện có của Thượng đế chăng, nếu có với những sự biện luận nào? Vấn đề có Thượng đế đã trở thành một vấn đề hoàn toàn về triết lý, và được thảo luận tùy theo trình độ hiểu biết về Thiên chúa, của cả những triết gia không theo Thiên Chúa giáo.



Ngoài ra những đạo lý Thiên Chúa giáo cũng chịu ảnh hưởng của triết học. Người ta muốn chứng tỏ rằng những đạo lý này phù hợp với tôn giáo, và người ta có thể hệ thống hóa chúng được. Điều này là công trình của những người được gọi là nhà “thần học” luôn luôn cố gắng để tạo nên như một “khoa học về sự thần khải Thiên chúa”.

Những điều trình bày đã chứng tỏ tại sao đương nhiên những điều khẳng định của Thiên Chúa giáo đã xâm nhập vào nền triết lý. Ngày nay những điều khẳng định của một Karl Marx hay của một Sartre vô thần cũng không thể giải nghĩa được nếu không có những quan niệm Thiên Chúa giáo, những quan niệm này đã trở nên phổ thông cho tất cả các nhà tư tưởng.

Tuy nhiên một số các đại triết gia Âu Tây đã đặc biệt liên hệ tư tưởng của họ với tín ngưỡng Thiên Chúa giáo. Những người đó được mệnh danh là triết gia Thiên Chúa giáo, dù rằng trên địa hạt triết học của họ, họ chỉ muốn thảo luận theo lý lẽ, ngoài tín ngưỡng về tôn giáo của họ.

Buổi sơ khai, trong nhiều thế kỷ đầu, triết học đã bị phê phán nghiêm ngặt bởi những tín đồ Thiên Chúa giáo đầu tiên vì không sánh bằng những sự thật do đạo giảng dạy hoặc vì có thể có hại cho Đức Tin. Nhưng ngay sau đây, các đại tác giả Thiên Chúa giáo đã dùng những học thuyết đương thời của các triết gia để trình bày rõ ràng hơn về tín ngưỡng Thiên Chúa giáo. Chính những người phương Đông đã đầu tiên dựa theo triết thuyết của Platon hoặc Platon tâm thuyết để giải thích những học thuyết liên quan tới sự sáng tạo vũ trụ bởi Thượng đế, sự cung chiêm Thượng đế của linh hồn, số mệnh của con người do Thượng đế và vì Thượng đế. Ảnh hưởng của Platon trong thần học đã thống ngự cho đến thế kỷ thứ XIII và đã hướng dẫn rất nhiều các nhà tư tưởng, như Saint-Augustin là một nhà đại tư tưởng của mọi thời đại. Chính

cũng nhờ Thiên Chúa giáo mà các tác phẩm của các văn hào được lưu giữ trong các tu viện trước khi có nghề in.

Thời Trung Cổ rất phong phú về những cuộc thảo luận triết học và có rất nhiều triết thuyết khác nhau.

Về thế kỷ thứ XIII, những tác phẩm của Aristote, trước đây một phần đã bị bỏ quên, lại được biết tới nhiều hơn.

Saint Thomas đã làm một bản tổng hợp về thần học Thiên Chúa giáo theo triết thuyết của Aristote đồng thời giữ một vài quan niệm của Platon. Đó là học thuyết của Saint Thomas được gọi là học thuyết Thomiste đã được giáo hội giới thiệu với các tín đồ, trong khi không ngăn cấm những học thuyết khác. Giáo Hội nghĩ rằng trong tất cả các công trình của những nhà tư tưởng Âu Á đều có những sự thật có thể phù hợp với tín ngưỡng Thiên Chúa giáo. Thí dụ như trong luân lý Khổng Mạnh, lẽ đương nhiên có những điều khẳng định tổng quát có thể dung hòa với giáo lý Thiên chúa cùng những điều khẳng định của nền luân lý Aristote.

Sau Trung Cổ thời đại, triết học đã có những đường hướng mới dưới sự thúc đẩy của Descartes, nhưng chính Descartes cũng rất lưu tâm tới sự hiện hữu của Thượng đế và sự bất diệt của linh hồn. Và tất cả triết thuyết của ông đã xây dựng trên các điều này.

Tiếp với Descartes các triết gia Mallebranche, Leibniz, Berkley Maine de Biran v.v..., trong lý luận, đã công nhiên chấp nhận Thiên Chúa giáo. Có những quan niệm triết lý duy vật về hai thế kỷ XVIII và XIX muốn chống lại những điều khẳng định của Thiên Chúa giáo về sự hiện hữu của Thượng đế và linh hồn. Cũng lại đã có thực nghiệm chủ nghĩa xuất hiện tưởng có thể thay thế được Thiên Chúa giáo do những lợi ích của khoa học và kỹ nghệ. Điều này đã trở thành một trong những điều quả quyết chính yếu của triết lý mác xít. Nhưng người ta nhận thấy nền văn minh thuần túy khoa học



và sự phát triển kỹ nghệ không đủ giải quyết những vấn đề xã hội và bảo đảm hạnh phúc nhân loại. Bởi vậy, những nền tảng triết học dựa trên những quan niệm riêng biệt của Thiên Chúa giáo vẫn tồn tại, trái lại ngày nay một nền triết học Thiên Chúa giáo đã như phục hưng với nhiều cố gắng đề hồi phục triết thuyết của St.Thomas xưa, như cố gắng của nhóm Thomas tân thuyết, và của các tác giả như Sertillanges, Maritain, Gilson. Ngoài ra còn nhiều nhà tư tưởng hiện đại đã đặt trong triết thuyết của mình những quan niệm của Thiên Chúa giáo. Cho nên, ngày nay người ta phân biệt hai chủ nghĩa hiện sinh: Chủ nghĩa hiện sinh Thiên Chúa giáo và chủ nghĩa hiện sinh vô thần.

Buổi sơ khai của chủ nghĩa hiện sinh đã được liên hệ với các nhà tư tưởng như St.Augustin hay Pascal. Chính Kierkegaard, trong khi đọan quyết đức tin của mình chống với duy lý luận của Hégel, đã gieo nguồn gốc của chủ nghĩa hiện sinh ngày nay, và bây giờ một Gabriel Marcel trong đa số, đã rung động trong những danh từ mới, các vấn đề lớn đã được Thiên Chúa giáo đặt ra ngay tự lúc ban đầu.

Như vậy triết lý Thiên Chúa giáo luôn luôn xuất hiện trong đạo Thiên chúa cũng như đối với tất cả nhân loại, không riêng ở phương Tây hay là ở một quốc gia nào. Và người ta có thể nói được rằng nền tảng triết học của tất cả các quốc gia đều có thể đồng hóa và phát triển mạnh mẽ theo những điều không thể sai lầm mà Thiên Chúa giáo đã phát hiện và đã nằm trong giáo lý đạo.<sup>(1)</sup>

---

1. Đoạn này viết theo tài liệu của linh mục Gautier dòng Tên tại Trung tâm Alexandre de Rhodes, Saigon.

## VIỆC TRUYỀN GIÁO

Giáo hội Thiên Chúa có nhiệm vụ truyền giáo, phổ biến Thánh Kinh cho nhân loại. Giáo hội là gia đình của các con Chúa. Giáo hội đã được lệnh Chúa để thi hành một chương trình cứu vớt nhân loại, không thể phân bội phân hành giữ lệnh Chúa cho riêng mình.

Các phái đoàn truyền giáo được gửi đi khắp bốn phương với nhiệm vụ cảm hóa những người vô tín ngưỡng, lôi họ trở lại đạo.

*“Giáo hội, đúng như sự đòi hỏi thầm kín của bản chất mình và tuân thành chỉ thị của Chúa, đem hết nỗ lực để phổ biến Thánh Kinh. Trong suốt cuộc du hành qua trái đất, Giáo hội chỉ là nhà truyền giáo... Cũng như Jésus được đức Chúa Trời gửi xuống cõi thế, Người đã phái các tông đồ đi khắp nơi với lệnh truyền: Các người hãy biến mọi quốc gia thành môn đồ, nhân danh đức Chúa Cha, đức Chúa Con và Thánh thần rửa tội cho họ. Hãy đi loan tinh lành cho toàn thể nhân loại. Ai tin sẽ được rửa tội và được cứu giúp, ai không tin sẽ chịu tội. (Mc.16).*

*“Do đó, Giáo hội có bốn phận quảng bá đức tin và sự tốt lành đáng Christ mang tới”.*

Đoạn trên trích trong sắc lệnh về các phái đoàn truyền giáo của Đệ nhị Cộng đồng Vatican, nhắc nhở bốn phận của Giáo hội trong công tác truyền giáo.

Việc truyền giáo đã có hiệu quả sâu rộng ngay từ đầu kỷ nguyên. Các tông đồ đi khắp mọi xứ từ Tây sang Đông, từ I-pha-nho đến Ấn Độ. Ông Thánh Phêrô, vị tông đồ cả, và cũng là vị Giáo hoàng đầu tiên đã thực hiện tượng trưng sự hiện diện tổng quát đó trong bài thuyết giáo đầu tiên, ngày lễ Hiện Xuống khi ông tuyên bố Đức Tin tại





Jérusalem trước công chúng, thành phần gồm đủ các sắc dân các địa phương.

Sứ đồ Paul de Tarso, trở lại đạo vào năm 36 hoặc 37, từ vì đạo năm 67 đã là người gieo Đức Tin lan rộng từ Âu sang Á, nhất là sau khi ông thọ tử. Đạo Thiên chúa từ đó dần dần đi vào các tầng lớp địa phương mới. Quốc gia đầu tiên lấy Thiên Chúa giáo làm quốc giáo là vương quốc Osrhoéno với quốc vương Abgar đệ cửu, rửa tội tại kinh thành Edessa năm 200.

Đạo ngày một bành trướng, cho đến thế kỷ thứ VI thì tại Ba Tư có nhiều giáo khu được thành lập; thế kỷ sau, những giáo khu này xuất hiện tại Ấn Độ, rồi dần dần tại các quốc gia Hung Nô và Thất Đát ở Trung Á.

Tại châu Âu, đạo Thiên chúa phổ cập với mọi tầng lớp mau hơn, tuy vào thế kỷ thứ V, sự thống trị của người Maudi có làm cho đạo hơi suy giảm vì những tà giáo dị đoan. Năm 385 ở Ái Nhĩ Lan sứ đồ Patrick ra đời. Sứ đồ đã xây dựng nhiều tu viện tại đảo này, sau đã nổi danh là Đảo các thánh. Rồi Hoàng đế Pháp Clovis trở lại đạo, biến nước Pháp thành một quốc gia Thiên Chúa giáo.

Cuối thế kỷ thứ VI, Hoàng đế I-pha-nho (Tây Ban Nha) Recaredo, đã làm lễ rửa tội tại Đệ nhất Cộng đồng.

Giáo hoàng Grégoire hồi đó, sau khi nhậm chức đã xúc tiến rộng rãi việc truyền giáo các quốc gia đa thần tại Âu châu. Đạo truyền sang Anh quốc cùng với nền văn minh la tinh. Các sứ đồ đã lập được nhiều thành tích đáng kể, nhất là những vị linh mục Ái Nhĩ Lan, trong đó ghi tên thánh Colomban.

Thế kỷ thứ VIII, người Nhật Nhĩ Mãn (Germany) theo đạo. Rồi người Tư Lạp Phu (Slaves) do sự truyền giáo hiệu quả của hai anh em thánh Cyrille và Méthode cùng đứng vào trong đạo.

Đầu thế kỷ thứ XIII khi người Mông Cổ sang châu Âu, giáo hội đã dẫn dụ họ, nhưng không có kết quả, tuy nhiên

khi họ rút về Á châu, nhiều nhà truyền giáo đã đi theo họ tới Trung Á, nhất là các giáo sĩ dòng Phan Xi Cô và Đa Minh, hai dòng có nhiệm vụ truyền đạo cho các dân tộc du mục Á châu. Nhiều tù trưởng đã trở lại đạo.

Năm 1289, giáo sĩ Jean de Montecorvino được gửi đi Trung Hoa và được bổ nhiệm Tổng Giám mục Bắc Kinh. Việc truyền giáo có một đôi phần kết quả, nhưng đến đời nhà Minh, các vua Minh sát đạo khiến đạo không những không tiến được mà còn hầu như bị tan rã.

Thế kỷ thứ XVI là thế kỷ rạng rỡ nhất của sự truyền giáo. Hai quốc gia Bồ Đào Nha và I-pha-nho (Tây Ban Nha) với sự thám hiểm khám phá thêm đất đai mới đã mang đạo truyền sang Mỹ châu và Phi châu. Cùng trong thời kỳ này Phi Luật Tân được người I-pha-nho (Tây Ban Nha) Thiên Chúa giáo hóa một cách nhanh chóng, cho nên tới đầu thế kỷ thứ XVII tại đây đã có một đại học Thiên Chúa giáo: Đại học Santo Tomas hiện nay còn là một đại học tại Ma Ni.

Việc truyền giáo ở Á châu đã được phát triển mạnh mẽ nhờ sự thành lập của Dòng Tên vào năm 1540. Dòng này đã đào tạo nên những vị đại sứ đồ, mở một kỷ nguyên mới với một phạm vi mới cho việc phổ biến đạo giáo tại Viễn Đông. Thánh Francois Xavier đã đi suốt Á châu từ Ấn Độ tới Nhật Bản. Dân Nhật Bản dường như cảm mến đạo mới này nên đạo phổ cập mau chóng trong quần chúng. Nhiều nhà quý phái cũng xin rửa tội, nhưng đạo đã ngừng tiến khi ngày 27-9-1614, Hoàng đế Yeyasu công bố sắc lệnh cấm sự truyền đạo Thiên chúa. Từ 200.000 đến 300.000 tín đồ không chịu bỏ đạo đã bị giết.

Trung Hoa cũng không bị bỏ quên mặc dầu những khó khăn. Trước văn minh Trung Quốc, các nhà truyền giáo đã lấy kiến thức để thu phục kiến thức. Sứ đồ Mathieu Ricci đã



mang tới nước Tàu những sách giáo khoa về thiên văn, địa lý, toán học và cả về luân lý nữa. Các nhà bác học Dòng Tên đã tiếp theo sứ mạng này và linh mục Adam Shall đã được cử làm viện trưởng Viện Thiên văn của Hoàng tộc.

Thế kỷ thứ XVIII, tại nước này đã có rất đông tín đồ. Số ước lượng lên đến hàng trăm ngàn, sau 50 năm truyền giáo. Đáng tiếc về sau có sự tranh chấp về phong tục Tàu giữa các giáo sĩ nên đạo lại bị cấm, và số tín đồ do đó giảm sút dần đi. Vào đầu thế kỷ XIX chỉ còn độ trên 100.000 người.

Tại Ấn Độ việc truyền giáo cũng có kết quả, nhưng kết quả này đã bị ảnh hưởng tai hại cũng như ở Trung Hoa bởi những cuộc tranh lộn của các sứ đồ các dòng và các nước khác nhau: Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh và Pháp.

Việc truyền giáo, nếu đạt được những kết quả tốt đẹp trên cũng nhờ Bộ truyền giáo, sáng lập ngày 6 tháng giêng năm 1622 bởi đức Giáo hoàng Gregoire XV. Trước đây, các giáo sĩ nhất là giáo sĩ Bồ Đào Nha và I-pha-nho (Tây Ban Nha) thường bị chính phủ của họ lấn áp, lợi dụng tôn giáo cho chính trị.

Để tách rời chính trị khỏi Đức Tin, Bộ truyền giáo ra đời với nhiệm vụ rõ rệt, với một bộ trưởng Hồng Y. Bộ thành lập một chủng viện để đào tạo giáo sĩ cho các quốc gia, có một ấn quán đa ngữ, có thể in được nhiều thứ tiếng.

Bộ tổ chức giáo phẩm tại các quốc gia. Các giám mục, linh mục được gởi tới các nước bốn phương, đến tận những nơi chưa được khai phá. Theo đề nghị của bộ, nhiều người địa phương được tấn phong vào hàng giáo phẩm: Giám mục Mathéo de Castro là người da đỏ.

Tại Việt Nam, năm 1658, theo sáng kiến của linh mục Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) hai địa phận được ra đời: địa phận Đàng Trong với Giám mục Pallu và địa phận Đàng Ngoài với Giám mục Lambert.

Tóm lại có thể nói rằng, việc làm của Bộ truyền giáo đã có kết quả. Cho đến thế kỷ thứ XVII, số tín đồ Thiên Chúa giáo đã đạt tới một con số lớn:

Từ 15 đến 20 triệu tại Mỹ châu.

Từ 4 đến 5 triệu tại Phi Luật Tân.

1 triệu tại châu Á và các nơi khác.

Bước sang thế kỷ thứ XVIII, việc truyền giáo hơi sút kém vì sự bãi bỏ Dòng Tên vào năm 1773, nhưng bắt đầu sang thế kỷ thứ XIX lại được phục hưng bởi Giáo hoàng Grégoire XVI.

Cuối thế kỷ thứ XIX có thể nói rằng tại khắp trên hoàn cầu đều có sự hiện diện của các giáo đồ.

Việc truyền giáo được có kết quả nhờ sự khai hóa các nước chậm tiến và nhờ sự thiết lập thuộc địa của các cường quốc Âu châu tại Á Phi.

Với sự bành trướng đạo giáo, Bộ Truyền giáo phải tăng cường nhân số linh mục. Đầu năm 1800, có 20 giám mục, tới năm 1956, con số tăng lên 600.

Ngoài việc truyền giáo của bộ lại có các hội truyền giáo: Hội quảng Bá Đức tin, Hội thánh Hải Đông, Hội các trường Viễn Đông, Hội chống Nô lệ, v.v... Tất cả có trên 270 hội đã hoạt động để đạo Chúa được phổ biến, và phần lớn các hội này đều do các tư nhân bảo trợ.

Lại thêm các trường đạo cũng gây một ảnh hưởng tốt đẹp cho đạo Thiên chúa. Và các cơ quan xã hội nữa.

Với các thế chiến, con người càng hướng nhiều về đức tin. Số người trở lại đạo ngày càng nhiều:

Năm 1800 có khoảng từ 1.500.000 đến 5.000.000 người rửa tội. Con số này tăng đến năm 1927, 14.660.000 người. Năm 1939, 22.770.000, năm 1949, 27.945.000.

Riêng tại Á châu năm 1948, số tín đồ là 30.500.000; tại Phi châu con số này là 20.678.000 người vào năm 1956, con



số tăng gấp 200 lần con số của năm 1800.

Các con số trên tuy không sát thực nhưng cũng đủ chứng tỏ đạo Thiên chúa đã hợp với con người ra sao. Mọi dân tộc đều bình đẳng trước Chúa, cũng như bình quyền trong Giáo Hội. Mọi người đều được kêu gọi trở lại với Chúa, làm anh em với nhau, con chung của Chúa.

Chính với mục đích cao cả ấy, các nhà truyền giáo đã phổ biến tin lành mọi người đều là anh em, mọi người đều chung một vị Cha ở trên trời. Sự thành công của các phái đoàn truyền giáo chính là do đó, tức là do lòng thương vậy.

## VIỆC TRUYỀN GIÁO TẠI VIỆT NAM

Nhiều người thường quan niệm sai lầm rằng đạo Thiên chúa cùng tới Việt Nam với thực dân Pháp. Sự thật, đâu có phải. Đạo Thiên chúa đã truyền sang Việt Nam, từ lâu trước khi Pháp thuộc, từ đầu thế kỷ XIX, nhưng sự truyền giáo đã gặp khó khăn, nên sự phát triển không được mạnh mẽ lắm.

Thực dân Pháp tới Việt Nam, mục đích của họ cốt để thôn tính đất nước, nô lệ hóa nhân dân, còn công việc khai thông đạo giáo, đó là công việc của các tu sĩ truyền giáo. Có thể nói rằng trước thời Pháp thuộc, sự truyền giáo bị cấm đoán, và sau này sự hiện diện của người Pháp với hiệp ước ký kết tôn trọng tự do tín ngưỡng ở Việt Nam, đạo Thiên chúa đã có cơ nảy nở và bành trướng dễ dàng hơn.

Ở đây cũng có thể nói thêm được rằng tình thương đã quảng bá đạo Chúa. Nhiều hội thiện, nhiều cơ sở xã hội đã hoạt động để giúp đỡ dân nghèo Việt Nam, đem lại cho Thiên Chúa giáo nhiều thiện cảm và do đó nhiều tín đồ. Hơn nữa, các linh mục với lòng thương bao la thường can thiệp với các nhà cầm quyền Pháp để xin ân xá cho những

kẻ bị Pháp buộc tội chống chúng cũng như cho nhiều tội nhân thường phạm đã tự gây nên tội vì đại đột. Nhờ sự can thiệp hữu hiệu này, các tội nhân được tha đã vì ân đức xin trở lại đạo. Cũng nên nói thêm rằng có một số người thiếu đạo đức đi tìm sức mạnh ở các linh mục cũng đã theo đạo.

Tóm lại Thiên Chúa giáo đã tới Việt Nam trước thực dân, và trải qua nhiều thế kỷ đã lan rộng để ngày nay trở nên một tôn giáo quan trọng tại Việt Nam.

Mở đầu trang “Công giáo sử Việt Nam”, trước hết phải kể đến hai thánh Odorico de Pardenone và Francois Xavier. Thánh Odorico de Pardenone đã tới Bình Định, lúc đó còn là lãnh thổ của Chiêm Thành vào tiền bán thế kỷ thứ XIV; thánh F.Xavier trong khi đi từ Ấn Độ qua Quảng Châu và Nhật Bản đã ghé bờ biển Thanh Hóa.

Kể từ đó đất nước Việt Nam đã được con cháu Chúa luôn luôn đặt chân tới và việc truyền giáo phải kể là đã có kết quả nên năm 1533, vua Lê Trang Tôn đã có chiếu chỉ cấm đạo, lúc đó đang bắt rữ tại các xã Ninh Cường, Quần Anh và Trà Lũ thuộc tỉnh Nam Định ngày nay.

Năm 1550, một giáo sĩ dòng Đa Minh, linh mục Gaspar de Santaz Cruz đã đặt chân lên cửa Cồn Cao, và sau đó, 1580 - 1586, lại có hai giáo sĩ dòng Đa Minh khác là Luis de Fonceca, người Bồ Đào Nha và Grégoire de la Motte, người Pháp đã tới giảng đạo tại Quảng Nam. Mười năm sau có hai giáo sĩ Aduarte và Simenez cũng đi ngang qua tỉnh này.

Tại miền Bắc, dòng Phan Xi Cô có giáo sĩ Diego de Oropesa đã tới vào năm 1585, nhưng chưa kịp giảng đạo đã phải rút về Quảng Châu. Một giáo sĩ khác cũng dòng này, sang năm 1586 đã được vua Mạc Mậu Hợp tiếp và cho phép truyền đạo nhưng vì ngôn ngữ bất đồng, việc truyền đạo không đem lại kết quả và giáo sĩ này cũng đã rời khỏi đất Bắc ngay năm đó.



Năm 1588 có hai linh mục Bồ Đào Nha Alfonse de Costa và Gonsalves de Sa đến Thanh Hóa.

Vào cuối thế kỷ thứ XVI, có câu chuyện công chúa con vua Lê Anh Tôn là Mai Hoa xin theo đạo và được rửa tội bởi giáo sĩ Ordonez de Cevallos. Cùng theo đạo với công chúa có một số bà con họ hàng.

Chuyện trên chưa được xác nhận. Sử liệu chỉ nhắc đến ông Đỗ Hưng Viễn người làng Bồng Trung, tỉnh Thanh Hóa, là một trong những người Việt Nam đầu tiên đã theo đạo Thiên chúa vào khoảng năm 1580. Ngoài ông Viễn ra, còn một người nữa là Đỗ Viên Mẫ cũng trở lại đạo vào hồi thế kỷ thứ XVII, sau tử vì đạo đã được Giáo hoàng Léon XIII phong chức Á Thánh vào năm 1900: đó là Chân Phước Yia Cô Bê Đỗ Nam.

Việc truyền giáo được mạnh mẽ phải kể từ đầu thế kỷ thứ XVII với các giáo sĩ dòng Tên: Buzomi người Ý, Carvalho người Bồ với các tu sĩ khác là các thầy Diza người Bồ, Giuse và Phao Lô người Nhật. Những giáo sĩ này đã tới Cửa Hàn vào đầu năm 1615.

Từ Cửa Hàn, giáo sĩ Buzomi lại vào Quảng Nam và ở đây kết quả truyền giáo rất khả quan với 300 tân tòng.

Sau đó, lại có thêm các linh mục André Fernandez, người Bồ từ Áo Môn tới, linh mục Carvalho được đổi sang Nhật, nhưng giáo sĩ Buzomi lại có được các linh mục Francois de Pina người Ý và F.Barreto, người Bồ tới phụ giúp.

Năm 1618, giáo sĩ mở thêm cơ sở ở Quy Nhơn, có thêm tân tòng, và nhằm mục đích quảng bá đạo, một cuốn kinh bằng chữ nôm được ấn hành.

Giáo sĩ Buzomi lại khéo trong vấn đề xử thế, đã duy trì nhiều tục lệ lễ nghi không trái phép đạo và chỉ phế bỏ những điều dị đoan mê tín, nên số người tin đạo do đó càng tăng.

Ba năm sau, có thêm năm linh mục tới Việt Nam để tiếp tay với giáo sĩ, và vào cuối năm 1624, linh mục A Lich Son Đắc Lộ (A.de.Rhodes) cũng tới.

Các vị linh mục này của Dòng Tên đã tích cực hoạt động, và sau 22 năm, số tín đồ đã có tới trên 20.500 người trong đó có bà Minh Đức Vương Thái Phi vợ thứ của chúa Nguyễn Hoàng, một người đã tận lực giúp các giáo sĩ trong việc truyền giáo.

Năm 1926, linh mục Đắc Lộ ra Bắc và đã được chúa Trịnh Thanh Đô Vương cho phép giảng đạo. Kết quả hết sức tốt đẹp với 6.700 tín đồ sau ba năm truyền giáo.

Các thầy giảng bắt đầu được đào tạo và đã hoạt động rất đắc lực cho đạo.

Năm 1630, linh mục Đắc Lộ, rời Việt Nam. Các thầy giảng vẫn tiếp tục việc Chúa. Số người rửa tội càng nhiều, thêm 3.340 tín đồ với 20 nhà thờ được lập nên.

Tính đến năm 1639, tại miền Bắc có hơn 80.000 tín đồ với 230 nhà thờ vừa lớn vừa nhỏ.

Năm 1640, linh mục Đắc Lộ (A. de Rhodes) lại trở lại Việt Nam nhưng đến miền Trung để thay thế giáo sĩ Buzomi. Lần này linh mục gặp nhiều khó khăn, nhưng ngài vẫn hoạt động mạnh mẽ, tổ chức một đoàn 10 thầy giảng đi truyền đạo tại các nơi. Một trong số các thầy giảng này là An Rê đã bị xử tử: đây là người tử vì đạo đầu tiên tại miền đất của Chúa Nguyễn.

Năm 1645, chính linh mục Đắc Lộ cũng bị án tử hình nhưng chỉ bị trục xuất.

Linh mục Đắc Lộ chính là người đã có công sáng tạo ra chữ Quốc ngữ. Linh mục cũng chính là người đã vận động với Tòa Thánh để cử một vị giám mục sang Việt Nam.

Theo lời đề nghị trên, năm 1658, hai vị giám mục được cử sang Việt Nam: Giám mục Lambert de la Motte và Giám





mục Francois Pallu - Năm sau, hai địa phận truyền giáo được thiết lập: Địa phận Đàng Trong gồm cả Chiêm Thành, Cao Mên và Xiêm La, giao cho Giám mục De la Motte và địa phận Đàng Ngoài giao cho Giám mục Pallu.

Với hai giám mục này, việc đề cử các linh mục bản xứ được lưu ý. Năm 1668, có bốn linh mục Việt Nam được tấn phong, năm sau lại có thêm bảy linh mục nữa.

Các Cộng đồng được triệu tập ở Đàng Ngoài vào năm 1669 tại Phố Hiến (Hưng Yên) và ở Đàng Trong vào năm 1672 tại Hội An.

Ngoài ra, năm 1670, dòng nữ tu sĩ Mến Thánh giá bắt đầu được thiết lập tại Đàng Ngoài.

Năm 1679, một phần địa phận Đàng Ngoài được tách riêng ra, giao cho dòng Thánh Đa Minh Phi Luật Tân đảm nhiệm, gọi là Địa phận Dòng Đàng Ngoài, nay là Hải Phòng.

Qua các trang trên ta thấy rằng việc truyền giáo tại Việt Nam đã đều đều tiến triển mặc dầu có những cuộc cấm đạo của Chúa Nguyễn cũng như của Chúa Trịnh.

Nếu những cuộc cấm đạo về thế kỷ thứ XVII không gay gắt, thì đến thế kỷ thứ XVII việc cấm đạo thật ngặt nghèo.

Tại Đàng Trong chúa Minh Vương cho đốt phá nhà thờ, bỏ tù giáo sĩ đến chết và tru lục nhiều giáo hữu. Chúa Võ Vương sau cũng cấm đạo, trục xuất hết các giáo sĩ ngoại quốc. Chỉ còn sót lại ba linh mục bản xứ lên lút làm việc Chúa.

Tại Đàng Ngoài việc cấm đạo cũng ghê gớm. Các linh mục bị trục xuất và bị giết, các Thánh đường bị đốt phá.

Dưới triều Tây Sơn, việc cấm đạo càng dữ dội hơn. Nhiều linh mục và giáo hữu đã chết vì Chúa.

Cho đến khi vua Gia Long lên ngôi (1802) việc cấm đạo mới ngưng, nhưng sau khi ngài băng hà vua Minh Mệnh lại tiếp tục cấm đạo.

Sau vua Minh Mệnh, vua Tự Đức càng cấm đạo ngặt nghèo. Với các chỉ thị của nhà vua năm 1851 và 1856, 400.000 giáo dân phải tù đầy trong số đó từ 50.000 đến 60.000 người đã chết. Lại có 3.500 người bị xử tử, hơn một trăm làng đạo bị phá, tài sản bị tịch thu, các linh mục bị giết.

Trước sự diệt đạo một cách quá bạo tàn, quân đội Pháp và quân đội I Pha Nho (Tây Ban Nha) đã can thiệp. Vua Tự Đức đã đình chỉ cấm đạo, và sau đó quân Pháp bắt đầu xâm lăng Việt Nam. Với sự xâm lăng, việc truyền giáo được tự do, nhưng các tín đồ Thiên Chúa giáo lại phải chịu sự thù ghét của dân chúng và nhiều người đã bị thảm sát, vì dân chúng Việt Nam hồi đó đều coi là giáo dân đã dẫn quân Pháp xâm lăng nước nhà.

Mặc dầu những cuộc cấm đạo liên tiếp, việc truyền giáo tại Việt Nam vẫn tiến triển. Con số tín đồ trên toàn quốc lên tới 420.000 người năm 1840, ngày nay đã tổng cộng trên 3.000.000 tại cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam.

Số địa phận cũng tăng lên. Trên toàn quốc hiện nay có tất cả 22 địa phận.

Địa phận Hà Nội 1659 - Địa phận Sài Gòn 1844

- Hải Phòng 1679 - Bùi Chu 1848
- Quy Nhơn 1844 - Bắc Ninh 1883
- Vinh 1845 - Phát Diệm 1901
- Huế 1850 - Thanh Hóa 1932
- Hưng Hóa 1895 - Vĩnh Long 1938
- Lạng Sơn 1913 - Nha Trang 1957
- Thái Bình 1936 - Long Xuyên 1960
- Cần Thơ 1955 - Mỹ Tho 1960
- Đà Lạt 1960 - Đà Nẵng 1963
- Đarlac 1967



Trong 22 địa phận trên, 7 địa phận mới được thiết lập tại miền Nam Việt Nam từ năm 1960. Và trong thời gian chín năm số tân tông cũng đã tăng lên một cách mau chóng đáng kể.

Với 22 địa phận, số linh mục lên tới 1.500 vị thay vì bốn vị lúc ban đầu. Ngoài trên 1.500 linh mục, còn hàng vạn nam nữ tu sĩ các dòng và các thầy giảng cũng cùng nhau lo việc Chúa.

Tòa Thánh La Mã trước sự tiến triển cao độ của Thiên Chúa giáo tại Việt Nam, đã cho thành lập một tòa Khâm mạng tại Saigon từ năm 1925. Đồng thời Tòa Thánh cũng nghĩ đến việc tấn phong một số các tu sĩ Việt Nam lên hàng Giám mục, mà vị đầu tiên là Giám mục Nguyễn Bá Tông được tấn phong năm 1933. Và từ đó tới nay lần lần các địa phận đều được trao phó cho các Giám mục và các giáo sĩ Việt Nam, chỉ một số tối thiểu còn nằm trong tay các giáo sĩ ngoại quốc, với số địa phận tăng, tín đồ tăng, nhà thờ và nhà nguyện cũng tăng. Tới trước năm 1945 có tất cả 1931 nhà thờ và 4.071 nhà nguyện.

Năm 1960, cùng với ba địa phận Đà Lạt, Mỹ Tho và Long Xuyên được lập nên, hàng Giáo phẩm Việt Nam cũng bắt đầu được tổ chức với ba tòa Tổng Giám mục: Hà Nội, Huế và Sài Gòn và đồng thời các hàng Giám mục Hiệu tòa cũng được nâng lên hàng Giám mục Chính tòa.

Tóm lại, sau 300 năm lan truyền tới Việt Nam, Thiên Chúa giáo ngày nay qua các biến cố lịch sử và nhờ sự nhẫn nại của các tu sĩ đã trở nên một đoàn thể tín ngưỡng quan trọng tại nước nhà với 22 địa phận Chính tòa, ba tòa Tổng Giám mục, hơn 3.000.000 tín đồ.

## CÁC DÒNG TU TẠI VIỆT NAM

Tìm hiểu Thiên Chúa giáo tại Việt Nam, không thể không biết đến các dòng tu của tôn giáo này, biết đến để hiểu về đạo sâu xa hơn cũng như biết đến để nhận thấy những sự hy sinh và công lao vất vả của tu sĩ các dòng đối với các công cuộc văn hóa và nhất là các công cuộc chấn hưng, xã hội mà các dòng đã chủ trương cũng như đối với việc phổ cập đạo giáo trong mọi tầng lớp quần chúng.

Tất cả hiện nay có 55 dòng hoạt động tại Việt Nam, 22 dòng nam và 33 dòng nữ. Trong số các dòng này có dòng gốc tại ngoại quốc, có dòng thành lập tại Việt Nam.

Dù là dòng nam hay dòng nữ, sáng lập tại ngoại quốc hay gốc tại Việt Nam, các tu sĩ ai nấy đều dốc một lòng trông một hướng phụng sự Chúa và giúp đỡ nhân loại. Sự gắng công của mọi tu sĩ đã là những tấm gương sáng cho các tín đồ và những kết quả thu đạt được, làm rạng rỡ đạo Chúa đã là những phần thưởng tinh thần quý báu hơn bất cứ phần thưởng nào.

## CÁC DÒNG NAM

### *DÒNG THÁNH BIỂN ĐỨC (ORDO SANCTI BÉNÉDICTINE)*

Đây là một dòng cổ thành lập từ thế kỷ thứ VI bởi Thánh Biển Đức. Hiện có các đặc tính:

- Dòng này nay là một dòng Tòa Thánh, trực thuộc đức Giáo hoàng; Ngài là vị bảo trợ cho cả dòng;
- Dòng được hưởng đặc ân miễn trừ (exemptio) chỉ thuộc quyền Bê trên các địa phương trong những khoản giáo luật ấn định;
- Dòng là một tổ chức tự lập. Vị đại diện chung cho cả dòng là đức Thống Phụ (Abbas Prima) hiện ở La Mã.



Mục đích của dòng là sống kết hợp với Thiên chúa trong khuôn khổ một cuộc sống cộng đoàn mà kiểu mẫu lý tưởng là cuộc sống Cộng đoàn Kitô hữu ở Jérusalem.

Hiện nay trong thế giới dòng có 16 tu hội (congrégationes) với bảy nhà biệt lập (monasteria singularis) với tổng số gần 12.000 đan sĩ (moines). Dòng lại có 23.603 nữ đan sĩ theo đuổi mọi hoạt động từ đời sống kín đến các việc từ thiện.

Tại Việt Nam, dòng Biển Đức (Bénédictine) có hai nhà: Thiên An ở Huế và Thiên Hòa ở Ban Mê Thuột. Hoạt động chính là việc giúp các linh hồn tận hiến bằng nhận giảng kỳ tĩnh tâm, hoặc tại các dòng hoặc tại nhà trong việc tiếp các linh mục hay tín hữu đến tĩnh tâm.

Đan viện cũng có một trường tiểu học miễn phí cho 200 trẻ em và một bệnh xá mỗi tháng giúp đỡ độ 800 bệnh nhân thuốc men.

#### *DÒNG XI TÔ (SAINT ORDRE CISTERCIEN)*

Đây cũng là một dòng cổ thành lập bởi Thánh Roberto từ thế kỷ thứ XI tại Đồng Lác (Cistels) và do đó có tên là Xi Tô (Cisteaux).

Đặc tính của dòng:

- Dòng Tòa Thánh;
- Được miễn trừ;
- Nhà mẹ Xi Tô tại La Mã.

Mục đích của dòng là chiêm niệm (Contemplativi).

- Các tu sĩ lo Thánh hóa bằng kinh nguyện, hàng ngày cả tòa hát kinh, hát lễ, học hành làm việc xác.

- Không hoạt động bên ngoài. Tuy nhiên tu viện là nơi tiếp rước các bậc đến tĩnh tâm cấm phòng ngoại trừ phụ nữ.

Trong thế giới dòng thịnh hành tại nhiều nước, nhất là ở Ý, Áo, Đức, v.v...

Tại Việt Nam, dòng Xi Tô được thành lập từ năm 1918 tại núi Phước Sơn, Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Lúc đầu gọi là dòng Benédicto, mãi tới năm 1934 mới chính thức thành lập dòng Xi Tô.

#### *DÒNG ĐA MINH*

Đây là một dòng quan trọng thành lập từ thế kỷ thứ XII bởi Thánh Đa Minh.

Được đức Giáo hoàng Innocenti III duyệt y ngày 22 tháng 12 năm 1216 và được Giáo hoàng Honorio III phê chuẩn như một dòng tu giáo, khất sĩ có lời khẩn trọng và miễn trừ.

Mục đích của dòng là giảng truyền Phúc Âm và lo cứu các linh hồn.

Tại Việt Nam, sự hiện diện của dòng Đa Minh có đồng thời với sự hiện diện của giáo sĩ Gaspar de Santa Cruz vào năm 1550 nhưng mãi tới năm 1926 mới có tu viện Đa Minh tại Việt Nam.

Hoạt động của dòng gồm: Đi giảng phòng các nơi - Chân lý, Nhà xuất bản Thiên Chúa giáo, công việc từ thiện xã hội và văn hóa với các trường tu thực Trung và Tiểu học.

Nói đến dòng Đa Minh cần nói thêm Chi Lyon của dòng đã hoạt động tại các địa phận Lạng Sơn, Hải Phòng và Hà Nội ở Bắc và các địa phận Sài Gòn và Đà Lạt ở Nam Việt.

#### *DÒNG PHAN XI CÔ (ORDO FRATRUM MINORUM)*

Còn gọi là dòng Anh em hèn mọn vì Thánh Phan Xi Cô người sáng lập ra dòng này vào thế kỷ thứ XIII, đã được Giáo hoàng chuẩn nhận nếp sống nghèo hèn, giao phó cho ông và mười hai bạn đường sứ mệnh truyền bá Phúc Âm trong nước Ý và ở hải ngoại.

Đây cũng là một dòng Tòa Thánh và được miễn trừ.



Mục đích của dòng:

- Đối với tu sĩ: Thánh hóa bản thân bằng ý chí và thực hiện Phúc Âm trong đức nghèo khó triệt để;
- Đối với hoạt động bên ngoài: truyền bá Phúc Âm và hoạt động tông đồ, xã hội.

Trên thế giới, dòng có nhiều chi tại nhiều nơi.

Riêng tại Việt Nam, dòng có năm nhà tại miền Nam và hai nhà tại miền Bắc.

Hoạt động theo đúng mục đích của dòng.

#### *DÒNG BỆNH VIỆN THÁNH GIOAN THIÊN CHÚA (ORDRE HOSPITALIER DE ST.JEAN DE DIEU)*

Một dòng Tòa Thánh được miễn trừ, thành lập vào thế kỷ thứ XVI bởi Gioan Ciudal với mục đích giúp thân xác yếu hèn của con bệnh để làm lành cho tâm hồn họ. Con bệnh đây gồm cả sự nghèo khổ, một thứ đau khổ của thể xác.

Tại Việt Nam dòng này được thành lập từ năm 1952 ở Bùi Chu. Nhà chính của dòng hiện nay ở Miền Nam là bệnh viện di cư ở Hồ Nai, Biên Hòa.

Dòng có một bệnh viện phổ thông, có phòng phát thuốc giúp đỡ người đau ốm nghèo khổ.

#### *DÒNG TÊN (SOCIETA JESU; JÉSUITES)*

Có thể nói rằng Dòng Tên là một dòng thông thái của Thiên Chúa giáo. Các tu sĩ dòng này phần lớn đều học vấn uyên bác, không phải riêng về thần học mà về cả các môn khác nữa.

Dòng được thành lập từ năm 1540 và cũng là một dòng Tòa Thánh được miễn trừ.

Mục đích của dòng là nhằm Thánh hóa bản thân của từng tu sĩ và làm bất cứ hoạt động nào theo ý muốn của Tòa Thánh.

Hiện nay dòng có Nhà chính tại La Mã. Số tu sĩ của dòng trên khắp thế giới lên tới 35.438, theo thống kê năm 1962.

Hoạt động của dòng gồm: Tĩnh Tâm viện, coi xứ đạo, giảng dạy; việc Tông đồ xã hội và trí thức.

Về giáo dục dòng đảm nhiệm đủ các bậc từ trung học đến đại học, thêm cả chủng viện. Ngoài ra, dòng lo việc truyền giáo ở các xứ ngoại đạo.

Tại Việt Nam Dòng Tên được thành lập từ thế kỷ thứ XVII do các giáo sĩ Buzomi, Alexandre de Rhodes và nhiều tu sĩ khác. Năm 1957, tại Sài Gòn nhà Thánh Ingatiô được thiết lập và mở rộng. Sau đó, Trung tâm A. de Rhodes ra đời với các hoạt động rất đáng ghi:

Năm 1958, mở tại Đà Lạt: Giáo hoàng Học viện thánh Pio.X.

Năm 1960, mở tại Thủ Đức: Một nhà tập.

Năm 1961, mở tại Huế: Trung tâm sinh viên Xavie.

Muốn được nhập Dòng Tên cần phải có điều kiện: Tài năng, sức khỏe, hiểu biết, học vấn. Lại phải có tài năng siêu nhiên như ơn Thánh Triệu, đức nhiệt tâm, đức hãm mình. Phải hợp với giáo luật và luật Dòng.

### *DÒNG CHÚA CỨU THẾ (REDEMPTORISTES).*

Sáng lập năm 1732 bởi Thánh Alphonsô Maria đệ Ligoriô với đặc tính là dòng Tòa Thánh và miễn trừ.

Mục đích của dòng:

- Noi gương Chúa Cứu Thế như Hiến Pháp truyền dạy, các tu sĩ phải thực hành những điều nhân đức của Chúa. Họ phải biểu dương Mẫu nhiệm, Cứu rỗi trong đời sống và hành vi để có thể nói được: Tôi sống nhưng không phải tôi sống, chính Chúa Kitô sống trong tôi.

- Các tu sĩ noi gương Chúa Cứu Thế cực thánh trong việc rao giảng lời Chúa vừa bằng loan truyền Phúc Âm theo thể





thức Đại Phúc vừa bằng cách hành tế các nhiệm tích nhất là phép Thánh Tẩy, phép Giải Tội và phép Thánh Thể và bằng cách biểu tỏ Chúa Kitô ra cho nhân loại qua đời sống chứng tỏ của mình.

Nhà chính của Dòng hiện nay ở La Mã: Collégio St.Alphonso.

Tại Việt Nam, dòng được thành lập ngày 8 tháng 12 năm 1952 và hiện nay có một nhà Chính ở Sài Gòn, sáu nhà khác ở các nơi: Nha Trang, Vũng Tàu, Đà Lạt, Huế, Tuyên Đức và Hà Nội. Ngoài ra dòng lại có một địa sở truyền giáo tại xã Bình Vân tỉnh Quảng Ngãi.

Hoạt động của dòng:

- Giảng các kỳ Đại Phúc, các kỳ cảm phòng, tinh tâm cho các tu sĩ, chúng sinh, các đoàn thể công giáo tiến hành.
- Mở các lớp huấn luyện về giáo lý.
- Diễn thuyết cho người ngoại đạo.
- Truyền bá lòng sùng kính Đức Mẹ bằng lời giảng, báo chí, sách vở v.v...

#### *DÒNG SALÉSIENS (SALÉSIENS, DON BOSCO).*

Thành lập năm 1841 bởi thánh Gioan Bosco. Dòng Tòa Thánh và miễn trừ.

Mục đích:

- Đối với tu sĩ: Tự Thánh hóa và giúp Nam Thanh thiếu niên.
- Đối với bên ngoài: Dạy nghề cho các trẻ em để sống xứng đáng con người.

Tại Việt Nam, dòng thành lập từ năm 1953 và hiện nay có nhà Chính: Gia Đình Don Bosco ở Gò Vấp, Gia Định, trông coi về ngành kỹ thuật.

Ngoài ra lại có Chung viện Don Bosco ở Thủ Đức với 250 chủng sinh và một nhà tập ở Đà Lạt.

### *DÒNG TRUYỀN GIÁO THÁNH VINH SANG (CONGRÉGATION DE LA MISSION)*

Sáng lập năm 1625 bởi Thánh Vinh Sang tại Ba Lê (Paris), người sau này cũng lập ra dòng nữ Tử Bác Ái (Congrégation des Filles de la Charité).

Đặc tính: Dòng miễn trừ có lời khấn đơn.

Dòng lập ra ngoài mục đích thánh hóa bản thân còn có hai mục đích:

- Truyền giáo cho dân ngoại và hưng giáo cho các miền quê bằng việc cấm phòng, giảng tuần đại phúc.
- Đào tạo hàng Tư giáo trong các chủng viện.

Thánh Vinh Sang quan niệm công việc tông đồ thành hay bại, một phần lớn do vấn đề nhân sự. Việc đào tạo hàng Tư giáo do đó rất quan trọng.

Điều khiển toàn dòng trên thế giới có một bề trên do một Hội đồng tối cao tám năm họp một lần bầu ra.

Tại Việt Nam, dòng này có trụ sở đầu tiên ở Đà Nẵng, tức là Thánh Tâm Biệt Thự. Năm 1928, dòng nữ được thành lập, hiện nay có gần 20 cơ sở tại nhiều nơi.

Nhà chính của dòng tại Việt Nam ở Đà Lạt. Ngoài nhà chính này dòng có bốn cơ sở khác:

- Họ đạo người Tàu Đà Lạt;
- Sở Tuyên Úy ở Sài Gòn;
- Sở Truyền giáo cho đồng bào Thượng ở D'jom (Đà Lạt)
- Sở Tuyên Úy trại cùi Bến Sắn (Bình Dương).

### *DÒNG SU HUYNH CÁC TRƯỜNG CÔNG GIÁO*

Còn gọi là dòng La San. Dòng này hoạt động rất có hiệu quả tại Việt Nam và đã giúp rất nhiều về phương diện văn hóa và giáo dục ở đây. Dòng được thành lập từ thế kỷ thứ XVII tại Pháp trước sự bê bối của việc giáo dục. Một số



đồng trẻ em thiếu trường, thiếu giáo sư nhất là con em giới cần lao.

Trước tình trạng ấy, Linh mục St.Jean Baptiste de la Salle đã lập nên dòng này để góp công hữu hiệu vào việc giáo dục các trẻ em thất học.

Đây cũng là một dòng Tòa Thánh nhưng không miễn trừ.

Mục đích của dòng phối hợp tu hành với giáo dục. Các môn đệ thánh La Salle không những hy sinh của cải trần tục, chức quyền phần đời mà còn hy sinh cả những chức tước phần đạo, chỉ cốt lo việc tổ chức giáo dục dân chúng cho hoàn toàn, tận tình như anh cả dìu dắt các em út.

Nhà Mẹ của dòng hiện nay ở Ý quốc.

Dòng hoạt động tại 80 quốc gia trên thế giới, giáo dục trong 1.500 trường trên 700.000 thanh thiếu niên thuộc mọi thành phần xã hội từ tiểu học đến đại học với đủ mọi khoa Sư phạm, Chuyên nghiệp, Kỹ nghệ, Mỹ thuật, Canh nông, Võ bị, Bách công. Riêng tại Việt Nam dòng được hành lập từ năm 1866.

Trường đầu tiên mở ra là trường Taberd cốt để nuôi trẻ mồ côi, nhưng sau mở rộng xây dựng thêm thành trường Taberd ngày nay. Từ năm 1897, tỉnh dòng Việt Nam được biệt lập và từ đó thêm nhiều trường được mở ra.

Đến nay trên toàn lãnh thổ có tất cả trên 20 trường và tổng số học sinh vào khoảng 15.000. Riêng Sài Gòn đã có bốn trường:

- Trường La San Nghĩa Thục miễn phí, 900 học sinh;
- Trường La San Chánh Hưng miễn phí, 350 học sinh;
- Trường Đức Minh, 1.500 học sinh;
- Trường Taberd, 3.500 học sinh.

Theo học các trường của dòng không phải chỉ riêng con em các gia đình Thiên Chúa giáo mà còn phần lớn con em các gia đình ngoại đạo. Ở đây các em được săn sóc chu đáo

nhu nhau không phân biệt có đạo hay không. Dòng La San đã tự tô những nét son rất đẹp.

Ngoài việc huấn luyện về học vấn, các Sư huynh còn hoạt động Thiên Chúa giáo Tiến Hành qua các Hội đoàn.

Từ trên được kể ra với hoạt động thường xuyên tại Việt Nam, một số các dòng nam có nguồn gốc ở nước ngoài được biết nhiều trong dân chúng, có đạo cũng như ngoại đạo.

Ngoài các dòng trên, còn nhiều dòng khác cũng sáng lập tại ngoại quốc và cũng đang hoạt động tại Việt Nam:

Hội thánh Xuân Bích (Société Presbytère à St.Sulpice);

Hội Thừa Sai Paris (Société des Missions Etrangères de paris);

Dòng Tiểu Đệ Chúa Jésus (Congrégation des Petits Frères de Jésus);

Hội Phụ Tá truyền giáo (Société des Auxilliaires des Missions).

Không kể các dòng sáng lập tại ngoại quốc được du nhập vào Việt Nam, ngay tại Việt Nam, nhiều dòng và tu hội cũng đã được thành lập với sáng kiến của các tu sĩ tại Việt Nam. Mục đích của dòng này, ngoài việc phụng sự Chúa còn nhằm vào các hoạt động giáo dục và xã hội và đã giúp đỡ không ít cho các tầng lớp bình dân Việt Nam. Dưới đây xin lược kể sơ qua các dòng mà hầu hết đặc tính đều là dòng địa phận không miễn trừ, trong việc lược kể này không nhắc tới phần phụng sự Chúa, việc bất cứ dòng nào cũng lo chu toàn, chỉ xin nhắc đến những hoạt động về giáo dục và xã hội, những hoạt động này đã mang lại kết quả tốt đẹp cho Thiên Chúa giáo, gây cảm tình với nhiều tầng lớp dân chúng và đã mang lại một số tân dòng không phải nhỏ.

### **DÒNG ĐỨC MẸ ĐỒNG CÔNG CỨU CHUỘC**

Dòng được sáng lập bởi linh mục Đa Minh Maria Trần Đình Thứ từ năm 1942 tại Bùi Chu, nhưng mãi tới năm 1953 mới được Tòa Thánh chính thức chấp nhận.





*Trong một cơ quan từ thiện dòng nữ tu thánh Paul de Chartres*



*Trong một cô nhi viện dòng nữ tu Bác ái thánh Vinh Sơn.*

Hoạt động: dùng các viện cô nhi, tế bản, nhất là việc thiết lập và chỉ huy trường học Thiên Chúa giáo với mục đích lôi kéo dẫn dắt người ngoại đạo về với Chúa.

Nhà Chính của dòng hiện nay ở Bình Định.

*Thánh tâm tu viện Huế.* - Sáng lập năm 1925, do đức Giám mục Hồ Ngọc Cảnh đốc xuất và làm bề trên tiên khởi.

Ngoài mục đích phụng sự Chúa, mục đích bên ngoài chú trọng về việc giáo dục thanh thiếu niên, có dạy giáo lý hàng ngày nửa giờ, dạy võ lòng.

*Dòng thánh Giu Se Nha Trang.* - Do linh mục Sion Hội Thừa Sai, Paris, sáng lập tháng 11-1926.

Hoạt động ở ngoài: Dạy giáo lý thanh thiếu niên trong các trường. Giúp các cơ sở của địa phận.

### *DÒNG TU SĨ TRUYỀN GIÁO THÁNH PHAO LỒ*

Do giáo sĩ Philippe Nguyễn Kim Điền sáng lập từ năm 1963 với mục đích truyền giáo nhất là ở thôn quê, bằng đời sống và hoạt động, đặc biệt dành cho lương dân.

Các tu sĩ của dòng phải noi gương Thánh Phao Lồ để thánh hóa mình và thánh hóa người với tôn chỉ Tất cả Chúa Kitô trong đời sống.

Về hoạt động, các tu sĩ chia từng nhóm hai hay ba người đi truyền giáo giữa lương dân, giữa người nghèo, tìm cách thích nghi với mọi hoàn cảnh.

### TU VIỆN HUYNH ĐỆ GIÁO LÝ CÔNG GIÁO KY TÔ VUA VĨNH LONG

Thành lập từ năm 1870 bởi các linh mục Thừa Sai Paris Gernot và Ritter.

Mục đích bên ngoài: giúp hàng giáo sĩ thành lập họ đạo mới, dạy tân tông, trẻ con xưng tội, rước lễ, thêm sức v.v..., điều khiển và dạy hướng tu của họ đạo hay của Tu Viện.



Ngoài các dòng và tu hội kể trên còn các tu hội sau đây mới thành lập tại miền Nam:

Tu hội Nhà Chúa ở Thị Nghè, Gia Định (1960);

Tu hội Đắc Lộ ở Tân sơn Nhi, Gia Định (1957);

Tu hội Tôi Tá Thánh Linh ở Sài Gòn (1962).

## CÁC DÒNG NỮ

Ngoài 22 dòng nam và Tu hội trên, tại Việt Nam còn có các dòng nữ hoạt động cho công việc Chúa, và những kết quả do các dòng nữ mang lại cũng không kém các dòng nam.

Có 33 dòng nữ, có dòng nguồn gốc tại nước ngoài du nhập vào Việt Nam, có nhiều sáng lập ngay tại Việt Nam.

Dòng Carmêlo thường gọi là dòng Tu Kín.

Đầu tiên vào đầu thế kỷ XIII, Thánh Albertô lập ra dòng Ân Sĩ gọi là dòng nam Đức Mẹ núi Carmêlo.

Giữa thế kỷ thứ XVII, Thánh Nữ Te-re-xa đệ Giê Su lập ra dòng nữ Ân Sĩ theo lệ luật dòng nam của Thánh Albertô.

Đặc tính: dòng Tòa Thánh, không miễn trừ.

Tại Việt Nam dòng được thành lập vào năm 1895 tại Hà Nội, năm 1909 ở Huế, năm 1923 ở Bùi Chu và năm 1929 ở Thanh Hóa.

Hoạt động: các nữ tu mỗi ngày sáu lần toàn thể họp tại Triều Ca để xướng kinh Thần Vụ, thêm hai giờ suy ngẫm, còn dư bao nhiêu giờ dành cho thủ công.

### *DÒNG CÁC MẸ TRƯỜNG COUVENT DES OISEAUX*

- Chính danh phải gọi dòng này là dòng nữ Kinh Sĩ Thánh Augustinô

(Les Chanoinesses de St. Augustin), thành lập tại Lorraine (Pháp) từ năm 1597 do thánh Pierre Fourier và Chân Phước Alix le Clere.

Đây là một dòng Tòa Thánh có mục đích liên kết sự đọc kinh nhật tụng công khai và ca đoàn với việc dạy học và giáo dục thiếu nữ.

Hiện tại thế giới dòng có 1.300 cơ sở, 55 nhà, nhà mẹ Bê Trê ở cả La Mã.

Du nhập vào Việt Nam năm 1935 tại Hà Nội, nhà Chính của dòng này ở Đà Lạt, có một trường trung học gồm 400 nữ sinh.

Ngoài ra, ở Sài Gòn, dòng có nhà Régina Mundi với hoạt động giáo dục một trường trung tiểu học có trên 1.000 nữ sinh.

*DÒNG NỮ TU PHAN XI CÔ THỪA SAI ĐỨC MẸ (INSTITUT DES FRANCISCAINES MISSIONNAIRES DE MARIE).*

Dòng Tòa Thánh thuộc Bộ truyền giáo, thành lập năm 1877 bởi mẹ Maria de la Passion. Dòng lối sống vừa chiêm ngưỡng vừa hoạt động có mục đích tối hậu là bắt chước Chúa Jésus Kitô, là Đường, là Sự Thật và Sự Sống của các Tâm hồn. Chị em hiến thân cố hun đúc tình yêu theo tinh thần Phúc Âm: thật thà, đơn sơ, vui vẻ.

Hoạt động của dòng chuyên việc giáo dục, làm các công việc y tế, xã hội, dạy giáo lý và lưu tâm ưu đãi những kẻ cô đơn.

Tại Việt Nam, dòng được thành lập tại Vinh (Nghệ An) từ năm 1932.

Hiện dòng có 4 nhà ở Việt Nam:

- Nhà Quy Hòa: trông nom trại cùi Tuy Hòa.
- Nhà Chính ở Đà Lạt có trường học, xưởng máy, phòng phát thuốc.
- Nhà M'Lon tại vùng Thượng có một ký túc xá và các bà Mẹ thường đi thăm các làng Thượng.
- Nhà Gia Định có hai trường tiểu học và lo cứu tế người nghèo.





*DÒNG NỮ TU THÁNH PAUL DE CHARTRES (CONGRÉGATION  
DES SOEURS DE SAINT PAUL DE CHARTRES)*

Dòng Tòa Thánh sáng lập tại Lèvesville - La Chenard, một làng hẻo lánh miền Beauce đất Pháp, bởi linh mục Louis Chauvel với mục đích thi hành đức Bác Ái với các thiếu nữ, các bệnh nhân dưới mọi hình thức trong khắp năm châu.

Tại Việt Nam, dòng xuất hiện từ năm 1860, và sau 100 năm, nay có ba tỉnh dòng: Hà Nội với trường Ste.Marie, Đà Nẵng với trường Thánh Tâm và Sài Gòn. Ở miền Nam dòng có 24 nhà lo trông nom giáo dục, y tế và xã hội: trường học, bệnh viện, cô nhi viện, nhà dưỡng lão. Có thể kể một vài tên để nói lên sự tận tâm và hoạt động hữu hiệu của dòng: Trường Thiên Phước Tân Định, trường Cẩm Điểm Lái Thiêu, trường Vũng Tàu...; Bệnh viện Saint Paul, Bệnh viện Định Tường, Bệnh viện Bạc Hà tại Chợ Đũi...; Viện dưỡng lão Thị Nghè, Cô nhi viện Việt Hoa ở Chợ Lớn, Cô nhi viện ở Vĩnh Long, Cô nhi viện ở Gò Công...

*DÒNG NỮ TU BÁC ÁI THÁNH VINH SƠN (FILLES DE  
LA CHARITÉ)*

Dòng Tòa Thánh, thành lập năm 1633 tại Pháp bởi Thánh Vincent de Paul và nữ Thánh Louise de Marillae với mục đích làm sáng danh Chúa bằng đức Bác ái và lo thánh hóa Bản Thân.

Tại Việt Nam, dòng xuất hiện năm 1928 và hiện nay có 18 nhà với 160 nữ tu sĩ rải rác khắp nơi. Tổng số 18 nhà có:

- Nhà dòng ở Đà Lạt với Domaine de Sainte Marie hoạt động trường học, lưu xá, vườn trẻ.

- Institut Régina Pacis ở Sài Gòn hoạt động Trường Học, Viện mồ côi, Trung tâm Chính hình.

- Trung tâm Caritas Sài Gòn hoạt động huấn luyện y tá, Nữ cán bộ xã hội, vườn trẻ, Chẩn Y Viện.

Các nhà khác của dòng đều hoạt động các công tác bác ái: trại cùi ở Kala (Lâm Đồng), ở Daktia (Kontum), ở Bến Sắn (Sông Bé), v.v...

Ngoài các dòng trên, còn các dòng sau đây cũng là những dòng và tu hội nữ sáng lập tại nước ngoài được truyền nhập vào Việt Nam, với các hoạt động bác ái, xã hội, giáo dục, y tế ở bên ngoài và lo phụng sự Chúa ở bên trong:

Dòng Đức Bà Truyền Giáo (Filles de Notre Dame des Missions).

Dòng nữ tu Chúa Quan Phòng (Les soeurs de la Providence de Poitreux).

Dòng nữ tu Salésien (Soeurs salésiennes de St.Jean Bosco).

Dòng Đấng Chăn Lành (Soeurs du Bon Pasteur d'Angers).

Hội Nữ tá Quốc tế Công giáo.

Nhóm các Tiểu muội Chúa Giê Su (Les Petites Soeurs du Père Charde de Foucauld).

Dòng Médical Mission Sisters.

Hội Nữ tỳ Chúa Jésus và Mẹ Maria (Institut Séculier des Ancelles de Jésus Maria).

Cũng như các dòng và tu hội nam, nhiều dòng và tu hội nữ đã được thành lập ngay tại Việt Nam.

Trong các dòng này có các dòng Mến Thánh giá (Les Soeurs Aimantes de la Croix) có nhiều hoạt động đáng kể, nhiều dòng mang tên các địa danh miền Bắc nhưng hiện đang ở miền Nam. Xin liệt kê dưới các dòng Mến Thánh giá đang hoạt động:

- Dòng Mến Thánh giá Hà Nội, nhà Chính ở Couvent des Oiseaux, Đà Lạt;

- Dòng Mến Thánh giá Hải Phòng, nhà Chính ở xứ Bắc Hải, Hồ Nai, Biên Hòa;

- Dòng Mến Thánh giá Thái Bình, nhà Chính ở xứ Tân Lập, xã Bình Trung, Gia Định;

- Dòng Mến Thánh giá Phát Diệm, nhà Chính ở xã An Nhơn, Gò Vấp, Gia Định;



- Dòng Mến Thánh giá Thanh Hóa, nhà Chính ở xã Tân Thanh, Lâm Đồng;
  - Dòng Mến Thánh giá Vinh, nhà chính ở xã Tân Bình, Khánh Hòa;
  - Dòng Mến Thánh giá (Phục Hưng), Kim Đài, Huế;
  - Dòng Mến Thánh giá Quy Nhơn;
  - Dòng Mến Thánh giá Chợ Quán;
  - Dòng Mến Thánh giá Thủ Thiêm;
  - Dòng Mến Thánh giá Cái Nhum;
  - Dòng Mến Thánh giá Cái Mơn;
- Dưới đây là danh sách các dòng và nữ tu hội khác:
- Dòng nữ tu Thừa Sai Đức Mẹ Trinh Vương, nhà Chính tại Bùi Môn, Tân Thới Trung, Gia Định;
  - Dòng con đức Mẹ Mân Côi Bùi Chu, nhà Chính ở Ấp Chí Hòa xã Tân Sơn Hòa, Gia Định;
  - Dòng con đức Mẹ Vô Nhiễm ở Phú Xuân, Huế;
  - Dòng nữ tu Đa Minh Bùi Chu ở Tam Hiệp, Biên Hòa;
  - Dòng nữ tu Đa Minh Hồ Nai;
  - Dòng nữ tu Ảnh Váy, Kontum;
  - Dòng nữ tu Đa Minh, Lạng Sơn, nhà Chính ở Xóm Mới, Gò Vấp;
  - Tu hội Tôi Tá Thánh Tâm ở Sài Gòn.

## NOI HÀNH ĐẠO

Cũng như bất cứ tôn giáo nào, việc hành đạo phải có nơi riêng để thờ phượng vị giáo chủ cũng như các vị Thánh thần liên hệ tới tôn giáo, đạo Thiên chúa để phụng sự Chúa cũng có những nơi nhà riêng, gọi là Thánh đường.

Thánh đường có thể gọi được là trụ sở hành đạo của Thiên Chúa giáo. Nơi đây còn mang tên là nhà Chúa.

Trước khi xét qua về phong tục của đồng bào Thiên Chúa giáo, việc tìm hiểu các Thánh đường không thể bỏ qua được.

Đi ngược dòng lịch sử trở lại, các tín đồ sơ khai bị trục nã không xây dựng được nhà thờ. Họ đã thờ Chúa tại các tư gia, tại các rừng rậm, có nhiều khi ở ngay trong lao tù, nhưng đặc biệt nhất là trong các hang toại đạo, các đường hầm ở dưới đất dùng làm nghĩa trang cho các tín đồ sơ khởi. Tại các hang này, chỗ giáp giới các đường với nhau được sửa sang từng quãng để có thể chứa được một số người để cùng cử hành Thánh lễ. Ở giữa, trên mồ một vị tử đạo có đặt một chiếc bàn cắm thạch dùng làm bàn thờ.

Về sau, đời vua Constantin La Mã, nhà vua dâng cho Giáo hoàng Sylvestre tất cả công thự để sử dụng tùy nhu cầu. Các pháp đình cũ đã được chọn làm những nơi hành đạo và được gọi là giáo đường.

Việc truyền giáo ngày càng rộng rãi, các tín đồ ngày một đông, các giáo đường pháp đình lễ tất nhiên không đủ cung ứng cho nhu cầu, nhất là cho các tín đồ ở các quốc gia không thuộc La Mã, việc xây cất giáo đường đã là một việc bắt buộc để có nơi phụng sự Chúa.

## CÁC THÁNH ĐƯỜNG

Khi xây các Thánh đường, người Thiên Chúa giáo đã tìm ra một lối kiến trúc riêng đặc biệt gọi là kiểu thức. Theo “Đời Sống Phụng Vụ và Bí Tích” của Ch.Robin, các kiểu thức đã được sử dụng tuân tự là: La tinh, Gô tích và Phục hưng.

a) Tiếp sau các pháp đình là kiểu Rô man đặc điểm ở các cuốn tròn hình bán viên.

b) Từ thế kỷ XII trở đi, đến kiểu Gô tích hay Tiêm cung (Ogival) là được ưu thắng. Nó biểu thị đặc điểm ở chỗ các hình cung nhọn chụm lại để chống đỡ các khung vòm.

c) Kiểu Phục hưng là kiểu làm sống lại nghệ thuật Hy Lạp và La Mã.



Các Thánh đường xây cất xong trước khi dùng vào việc cử hành Thánh lễ phải có lễ Cúng Tiến, trong lễ này một vị Giám mục hay một vị linh mục được ủy quyền của vị Giám mục làm phép xúc dầu.

Vào một nhà thờ, có thể nhận biết lễ Cúng tiến đã thực hiện khi thấy trên các cột hay thạch trụ ở lòng chính nhà thờ có vẽ hình Thánh giá đánh dấu cho việc vị Giám mục đã xúc dầu Thánh.

Về các nơi hành đạo, cần phân biệt các nhà nguyện, nhà thờ và Vương cung.

Nhà Nguyện là nơi hàng ngày tín đồ đến cầu nguyện Chúa. Ta thấy nhà Nguyện ở các ký túc xá, các bệnh viện, các nghĩa trang, v.v...

Nhà Thờ tức là giáo đường, nơi cử hành thánh lễ.

Vương cung là một nhà thờ đã có nhiều kỷ niệm với đạo được Tòa Thánh chiếu chỉ nâng lên: Vương cung Thánh đường ở Sài Gòn trước đây là một nhà Thờ.

## BÀN THỜ VÀ ĐỒ TRANG TRÍ

Đã có nơi hành lễ, tất nhiên phải có bàn thờ, tôn giáo nào cũng vậy. Trong các nhà thờ Thiên Chúa giáo, bàn thờ gồm một mặt bằng tức là mặt bàn thờ. Có thể có chân đỡ hoặc có tầng xây.

Mặt bằng có chân chống đỡ nhắc lại cái bàn thờ xưa trước khi thụ hình trên Thập tự giá, Chúa Jêsu đã có một bữa tiệc sau cùng, bữa tiệc Ly thét các tông đồ. Bàn có tầng xây là để nhắc tới mồ các thánh tử đạo.

Mặt bàn thờ bao giờ cũng là một viên đá lát hay cẩm thạch, trên có tạc năm hình Thánh giá, chỉ năm dấu thánh của Chúa. Bàn thờ phải bằng đá để tượng trưng Chúa Jêsu là “viên đá góc tường” của giáo hội.

Tại các xứ truyền giáo, có những Thánh đường nghèo nàn, bàn thờ thường bằng gỗ. Trong trường hợp này có một viên đá lát nhỏ, có ghi năm hình Thánh giá và có chứa di hài một đấng thánh trong một tiểu huyệt. Người theo đạo gọi đó là bàn thờ lưu động hoặc đá bàn thờ.

Bàn thờ không kê liền ngay trên sàn, nhưng đặt trên ba cấp bậc, tượng trưng ba đức: Tin, Cây và Mến để linh hồn tiến lên với Chúa. Thường cấp trên cùng có trải thảm.

Trên bàn thờ có một tủ nhỏ hình chữ nhật gọi là nhà Tạm để lưu trữ Thánh Thể - Nhà Tạm có áo hay khăn che.

Các bàn thờ trước khi sử dụng phải chịu qua lễ Thánh hiến do một vị Giám mục cử hành.

Bàn thờ được gọi là Đặc Ân khi được Giáo hoàng ban ơn đại xá để hễ dâng lễ trên bàn thờ ấy cầu cho linh hồn người quá cố nào, người đó sẽ được hưởng. Ngày 2-11 hàng năm, mọi bàn thờ trên thế giới đều là Đặc Ân cả. Các bàn thờ tại các Thánh đường đều được trang trí như nhau. Sự trang trí gồm:

- Ba tấm khăn bằng vải sợi hay gai. Một trong ba tấm dài hai đầu trùm hết bàn thông xuống đất. Hai tấm kia phủ hết mặt bàn.
- Một tượng chịu nạn và hai cây nến sáp.

Tượng chịu nạn nhắc nhở cho tín đồ biết Thánh lễ Misa họ tham dự, tiếp tục cho lễ Hy sinh Thánh giá.

Hai cây nến nhắc nhở đạo Chúa soi sáng thế gian Nguyên thủy, nên dùng soi sáng nơi cử hành Thiên lễ.

Số nến có thể là bốn hoặc sáu. Khi nào có lễ trọng do một vị Giám mục cử lễ, số nến sẽ là bảy. Ngọn nến thứ bảy đặt sau tượng chịu nạn trên bàn thờ.

## LỄ MI SA

Phong tục của đồng bào Thiên Chúa giáo tại Việt Nam, chính là những phong tục từ ngàn xưa của đạo đã từng ban truyền khắp thế giới.



Trong việc thờ kính Chúa, lễ Misa là Thánh lễ và là một lễ dâng hàng ngày trên bàn thờ, là lễ Hy sinh của Chúa Jésus, có toàn thể cộng đồng tín hữu tham dự.

Việc cử hành lễ Misa chỉ là một hành vi thờ tự có tính cách xã hội, nhờ đó con người và xã hội truy nhận Thiên chúa là Chủ tể vạn vật.<sup>(1)</sup>

Như trên đã nói, lễ Misa nhắc nhở cho tín đồ lễ Hy sinh của Chúa trước ngày Chúa lâm nạn trên Thập tự giá. Do đó, việc cử hành lễ Misa là cần thiết. Không có lễ Misa đạo sẽ là một đạo không bàn thờ và Chúa Jésus sớm muộn sẽ bị quên lãng.

Theo Album Liturgique đã được dịch lại trong “Đời sống Phụng vụ và Bí tích” thì lễ Misa liên kết tín đồ không những với cuộc tử nạn của Chúa mà còn cả với cuộc Phục sinh của Chúa. Mỗi lễ Misa là lễ Phục sinh nhỏ. Bằng lòng tiến thân và chết đi với Chúa đã là sống lại với Người rồi vậy. Lễ Misa áp dụng cho tín đồ Chúa hiệu quả cuộc tử nạn của Chúa, mà hiệu quả đầu tiên là sự phục sinh. Trong khi rước lễ các tín đồ đã ăn bánh Phục sinh và bắt tử: Ấy là bánh Trời vậy!

Lễ Misa là tột đỉnh của Thiên Chúa giáo. Nhờ lễ này, con người được lên với Chúa, và nhờ việc rước lễ, Chúa thực sự xuống với thụ tạo của Người. Đây là giờ phút thiêng liêng, Thượng đế đã gặp gỡ con người.

Cũng như các dân tộc khác theo đạo Thiên chúa, ngày Chủ Nhật, các giáo dân ở Việt Nam đi dự lễ Misa tại các Thánh đường. Ngoài ra, trong những ngày lễ tiết của đạo, các tín đồ cũng đến Thánh đường dự lễ Misa. Đặc biệt tại Việt Nam, ngày nay, đêm giao thừa Tết Nguyên Đán, tại các nhà thờ cũng tổ chức một lễ Misa để nhân dịp năm mới tín đồ được gần Chúa và được Chúa ban cho những điều may mắn.

1. Ch.Robin - Đời sống Phụng vụ và Bí tích.

Trong khi dự lễ Misa, để tỏ ra sự dốc lòng với Chúa, các tín đồ phải:

- Dâng Hy lễ Chúa Jêsus lên Cha người;
- Tự hiến dâng cùng với Chúa Jêsus (hồi dâng lễ);
- Tiếp rước Chúa Jêsus (hiệp lễ).

Qua ba điểm trên, lễ Misa không phải là việc riêng của linh mục mà chính là công việc của tất cả các tín đồ dự lễ.

Như vậy, trên bàn thờ, trong buổi lễ có thể nói là có ba linh mục tư tế:

- a) Tư Tế tối cao: Chúa Jêsus
- b) Tư Tế thừa tác: linh mục
- c) Tư Tế tham dự: tín đồ

Dự lễ, tín đồ không phải chỉ là khán giả, nhưng là diễn viên, là các động tác viên.

Trong buổi lễ cùng cầu nguyện với linh mục.

## ĐÁM RƯỚC

Trong nhiều tôn giáo, ngoài các lễ cử hành tại nơi thờ tự, thường có những đám rước dân chúng tham dự.

Cũng như các tôn giáo khác, các đám rước Thiên Chúa giáo được tổ chức với mục đích phát triển mạnh mẽ tinh thần đạo. Đám rước xưa đã có với người Do Thái ở Jérusalem. Nhà Đền và La Mã trong thời thượng cổ cũng có tổ chức rước xách.

Giáo Hội Thiên Chúa giáo, sau thời bị ngăn cản, đã từng tổ chức những đám rước ở Tây phương. Trong nhiều trường hợp, đám rước Thiên chúa được tổ chức để thay các đám rước cổ và cốt để cho mọi người quên đi những đám rước thời xưa, không phải của đạo: Đám rước cử hành hàng năm vào ngày 25 tháng 4 tại La Mã, thay thế cho đám rước cổ thời của người ngoại đạo gọi là Robigalia. Nhiều đám rước trước đây tổ chức để kỷ niệm những ngày lễ đạo: Đám rước





Lễ Lá đã có ở Jérusalem từ thế kỷ IV được tổ chức theo lộ trình của Chúa Jésus đã đi trong thành phố này, với sự hiện diện của vị Giám mục trong đám tín đồ.

Có thể nói được rằng đám rước là một hình thức hành lễ công khai. Tôn giáo không phải là một tư vụ: Chúa là của cả mọi người và của cả mọi đoàn thể. Các đoàn thể cũng như mọi cá nhân có nhiệm vụ công khai phụng sự Chúa bằng rước xách. Sự công khai phụng sự này xác nhận đức Tin của tín đồ, do đó rước xách có một tầm quan trọng với mục đích hiển cho các tín đồ dịp để bày tỏ mình là con Chúa. Hơn nữa, rước xách cũng là một cách phát hiệu tinh thần đoàn thể của các con Chúa và chứng tỏ quyền hạn tối cao của Chúa với mọi người.

Có những đám rước dành để tôn kính Chúa, có đám rước dành cho một bí tích trong đời Chúa và cũng có đám rước dành cho Đức Mẹ để tỏ lòng kính mến của con chiêm đối với Đức Mẹ. Lại có những đám rước, thời Trung Cổ gọi là bí tích để diễn lại một đoạn đời của Chúa, những đoạn đời được tín đồ mến ngưỡng: Rước Lễ Lá, Rước trong Tuần Thánh để hồi tưởng lại sự Yêu thương của Chúa.

Những đám rước chính trong năm: rước Lễ Nến, rước Lễ Lá, rước Ngày Chủ Nhật kỷ niệm khi Chúa vào Jérusalem, rước Tuần Thánh, rước lễ Phục Sinh, và rước lễ Minh Thánh, v.v... Có nhiều đám rước được cử hành tại từng địa phương tùy tục lệ.

## DẤU THÁNH GIÁ

Lễ Misa cũng như những đám rước là những hình thức đề tín đồ phụng vụ Chúa. Tin theo Chúa, người con Chiên phải dự lễ Misa và các đám rước, nhưng ngoài ra còn phải luôn luôn tỏ rằng tin kính Chúa. Do đó có việc làm dấu Thánh

giá. Dầu Thánh giá chính là sự tóm tắt của “Tôi kính tin”. Dầu thể hiện qua hành động và lời cầu.

Theo sách Phần thì khi làm dầu đặt bàn tay phải lên trán, rồi xuống ngực, kế đến vai bên trái và sau cùng là vai bên phải, đồng thời miệng đọc: Nhân danh Cha và Con và Thánh thần.

Ở I Pha Nho (Tây Ban Nha), từ thời thượng cổ, trước khi làm dầu như trên, các tín đồ đã làm ba dầu nhỏ ở trán, ở môi và ở ngực và miệng đọc:

Bởi dầu Thánh giá, xin Chúa cứu vớt chúng con khỏi tay kẻ độc và sau đó cũng đọc thêm như tín đồ mọi nơi: Nhân danh Cha và Con và Thánh thần. Ngày xưa, trong thời các vị sứ đồ, người ta làm dầu trên trán những người theo Chúa và trên các đồ vật để tỏ rằng đó là những người của Chúa và những vật dùng để phụng sự Chúa.

Việc làm dầu bắt đầu có từ thế kỷ thứ VI với sự làm dầu trên trán và ngực. Sau đó ít lâu là ba dầu ở trán, môi và ngực. Mãi tới thế kỷ thứ VIII sự làm dầu mới hoàn toàn như ngày nay, và thể hiện bởi các tín đồ từ Đông sang Tây. Người Hy Lạp làm dầu bằng ba ngón tay cái, trở và giữa của bàn tay phải, và dầu làm từ phải sang trái để tượng trưng cho Ba Ngôi Tam Vị Nhất Thể.

Ba dầu nhỏ trên trán, môi và ngực đã cất nghĩa như sau: Dầu trên trán chỉ đức Tin ở Chúa, dầu trên môi và ngực biểu lộ sự tuân hành lời phán và việc làm Chúa dạy.

Dầu thường làm vào lúc nào? Trước và sau khi cầu kinh, khi tín đồ bắt đầu một việc gì: ăn uống, làm việc hoặc ra đi. Các tín đồ trung thực khi đi qua một Thánh đường hoặc một Thánh giá đều làm dầu, cũng như khi mới dậy và khi đi ngủ.

Sự làm dầu chính là sự chứng tỏ lòng Tin Chúa, và đã tin Chúa thì tín đồ phải luôn kính cẩn làm dầu trong tất cả những trường hợp cần thiết.



## CẦU NGUYỆN

Người Thiên Chúa giáo luôn luôn đọc kinh cầu nguyện, đọc kinh trong đám rước, đọc kinh lúc ở nhà, đọc kinh khi làm việc, đúng theo lời Chúa đã phán dạy.

Hàng ngày, lúc ngủ dậy, lúc đi nằm đều có đọc kinh, tuy rằng đây không phải là một điều bắt buộc, chỉ là một hành động tỏ ra biết vâng lời Chúa. Cầu nguyện để xin ban ơn cho đời sống lành mạnh để tuân hành lệnh Chúa. Sáng ngày dậy, một ngày bắt đầu. Trong ngày, tin đồ có thể gặp nhiều sự khó khăn, cầu nguyện để Chúa trông tới giúp vượt qua những khó khăn đó và cũng là để dâng hoàn toàn ngày đó lên Chúa. Buổi tối trước khi đi nằm, tín đồ lại cầu nguyện để cảm ơn Chúa đã ban ơn lành cho ban ngày. Những tín đồ tốt thường nhân lúc này có một phút vấn lương tâm để nhờ ánh sáng của Chúa xét lại những hành động của mình ban ngày có theo đường ngay của Chúa không và để ăn năn nếu đã phạm những lỗi nhỏ, đồng thời cương quyết giữ ý định noi gương và tuân lệnh Chúa.

Trước bữa ăn, người Thiên Chúa giáo cũng cầu kinh. Đây cũng chỉ là để chứng tỏ tín đồ phải luôn luôn cầu nguyện, nhất là trong những lúc đáng kể nhất trong ngày. Và lại Chúa đã truyền phải đọc kinh để xin Chúa ban cho “miếng bánh hàng ngày” (le pain de chaque jour). Nhận bữa ăn, tín đồ phải nhớ ơn Chúa đã chăm sóc tới mình. Ngoài ra, đây cũng là một cách để dâng hiến một cái gì hoàn toàn vật chất lên Chúa cao cả; ăn uống người ta dễ phạm điều ích kỷ, tự vật chất hóa khi chỉ nghĩ đến thích khẩu; lúc này cầu kinh cầu nguyện nhắc lại tín đồ mọi vật đều xuất từ Chúa, và tất cả đều phải cần tới Chúa. Thánh kinh khuyên rằng: “Dù con làm gì, dù con ăn gì, dù con uống gì, con phải làm vinh danh Chúa”.

## CÁC BÍ TÍCH

Tất cả bí tích đều có thể coi là những phong tục của đồng bào Thiên Chúa giáo, có mục đích làm phát sinh trong tín đồ cuộc sống của Chúa và kết hợp tín đồ với Nhiệm thể, nghĩa là thân thể nhiệm mầu của Chúa, mỗi ngày mỗi hơn. Bí tích là những dấu hiệu biểu thị và sản xuất ra ân sủng bí nhiệm.

Những phương tiện vật chất giản dị với ý nghĩa tượng trưng làm cho tín đồ chắc chắn về hiệu lực ân sủng của Chúa và như thế có thể nói được rằng các bí tích chính là nguồn bình an cho tâm hồn tín hữu.

Định nghĩa bí tích, Ch.Robin đã nói Bí tích là một dấu hiệu hữu hình của Chúa Jésus Christ đã thiết lập, để làm phát sinh hoặc gia tăng ân sủng trong linh hồn những người lãnh tụ một cách xứng đáng.

Có tất cả bảy bí tích: Rửa tội, Thêm sức, Thánh thể, Giải tội, Xức dầu, Truyền chức và Hôn phối.

Rửa tội. - Phép Rửa tội chính là cửa ngõ mọi tín đồ phải qua để thành người có đạo. Mục đích Rửa tội là để tẩy xóa mọi tội lỗi, ban đời sống ân sủng và khiến người chịu phép trở nên con Thiên chúa và Giáo Hội và được ràng buộc với Giáo Hội bởi một sợi giây thiêng liêng vô hình.

Khi chịu phép Rửa tội, đương nhân được đổ nước lên đầu. Ý nghĩa của tác động này là Tẩy rửa, nước đã làm con người tội lỗi cũ biến đi để nhường chỗ cho con người mới phát xuất từ nước ra, con người này kể từ nay là con của Chúa.

Trong lúc đổ nước lên đầu kẻ chịu phép, thừa tác viên, vị linh mục đọc “Ta rửa tội X, nhân danh Cha và Con và Thánh thần”.

Muốn được Rửa tội, chính các thụ lãnh viên cần phải muốn chịu phép Rửa để chứng tỏ đương nhân đã có lòng Tin ở Chúa. Bí tích Rửa tội là Bí tích Đức Tin.



Về phần các trẻ em, việc Rửa tội phải có sự ưng thuận của cha mẹ, trừ trong những khi nguy tử hay trường hợp con trẻ bị bỏ rơi.

Thêm sức. - Thêm sức là một bí tích bổ sung phép Rửa tội. Với phép Thêm sức này Chúa đổ ơn xuống để tín đồ mới Rửa tội biến thành giáo hữu hoàn toàn.

Phép Thêm sức đã thực hiện trong Giáo Hội ngay từ buổi sơ khai. Phép thể hiện qua sự xúc dầu của một vị Giám mục. Ban đầu việc xúc dầu cử hành ngay sau lúc Rửa tội, ngày nay lễ nghi Thêm sức tách rời khỏi phép Rửa tội, và dành riêng cho hàng Giám mục.

Lễ Thêm sức gồm hai điểm chính: Nghi lễ đặt tay và xúc dầu Thánh hiến.

Thoạt đầu bước vào Thánh đường, tín đồ quỳ gối trước mặt vị Giám mục. Vị này giơ hai tay trên họ và cầu nguyện để Chúa ban ơn cho họ.

Sau đó vị Giám mục xúc dầu hiến thánh và nói: Ta ghi cho con dấu Thánh giá và kiện cường cho con với dấu cứu rỗi, nhân danh Cha và Con và Thánh thần.

Dầu được xúc lên trán tín đồ. Đó là dấu hiệu của tích ẩn không thể xóa nhòa đã in vào linh hồn người chịu phép vậy.

Ngoài hai nghi lễ đặt tay và xúc dầu trên, sau khi xúc dầu, vị Giám mục lấy tay khê tắt vào má trái người chịu phép, để chứng tỏ rằng từ đây người sẽ sẵn sàng chịu đựng mọi thứ vì Chúa.

Lúc lễ tắt vị Giám mục còn đọc một lời nguyện cuối cùng để cầu xin Chúa luôn luôn gần gũi người tân tín hữu.

Tất cả mọi người chịu phép sẽ cùng với vị Giám mục hoặc vị linh mục hầu cận đọc kinh Tinh Kính, kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng.

Phép Thêm sức tuy chỉ bổ khuyết cho phép Rửa tội, nhưng rất quan trọng, vì phép này người tân tòng biến thành tín hữu dốc lòng với Chúa.

Các Thụ lãnh nhân phải chọn cha mẹ đỡ đầu.

Thánh Thể và việc rước lễ. - Thánh Thể là trung tâm đời sống bí tích của tín đồ khi đã chịu phép Rửa tội và được kiện cường do phép Thêm sức.

Linh hồn cần một món ăn thiêng liêng, cũng như cơ thể cần món ăn vật chất.

Chúa đã tạo cho con người món ăn vật chất, Chúa cũng không quên món ăn thiêng liêng cần thiết cho các tín đồ, do đó dưới hình thức Thánh Thể, Chúa đã nối tiếp công cuộc Nhập Thể và cứu chuộc giữa tín đồ.

Bí tích Thánh Thể đã khiến Chúa có thể:

- Dâng mình làm Hy Tế cho đến tận thế: lễ Misa
- Hiến thân làm của nuôi mọi người đã nhập hiệp Nhiệm Thể Người do phép Rửa: Việc rước lễ.
- Tồn tại sự hiện diện của Chúa giữa tín đồ cho đến hết đời.

Phép Thánh Thể thực hiện do việc Rước lễ. Việc Rước lễ có hiệu lực phát sinh ân sủng trong linh hồn tín đồ tham dự.

Chúa đã nói: Ai ăn thịt và uống máu ta sẽ được sống đời đời và ta sẽ hoàn sinh cho trong ngày sau hết.

Việc Rước lễ chính là một ơn nuôi dưỡng, vì vậy đã phục hồi sức mạnh cho linh hồn, và đồng thời phát triển lòng quảng đại thi ân.

Việc Rước lễ cũng tẩy rửa mọi vắn đục của tội làm mờ ám và suy yếu linh hồn. Thánh Lễ Rước, Thánh Thể Chúa đã Ngự vào mình tín đồ, tín đồ đã ăn Thịt và uống Máu Chúa.

Muốn dự việc Rước lễ, phải là tín đồ đã Rửa tội, lại phải sống trong tình trạng chịu ơn Chúa.

Phải kiêng ăn uống trong luật Chay thánh thể trong thời gian là ba giờ đối với đồ ăn đặc hay đồ uống có chất rượu và một giờ đối với các đồ uống khác: sữa, nước chè, cà phê, v.v...

Nước lã không phá chay.

Luật trên có thể linh động đối với người đau yếu.

Các tín đồ sùng mộ thường luôn luôn Rước lễ và coi việc Rước lễ như là sự tiếp diễn chính đáng của lễ Misa.



Phép giải tội. - Đây là bí tích tha thứ những người phạm tội. Chúa đã dùng sự tha thứ để giải tội cho các con chiên đã biết sám hối. Trong sự tha thứ này, chính Chúa đã chịu khổ cực: Chúa là tình yêu và chỉ có tình yêu mới có khả năng chuộc được tội lỗi.

Vì vậy với phép giải tội, tín đồ đã được hoàn lại sự sống siêu nhiên mất đi bởi những tội đã phạm. Giải tội là hết lỗi.

Phép Giải tội do các Giám mục và các linh mục đã được các Giám mục thừa ủy ban hành, Giám mục là thừa kế các tông đồ.

Mỗi khi tín đồ phạm lỗi phải đi xưng tội nhưng phải biết:

- Thực tình thống hối các lầm lỗi của mình;
- Thú thực hết các điều lỗi với linh mục;
- Làm việc đền tội.

Vị Giám mục hay linh mục thừa ủy sẽ ban hành bí tích giải tội.

Kẻ xưng tội sẽ được tha hết mọi tội lỗi dầu nặng hay nhẹ mặc lòng và được phục hồi lại những công nghiệp đã mất bởi tội lỗi.

Tích sủng của phép Giải tội là một ơn nâng đỡ và tán phát khả dĩ giúp tín đồ chiến đấu với các khuynh hướng xấu, tránh mọi sự tái phạm cũng như tội lỗi khác.

Đành rằng không phép nào nhỏ được tận căn những mầm mống của tội xấu, dù là Rửa tội hay Giải tội, nhưng dù sao các phép đó cũng đem lại cho tín đồ môn thuốc thiêng liêng về tinh thần để giúp các tín đồ hoán cải dần dần.

Phép xức dầu cho bệnh nhân. - Xức dầu là cuộc viếng thăm của Chúa đối với tín đồ lâm bệnh trọng.

Hành vi cuối cùng của đời sống con người thường bao giờ cũng có một sự quan hệ đặc biệt, vì nó quy định một cách quyết liệt số mạng đời đời của tín đồ. Ôn được chết lành là một ơn cao cả Chúa ban cho tín đồ, và phép Xức dầu chuẩn bị cho tín đồ nhận lĩnh ơn này.

Phép Xức dầu chính là bí tích bệnh nhân. Đây là cuộc Xức dầu cuối cùng tín đồ nhận lãnh trước khi chết, cuộc Xức dầu này hỗ trợ bệnh nhân về phương diện thiêng liêng cũng như về thể xác.

Vị linh mục thể hiện phép này tới phòng bệnh nhân với tư cách một người bạn để trình bày cùng bệnh nhân những điều thuộc về Chúa, giải thích cho bệnh nhân hiểu ý nghĩa chân thực về cuộc đời, vai trò của đau khổ, hướng dẫn bệnh nhân trên đường trở về với Chúa, tỏ cho họ thấy tình thương của Chúa là rất quý giá.

Do đó bí tích bệnh nhân cốt làm vững mạnh linh hồn trong giờ phút hệ trọng và đôi khi cũng hướng về cuộc điều trị.

Trong lúc ban hành bí tích xức dầu, linh mục dùng dầu thánh vẽ hình Thánh giá trên mắt, tai, lỗ mũi, miệng, tay và chân của bệnh nhân. Dầu dùng là thứ dầu riêng đã được vị Giám mục địa phận làm phép ngày thứ năm tuần Thánh. Dầu này có hiệu lực chữa bệnh thiêng liêng cũng như bệnh thể xác.

Khi xức dầu linh mục đọc: “Việc xức dầu này và nhờ lòng từ ái vô biên, xin Chúa tha cho con tất cả những hành vi bất chính con đã làm do thính quan, thị quan, v.v...”

Việc xức dầu bao giờ cũng phải do một vị linh mục thể hiện.

Tất cả mọi tín đồ đã chịu phép Rửa tội và đã khôn biết đều được lãnh thụ khi lâm bệnh trọng nhưng phải sống trong ơn nghĩa của Chúa. Bất cứ vì lý do gì, nếu bệnh nhân khước từ, linh mục không được ban hành phép xức dầu. Một tử tội không tỏ ý hối cải ở phút cuối cùng, linh mục cũng phải từ chối không cho chịu phép này.

Đến nhà một bệnh nhân để làm phép này, câu đầu tiên của linh mục là cầu bình an cho nhà và hết mọi người trong nhà.

Sau đó, linh mục dùng nước thánh rảy cho bệnh nhân và các người trợ tá đang quỳ ở đó, phế bỏ quyền hành của ma quỷ và xin Chúa hỗ trợ cho bệnh nhân.







Vương cung  
Thánh đường  
đêm Giáng sinh.



Đêm Giáng sinh trong Thánh đường.

Xức dầu xong, linh mục đọc ba kinh nguyện xin Chúa ban cho bệnh nhân:

- Được bình phục cả hồn lẫn xác;
- Được thêm nghị lực phấn khởi trước những thử thách thể chất cũng như tâm hồn.
- Được qua cơn bệnh hoạn.

Lễ nghi được kết thúc bằng phép lành Tòa Thánh ban cho bệnh nhân để bệnh nhân được hưởng ơn đại xá trong giờ phút lâm chung.

Phép hôn phối. - Phép hôn phối là một bí tích làm cho một người Nam và một người Nữ đã chịu phép Rửa tội liên kết với nhau trước mặt Chúa như vợ chồng cho đến chết, nhận được ân sủng để thánh hóa lẫn nhau và để dưỡng dục các con cái họ về cùng Chúa.

Hôn phối có từ ngày khởi thủy nhân loại, khi Thượng đế dựng nên con người có Nam và có Nữ.

Theo tục lệ Thiên Chúa giáo, việc hôn phối căn cứ trên mấy nguyên tắc: Đơn nhất tính và bất khả ly tính.

“Con người không được quyền chia ly cái mà Thiên chúa đã phối hợp” và “kẻ nào ly dị vợ mình để cưới một người khác làm vợ phạm tội ngoại tình” (Math. XIX 6-9).

Luật về hôn phối của đạo minh xác rõ rệt: Chỉ một người nam với một người nữ phối hợp với nhau cho đến khi một trong hai người chết đi.

Qua các điểm trên, ta thấy không có tục đa thê đối với tín đồ Thiên Chúa giáo.

Muốn chịu phép hôn phối, cả đôi bên nam nữ đều phải đã chịu phép Rửa tội, phải có chủ tâm kết duyên với nhau, do đó sự ưng thuận của đôi bên phải tự do và chân thành. Đôi bên lại phải bày tỏ công khai sự ưng thuận trước sự hiện diện của vị linh mục sở tại, hoặc vị thừa ủy và hai nhân chứng khác. Ngoài ra cả đôi bên đều phải không bị gì ngăn trở làm phi hôn phối.



Về mặt thiêng liêng, để hôn phối công hiệu đầy đủ, phải lãnh thụ trong tình trạng ân sủng vì ân sủng kết hiệp, tội lỗi chia ly.

Có những ngăn trở làm phi hôn phối. Ngăn trở có thể thuộc luật Thiên chúa hay luật tự nhiên: quan hệ huyết thống giữa anh chị em, thiếu ưng thuận, hay đã đính ước một hôn phối khác thành sự, v.v... Ngăn trở cũng có thể thuộc phần giáo hội thiết định: Thiếu tuổi, anh chị em họ, đã chịu chức Thánh hoặc khấn trọng trong dòng, dị giáo, v.v...

Giáo hội có thể chước miễn những ngăn trở do giáo luật thiết định chứ không có quyền chước miễn những ngăn trở do luật Thiên chúa định.

Lễ nghi phép Hôn phối gồm việc trao đổi sự ưng thuận, trao nhẫn và phép lành cho tân hôn. Thường có Thánh lễ theo sau.

Phép truyền chức. - Đây là bí tích ban cho thừa tác viên của giáo hội được quyền thừa hành các chức vụ tư tế và ân sủng cần thiết để chu toàn các nhiệm vụ đó một cách xứng đáng. Do phép truyền chức, các người lãnh thụ được phân biệt hẳn với các giáo dân thường. Họ được đặt vào một “chức” bậc riêng biệt.

Không phải một vị linh mục được bổ nhiệm ngay linh mục. Phải đi từ bước nhỏ lên. Đầu tiên phải chịu cắt tóc để nhập hàng giáo sĩ.

Sau đó giáo sĩ được cử vào bốn chức nhỏ: giữ cửa, đọc sách, giữ quỳ và hầu lễ.

Rồi đến các chức bậc thượng: Phụ phó tế, phó tế. Kể từ khi sung chức phụ phó tế, giáo sĩ có thể được cử phục vụ một địa phận. Khi được lên chức phó tế, lễ được ban hành bởi vị Giám mục địa phận. Phó tế được công khai đọc Phúc Âm, giảng thuyết, rửa tội trọng thể và phục vụ sát gần bàn thờ.

Phó tế có thể được thụ phong linh mục. Trong lễ này, vị Giám mục địa phận đặt lên đầu đương sự và hát kinh tiền

tụng. Sau đó vị Giám mục xúc dầu hai bàn tay sẽ chạm đến Thánh Thể Chúa. Với sự xúc dầu này, vị tân chức đã nhận được quyền làm lễ và quyền tha tội.

Sau hết, một số ít linh mục được thụ lãnh chức bậc tối cao nhất của tư tế: Chức Giám mục. Giám mục là linh mục hoàn toàn, là người kế vị các tông đồ có quyền thông ban chức linh mục. Giám mục lại có trách vụ cai trị địa phận, có quyền phong chức, ban hành phép Thêm sức, tấn phong các vị tân Giám mục, cúng hiến nhà thờ, bình thánh và làm phép dầu thánh.

Lễ tấn phong Giám mục cũng được cử hành với nghi lễ đặt tay.

## LỄ TIẾT

Bất cứ tôn giáo nào, trong năm thường có những ngày lễ để kỷ niệm những sự việc xảy ra cho vị giáo chủ hoặc liên quan tới đạo giáo, hay tới các nhân vật lịch sử của đạo.

Đạo Thiên chúa cũng có những ngày lễ riêng để nhắc nhở lại cuộc đời của Chúa, của Đức Mẹ qua mọi biến cố các người đã phải chịu. Lại có những ngày kỷ niệm các Thánh hoặc kỷ niệm các sự liên quan tới đạo.

Lễ Tiết quanh năm có nhiều, nhưng có nhiều lễ chỉ riêng các tín đồ lưu ý tới, trái lại có nhiều lễ khác, không những chỉ tín đồ mà đến nhiều người không đồng tôn giáo cũng lưu ý tới.

Tìm hiểu Thiên Chúa giáo, dù sơ lược cũng cần phải hiểu qua một số các lễ tiết, nhất là các lễ trọng được các tín đồ ngoan đạo đặc biệt quan tâm đến.

Kể ra, nếu có thể, ai cũng nên tìm hiểu hết các lễ của đạo để nghiên cứu kỹ đạo, rất tiếc phạm vi một quyển sách chung về nếp cũ, đề cập tới hầu hết các tôn giáo chính đã có từ lâu



tại Việt Nam, không cho phép được trình bày nhiều hơn những điều được trình bày nơi đây, trong giới hạn một số các lễ trọng:

- Lễ Sinh Nhật
- Lễ Phục Sinh
- Lễ Thăng Thiên
- Lễ Hiện Xuống
- Lễ Minh Thánh
- Lễ Đức Mẹ vô nhiễm nguyên tội
- Lễ Đức Mẹ lên trời
- Lễ Chư Thánh
- Lễ các linh hồn

### LỄ SINH NHẬT

Lễ Sinh Nhật vào ngày 25 tháng 12 mỗi năm kỷ niệm ngày Chúa ra đời.

Sách Phúc Âm thánh Luca đã kể câu chuyện đó được linh mục J.Trần Công Hoán lược dịch như sau:

*“Auguto, vua nước Roma, ra sắc kiểm tra dân số trong khắp nước. Cuộc kiểm tra đầu tiên do ông Cyrino, Tổng đốc xứ Sria đứng điều khiển. Theo lệnh, mọi người phải trở về quê cha đất tổ để khai tên.*

*“Lúc đó ông Siuse đang ở thành Nazareth, trong xứ Galilêa, bèn xuống thành Belem thuộc xứ Giuđêa, vì ngài là dòng dõi và thuộc chi tộc vua David, để khai tên mình và tên bạn là bà Maria, lúc đó đang có thai. Đang khi ở Belem, bà Maria đến ngày sinh: Ngài lấy khăn bọc và đặt nằm trong máng cỏ con vật ăn, vì nhà quán không còn nơi nào để trọ.*

*“Trong miền ấy có một số kẻ chăn chiên đang thức canh, bỗng thấy sứ thần Thiên chúa hiện đến, đứng gần, ánh sáng bao trùm chung quanh thì sợ lắm. Nhưng thiên thần an ủi rằng: Đừng sợ, tôi đến đưa tin vui mừng cho anh em và cho*

tất cả dân nũa, là đêm nay Chúa Cứu Thế đã sinh ra trong thành Belem. Anh em cứ theo dấu này để nhận biết, là thấy một con trẻ bọc trong khăn và nằm trong máng cỏ”.

“Nói đoạn, tức thì có nhiều thiên thần trên trời xuống, hợp với thiên thần đó mà hát rằng: Sáng danh Thiên chúa trên các tầng trời, và bình an dưới đất cho những ai có lòng ngay”.

“Bấy giờ tụi chăn chiên nói với nhau rằng: “Ta hãy đi Belem xem những sự lạ Thiên Thần đã nói”. Vội vã đi tới nơi thì thấy bà Marie, ông Giuse và con trẻ nằm trong máng. Bọn chăn chiên cũng kể lại cho nhiều người khác những điều thiên thần đã nói và những sự mình đã được xem. Những ai được nghe thì đều lấy làm lạ. Còn bà Maria thì ân cần nhớ lấy và suy đi ngẫm lại trong lòng.

“Xong rồi, những kẻ chăn chiên trở về và cảm tạ Chúa vì những điều mắt thấy tai nghe”.

Trên là sự tích Chúa Jêsus ra đời. Chúa đã cứu nhân loại và ngày nay các tín đồ hàng năm kỷ niệm ngày Chúa sinh với lòng thành kính.

Từ một tháng trước ngày lễ, tín đồ đã sửa soạn làm đèn ngôi sao, hang đá, in thiệp tổ chức diễn kịch để ăn mừng lễ Giáng sinh. Trẻ con người lớn, đàn bà đàn ông đều lo xung lễ. Có lễ nửa đêm, lễ ban sáng, lễ buổi chiều để tín đồ tới dự.

Đêm hôm 24 rạng ngày 25 tháng 12, người ta tập nập rủ nhau đi lễ rồi về nhà ăn tiệc nửa đêm (Réveillon).

Đêm hôm đó các trẻ em đợi ông Già Noel, nhưng đợi không được, các em đi ngủ, và sớm hôm sau các em thức dậy đã có quà của ông Già Noel mang cho. Quà thường giấu trong chiếc giày. Các em tin là ông Già Noel xuống bằng lối ống khói, mang quà cho các em.

Về lễ nửa đêm, tuy là lễ của Thiên Chúa giáo, nhưng tại Việt Nam nhiều đồng bào không theo đạo cũng đi dự lễ và cũng về ăn tiệc nửa đêm. Nhiều đồng bào Thiên Chúa giáo thường mời các bạn không cùng đạo tới ăn bữa tiệc này với mình.



### LỄ PHỤC SINH

Lễ cử hành vào ngày Chủ Nhật để kỷ niệm việc Chúa sống lại sau ba ngày bị bọn cai pha giết. Chúa bị giết vào ngày thứ sáu đã sống lại vào ngày chủ nhật. Trước khi bị giết, Chúa đã bảo bọn sát nhân:

- Bay cứ phá đền thờ này đi, nội trong ba ngày ta sẽ làm lại. (Đền thờ nói đây chỉ xác Chúa).

Ý Chúa bảo bọn giết Chúa là chúng có giết Chúa thì ba ngày sau xác Chúa sẽ sống lại, và Chúa cũng đã nói thẳng:

- Ta chết đoạn, ba ngày sẽ sống lại.

Lời nói của Chúa đã làm yên lòng các Tông Đồ để họ tin Chúa sẽ thoát tay kẻ ác. Bọn cai pha, khi giết Chúa rồi sợ Chúa sống lại đã cất lính gác và chặn hòn đá lớn trước cửa mộ Chúa.

Chúa đã sống lại sau ba ngày, theo sách đạo kể lại. Khi ấy có mấy bà đem thuốc thơm đến xức xác Chúa, ngó vào mộ đã biến mất. Các bà đã được thiên thần cho biết Chúa đã sống lại và đã đến xứ Galilêa.

Lễ Phục Sinh hàng năm được cử hành để kỷ niệm ngày Chúa tái sinh.

### LỄ THĂNG THIÊN

Sau khi Phục Sinh, Chúa Jêsus chỉ sống ở thế gian 40 ngày. Trong thời gian này, Chúa thường hiện ra với các tông đồ và tín đồ để dạy bảo.

Chúa đã cho biết trước là sau 40 ngày Chúa sẽ lên trời. Đúng ngày hẹn, tông đồ và tín đồ đưa Chúa lên núi Oliveti. Từ biệt mọi người, Chúa lên trời: xác ngài từ từ lên cao khỏi mặt đất xê xê về phía Đông.

Trước hiện trạng lạ lùng các tông đồ và tín đồ theo dõi nhìn Chúa lên thật cao cho đến khi có một đám mây che khuất.

Mọi người mong chờ đám mây tan ra để lại thấy Chúa. Có hai người ăn vận trắng toát hiện đến và bảo:

- Hồi các người xứ Galilêa, sao còn đứng trông làm chi nữa. Chúa đã lên trời.

Theo kinh sách, trước khi về trời, Chúa Jêsus đã nói mấy lời rất quan trọng:

a) Ta đã được mọi quyền trên trời dưới đất.

Ý câu này muốn nói quyền Chúa bao la khắp mọi nơi, đối với tất cả.

b) Hãy đi khắp thế gian giảng cho mọi loài.

Ý Chúa muốn đạo được quảng bá khắp mọi nơi, ở đâu có loài người, không phân biệt màu da hay tầng lớp xã hội.

c) Ai tin và chịu phép Rửa tội thì sẽ được cứu rỗi; ai không tin và không chịu phép Rửa tội, thì sẽ bị phạt.

Ý Chúa muốn cho con người cũng được lên Trời như Chúa, nhưng con người phải sạch hết mọi tội lỗi.

Ngày Chúa lên trời đã như khắc ghi trong tâm khảm các tín đồ. Chúa đã nói những điều thiêng liêng, mong mọi loài người sẽ sạch tội lỗi để cũng được lên Thiên Đường với Chúa.

Lễ Chúa lên trời chính là để kỷ niệm ngày Chúa từ biệt thế gian, từ biệt các tông đồ và các tín đồ.

### LỄ HIỆN XUỐNG

Lễ Hiện Xuống cử hành vào một chủ nhật, mười ngày sau Lễ Chúa lên Trời.

Nguyên trước khi từ giã tông đồ và tín đồ về trời, sợ mọi người buồn hoặc đâm ra ngã lòng. Chúa nói không để họ mò côi. Chúa cần về trời để Chúa Thánh Linh hiện xuống dạy mọi người mọi sự.

Mọi người ở núi Oliveti trở về ngôi nhà Tiệc ly, nơi Chúa đã ăn bữa tối sau hết. Ở đây họ cảm phòng cầu nguyện đợi Chúa Thánh Linh hiện xuống.

Ngày thứ 10, vào lúc 9 giờ sáng, đang lúc mọi người im lặng, đột ngột từ trời thổi xuống một làn gió mạnh rung chuyển cả nhà, rồi thấy trên đầu mỗi người sáng lên một tia lửa to





bằng hai ngón tay. Chính trong lúc đó, tông đồ cũng như tín đồ cảm thấy vui sướng. Chúa Thánh Linh đã hiện xuống.

Tin này không mấy chốc đồn đại đi khắp nơi. Người ta kéo đến vây lấy các tông đồ, người ta gồm đủ sắc dân đủ ngôn ngữ, vậy mà các tông đồ nói được đủ thứ tiếng của đủ người. Đó là phép thiêng liêng của Chúa Thánh Linh. Nhiều sự lạ xảy ra khiến mọi người có tín nhiệm ở Chúa. Trong dịp này ông Thánh Phêrô đã giảng một bài giảng rất được hoan nghênh. Sau bài giảng 3000 người xin trở lại đạo. Con số ngày càng tăng, từ nước Do Thái lan dần tới năm châu.

Lễ Hiện Xuống kỷ niệm sự việc Chúa Thánh Linh hiện xuống với gió và lửa, gió làm cho mát mẻ và đun đẩy lôi cuốn. Ngọn gió thiêng liêng này đã làm nhẹ nhàng mát mẻ linh hồn, làm tiêu tan hết mọi sự nặng nề khó thở. Còn lửa để soi sáng và hun ấm. Ngọn lửa Chúa Thánh Linh đặt trên đầu óc và đem sự sáng láng trong linh hồn. Ngoài ra với ngọn lửa, Chúa có ý làm nóng lên những tâm hồn nguội lạnh để những tâm hồn này sốt sắng tha thiết với tất cả những gì về linh hồn, về Chúa, về sự cứu rỗi đồng bào. Gió và lửa đã làm cho các tông đồ trở nên mạnh bạo, thông minh để làm việc Chúa.

### LỄ MÌNH THÁNH

Tim hiểu lễ Mình Thánh, phải trở lại năm 1208. Hồi đó tại thành Liège nước Bỉ có một chị phụ nữ tu tên là Juliana thường cứ thấy hiện ra trước mặt mình hình một mặt trăng tròn và sáng sủa lắm, nhưng lại sứt mất một chỗ. Hình mặt trăng này luôn luôn theo dõi chị, khiến chị tưởng là ma quỷ treu chọc. Chị phải đến nhà chầu cầu nguyện xin Chúa soi sáng cho biết. Chúa cho chị hiểu: Mặt trăng là Hội thánh. Hội thánh đã đẹp đẽ nhưng thiếu lễ Mình Thánh. Chị phải vận động để có lễ đó.

Trong 20 năm Juliana không dám nói ra chỉ suy nghĩ một mình. Đến khi được làm bề trên mới bàn với hai linh mục về

việc này là hai linh mục Jean de Lausanneur ở Liège và linh mục Jacob Pantaléon ở Pháp, linh mục này sau chính là Giáo hoàng Urbanô IV. Hai cha tán thành cùng với một số các nhà thần học, nhưng phần đông các linh mục và tín đồ phản đối cho rằng lễ nào cũng là lễ Minh Thánh và trong mọi lễ, tín đồ đều nhận Minh Thánh. Họ cho rằng không có Chúa nào dạy và Juliana đã tưởng tượng ra.

Rồi họ buộc cho Juliana nhiều tội khiến vị Giám mục địa phận phải can thiệp và viết thư luân lưu tán thành việc vận động của Juliana. Vị Giám mục lại lập trong địa phận lễ kính Minh Thánh vào ngày thứ năm sau tuần lễ Hiện Xuống. Chẳng may năm đó vị Giám mục qua đời. Juliana lại bị khủng bố bởi những người không đồng ý với bà và bà phải rời nhà dòng đi nơi khác.

Khi bà Juliana tạ thế, bà bề trên kế vị là bà Eva cũng đồng ý với bà Juliana. Bà viết thư tâu Giáo hoàng, tức là linh mục Jacob Pantaléon trước, về việc vận động của bà Juliana.

Cùng trong thời gian đó, ở thành Bolsena nước Ý, có xảy ra một sự lạ: Có một linh mục từ lâu vẫn nghi ngờ và bối rối, không biết sau khi đã truyền, hình bánh có thật trở nên Minh Thánh Chúa chẳng, thì một hôm sau khi đã đọc lời truyền phép, người trông thấy trên khăn thánh máu đổ lai láng, làm ướt cả khăn.

Việc này đến tai Giáo hoàng Urbanô. Giáo hoàng ra lệnh kiệu chiếc khăn đó vào một nhà thờ để tín đồ kính viếng.

Theo giáo dân thì khăn thánh đó nay vẫn còn và hàng năm sau lễ Minh Thánh được rước đi qua các phố rồi trưng bày cho tín đồ tới kính viếng.

Kể từ năm 1264, lễ Minh Thánh được chính thức lập.

Mục đích lễ Minh Thánh là để tôn trọng Chúa Jésus và để tạ ơn Chúa đã đem thịt và máu mình chuộc tội cho thiên hạ.



### LỄ ĐỨC MẸ VÔ NHIỄM NGUYÊN TỘI

Theo Giáo hội đã tuyên bố thì Đức Mẹ Vô Nhiễm là Đức Mẹ không mắc tội.

Hễ ai là người đều liên đới trách nhiệm với ông bà thủy tổ, Adam và Êva, chỉ trừ có Đức Mẹ không vướng vào tội này.

Lễ này có mục đích nhắc lại sự tin nhận Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Về phần lịch sử lễ này, các sách đạo có nhắc lại hai niên hiệu chói lọi đáng ghi nhớ: 1854 và 1858.

Năm 1854, vào đúng ngày lễ, đức Giáo hoàng Pio IX, tại nhà thờ ông Thánh Phêrô ở La Mã. Trước mặt nhiều Hồng y Giám mục, thần học và đoàn sứ thần các nước đã long trọng tuyên bố trong một đạo sắc buộc toàn thể giáo hữu phải tin nhận Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Lời tuyên bố đã được hoan nghênh. Trước đó toàn thể giáo dân khắp nơi đã ăn chay cầu nguyện, và sau đó bao nhiêu sách báo không phù hợp với đạo sắc phải đốt xé đi, và bao nhiêu tư tưởng lệch lạc phải uốn nắn lại.

Đến năm 1858, Đức Mẹ đã hiện ra tại bang Massabielle, khu này ở Lộ Đức và đã cho một em bé gái là Bernadette trông thấy nhiều lần, và trong lần thứ 16 Đức Mẹ đã xưng với em bé mình là Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội.

### LỄ ĐỨC MẸ LÊN TRỜI

Lễ kỷ niệm ngày Đức Mẹ rời bỏ thế gian để lên thiên đàng, cử hành hàng năm, vào ngày 15 tháng 8.

Từ trước, giáo dân vẫn tin Đức Mẹ, cả phần hồn lẫn phần xác đã lên trời, nhưng mãi cho tới năm 1950, Giáo hoàng Pio XII mới long trọng tuyên bố và buộc hết mọi giáo hữu phải tin điều này.

Chung quanh việc Đức Mẹ lên trời, được kể lại rằng, sau khi Chúa Jésus không còn ở thế gian, Đức Mẹ còn lưu lại 23 năm nữa để an ủi và giúp đỡ các Thánh tông đồ.

Khi biết được mình sắp được về trời, Đức Mẹ nhắc các tông đồ trở về Jérusalem. Các tông đồ, trừ Thánh Thomas, đã được gặp Đức Mẹ lúc lâm chung.

Đức Mẹ tắt thở, phòng xác sáng lên và có mùi thơm tho. Sau ba ngày kính viếng của tông đồ và giáo hữu, đám tang được cử hành và xác Đức Mẹ đã chôn trong một ngôi mộ cách Jérusalem 300 bước.

Khi ở mộ ra về, mọi người gặp ông Thomas vừa ở xa về đến. Ông Thomas xin trở lại mộ và xin mở mồ để thấy mặt Đức Mẹ lần chót. Mở mồ ra: mọi người đã sững sốt vì xác Đức Mẹ không còn nữa. Ở nơi mồ bốc ra một mùi thơm bát ngát. Mọi người nhìn nhau và ai nấy đều tin Đức Mẹ đã lên trời.

Đối với Giáo hội, trên Thiên đàng cũng như ở trần gian, Đức Mẹ được nâng lên cao trên các Thiên Thần, các Thánh tông đồ và hết mọi Thánh. Vào bất cứ nhà thờ nào cũng đều có ảnh tượng Đức Mẹ. Nhiều bài kinh bài hát đã có đề thờ kính Đức Mẹ.

### LỄ CÁC THÁNH

Lễ cử hành ngày 1 tháng 11 mỗi năm với mục đích làm lễ kính chung tất cả các Thánh, đáng đã được phong và đáng không được phong như các trẻ nhỏ chết sau khi chịu phép Rửa tội, những người lớn tử vì đạo và hết thảy những ai đã sống trong thánh thiện.

Vì đạo, biết bao nhiêu người xứng đáng bậc thánh nhưng không được phong chức Thánh, và con số có lẽ còn nhiều hơn con số các Thánh đã được Hội thánh phong chức.

Thực ra Hội thánh muốn phong chức cho tất cả những người xứng đáng, nhưng vốn là người ở cõi trần, Hội thánh không sao biết hết được.



Bởi vậy với lễ các Thánh, Hội thánh làm lễ kính chung mọi vị đã xứng đáng bậc Thánh đối với đạo, dù đã được phong chức hay không. Các Thánh nay đã lên thiên đàng sung sướng, phúc đó rất đáng cho tín đồ ao ước trông mong.

Lễ các Thánh ngoài việc kính lễ chư Thánh còn có ý nghĩa khuyên nhủ tín đồ sống trong thánh thiện để mở đường lên với Chúa.

### LỄ CÁC LINH HỒN

Lễ cử hành hàng năm vào ngày 2 tháng 11, sau ngày lễ Các Thánh một hôm. Trong lễ này các tín đồ cầu nguyện cho linh hồn những người đã quá cố. Và cũng trong ngày hôm nay người ta rủ nhau đi thăm mộ, đặt bó hoa, sửa lại nấm mộ.

Xét qua các tiết lễ Thiên Chúa giáo, nhiều lễ thật có ý nghĩa không những đối với tín đồ mà đối với tất cả mọi người. Mặc dầu trong mọi lễ, chỉ nêu lên một kỷ niệm về đạo, nhưng thực tế cũng đã bao hàm biết bao nhiêu ý nghĩa khuyên thiện. Những điều viết trên về các tiết lễ chỉ là những điều sơ lược, nhưng cũng đủ nói lên ý nghĩa của mỗi lễ.

Tìm hiểu một tôn giáo không phải chỉ tìm hiểu qua mấy chục trang giấy, cũng như tìm hiểu một tiết lễ không phải chỉ tìm hiểu qua mười dòng in.

Nếu thấy quá sơ sài, chỉ nên coi đây như những điều chỉ dẫn sơ lược, và các sách khác sẽ giúp các bạn tìm biết kỹ lưỡng hơn.

### KẾT LUẬN

Cũng như các tôn giáo khác ở Việt Nam, Thiên Chúa giáo đã được người Việt Nam đón nhận một cách nhiệt thành vì giáo lý của đạo, vì đức hạnh của các tu sĩ và vì sự tổ chức quy mô đã đem lại lòng tin cho con người.

Người Việt Nam theo Thiên Chúa giáo, lẽ tất nhiên phải, như tín đồ ở bất cứ nơi nào, tuân theo những giáo điều và buộc mình theo những tục lệ của đạo. Có nhiều tín đồ Việt Nam là những người rất ngoan đạo, nhưng trong khi tuân theo tục đạo vẫn không bỏ tục của đất nước, họ đã khéo hòa hợp những cái hay của dân tộc với những cái hay của đạo giáo.

Ngày nay chúng ta có thể thấy rằng việc thờ phụng gia tiên đã được Thiên Chúa giáo chấp thuận. Những ngày giỗ, tết Nguyên Đán các đồng bào Thiên Chúa giáo cũng sống theo nếp cũ, tuy có một điều dị biệt nhỏ không đáng kể.

Trong Thiên Chúa giáo, chúng ta cũng thấy có những điều so với các tôn giáo khác không kém phần huyền hoặc, nhưng đối với tín đồ đây chỉ là những phép lạ thiêng liêng. Chúng ta hãy chấp nhận những điều đó, cũng như những điều mà chúng ta cho là huyền hoặc ở các tôn giáo khác. Về tôn giáo, chớ nên bàn cãi tới phần thiêng liêng, chỉ nên căn cứ vào giáo lý.

Cứ kể ra tìm hiểu một tôn giáo, mấy chục trang trong sách này đâu đã nói được nhiều. Mới chỉ đủ nêu lên những điều sơ lược nhất, tuy nhiên chắc chắn những điều sơ lược cũng giúp ích được bạn đọc phần nào để hiểu biết một tôn giáo đứng vào hàng quan trọng tại Việt Nam.

#### *MƯỜI ĐIỀU RĂN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI*

1. Thờ phượng một đức Chúa Trời và kính mến người trên hết mọi sự;

2. Chớ kêu tên đức Chúa Trời vô cớ;

3. Giữ ngày Chủ nhật;

4. Thảo kính cha mẹ;

5. Chớ giết người;

6. Chớ làm sự dâm dục;

7. Chớ lấy của người;



8. Chớ làm chứng dối;
9. Chớ muốn vợ chồng người;
10. Chớ tham của người.

#### SÁU ĐIỀU RĂN CỦA HỘI THÁNH

1. Xem lễ ngày Chủ Nhật cùng các ngày lễ buộc;
2. Chớ làm việc xác ngày Chủ Nhật và các ngày lễ buộc;
3. Xưng tội trong một năm ít là một lần;
4. Chịu Mình Thánh Đức Chúa Trời trong mùa Phục sinh;
5. Giữ chay những ngày Hội thánh buộc;
6. Kiêng thịt ngày thứ sáu cùng những ngày khác Hội thánh dạy.

#### AMEN NGHĨA LÀ GÌ?

Amen đôi khi có nghĩa là “mong thay”, “ước chi được như vậy”, chẳng hạn cuối một lời cầu xin. Nhưng Amen ở cuối đầu Thánh giá hay cuối kinh Tín Kính thì có nghĩa gì?

Không cần phải dịch tiếng Amen, gốc tiếng là do tiếng Hy Bá Lai, nhưng đã được đưa vào hết các ngôn ngữ. Tổ tiên ta cũng khởi sự các việc phụng vụ như thế này: “Nhân danh Cha và Con và Thánh thần - Amen”.

Amen theo tiếng Hy Bá Lai có nghĩa là: bền vững, lâu dài, chắc chắn.

Khi hô lên tiếng Amen lại có nghĩa là; Được! Hoan hô! Đồng ý! Đúng rồi! Thật vậy! A ha!

Amen tỏ lòng tin tưởng, quả quyết, nhiệt húng.

Chúng ta thưa Amen biểu đồng tình với vị linh mục. Chúng ta tán đồng, lời thỉnh cầu của Ngài, chúng ta nhấn mạnh lời Ngài quả quyết. Chúng ta biểu quyết theo như cuộc vận động của Ngài.

“Xin vâng” “Xin hợp ý” là một lời nhấn nhục, tuân phục.

Amen là tiếng hoan hô của những con người dũng cảm vững chí.

“Mong thay” có thể nói nhỏ thì thầm.  
Amen phải hô cho lớn tiếng, ca cho đầy giọng.  
Amen là lời hợp nhất tín hữu với linh mục.  
Amen là tiếng hợp nhất các tín hữu với nhau.  
Amen không khó hát gì cả: chỉ một hay vài cung thôi.  
Hát Amen đối với tín hữu là điều tối thiểu và thiết yếu trong việc tham dự lễ Misa.

Thánh Âu Cu Tinh nói: Trong Thiên đàng, chúng ta sẽ ca Amen và Alleluia.

## QUỐC GIA VATICAN

### *Thành phần lãnh thổ.*

Nước Vatican là một quốc gia đặt dưới quyền lãnh đạo tối cao của đức Giáo hoàng. Đó là một nước quân chủ nhỏ nhất trên thế giới. Vatican nằm gọn trong thành Roma, trên một diện tích 440.000 thước vuông.

Lãnh thổ Vatican gồm có điện Vatican, viện bảo tàng, viện mỹ thuật, các công viên, thư viện, đài phát thanh, bu điện, ngân hàng, đài thiên văn, các công sở, công thự, đại Thánh đường Phêrô và những tòa nhà kề cận Thánh đường cho đến đường Viale Vaticano.

Tại Roma, ngoài thành Vatican, còn có 13 cơ sở khác thuộc quyền tư hữu của Tòa Thánh, như các đại Thánh đường Đức Bà, đại Thánh đường Thánh Gioan ở Laterano và đại Thánh đường Phalô ngoài thành. Ngoài ra một số công thự dùng làm trụ sở cho nhiều Thánh Bộ như Thánh Bộ Truyền Giáo ở công trường Tây Ban Nha. Và sau hết, biệt thự Castel Gaudlofo, nơi đức Giáo hoàng thường qua mùa hè, cách Roma chừng 30 cây số về phía Bắc, cũng thuộc thành phần lãnh thổ của nước Vatican.

### *Tổ chức chính quyền*

Đức Giáo hoàng chính là quốc vương nước Vatican. Trong tay Ngài có trọn cả quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp. Thường





ngài trao quyền ấy cho một Ủy ban Quốc hội chỉ huy và điều khiển. Hiến pháp Vatican dựa trên bộ Giáo luật. Trường hợp nào Giáo luật không đề cập tới, sẽ được bộ dân luật Roma bổ túc.

Vatican là một quốc gia trung lập hoàn toàn, nơi đây thể hiện đầy đủ mọi quyền hành và đặc ân của nước độc lập, tự do và hạnh phúc. Đức Hồng Y Quốc vụ khanh thay mặt đức Giáo hoàng, đứng phụ trách ngành ngoại giao với các quốc gia trên thế giới. Các Đức Hồng y thuộc giáo triều mà ở ngoài thành Vatican đều được hưởng đặc ân như công dân Vatican. Chỉ những công dân Vatican mới phải tùng phục đức Giáo hoàng như là một thủ lãnh một quốc gia.

#### *Dân số và chức dịch.*

Dân số chính thức của nước Vatican không được 1.000 người. Đại đa số là linh mục và tu sĩ, còn người ngoài ra là nhân viên chức dịch thư ký, v.v...

Binh sĩ và đoàn tháp tùng đức Giáo hoàng gồm có hai đội chuyên nghiệp và ba đội danh dự. Từ năm 1506, vệ binh Thụy Sĩ nhận trọng trách bảo vệ an ninh cho đức Giáo hoàng. Hiến binh tòa Thánh kiêm cả ngành cảnh sát của đô thành Vatican. Vệ binh Giáo hoàng, ngự lâm quân và cận vệ là ba đội danh dự phục dịch trong cung điện Vatican và tháp tùng đức Giáo hoàng trong các dịp đại lễ.

#### *Mấy công thự thờ danh.*

Đại Thánh đường Thánh Pherô được xây cất từ năm 1506 đến năm 1626 mới xong. Đó là đền thờ lớn nhất thế giới, thường là địa điểm cho các buổi lễ cao trào do chính đức Giáo hoàng cử hành hay chủ tọa, nhưng nhà thờ chính tòa của đức Giáo hoàng lại là đền thờ thánh Gioan ở Laterano, kiến thiết sau năm 324. Nhà thờ bà thánh Anna là nhà thờ sở tại của họ Vatican.

Thư viện Vatican là một trong năm thư viện lớn nhất hoàn cầu, có 70.000 bản thảo, 770.000 cuốn sách in và 7.500 sách

xuất hiện khi máy in mới phát hành, thuộc về những khoảng trước năm 1500. Phần lớn những văn kiện này được chụp ra phim nhỏ, giữ trong thư viện Piô XII, tại đại học đường thánh Lu I.

*Thế quyền và Giáo quyền của đức Giáo hoàng.*

Thế quyền là quyền phân đời của đức Giáo hoàng, tức là quyền riêng của ngài được cai trị một nước độc lập, tự do không phải lệ thuộc vào một nước nào. Thế quyền là hình ảnh tượng trưng cho giáo quyền, quyền phân đạo của đức Giáo hoàng, quyền cai trị tối cao về tinh thần đối với mọi người công giáo trên thế giới.

Trước kia trong nhiều thế kỷ, thế quyền của đức Giáo hoàng rộng lớn hơn nhiều. Cho đến cuối thế kỷ thứ XIX, nước đức Giáo hoàng bao quát cả miền Trung nước Ý, với dân số 3.000.000 người. Năm 1870, nước Ý dùng võ lực xâm chiếm toàn lãnh thổ, ngoại trừ khu vực chung quanh đồi Vatican, đến Laterano và biệt thự Casteo Gaudolfo.

*Vấn đề Roma.*

Do việc chiếm cứ đó và việc xâm phạm đến quyền tối cao của đức Giáo hoàng mà vấn đề Roma đã được đặt ra, và mãi đến năm 1929, với hiệp ước Laterano ký kết giữa nước Ý và Tòa Thánh, chính thức công nhận đức Giáo hoàng có quyền tối cao phân đời và đặc quyền cai trị thành Vatican, mới dàn xếp xong. Thỏa ước này đã thành một khoản luật thứ VII trong Hiến pháp nước Ý công bố ngày 26-3-1947.



# ĐẠO TIN LÀNH



Đạo Tin Lành còn gọi là đạo Cơ Đốc cùng một nguồn gốc với đạo Thiên chúa, tin nhận Chúa Jêsus Christ là Chúa cứu thế và thờ phụng Đức Chúa Trời.

Đạo Tin Lành cũng đồng một giáo lý với Thiên Chúa giáo và coi mọi người trên thế gian như anh em trong một nhà.

Điểm khác biệt ở đạo Tin Lành với đạo Thiên chúa là các tín đồ chỉ thờ Chúa, không thờ các hình tượng và sự tin theo Chúa thể hiện qua sự tin theo Kinh Thánh.

*Tín đồ Tin Lành lấy Kinh Thánh làm khuôn vàng thước ngọc cho mọi hành vi cử chỉ của mình. Kinh Thánh là la bàn, là sự sáng chỉ đường soi lối cho linh trình tín đồ. Hàng ngày đời thuộc linh tín đồ được Lời Kinh Thánh nuôi nấng, không có quyền tuyệt đối trên đời sống tín đồ.*

## ĐẠO RA ĐỜI

Nói về thời kỳ xuất hiện của Jêsus Christ, nghĩa là lúc đạo ra đời, Hội thánh Tin Lành đã căn cứ theo Kinh Thánh ghi lại:

*Ban đầu có Đạo, Đạo ở cùng Đức Chúa Trời, và Đạo là Đức Chúa Trời. Đạo là Đức Chúa Trời, là ngôi thứ hai trong*

*ba Ngôi Đức Chúa Trời. Đạo ấy vô thủy vô chung. Từ khi chưa tạo thiên lập địa, chưa có muôn vật muôn loài và vũ trụ thì đã có Đạo. Đạo đầy đầy bầu trời quả đất và vũ trụ. Xưa nay Đạo vận hành khắp nơi khắp chốn. Đạo ấy có quyền năng vô hạn vô lượng, vinh hiển và thánh khiết vô đối.<sup>(1)</sup>*

Theo Kinh Thánh chính Đạo đã hiệp cùng Đức Chúa Trời để tạo nên vũ trụ, thế gian, muôn vật muôn loài và giữ cho vũ trụ và thế gian được tồn tại.

Về sau Đạo đã nhục thể hóa qua Chúa Jêsus, do nữ đồng trinh Maria sinh ra ở chuồng bò Bê Lem.

Đạo bắt đầu được thờ phụng bởi những người chăn cừu, ba vị bác sĩ, kể đó bởi mọi người.

Chúa Jêsus đã đi khắp xứ Do Thái truyền Đạo; thi thố nhiều phép lạ và đã hy sinh trên thập tự giá để cứu nhân loại.

Chúa bị chôn ba ngày, nhưng sau đó Chúa lại trở về trời, ngồi bên Đức Chúa Trời.

Kinh Thánh còn nói rằng Chúa sẽ tái lâm giáng thế.

## ĐẠO TIN LÀNH QUA CÁC THỜI KỲ

Trước khi về trời, Đức Chúa Jêsus có phán cho các tông đồ: Hãy đi khắp thế gian, giảng Tin Lành cho muôn dân (Mác 16:15). Hãy khiến muôn dân trở nên môn đồ ta, làm báp têm cho họ nhân danh Cha, Con và Thánh linh (Ma 28:19).

Trải qua 20 thế kỷ từ khi Chúa Jêsus ra đời, đạo của Chúa đã được các tông đồ theo mệnh lệnh của Ngài truyền đi khắp mọi nơi. Công cuộc truyền giáo đã tiến triển qua các thời kỳ.

*Thời kỳ các sứ đồ.* Thời kỳ này tính từ năm 33 đến năm 100. Trong thời kỳ này chính các sứ đồ đảm nhiệm công

---

1. Tim hiểu Hội thánh Tin Lành Việt Nam, trang 38, 39.



việc truyền giáo tại Do Thái và Âu châu, cho đến khi có các Hội thánh.

*Thời kỳ các Giáo phụ Hội thánh đầu tiên (100-800).* - Hội thánh đầu tiên do người Do Thái thành lập ở Jérusalem, sau đó là Hội thánh Antiốt. Người ta chưa tin ở Chúa. Nhiều tín đồ và Giáo phụ bị bắt và thọ hình, nhưng Hội thánh vẫn nỗ lực truyền giáo tại Pháp, Ấn Độ, Bắc Phi, Á Rập, Ba Tư, Trung Hoa, Đức... Ở Nam Ấn Độ cũng có một Hội thánh được thành lập vào cuối thế kỷ thứ II.

*Thời kỳ Trung Cổ (800-1500).* - Hội thánh lúc này phân chia làm hai Giáo hội: Giáo hội La Mã tức là Hội thánh Thiên Chúa giáo Tây phương và Giáo hội Hy Lạp tức là Hội thánh Đông phương.

Việc truyền đạo vẫn xúc tiến đều đều và đã lan tới nước Nga và Greenland.

Cho tới hết thời kỳ Trung Cổ này, Giáo hội Tin Lành và Giáo hội Thiên Chúa giáo chỉ là một, và đạo Tin Lành chỉ trở nên một tôn giáo khác biệt sau thời kỳ này.

*Thời kỳ Cải Chánh (1500-1650).* - Một quan niệm mới về việc phụng sự Chúa xuất hiện, và đây là lúc bắt đầu đạo Tin Lành tách riêng khỏi Giáo hội Thiên chúa. Trong lúc này tuyên truyền về Chúa vẫn tiến triển và đã lan tới Nhật Bản, Tô Cách Lan, Gia Nã Đại (Canada) và nhiều miền ở Mỹ châu.

*Thời kỳ hậu Cải Chánh (1650-1793).* - Kể từ thời kỳ Cải Chánh, ngoài hai Giáo hội La Mã và Hy Lạp trên, có thêm Giáo hội Cải Chánh, và Giáo hội này tức là Giáo hội Tin Lành. Giáo hội đã tuyên truyền đạo Chúa theo quan niệm Cải Chánh.

Giáo hội Cải Chánh đã dùng lời Kinh Thánh để chứng minh việc làm của mình:

*“Đấng thánh, Đấng chân thật. Đấng có chìa khóa của Đa Vít, mở thì không ai đóng được, đóng thì không ai mở được,*

*phán rằng: Ta biết công việc người, người ít có năng lực, mà đã giữ đạo ta, chẳng chối danh ta; kìa, ta để trước mặt người một cái của mở ra, chẳng ai có thể đóng được.” (Khải 3:7-8).*

*Thời kỳ cận kim.* - (1793-1939) - Nhiều hội truyền giáo Tin Lành được thành lập và gửi nhiều giáo sĩ đi các nước. Trong số các hội truyền giáo, rất nhiều, đáng kể có hội Truyền giáo Cơ Đốc và Giáo sĩ Liên Hiệp (The Christian and Missionary Alliance), thành lập tại Nữ Ước vào năm 1887 bởi mục sư A.B.Simpson, một Thần khoa Tiến sĩ, người Gia Nã Đại (Canada). Mục sư thấm nhiễm đạo Chúa và đầy lòng yêu thương đối với mọi người. Ông say mê giảng đạo và viết sách kêu gọi cổ võ các giáo phái của Hội thánh Tin Lành liên hiệp để cùng lo việc truyền giáo tới các xứ lạ. Ông muốn mọi người đều được soi sáng bởi đạo Chúa.

*Thời kỳ hiện đại.* - (Từ 1939) - Giáo hội Tin Lành gửi các mục sư tới các nơi đạo Chúa càng được phổ biến.

## ĐẠO TIN LÀNH QUA VIỆT NAM

Hội Cơ Đốc và Giáo sĩ Liên Hiệp gửi mục sư di truyền giáo trên 20 quốc gia trong đó có Việt Nam. Năm 1887, mục sư A.B.Simpson đã nghĩ tới Việt Nam, hồi đó là nước An Nam; mục sư cổ động Hội nên lo truyền giáo tại Việt Nam ta. Mùa hè năm 1893, mục sư David Lelachan có đến Sài Gòn. Năm 1894, tuần báo của hội có cổ võ khuyến khích việc truyền giáo tại Soudan, và hai quốc gia Á Đông là Tây Tạng và Việt Nam. Năm 1879, Giáo sĩ C.H.Rieves của hội đã tới thăm viếng và xem xét tình hình nước ta. Năm sau, Giáo sĩ Jaffray ở miền Nam Trung Hoa cũng tới thăm Bắc Việt và đã tới Hà Nội, nhưng chưa được phép lập cơ sở truyền giáo. Năm 1902, lại có hai ông bà Giáo sĩ Sylvan Dayan, người Gia Nã Đại (Canada)



được phái tới Hải Phòng để lo việc truyền giáo, nhưng lúc đó việc truyền giáo không được chính quyền Pháp chấp nhận, nên hai ông bà lại phải trở qua miền Nam Trung Hoa. Ở đây tương nên nhắc lại là người Pháp căn cứ vào hiệp ước ký với Việt Nam, chỉ cho phép Thiên Chúa giáo được tự do truyền giáo, còn các tôn giáo khác ở Tây phương tới đều bị ngăn cấm.

Năm 1905, Hội Truyền giáo miền Nam Trung Hoa quyết định mở một địa hạt truyền giáo tại Long Châu với ý định đem đạo Tin Lành sang Bắc Việt, nhưng ý định không thành tựu vì lẽ không được chính quyền Pháp đồng ý.

Cho mãi tới năm 1911, đạo Tin Lành mới được du nhập vào Việt Nam, nhưng chỉ được hành đạo và truyền giáo tại các nhượng địa của Pháp, còn các địa phương khác, đạo vẫn bị ngăn cản trong khi Thiên Chúa giáo vẫn được tự do bành trướng. Mãi tới năm 1920, đạo Tin Lành mới được phép tự do truyền giáo tại khắp lãnh thổ Việt Nam.

Năm 1911, cơ sở đầu tiên của đạo được mở ra tại Đà Nẵng dưới sự tổ chức của Giáo sĩ Jaffray với hai giáo sĩ khác là ông M.Hosler và G.Lloyd Hughes. Tổ chức xong cơ sở, ông Jaffray lại trở về Trung Hoa, để lại việc điều khiển truyền giáo cho hai giáo sĩ Hosler và Hughes, nhưng mùa hè năm đó, Giáo sĩ Hughes mệnh một, chỉ còn lại một mình Giáo sĩ Hosler lo việc đạo. Sau đó, Hội Truyền giáo từ Nữ Ước đã gửi nhiều giáo sĩ tới Việt Nam và kể từ thời đó, dần dần tại các nơi khác, các cơ sở của Giáo hội Tin Lành được thiết lập và ngày nay tại Việt Nam đã có Hội thánh Tin Lành Việt Nam.

## HỘI THÁNH TIN LÀNH VIỆT NAM

Hội thánh Tin Lành Việt Nam tổ chức theo chánh thể Cộng Hòa nghĩa là mọi công việc của Hội thánh không do một cá

nhân nào tự chuyên tự quyết được. Nhưng cũng không phải mọi tín đồ có thể tham dự bàn định, bàn là do các Hội đồng gồm các đại biểu của các Chi hội công cử vậy.<sup>(1)</sup> Giáo hội chia ra:

- Chi hội,
- Địa hạt Liên hội,
- Tổng liên hội.

Chi hội. - Tại nơi nào có một số tín đồ đều có một Chi hội của Hội thánh. Chi hội do ông mục sư tại nơi đây điều khiển và có một ban trị sự. Ban trị sự do các tín đồ bầu ra. Mọi tín đồ chính thức đều có quyền ứng cử vào ban trị sự và tham gia việc bầu cử.

Địa hạt Liên hội. - Tất cả các Chi hội trong một địa hạt liên hiệp lại thành Địa hạt Liên hội.

Địa hạt Liên hội cũng có một ban trị sự gồm Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, thư ký và nhiều nhân viên khác, có nhiệm vụ và thẩm quyền thi hành các quyết nghị do Hội đồng Liên hội ủy nhiệm. Các chức vụ trong ban trị sự cũng do Hội đồng Liên hội bầu lên bằng phiếu kín. Hội đồng Liên hội gồm các đại diện các Chi hội.

Tổng Liên hội. - Tất cả các địa hạt Liên hội họp lại thành Tổng Liên hội. - Ban trị sự của Tổng Liên hội gồm có Hội trưởng, Phó Hội trưởng, thư ký và các nhân viên khác, ban trị sự của mỗi hạt do Hội đồng Tổng liên hội công cử có nhiệm vụ và thẩm quyền thi hành các quyết nghị do Hội đồng ấy ủy nhiệm. Các Chủ nhiệm của các địa hạt được sung vào ban trị sự này.

---

1. Tìm hiểu Hội thánh Tin Lành Việt Nam, trang 6.





## SINH HOẠT CỦA CÁC ĐƠN VỊ TIN LÀNH

Để phụng sự Chúa, các đơn vị trên đều có sinh hoạt định kỳ hoặc bất thường.

*Sinh hoạt Chi hội.*

Mỗi Chi hội đều có sự nhóm họp sáng chủ nhật tại nhà thờ dưới quyền chủ tọa của mục sư hay vị phụ trách tuyên truyền của Chi hội. Trong buổi họp có giải bày về Kinh Thánh. Và các tín đồ để tham gia việc thờ phụng Chúa đều dâng tiền. Ngoài số tiền dâng này, họ còn nộp một số tiền lạc hiến bằng một phần mười hoa lợi. Tiền này cũng dùng vào việc Chúa. Số tiền lạc hiến được nộp theo đúng lời Kinh Thánh:

*Các người hãy đem hết thảy phần mười vào kho, hầu cho có lương thực trong nhà ta; và từ nay các người khá lấy điều này mà thử ta. ĐỨC GIÊ HÔ VA VẠN QUÂN PHÁN, xem ta có mở các cửa sổ trên trời cho các người, để phước xuống cho các người đến nỗi không chỗ chứa chằng (Mal.3; 9,10).*

Trong buổi nhóm họp ngày Chủ nhật, trước khi giải bày Kinh Thánh các tín đồ cùng nhau cầu nguyện và có lớp Trường Chủ nhật, một lớp học, do một chủ tọa và nhiều giáo sư phụ trách dạy truyền tích và giáo lý trong Kinh Thánh cho các tín đồ. Trường cũng chú ý dạy các nhi đồng biết rõ về Chúa. Có nhiều Chi hội tổ chức cả buổi dạy nhi đồng vào mỗi chiều thứ năm.

Buổi chiều mỗi Chủ nhật, ban Thanh niên Tin Lành nhóm họp. Các nam nữ thanh niên cùng nhau kê cứu Kinh Thánh và học tập việc thờ phụng Chúa. Ban Thanh niên cũng do một Ban Quản trị điều khiển, ban này do chính các nam nữ thanh niên bầu lên.

Mỗi chi hội lại có một ban Chứng đạo do vị Mục sư, vị truyền đạo hoặc một vị tín đồ thành khẩn làm trưởng ban.

Những tín đồ sốt sắng với đạo tình nguyện gia nhập ban này để đem Tin Lành làm chứng cho người chưa tin Chúa. Họ

quyên tiền mua sách đạo phân phát cho những ai muốn tìm hiểu Chúa. Thường vào chiều Chủ nhật ban đi làm chứng, phát sách và mời đồng bào đến dự thánh vào giờ giảng Tin Lành.

Vài buổi tối trong mỗi tuần, các Chi hội thường tổ chức những buổi rao truyền Tin Lành cho người chưa tin Chúa.

Ngoài những sinh hoạt thường xuyên trên, mỗi Chi hội thường còn có những buổi nhóm họp quan hệ khác để cầu nguyện hoặc ở nhà thờ hoặc luân phiên ở các nhà tín đồ.

Mục đích các buổi nhóm họp cầu nguyện thường là:

- Xin Chúa mở mang Hội thánh và cứu rỗi nhiều linh hồn;
- Xin Chúa ban tứ mọi nhu cầu;
- Xin Chúa ban ơn khiến Hội thánh càng thêm mạnh mẽ.

Các phụ nữ của mỗi Chi hội cũng có những hoạt động. Họ cũng có những phiên nhóm họp để trao đổi ý kiến và học hỏi về lời Chúa. Trong những phiên nhóm họp này, bà mục sư hoặc truyền đạo chủ tọa.

Các phụ nữ này cũng có bốn phận đi thăm viếng an ủi những chị em bệnh hoạn.

Hoạt động đáng ghi nhất là Hội đồng thường niên của Chi hội mà tất cả các tín đồ đều có quyền tham dự, dưới quyền chủ tọa của mục sư hay vị truyền đạo của Chi hội. Các tín đồ chính thức đều có quyền bầu cử và ứng cử các chân trong ban trị sự Chi hội.

Trong phiên hội đồng thường niên này, ban trị sự năm qua trình công việc đã làm và hội đồng thảo luận về các công việc trong năm tới.

Hội đồng thường niên có thể quyết định về việc lưu giữ vị mục sư hay truyền đạo, Chi hội mãn khóa hoặc mời vị khác với điều kiện có Chủ nhiệm địa hạt đến chủ tọa.

Ngoài hội đồng thường niên còn có những phiên hội đồng bất thường, mỗi khi có việc cần phải giải quyết. Hội đồng bất thường do vị Mục sư hoặc vị truyền đạo chủ tọa.



Các Chi hội cũng luôn luôn thực hiện công tác bố đạo và phục hưng.

Về việc bố đạo, Chi hội mời các vị mục sư hoặc truyền đạo ở các Chi hội khác tới rao truyền Tin Lành và hiệp tác việc hầu Chúa.

Vấn đề phục hưng, các tín đồ cầu nguyện xin Chúa một cơn phẫn hưng và tổ chức những buổi giảng phục hưng. Thường Chi hội mời các vị mục sư hoặc truyền đạo các Chi hội khác tới giảng trong những buổi giảng phục hưng.

*Sinh hoạt Địa hạt liên hội.*

Mỗi Địa hạt liên hội có các buổi nhóm họp:

- Hội đồng thường niên;
- Hội đồng linh tu;
- Cuộc truyền đạo tuần hoàn.

Hội đồng thường niên nhóm họp các đại biểu Chi hội. Chương trình do ban trị sự địa hạt ấn định. Ông Chủ nhiệm địa hạt chủ tọa hội đồng.

Hội đồng linh tu là những buổi nhóm họp giữa các mục sư, các vị truyền đạo và tín đồ từng khu vực để thờ phụng Chúa, giảng dạy Kinh Thánh và cầu nguyện để bồi bổ đời thuộc linh.

Cuộc truyền đạo tuần hành do một ban gồm các vị mục sư và truyền đạo trong địa hạt phụ trách. Một địa hạt có thể có nhiều ban truyền đạo tuần hoàn, mỗi ban cho một khu vực. Ban tổ chức những buổi nhóm ở từng Chi hội có chân trong Ban để phân phát lời Chúa cho tín đồ và rao truyền Tin Lành cho người chưa tin Chúa.

*Sinh hoạt của Tổng Liên hội.*

Hàng năm có Hội đồng Tổng Liên hội. Ban trị sự ấn định chương trình và nơi nhóm rồi thông báo cho các Chi hội trong các hạt, cử đại diện chính thức đến dự, dưới quyền chủ tọa của Hội trưởng.

Cùng với Hội đồng Tổng Liên hội thường có tổ chức Hội đồng mục sư truyền đạo toàn quốc để trao đổi kinh nghiệm

trong công việc Chúa. Hội trưởng cũng chủ tọa Hội đồng mục sư này.

## TIẾT LỄ TIN LÀNH

Nói về các tiết lễ Tin Lành, Hội thánh Tin Lành Việt Nam đã viện dẫn Kinh Thánh dạy rằng:

*Vậy chớ nên để ai xét đoán anh em về đồ ăn đồ uống, hoặc ngày lễ, hoặc ngày trăng non, hoặc ngày sa bát, ấy đều là bóng của sự sẽ đến, còn thể thì là đáng Christ (Col.2: 16,17).*

Và các tín đồ Tin Lành tuy vẫn giữ những ngày lễ nhưng không quá quan tâm về ngày lễ, và ngày lễ không chi phối được đức tin và đời tín ngưỡng. Ngày lễ, các tín đồ chỉ dùng để tôn vinh Chúa.

Những ngày lễ của Tin Lành giáo cũng chính là một số những ngày lễ của Thiên Chúa giáo.

## LỄ GIÁNG SINH

Cử hành vào tối 24 tháng 12 dương lịch mỗi năm, nhưng không nhất định giờ nào. Mỗi năm Hội thánh Tin Lành toàn thế giới cử hành long trọng lễ Giáng sinh để kỷ niệm ngày Chúa Jêsus xuống cõi trần cứu vớt nhân loại.

Có Chi hội cử lễ sớm hơn, có Chi hội cử lễ trễ vài ngày. Cũng có Chi hội cử lễ này vào tháng giêng. Tóm lại vấn đề ngày giờ không nhất định như lễ Giáng sinh của đạo Gia Tô.

Sự tích lễ Giáng sinh tức là sự tích của Đức Chúa Jêsus giáng sinh, tương tự như bên Gia Tô giáo.

Trong khi cử hành lễ Giáng sinh, tín đồ phải:

Kính cẩn dự lễ để nhớ ơn Chúa lia ngôi vinh hiển xuống thế gian, giáng sinh vào nơi dê hèn để cứu vớt nhân loại;

Dâng tâm linh thân thể làm của lễ sống đẹp lòng Chúa.



Thành tâm dâng tài năng, sức lực và rộng rãi dâng của cải để phục vụ Chúa.

Đối với những người chưa tin Chúa, nhân lễ này Hội thánh Tin Lành khuyên nên ăn năn tội lỗi và tin thờ Chúa.

Nhân dịp lễ Giáng sinh, tại các Chi hội đều có những buổi nhóm họp đặc biệt để kỷ niệm sự hy sinh của Chúa Jêsus.

Nhà thờ phải được trang hoàng chưng dọn cho sạch sẽ, rực rỡ.

## LỄ PHỤC SINH

Lễ Phục Sinh cũng giống như bên Gia Tô giáo, là lễ kỷ niệm Chúa Jêsus đã sống lại sau khi chết.

Sau khi Giáng sinh hơn 33 năm, Chúa Jêsus bị một phần đông dân chúng và các nhà lãnh tụ Do Thái ghét, nên bị đem đóng đinh trên cây Thập tự. Chúa chết, các môn đồ của Chúa xin lại xác và đặt ở trong huyết đục vào một tảng đá lớn.

Kẻ thù vẫn chưa hết ghen ghét, xin với các nhà cầm quyền niêm phong và cho canh gác mộ Chúa. Vậy mà sau ba ngày đêm đã có Thiên Sứ hiện xuống mở mộ và Chúa đã sống lại.

Sự phục sinh này là một sự thực, và theo Hội thánh có đủ chứng cứ chắc chắn qua Kinh Thánh và qua các sự kiện đã chứng minh.

Lễ Phục Sinh cũng được cử hành long trọng như lễ Giáng sinh.

Sự sống lại của Chúa tạo hy vọng về cõi lai sinh cho các tín đồ và nói lên quyền năng uy pháp của Chúa.

Nếu Đấng Christ không sống lại thì đạo Tin Lành không khác gì các Tôn giáo khác. Nhưng thật đáng Christ đã phục sinh. Bởi vậy vào ngày lễ Phục Sinh, tín đồ Tin Lành tổ chức những buổi nhóm đặc biệt để thờ phụng Đức Chúa Trời và kỷ niệm sự sống lại của đức Chúa Jêsus.<sup>(1)</sup>

---

1. Tìm hiểu Hội thánh Tin Lành Việt Nam trang 21.

Sau khi phục sinh Chúa hiện ra cùng với sứ đồ, các môn đồ và trao cho họ quyền phép và ân tứ được rao truyền Tin Lành Ngài.

## LỄ THĂNG THIÊN

sau khi phục sinh, đức Chúa Jêsus ở lại cõi trần thêm 40 ngày đêm nữa để giảng dạy cho các môn đồ về nước Đức Chúa Trời. Sau đó Chúa về Trời. Sự tích Chúa về Trời đã thuật ở trên trong Chương nói về Gia Tô giáo.

Hội thánh Tin Lành quan niệm rằng:

Việc Chúa thăng thiên là một giai đoạn trong chương trình cứu rỗi của Chúa. Chúa thăng thiên một cách vinh hiển sau khi ban mệnh lệnh cuối cùng cho các môn đồ hãy đi truyền đạo Chúa khắp nơi.

Việc Chúa thăng thiên có lợi cho tín đồ, vì do đó đức Thánh Linh mới giáng xuống, và cũng là để sửa soạn một chỗ trên trời cho các tín đồ.

Chỗ của Chúa ở bên hữu đức Chúa Trời, về đây để có dịp cầu thay cho mỗi người.

Hội thánh Tin Lành lại tin rằng một ngày kia Chúa sẽ trở lại

Tín đồ Tin Lành trong ngày lễ Thăng thiên tuyệt đối tin ở sự thăng thiên này và chờ đợi ngày Chúa trở lại.

## LỄ NGŨ TUẦN

Đây chính là lễ Hiện Xuống bên Gia Tô giáo. Sự tích cũng như vậy, nghĩa là lễ này tức là lễ kỷ niệm ngày Chúa Thánh Linh giáng lâm.

Theo Hội thánh, khi Chúa Thánh Linh hiện xuống có ban cho các môn đồ đầy dẫy quyền phép và ân tứ để đi truyền giáo và lập Hội thánh khắp nơi.



Lễ Ngũ Tuần đã đem nhiều ơn phúc cho tội nhân và Hội thánh, giúp đỡ người chưa tin Chúa đủ sáng suốt để tin Chúa, còn các tín đồ được tăng thêm sinh khí, thêm sự hiểu biết. Ngoài ra trong dịp này Chúa Thánh Linh đem sự tương giao trong việc cầu nguyện cho tín đồ, Chúa cũng đem quyền phép cho họ sống để thờ Chúa, và đem lửa Chúa đốt thiêu mọi tội lỗi, khiến chính họ cũng trở thành những ngọn đuốc của Đức Chúa Trời để truyền rao đạo Chúa.

Các tín đồ Tin Lành hàng năm chỉ cử hành bốn lễ tiết trên, còn các lễ tiết khác của Gia Tô giáo, nhất là các lễ liên quan tới đức Mẹ, thì họ không theo và cũng không có tổ chức gì.

## CÁC THÁNH LỄ

Bên Gia Tô giáo có các bí tích, các tín đồ Tin Lành cũng có một số bí tích tương tự, nhưng ít hơn và họ gọi là các Thánh Lễ. Hai Thánh Lễ chính là lễ Báp têm và lễ Tiệc Thánh. Ngoài ra còn các Thánh.

Lễ về hôn phối, về dâng con trẻ và về an táng.

## LỄ BÁP TÊM

Lễ Báp Têm là nghi lễ chính thức của đạo Tin Lành, và tất cả các tín đồ đều phải chịu lễ này.

Người nào chưa tin Chúa muốn tòng đạo phải học hết các giáo lý cơ bản về đạo, và sau khi đã được khảo hạch bởi một tiểu ban do mục sư Chi hội chủ tọa, mục sư này nếu xét thấy đương sự xứng đáng nhận lễ Báp têm, sẽ nhân danh đức Chúa Ba Ngôi là Cha, Con và Thánh Linh làm lễ cho họ.

Đương sự được dầm người xuống nước ở bờ sông, bờ biển hay trong hồ ở giảng đường.

Theo Hội thánh, lễ Báp têm không phải là một lễ rửa tội. Lễ này có nghĩa là kẻ chịu lễ thì đồng chết, đồng chôn và đồng sống với Chúa Christ.

Hội thánh quan niệm không phải vì nước mà người chịu lễ được sạch tội, được tái sinh hoặc được cứu vớt, nhưng chỉ vì lòng tin Chúa của họ.

Hội thánh Tin Lành Việt Nam không làm lễ Báp têm cho con trẻ.

## LỄ TIỆC THÁNH

Lễ Tiệc Thánh cũng tương tự như bí tích Thánh Thể Gia Tô giáo.

Chính Chúa Jêsus đã thiết lập lễ này, và các tín đồ Tin Lành đã vâng theo lời Chúa, giữ lễ này ít nhất một tháng một lần vào chủ nhật đầu tháng.

Lễ do Mục sư hay truyền đạo chủ tọa. Vị này dâng lời cầu nguyện và tạ ơn Chúa, sau đó phân phát bánh và nước nho cho hết thầy hội chúng.

Lễ này kỷ niệm Chúa đã chết vì Hội thánh, và cũng là để truyền rao sự chết này cho mọi người cho đến khi Chúa tái lâm.

Chỉ những tín đồ đã chịu lễ Báp têm mới có thể dự Tiệc Thánh.

Những người phạm tội và bị dứt phép thông công, ăn ở không xứng đáng trước mặt Chúa không được tham dự.

## LỄ HÔN PHỐI

Các nam nữ tín đồ, khi muốn kết hôn với nhau phải được mục sư làm Lễ Hôn phối, trong một buổi nhóm tại Thánh đường hoặc tại tư thất của tín đồ. Mục sư nhân danh Chúa kết hợp cho đôi bên nam nữ.

Việc hôn phối phải tự do không bị ép buộc và cũng không bị ngăn cản. Đã lấy nhau rồi, không được phép ly dị.





Hội thánh Tin Lành Việt Nam không bao giờ cho phép tín đồ ly dị trừ khi vì có ngoại tình.<sup>(1)</sup>

## LỄ DÂNG CON

Đây là một lễ để cha mẹ dâng con cho Chúa và biệt riêng con mình cho Ngài.

Một đôi vợ chồng có con muốn dâng cho Chúa thì cho vị mục sư hoặc truyền đạo Chi hội mình biết. Vị này sẽ cử hành lễ vào một buổi sáng chủ nhật tại nhà thờ hoặc tại tư thất tín đồ. Mục sư hoặc truyền đạo dâng em nhỏ cho Chúa và đặt tay cầu phúc cho em.

Dâng con cho Chúa, nhưng em nhỏ vẫn do cha mẹ nuôi, nhưng trước mặt vị mục sư hay truyền đạo, cặp cha mẹ phải hứa nguyện nuôi dạy em nhỏ theo qui tắc đạo lý Chúa.

## LỄ AN TÁNG

Khi một tín đồ đau ốm, gia đình báo cho mục sư hay truyền đạo hay để đến xúc dầu và cầu nguyện Chúa chữa bệnh cho. Nếu không khỏi bệnh mà qua đời, đó là bệnh nhân đã đẹp ý Chúa về nước của Chúa. Mục sư hợp với Hội thánh làm Lễ An Táng cho người chết.

Mục sư chủ tọa Lễ An Táng. Mục sư hay truyền đạo có thể trước khi đám tang khởi hành, giảng dạy trước hội chúng và an ủi gia đình người qua đời.

Trước huyệt của tín đồ. Lễ An Táng do mục sư hay truyền đạo đảm nhiệm.

Hội thánh Tin Lành dạy tín đồ phải giữ gìn mô mã và những kỷ niệm yêu quý của kẻ thân mình. Phải ghi nhớ và

---

1. Tìm hiểu Hội thánh Tin Lành Việt Nam, trang 33.

biết ơn công sinh dưỡng của cha mẹ, nhưng không cúng giỗ vì Hội thánh quan niệm rằng người nào tin Chúa Jêsus khi qua đời thì linh hồn đã được vào nước Thiên Đường sung sướng đời đời rồi.

## CÁC CHỨC VIỆC

Trong Hội thánh Tin Lành không có phẩm trật. Tất cả tín đồ đều bình đẳng vì đều là chi thể của thân Chúa. Chính Chúa đứng đầu và Thánh Linh là đại biểu Chúa ngự trị tại Hội thánh. Mọi tín đồ đều bình đẳng, đồng quyền và đồng trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, vì công việc Nhà Chúa nên Hội thánh có mấy chức nhiệm sau đây:

### *Chấp sự:*

Nghĩa đen, theo nguyên văn Hy Lạp Diaconos, là người đầy tớ.

Mỗi Chi hội, tùy theo công việc cử một số nam nữ chấp sự có trách nhiệm giúp việc tài chính cho Hội thánh và phụ tá ông mục sư hoặc truyền đạo trong mọi công việc của Hội thánh.

### *Truyền đạo:*

Truyền đạo có nhiệm vụ đi giảng đạo để truyền rao Tin Lành. Những người này phải học qua lớp Kinh Thánh, ở Việt Nam tại trường Kinh Thánh Đà Nẵng. Họ sẽ phục vụ Chúa trong một Chi hội hoặc làm phó mục sư ở một Chi hội đồng đức.

### *Mục sư:*

Các vị truyền đạo sau một thời gian phục vụ, ít nhất là hai năm có thể được Hội thánh phong chức mục sư.

Việc phong chức do Hội Đồng Phong Chức gồm ít nhất bảy vị vừa là mục sư vừa là Giáo Sĩ.



Ban Hội Đồng thẩm vấn xét hỏi về sự kêu gọi, từng trải về giáo lý, nếu vị truyền đạo có xứng đáng mới cử hành lễ Tấn Phong.

Lễ Tấn Phong chức mục sư rất long trọng.

Một vị mục sư sẽ thay mặt Hội Đồng, nhân danh đức Chúa trời truyền đặt sứ mệnh cho vị tân mục sư. Vị này còn phải trả lời nhiều câu chất vấn của vị chủ tọa trước mặt Hội thánh đang nhóm họp lại tại nhà thờ. Sau đó, toàn thể ban Hội Đồng và các vị mục sư hiện diện đặt tay cầu nguyện phong chức cho vị tân mục sư này.

Trách nhiệm của mục sư rất quan trọng: mục sư lo phân phát lời Đức Chúa Trời cho Hội Chúng, thực hành các nghi lễ của Hội thánh, cai trị Hội thánh theo kỷ luật Thánh của Chúa, chủ tọa các nhóm họp của Hội thánh.

Theo sự tổ chức của Hội thánh Tin Lành Việt Nam thì chỉ các vị mục sư mới được ứng cử chức vị Hội trưởng Chủ nhiệm. Đoàn trưởng Đoàn Truyền giáo và Đoàn trưởng Đoàn thanh niên.

Tóm lại, nhiệm vụ của mục sư rất lớn lao, nên việc tấn phong cũng rất kỹ lưỡng.

## CÁC CƠ QUAN TRUYỀN GIÁO VÀ XÃ HỘI

Kể từ ngày thực sự được hoạt động tại Việt Nam, năm 1911, tới nay, Hội thánh Tin Lành ngoài việc thu hút được một số tín đồ đáng kể, đã thành lập những cơ sở truyền giáo và xã hội sau đây:

1. Trường Kinh Thánh tại Đà Nẵng để đào luyện các mục sư và truyền đạo của Hội thánh. Học viên là các nam nữ tín đồ. Hạn học là 5 năm kể cả 2 năm tập sự mới được tốt nghiệp.

2. Ban Lưu hành truyền đạo tại mỗi địa hạt liên hội để lưu hành truyền rao Tin Lành.

3. Cô Nhi viện Tin Lành tại Hòn Chồng, Nha Trang để nuôi dạy các cô nhi.

4. Trường Trung học Bết Hê Lem tại Cô Nhi viện.

5. Đoàn truyền giáo Tin Lành tại Cao Nguyên.

6. Ban truyền giảng Tin Lành ở các đài phát thanh.

7. Ban cứu tế Tin Lành.

8. Các cơ quan ngôn luận gồm: Thánh Kinh báo, báo Hừng Đông, Tạp chí Truyền giáo, Tập bài học Trường Chủ Nhật và Nhi Đồng giảng tập.

Đạo Tin Lành hiện nay tại Việt Nam cũng được rất nhiều giới chú ý, và đang phát triển.



# ĐẠO BAHÁ'Í



Đạo Baha'í là một tôn giáo mới, chưa đi sâu vào nếp sống nhiều người Việt Nam, nhưng gần đây cũng có ít nhiều tiếng vang trong quần chúng, do đó, nhân nói tới các tôn giáo tại Việt Nam cũng xin nhắc qua để bạn đọc biết.

## ĐẠO BAHÁ'Í VỚI CÁC TÔN GIÁO

Các tín đồ đạo Baha'í quan niệm tất cả các tôn giáo đều là một, đều cùng một nguồn gốc. Cứ mỗi thời kỳ Thượng đế lại cho xuống thế gian một đấng Trung gian để bày tỏ chân lý vĩnh cửu, nền tảng của tôn giáo, để mang đến những luật lệ và giáo huấn thích hợp với mỗi thời đại và để thiết lập một nền văn minh mới cho một kỷ nguyên mới.

Đấng Trung gian chính là đấng biểu hiện của Thượng đế, và Thượng đế qua mỗi thời đại luôn luôn là đấng tối cao, và đấng tối cao này được thờ phụng qua bất cứ tôn giáo nào. Xét qua các tôn giáo, có rất nhiều điểm tương đồng mà Hội đồng tinh thần Baha'í đã ghi nhận.

*a) Cùng nhận rằng cuộc đời có một ý nghĩa:*

Tất cả tôn giáo đều dạy đời sống hiện tại chỉ là giai đoạn sửa soạn cho một đời sống khác, đời sống khác đây có thể là Thiên đường, hoặc có thể đầu thai làm một kiếp khác. Ý

nghĩa phân giáo huấn này là để cho người ta biết, chết không là hết, chết là tiếp tục sống, và cuộc sống sau cái chết, sung sướng hay khổ sở đều do hiện tại của ta.

*b) Cùng tin một đấng Tối cao:*

Đấng Tối cao này chính là Thượng đế, mà các vị Giáo chủ các tôn giáo đều khuyên tín đồ thờ phụng. Đức Thượng đế là duy nhất, tuy bản chất không ai nhận thức được và cũng không ai mô tả nổi.

*c) Cùng dạy con người trau dồi đức hạnh:*

Giáo lý của bất cứ tôn giáo nào cũng răn dạy con người về đức hạnh. Về đời sống tôn giáo, con người cần phải có ba loại đức hạnh để:

- Giữ một đời sống lành mạnh, tránh những điều xú uế và giữ gìn điều độ trong những nhu cầu vật chất: - Tạo tình thương, lòng tin cậy và sự yên ổn trong việc tránh giết chóc, tà dâm, gian trá;

- Phát triển tâm linh, tạo sự tiến bộ trong đời sống sau khi chết trong việc cầu nguyện, làm lễ, ăn chay, thăm Thánh địa v.v...

Trong việc trau dồi đức hạnh, giáo lý các tôn giáo đều dạy rằng sự ích kỷ ngăn trở sự phát triển tinh thần, và trái lại sự hy sinh, sự quên mình là hành vi hiệu nghiệm giúp sự phát triển này.

*d) Các vị Giáo chủ và những tín đồ đầu tiên đều chịu hy sinh;*

*e) Tôn giáo phát triển bất kể sự đàn áp.*

## NGUỒN GỐC ĐẠO BAHAI

Tất cả các giáo lý tôn giáo đều dạy nhân loại yêu thương nhau, nhưng loài người đã không chịu tuân theo các giáo lý, thay vì thương yêu nhau đã chống đối nhau, phân chia bè phái



và gây nhiều tai biến khiến nhân loại không còn biết đâu là con đường phải để tiến bước nữa.

Tình trạng này thường có tại khắp các quốc gia trên thế giới, nhưng cho tới thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, ở nước Ba Tư tình trạng đã bi đát hơn hết: Chính phủ tham nhũng, quan lại tàn ác bất nhân, các tu sĩ cố chấp, các giáo phái chống báng nhau. Con người sa đọa, trộm cắp bất lương.

Giữa tình trạng ấy giáo chủ đạo Baha'i đã xuất thế.

Năm 1844, tại Ba Tư một thanh niên tên Bab đã tiên báo sự giáng thế của đức Balla'u'llah. Bab đã bị chính quyền bắt theo sự xúi giục của những tu sĩ Hồi giáo, và đã bị xử tử sau sáu năm bị lưu đày và cầm tù.

Suốt đời Bab lúc nào cũng “Biết” và “Yêu” Thượng đế, chiếu sáng những đặc tính của Ngài và dọn đường cho sự giáng thế sắp tới của Ngài. Bab không hề biết sợ gì kể cả sự chết vì tình thương đã loại trừ sợ hãi, và ngay việc tử vì đạo của Bab chỉ là sự hoan lạc ném toàn thể thân mình dưới chân Thượng đế.

Đúng như lời tiên báo của Bab, sứ giả của Thượng đế đã giáng sinh. Đó là Đức Balla'u'llah, giáng thế ngày 12-11-1817 trong một gia đình quyền quý Ba Tư. Tên thật của Ngài là Mirza'Husayn'Ali. Ngài tỏ ra có tư chất thông minh từ lúc nhỏ, và khi 13, 14 tuổi, Ngài đã từng biện luận với nhiều nhà thông thái khiến họ phải kính nể. Chính phủ Ba Tư, khi Ngài 22 tuổi đã bổ nhiệm Ngài vào chức vụ Thượng thư, nhưng Ngài nhất quyết từ chối.

Vì Bab bị xử bắn, một môn đồ trung kiên đã ám sát hụt quốc vương Ba Tư. Do đó tất cả các người tin theo lời tiên báo của Bab đều bị tội. Balla'u'llah và thân quyến bị giam cầm và lưu đày qua nhiều nơi.

Balla'u'llah đã tuyên bố mình chính là người Bab đã tiên báo.

Ngài bị lưu đày hết nơi này qua nơi khác. Trong thời gian bị lưu đày Ngài đã gửi thư cho các vị quốc vương kêu gọi

chấm dứt các cuộc xâm lăng và thiết lập một nền tôn giáo chân chính cho cả nhân loại. Lời kêu gọi của Ngài không được đáp ứng.

Ngài đã được sự sùng kính của rất đông đảo tín đồ.

Ngài nhập diệt ngày 29-5-1892 thọ 75 tuổi. Trước khi về Trời, Ngài có chúc thư cử con trưởng Ngài là Abdul Baha làm đại diện giải thích những điều giáo huấn của Ngài. Từ đó giáo lý Baha'i được lần lượt giới thiệu với thế giới. Theo Hội đồng Tinh thần Baha'i, nhân loại đã chấp nhận đức Balla'u'llah là đấng cứu thế trong kỷ nguyên này.

## GIÁO LÝ CĂN BẢN CỦA ĐẠO BAHÀ'I

Theo tài liệu của Hội đồng Tinh thần Baha'i thì đức Balla'u'llah công bố sứ mạng của Ngài vào năm 1863. Ngài cũng như Đức Phật Thích Ca đã bỏ cuộc sống giàu sang và địa vị của một con quan để tuyên bố rằng Ngài là đấng mà các tôn giáo lớn trên thế giới đã tiên báo và chờ đợi Ngài đến để tạo lập một thiên quốc của Thượng đế trên mặt đất này.

Ngài đã tập trung những điều giáo huấn của mình vào trong 150 bộ sách với những nguyên lý chính:

1. Thống nhất nhân loại;
2. Tìm hiểu chân lý một cách độc lập;
3. Thượng đế duy nhất và các giáo chủ đồng nhất;
4. Mục đích của tôn giáo là xây dựng sự thống nhất và hòa hợp;
5. Tôn giáo phải đi đôi với khoa học và lý trí;
6. Hủy bỏ thành kiến và mê tín;
7. Nam nữ bình đẳng;
8. Giáo dục phổ thông và bắt buộc;





9. Chấp dụng một thế giới ngữ phụ để tránh sự hiểu lầm nhau vì bất đồng ngôn ngữ;
10. Giải pháp tâm linh đối với vấn đề kinh tế, lấy sự hiểu biết giữa tư bản và cần lao làm nền tảng;
11. Một Pháp viện quốc tế để ngăn chặn mọi xung đột giữa các quốc gia.
12. Thế giới hòa bình.

### TẠI SAO GỌI LÀ ĐẠO BAHAI

Chính vì đạo do giáo chủ Balla'u'llah thành lập nên gọi là đạo Baha'i. Balla'u'llah theo nghĩa tiếng Ba Tư là ánh sáng của Thượng đế, là Vinh quang, còn Baha'i nghĩa là người noi theo ánh sáng của Thượng đế.

Đạo truyền sang Việt Nam, giữ nguyên danh từ đạo Baha'i.

Hội đồng Tinh thần đạo giải thích: Danh từ này được giữ nguyên không đổi sang tiếng Việt Nam vì mục đích tối cao của Tôn giáo Baha'i là thống nhất. Người ta không nhận ra nhau chỉ vì bất đồng ngôn ngữ.

### ĐẠO BAHAI ĐỐI VỚI TÍN ĐỒ CÁC ĐẠO KHÁC

Các tín đồ đạo khác, một khi theo tôn giáo Baha'i cộp hải bỏ các giáo chủ tôn giáo cũ của họ không?

Để trả lời câu hỏi này Hội đồng Tinh thần đạo đã đưa ra một thí dụ của một học sinh khi đạt được chứng chỉ Tú tài, cậu ta vẫn phải tôn kính, biết ơn các giáo sư cũ, vì nếu không có các giáo sư này, làm sao cậu đã đỗ được Tú tài.

Các tín hữu đạo Baha'i tin rằng đức Balla'u'llah chính là giáo chủ của các tôn giáo khác trước đây, đức Phật, đức Chúa, đấng Moise, v.v..., nhưng là của thời đại này. Trước đây nếu không có các vị giáo chủ các tôn giáo ra đời trước nhân loại không thể tiến bộ để hiểu được đức Balla'u'llah. Một người

không thể trở thành tín hữu Baha'i nếu không chấp nhận các vị giáo chủ trước đây.

## ĐẠO BAHAI ĐỐI VỚI LỄ NGHI PHONG TỤC CỔ TRUYỀN

Tín đồ Baha'i quan niệm chấp nhận tôn giáo Baha'i không có nghĩa là phải bỏ hết tất cả các tập tục cũ.

Bộ lạc nào, sắc dân nào, xã hội nào đều có tập tục lễ lối riêng, có tục hay có tục dở. Tín đồ Baha'i giữ lại những tục lệ hay, có tính cách nhân đạo, có lợi cho sự sống của nhân loại, có thể bảo đảm được nhân cách.

Mỗi dân tộc có một sắc thái riêng, một vẻ đẹp riêng, không thể có một luật lệ nào bắt buộc tất cả nhân loại phải sống rập theo một khuôn mẫu nhất định được, cũng như trong một khu vườn phải có nhiều sắc hoa, khu vườn mới càng đẹp.

Tuy nhiên giáo hữu Baha'i cho rằng tất cả những vẻ đẹp riêng rẽ phải phù hợp với 12 nguyên lý đạo đã nêu ra, giống như một bản nhạc tuy có nhiều giọng cao thấp đục trong, nhưng tiếng nhạc vẫn phải được điều hòa theo nguyên lý hòa hợp. Đạo Baha'i chủ trương thống nhất cả tôn giáo, nhưng thống nhất không phải là đồng hóa.

## TỔ CHỨC ĐẠO BAHAI

Trung tâm quốc tế tôn giáo Baha'i hiện nay đặt trên núi Carmel, tỉnh Haifa, nước Do Thái. Đứng đầu Trung tâm là đức Giám hộ. Ngài chỉ định trên toàn cõi thế giới 27 vị Phụ tá Giám hộ để giữ việc coi sóc giềng mối đạo và kêu gọi nhân loại xây dựng Tòa Nhà Thống Nhất. Hệ thống này, các tín đồ Baha'i gọi là trụ cột Thống Nhất; trụ cột này giúp cho các tín đồ Baha'i trên thế giới tuân theo các giáo huấn của Balla'u'llah. Các tín đồ thấy có điều gì nghi ngờ, các vị Phụ tá Giám hộ giải thích, và có thể nhờ vị Phụ tá Giám hộ tại



Thánh địa, tức là Haifa xem lại chính văn của đức Bab, của Giáo chủ và của Adul Baha để hiểu rõ. Bên cạnh hệ thống Thống Nhất trên, đạo có một hệ thống Dân Chủ.

Đạo Baha'i không có các tu sĩ, để lo việc đạo, đã có Hội đồng Tinh thần tại mỗi địa phương. Hội đồng này gồm chín người được bầu lên hàng năm vào ngày 21-4 do toàn thể tín đồ Baha'i trưởng thành nghĩa là từ 21 tuổi trở lên. Chín người này họp lại bầu chức chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và thủ quỹ.

Trên Hội đồng Tinh thần địa phương là Hội đồng Tinh thần Quốc gia tại mỗi quốc gia. Các Hội đồng địa phương tổ chức bầu một hoặc hai đại biểu tùy theo nhân số, tham dự Hội đồng Quốc gia. Tất cả các tín đồ đều được coi như ứng cử viên trong cuộc bầu cử này. Các nước số tín đồ chưa đông, chưa đủ thành lập Hội đồng Quốc gia, sẽ do Hội đồng Tinh thần vùng, mỗi vùng gồm nhiều quốc gia điều khiển.

Trên hết là Hội đồng Tinh thần Quốc tế. Hội đồng này vừa đây được bầu tại Haifa vào năm 1963 bởi nhân viên thuộc hơn 60 Hội đồng Tinh thần Quốc gia và Hội đồng Tinh thần vùng.

Tất cả các Hội đồng đều được bầu hàng năm vào khoảng thời gian từ 21-4 đến 2-5.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Tinh thần:

Hội đồng lo việc truyền giáo, tổ chức các cuộc lễ, giải quyết mọi vấn đề liên quan đến đời sống tín đồ, bảo vệ đạo đối với kẻ chống đối, đảm nhiệm vấn đề quỹ đạo và chỉ định các tín đồ vào các Ủy ban đặc biệt để giúp việc cho Hội đồng.

Các quyết định của Hội đồng, các tín đồ phải tuân theo. Trong trường hợp có điều gì nghi ngờ, các tín đồ có thể trình lên Hội đồng cao hơn hoặc trình với quý vị Phụ tá Giám hộ.

## ĐẠO BAHAI TẠI VIỆT NAM

Năm 1954, bà Shirin Fozdar, một ủy viên truyền giáo Ấn Độ được Hội đồng Tinh thần Quốc gia Baha'i Ấn Độ cho

phép truyền giáo tại Việt Nam, nhưng lúc đầu vì ngôn ngữ bất đồng nên bà đã gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy việc truyền giáo của bà nhờ sự giúp đỡ của nhiều người nên cũng đã có kết quả, và Hội đồng Tinh thần đầu tiên tại Việt Nam đã được thành lập tại Sài Gòn vào năm 1955. Và cho đến cuối năm 1962, tại miền Nam Việt Nam đã có tất cả 40 Hội đồng Tinh thần địa phương.

Việt Nam chưa có Hội đồng Tinh thần Quốc gia, nên các Hội đồng địa phương còn chịu sự điều khiển trực tiếp của Hội đồng Tinh thần vùng Đông Nam Á. Hội đồng Đông Nam Á đã chỉ định tại Việt Nam một Ủy ban truyền giáo toàn quốc, với nhiệm vụ tương tự như nhiệm vụ của Hội đồng Tinh thần quốc gia.

Trong những năm 1960, 1961, 1962, theo tài liệu của Hội đồng Tinh thần Baha'i Saigon, công việc truyền giáo có kết quả và tín đồ Baha'i Việt Nam đã ý thức được trách nhiệm của mình và nhiệt liệt tin tưởng rằng phụng sự tôn giáo Baha'i tức là phụng sự Thượng đế và nhân loại.

## ĐỜI SỐNG BAHÁ'Í

Để đáp một câu hỏi nêu lên “ai có thể sống đời sống Baha'i” đức Abdul Baha, con trưởng đức Balla'u'llah, người đại diện để giải thích những giáo huấn của Ngài, đã nói:

- Phạm kẻ nào sống cuộc đời đúng theo giáo huấn của Balla'u'llah đã là Baha'i rồi. Ngược lại kẻ nào tự hào là Baha'i trong 50 năm mà không sống cuộc đời chân chính thì chẳng phải là một Baha'i.

Đời sống Baha'i không có nghi lễ gì. Ai sống cũng được, chỉ cần có lòng chân thành hướng về giáo chủ và về đấng Tối Cao. Việc ghi tên vào cộng đồng Baha'i chỉ có tính cách quản trị.

Tín đồ Baha'i cũng đọc kinh, cũng giữ gìn trai giới cũng tâm niệm như bất cứ tín đồ tôn giáo nào, nhưng khi làm



những việc đó họ phải biết rõ lý do, mục đích và ý nghĩa của mình làm.

Tín đồ Baha'i tự coi mình như là một lớp người mới có nhiệm vụ xây dựng một nền văn minh mới cho nhân loại và tin rằng phải có sự thương yêu chân thành, sự quên mình và sự hy sinh toàn vẹn mới làm cho xã hội tiến bộ.

Đức Abdul Baha đã nói về tín đồ Baha'i:

- Người Baha'i phải khác với những người khác trong nhân loại. Nhưng sự khác biệt này không phải tùy thuộc của cái...

Ta không muốn giữa các người có sự khác biệt thông thường hoặc sự phân biệt về khoa học thương mại, kỹ nghệ. Ta chỉ muốn giữa các người có sự khác biệt về tâm linh, nghĩa là các người phải có đời sống đạo đức mẫu mực khác thường. Trong tình yêu của Tinh thần các người phải khác biệt với mọi sự vật. Các người phải trở nên khác thường trong tình yêu nhân loại, trong sự thống nhất và hòa hợp, trong sự tự ái và công bằng.

Tín đồ Baha'i vẫn sống giữa xã hội với sự hân hoan chịu đựng thử thách và nhất tâm phụng sự nhân loại.

Người Baha'i được hoàn toàn tự do trong tư tưởng và hành động.

Các tổ chức Baha'i cũng cần có ngân quỹ để thực hiện chương trình đạo, nhưng tín đồ không bị bắt buộc phải đóng góp. Tín đồ phải hiểu việc phụng sự và việc dâng hiến là một quyền thiêng liêng.

Người Baha'i chân chính không những chỉ đóng góp tài sản một cách tự ý, kín đáo cho đạo, mà nếu cần họ sẵn sàng hiến dâng cả sinh mạng của mình cho đạo.

Người Baha'i có nhiệm vụ tìm hiểu Thượng đế và giữ Đức Tin cho bền vững ngõ hầu giới thiệu đạo với người khác. Đạo Baha'i không có tu sĩ và do đó mỗi tín đồ đều là một nhà truyền giáo.

Tín đồ không bỏ đạo bất cứ vì lý do nào, vì bỏ đạo là bỏ Thượng đế. Tín đồ Baha'i luôn luôn có thái độ cởi mở, đến với tất cả mọi người như một người bạn, một người đồng hương, một người anh em trong gia đình.

Tín đồ Baha'i cũng cần gặp gỡ lẫn nhau để trao đổi sự hiểu biết và kinh nghiệm.

Có những buổi họp hằng tuần tại giảng đường Baha'i, và cũng có những buổi họp trong những ngày lễ Baha'i.

Năm Baha'i bắt đầu vào tối ngày 20 tháng 3, gọi là lễ Naw-Ruz.

Ngày 21 tháng 4, vào lúc 3 giờ chiều là ngày đầu lễ Ridvan tức là ngày tuyên ngôn của Balla'u'llah.

Ngày 22-5, vào lúc 2 giờ 11 phút sau mặt trời lặn là Tuyên ngôn của Bab.

Ngày 29-5, lúc 3 giờ sáng là lễ Thăng Thiên của Balla'u'llah.

Ngày 9-7, lúc 12 giờ trưa là lễ Tử đạo của Bab.

Ngày 29-10, là lễ sinh nhật của Bab.

Tối 11-10, là lễ sinh nhật của Balla'u'llah.

Tối 25-11, là lễ Hiệp ước.

Và 1 giờ sáng ngày 28-10, là lễ Thăng Thiên của Abdul Baha.

Ngày Baha'i bắt đầu từ mặt trời lặn hôm trước đến mặt trời lặn hôm sau.

Trong những ngày Thánh lễ, tín đồ Baha'i trai giới trong 19 ngày liên trong mỗi năm từ ngày 2-3 đến 21-3, thời gian này là một tháng Baha'i. Ý nghĩa của cuộc trai giới là luyện ý chí mạnh mẽ, dọn mình trong sạch, mở mang trí óc và tâm hồn. Trong thời gian này, phải nhịn ăn uống ban ngày, từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn và chỉ ăn uống vào buổi tối, cốt dành nhiều thời giờ trong việc rèn luyện ý chí, cầu nguyện và suy tưởng.

Những người ốm yếu, mang thai hoặc đi xa có thể được miễn trai giới.



Tín đồ Baha'i coi việc phụng sự Hội đồng Tinh thần là một vinh dự, khi được bầu vào Hội đồng này, cố gắng lo tròn phận sự cho đến hết nhiệm kỳ. Chỉ những người đau yếu hoặc di chuyển đi nơi khác mới được thay thế.

Người Baha'i tuân theo quyết định của Hội đồng Tinh thần, và tránh việc chỉ trích các bạn hữu, cố gắng đem điều tốt thay cho điều xấu, và nếu người nào không sửa đổi, có thể trình với Hội đồng Tinh thần.

## NHỮNG NƠI PHỤNG SỰ

Trên toàn thế giới, đạo Baha'i có năm ngôi đền lớn, mỗi ngôi đền có chín cạnh, tượng trưng cho chín tôn giáo lớn trên thế giới hợp nhất.

Tại mỗi địa phương có một giảng đường. Ở đây không thờ hình tượng nào mà chỉ thờ một thánh danh của Thượng đế viết bằng cổ tự Ba Tư và Ả Rập, thánh danh này có ý nghĩa là “Vinh quang trên mọi sự vinh quang”.

## HỒI GIÁO



Hồi giáo tuy là một tôn giáo cổ, nhưng tại Việt Nam chỉ có một số người Việt gốc Chăm theo đạo này, nhất là người Chăm ở xã Châu Giang tỉnh Châu Đốc (An Giang).

Nói về đạo giáo trên thế giới, Hồi giáo là tôn giáo đứng vào hàng quan trọng thứ ba về số tín đồ sau Phật giáo và Thiên Chúa giáo và chiếm giữ một vùng ảnh hưởng rộng lớn ở Trung Đông, các nước Ả Rập, giữa hai vùng ảnh hưởng của Phật giáo và Thiên Chúa giáo.

### NGUỒN GỐC

Người sáng lập ra Hồi giáo là Giáo chủ Mohamed.

Bấy giờ vào khoảng 610, 611 sau Thiên chúa kỷ nguyên dân chúng vùng Ả Rập, để chỉ chung các nước Ả Rập, theo Đa thần giáo, với sự biến thể tùy từng địa phương, tùy từng bộ lạc, biến thể có khi đi đến các sắc thái khác nhau, tỷ dụ như bộ lạc Quais ở Mecca thờ hai vị nữ thần Manât và Allât, vị thứ nhất tượng trưng cho hạnh phúc của loài người và vị thứ hai đại diện cho Trời. Trên hai vị này là đấng Allah, vị





chúa tể, cai trị cả các thần và muôn loài. Các bộ lạc du mục ở khu vực Syria cũng thờ Allah, nhưng ở đây Allah chỉ là một vị thần nhỏ và ở trên còn các vị thần khác nữa. Ngoài ra còn có nhiều bộ lạc lại thờ các vật như cây cỏ, đá, cát... Tại đền Kaba ở Mecca, có thờ tất cả 360 vị thần.

Tình trạng đa thần này đã gặp sự chia rẽ trong các bộ lạc, và với sự thờ nhiều vị thần vô nghĩa lý, tín ngưỡng đã biến thành mê tín, dị đoan. Lại chưa kể đến ảnh hưởng của Gia Tô giáo và Do Thái giáo đối với một số dân chúng ở vùng Ả Rập.

Trước sự kiện trên, Giáo chủ Mohamed thấy cần phải khai sinh một tôn giáo mới và bác bỏ Đa thần giáo cũng như Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo: Hồi giáo ra đời.

## TIỂU SỬ GIÁO CHỦ MOHAMED

Mohamed, còn viết là Mahammed hoặc Mahomed, sinh ở thành Mecca vào ngày thứ hai ngày 12 tháng Rabi, tức là tháng ba năm 580, nhưng cũng có thuyết cho là ông sinh vào năm 570. Ông thuộc họ Hachim, bộ lạc Quoraich, bộ lạc đã xây đền ở Mecca, con ông Abd-Allah và bà Amina.

Ông mồ côi cha, khi mới được hai tháng, và khi lên sáu tuổi lại mồ côi nốt mẹ. Ông sống với ông nội là Abd-El-Motalib và chú là Abon-Talib. Lớn lên ông làm nghề buôn bán, và nhờ đi buôn bán qua Syria và Mésopotamie, ông có dịp tiếp xúc với các linh mục Thiên Chúa giáo, và đã đọc qua các cuốn kinh Cựu ước và Tân ước. Chính nhờ sự tiếp xúc cũng như việc đọc các cuốn kinh Thiên Chúa giáo ông bắt đầu có ý niệm về độc thần giáo.

Năm 610, khi ông 30 tuổi, ông quyết định đem độc thần giáo ra truyền ở Mecca lấy sự tôn thờ đáng Allah làm Thượng đế với quyền năng vô biên.

Ông đã gặp nhiều khó khăn vì sự chống đối của những người giàu có, thế lực và quý phái trong dòng Quoraich. Chỉ có một số ít thanh niên và những người nghèo khó theo ông.

Ông rời Mecca đi truyền đạo ở Taif, một bộ lạc ở phía Nam Mecca nhưng kết quả thu lượm được chẳng bao nhiêu. Ông lại đi đến thành phố Yathrib ở phía Bắc và ông đã thu được những kết quả đáng kể. Ông có ý định chọn thành phố này làm kinh đô của Hồi giáo và ông đổi tên thành phố này thành tên Médinat-El-Nabi, nghĩa là thành phố của nhà tiên tri, sau được gọi tắt là Médina. Ngày 16 tháng 7 năm 622 ông cho di dân tất cả những người Hồi giáo ở Mecca tới Médina, ngày này người Hồi giáo gọi là ngày Hidjra, nghĩa là ngày Thánh di. Hồi giáo ngày càng phát triển từ đó với một Thánh đường được xây cất lên. Giáo chủ tận lực giảng đạo. Dân Médina theo đạo rất đông, và đạo của ông ngày càng mạnh, mặc sự phá hoại của bọn quý tộc dòng Quoraich ở Mecca, họ đã phái quân tới đánh thành Médina, nhưng chiến thắng cuối cùng cũng vẫn về giáo quân chiếm thành Mecca, và với chiến thắng này Hồi giáo đã vững mạnh. Các Hoàng đế xứ Abyssainia và Ai Cập xin theo đạo.

Ông mất năm 632 ở Mecca, thọ 52 tuổi.

## KINH SÁCH HỒI GIÁO

Hồi giáo có cuốn kinh căn bản là kinh Coran, và có nhiều loại sách gọi là Sunna và Hadith trình bày đủ giáo lý, giáo luật, tôn chỉ, tổ chức giáo hội và các hành động của các Giáo chủ và các giáo đồ tiếng tăm dùng làm gương cho tín đồ.

### *KINH CORAN*

Coran có nghĩa là đọc, đọc đi, đọc lại.



Kinh Coran không phải là tác phẩm của Giáo chủ Mohamed, mà chính là công trình sưu tập của các nhà truyền giáo Hồi đã thu thập và xếp đặt cho có hệ thống những lời Thánh dạy do Giáo chủ nghe được và nói lại.

Những lời của Giáo chủ nói ra, lúc đầu tuy các có ghi chép, nhưng không ai nghĩ tới việc sưu tầm toàn bộ.

Mãi tới năm 633, nghĩa là sau khi Giáo chủ qua đời một năm, Giáo trưởng AbouBakr mới khuyên các bạn đồng đạo là các ông Omar và Daidb Thabit thu thập tất cả những lời Giáo chủ nói thành một tập. Tập này sau hợp với các tập khác của các giáo đồ thành một bộ kinh đầy đủ nhất. Công việc hợp nhất các tập kinh này mãi tới năm 776 mới được hoàn thành.

Tập kinh này gồm 114 chương, tổng số 323.015 chữ.

Vì trong lúc truyền đạo, luôn luôn Giáo chủ Mohamed chỉ nhận mình là người được thánh truyền, và ông chỉ nhận danh thần thánh mà nói, nên mỗi đầu chương, trừ chương thứ 9, đều có ghi câu:

*“Nhân danh đức thánh tột bậc mến yêu...”*

Trong các chương, ngoại trừ chương đầu chỉ là một bài cầu nguyện tôn thờ đấng Allah xin người giúp đỡ tín đồ theo con đường chính, Giáo chủ nói đến mục đích cao cả của đạo, quyền này của Thượng đế Allah; Giáo chủ khi giảng đạo ở Médina nói nhiều đến tổ chức của đạo, việc lựa chọn và địa vị Giáo trưởng, các nghi lễ tỉ mỉ. Những lời nói của Giáo chủ sau này đã đương nhiên trở thành những điều luật căn bản của luật Ả Rập.

### SÁCH SUNNA

Đây là sách dạy phép xử thế, căn cứ theo cách xử thế của Giáo chủ mà viết ra. Tín đồ Hồi giáo lấy Giáo chủ làm gương mẫu nên bắt buộc các tín đồ phải theo các đức tính và cách xử thế của Giáo chủ.

Để thực hiện sách Sunna, người ta đã dò hỏi thân bằng quyến thuộc Giáo chủ từ lúc nhỏ đến khi chết về những chi tiết trong cách ăn ở của Giáo chủ. Sau đó, mọi điều được đem xếp loại và ghi chú.

Nếu Kinh Coran ghi những điều Giáo chủ đã nói thì sách Sunna ghi những việc Giáo chủ đã làm

### SÁCH HADITH

Sách Hadith sưu tập các lời nói, cử chỉ, hành động của Giáo chủ mà Kinh Coran và Sunna chưa nói tới cùng với những lời nói, cử chỉ, hành động hoặc của các bạn của Người, hoặc của các Giáo trưởng kế tiếp ngài với mục đích dùng làm mẫu mực cho hậu thế. Sách Hadith đã được các nhà truyền giáo Hồi giáo coi là những nguyên tắc căn bản cho luật Giáo hội với những phong tục luật khẩu truyền, bao trùm lên cả những luật thành văn đã tìm thấy trong Kinh Coran, họ cho rằng những điều luật trong kinh chỉ có giá trị lý thuyết chứ không có giá trị thực hành, còn Hadith mới là những điều luật của các nhà lãnh đạo tôn giáo đã thực hành qua nên có tính cách thực tế hơn.

Việc sưu tầm sách Hadith rất lâu và đã hoàn thành vào thế kỷ thứ IX.

Sách Hadith trước có nhiều bản khác nhau, nhưng về sau được tập trung đúc kết thành hai bản chính gọi là Cahih.

Về kinh cũng như sách Hồi giáo, tuy đã có sự nhiệt tâm thống nhất, nhưng việc giải thích kinh sách vẫn có nhiều sự khác biệt, do đó trong Hồi giáo đã nảy sinh ra nhiều chi phái khác nhau.

### GIÁO LÝ HỒI GIÁO

Giáo lý Hồi giáo được ghi trong Kinh Coran, và được các tín đồ tuân theo.



Kinh dạy các tín đồ tin theo đức Allah, vào Giáo đồ của ngài gửi xuống và vào những chữ mà ông đọc thấy. Kinh cũng dạy những kẻ nào không tin đức Allah, không tin các vị thần linh của Người, không tin vào Giáo chủ của Người thì đến ngày tận số sẽ hoàn toàn lạc lõng.

Vậy muốn tìm hiểu giáo lý của đạo, người ta căn cứ vào Kinh Coran.

*Vũ trụ quan Hồi giáo* - Quan niệm của Hồi giáo về Chúa, về Vũ Trụ, về Người, về Thiên Thần và về ma quỷ như sau:

Chúa. - Chúa là ngôi độc nhất vĩnh cửu, không đáng đến loài người và không có cái gì sánh kịp.

Chương II Kinh Coran có ghi:

“Không có một đấng thiêng liêng nào khác ngoài Allah.

Chỉ có một đấng Allah và Mohamed là người của Ngài sai xuống.

*Chúa Allah bất diệt.*”

Vũ trụ. - Hồi giáo cho là có tất cả bảy trời và bảy đất. Bảy lớp trời lồng lộng lớp nọ lên lớp kia thành bảy tầng và ở trên là một đại dương ánh sáng, rồi đến nhiều miền khí nhẹ trước khi đến Thiên đường. Thiên đường có bảy khu riêng biệt.

Dưới đất ta ở là địa ngục và có tất cả sáu địa ngục. Trời đất đã được đấng Allah cấu tạo trong sáu ngày.

Hai ngày đầu sinh các trái đất.

Hai ngày giữa sinh muôn loài sống trên trái đất.

Hai ngày cuối sinh ra các trời.

Người. - Cũng giống như Gia tô giáo, Hồi giáo cũng nhận Adam là thủy tổ loài người và do đấng Allah nặn thành bằng đất sét rồi thổi sinh khí vào, kể đó, cũng như trong kinh Thánh Gia tô giáo, đấng Allah lấy mảnh xương sườn của Adam để tạo ra Eva. Lúc đầu hai người ở trên Thượng giới nhưng sau

mắc tội phải đẩy xuống trần gian. Ông Adam xuống đỉnh núi ở Tích Lan<sup>1)</sup> Xơ ri lan ca, bà Eva xuống miền Mecca. Hai trăm năm sau họ gặp nhau ở Arafât. Ông Adam cảm động phát khóc, nước mắt ông nhuộm đen viên đá hiện còn thờ ở đền Kaba.

Sau bà Eva chết ở Jidda gần Mecca.

Đấng Allah đã ban phép cho Adam sinh ra ở đằng lưng để sinh ra loài người, và mọi người lúc sơ khai đều có đức tin và đều là tín đồ Hồi giáo.

Hồi giáo công nhận con người có linh hồn và thể xác, trong suốt đời người hai phần kết hợp chặt chẽ với nhau. Hồn chỉ tách rời khỏi xác khi chết để sau này trong ngày Thánh quyết lại nhập vào xác để tái sinh, con người Hồi giáo có ba kiếp sống: đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai. Ba đời sống này liên quan với nhau bằng ngày Thánh quyết. Có đức tin sẽ được lên Thiên đường, trái lại sẽ phải sa địa ngục.

*Thiên thần.* - Thiên thần Hồi giáo không phân biệt nam nữ. Thiên thần không cần ăn uống vẫn sống.

Thiên thần có kẻ tốt người xấu và mỗi người đảm nhiệm mỗi việc: làm mưa gió, thổi kèn báo hiệu ngày Thánh quyết, gác cửa địa ngục, giữ cửa thiên đường, phụ trách cái chết của loài người v.v...

Về các thần xấu có hai vị là Haret và Maru đã phạm tội gái đồng trinh và đã dạy loài người phép thuật để ám hại nhau. Lại có thần Shaitan cũng xúi giục Adam và Eva làm điều trái.

*Ma quỷ* - Ma quỷ do thần lửa Sâmun tạo ra.

Ma quỷ có sống, có chết và có ăn uống như loài người. Ma quỷ cũng có kẻ tốt kẻ xấu, kẻ tin đấng Allah, kẻ không tin, và do đó khi chết có kẻ lên thiên đường và có kẻ xuống địa ngục.

---

1. Theo Phật giáo, nơi này là vết tích của Thích Ca, theo Ấn Độ giáo thì nơi đây là vết tích của thần Vishnou.



Ma quỷ có trước loài người và sống khắp thế gian, và về sau khi có loài người, chúng bị thiên thần xua đuổi vào trong núi, sống ngoài ranh giới của trái đất.

## NHÂN SINH QUAN HỒI GIÁO

Tín đồ Hồi giáo là những tín đồ có lòng tin mãnh liệt, vì vậy nên về phương diện nhân sinh học là những người theo đúng quy giáo hơn bất cứ tín đồ tôn giáo nào.

Hôn nhân. - Hồi giáo cho sự thành lập gia đình là cần thiết để bảo tồn nòi giống và duy trì xã hội, không chấp nhận sự độc thân. Kinh Coran cho phép mỗi người đàn ông được lấy bốn vợ chính và một số nàng hầu vô hạn định. Chính Giáo chủ Mohamed đã rất dè dặt trong vấn đề đa thê. Người có khuyên tín đồ trong chương IV, Kinh Coran, để tránh bất công chỉ nên lấy một người đàn bà hay mua một nữ nô lệ mà thôi.

Người Hồi giáo tránh lấy người trong họ trực hệ, không lấy người cùng nuôi bằng một thứ sữa, - con người vú nuôi - không lấy chị em nhà vợ, và sau hết không được lấy con gái nuôi của mình hoặc của vợ mình.

Có thể lấy vợ ngoại đạo, nhưng không thể lấy chồng khác tôn giáo được.

Đàn ông có quyền ly dị, nhưng sau hai lần thì không thể bỏ người vợ thứ ba, nếu người vợ ly dị thứ hai chưa lấy chồng. Có thể lấy lại người vợ đã ly dị nhưng với điều kiện người này đã lấy qua một đời chồng khác và đã bỏ người ấy rồi.

Chồng chết, đàn bà có thể tái giá sau bốn tháng mười ngày; những người bị chồng bỏ, có thể lấy chồng sau ba tháng.

Trong gia đình người đàn ông có toàn quyền.

Đàn bà và thiếu nữ trưởng thành phải tránh xa đàn ông lạ; họ phải đeo mạng để tránh người ngoài nhìn thấy.

Ngoài những cuộc hôn nhân chính thức, người đàn ông có quyền mua những con gái về chung sống ít lâu rồi đuổi đi khi họ chán.

Người Hồi giáo, qua các điểm trên theo chế độ phụ quyền, không có nam nữ bình đẳng.

Con cái. - Con cái để bảo tồn nòi giống.

Trẻ con sinh ra được bảy ngày được đặt tên.

Khi con trai được 7 tuổi hoặc 15 tuổi có lễ cắt quy đầu.

Nô lệ. - Xã hội Hồi giáo chấp nhận sự nô lệ, tuy chính Giáo chủ Mohamed khuyên các tín đồ phải tìm mọi cách để cứu vớt người nô lệ. Người hăng nói:

Việc trả tự do cho các nô lệ là một điều thiện và Người cũng nhân mạnh:

Nếu một nô lệ có đơn xin trả tự do thì phải trả cho nó nếu ta xét xứng đáng.

Các nô lệ đàn bà nếu có con, đương nhiên phải trả tự do.

Thâm tâm của Giáo chủ Mohamed, muốn chế độ nô lệ được bãi bỏ.

Chính trị. - Chính trị của Hồi giáo dính liền với tôn giáo. Điều 57, chương IV Kinh Coran có ghi quyền tư pháp dành cho mọi tín đồ có một tâm hiệu biết đầy đủ, quyền hành pháp chỉ đáng Allah mới có và do người đại diện Người sử dụng.

Các tổ chức chính trị trong xã hội Hồi giáo đều do Giáo hội chi phối, mà đứng đầu là Giáo chủ và các Giáo trưởng kế vị người.

## HỒI GIÁO TẠI VIỆT NAM

Tại Việt Nam, Hồi giáo là tôn giáo của một số các đồng bào người Việt gốc Chăm ở các tỉnh miền Trung và của toàn thể các đồng bào người Việt gốc Chăm tại tỉnh Châu Đốc,





tập trung xung quanh xã Châu Giang, bên kia bờ Hậu Giang, đối diện với thị xã Châu Đốc.

Hiện nay Hồi giáo trên thế giới có bốn môn phái chính.

Málekite ở Bắc Phi châu.

Hánefite ở Thổ Nhĩ Kỳ, một phần Algérie và Tunisie.

Lanbalite ở Arabie Séoudite.

Chafeite ở Á châu, trong đó có Việt Nam.

Hàng năm đồng bào Chăm ở đây, nhất là đồng bào Chăm ở Châu Đốc, gửi người đi hành hương tại Mecca hiện nay nằm trên lãnh vực nước Arabie Séoudite. Mecca là thánh địa của người Hồi giáo Việt Nam cũng như tín đồ Hồi giáo các nơi khác.

Những người Chăm đi hành hương trở về được mang danh vị Hadji, và được đón tiếp rất nồng hậu.

Đi hành hương rất tốn kém, chỉ những người giàu có mới đi được. Hiện tại ở Châu Đốc có lối chừng 20 Hadji. Những Hadji này được vấn khăn sãi. Ngày nay có nhiều người chưa đi hành hương cũng vấn khăn này, nên sự nhận diện các Hadji qua y phục không đúng hẳn như xưa. Ở Việt Nam, Hồi giáo không lan rộng, nhưng những tín đồ người Việt gốc Chăm luôn luôn là những tín đồ trung kiên.



## CÁC ÔNG ĐẠO



Ông Đạo tức là một người tu hành hoặc theo pháp môn này hoặc theo pháp môn khác để trước là tự giải thoát mình, sau là giúp đỡ cho người, với một thành khẩn đáng kính. Tuy nhiên, trong số các ông Đạo, có nhiều người lợi dụng sự quá tin của quần chúng đã bày đặt ra những điều huyền hoặc để cầu thu lợi trong đám đồng bào chất phác chân thật.

Các ông đạo được xưng danh theo cách hành đạo của mình, hoặc theo hình dáng hoặc theo một vài sự kiện đặc biệt gì đã xảy ra.

Về các ông đạo, nhà văn Nguyễn Hiến Lê trong cuốn “Bảy ngày trong Đền Tháp Mười” đã viết:

*Không một tổng nào trong năm, mười năm mà không nảy ra một ông “đạo”. Hễ khác người một chút - như cao quá, thấp quá, mập quá, gầy quá, - hoặc có những hành vi lạ lùng là thành ông đạo rồi. Chẳng hạn có ông đạo cao, cao trên hai thước, đi đến đâu trẻ cũng bu lại ngó; có ông “đạo nằm”, tiếp khách cũng nằm; có ông “đạo cầm”, ông không cầm thật đâu mà không bao giờ mở miệng nói, cha mẹ hỏi cũng không đáp, ai trêu tức cũng làm thinh, lại có ông đạo đi rất chậm, khoan thai bước từng bước một và cứ đứng ba*



bước lại ngừng một chút, nhưng hình như có lần bị một ông chủ quận sai lính quát, đạo ta chạy le te và mất chiếc đạo từ đó; rồi có “đạo ớt” chỉ ăn cơm với ớt, có “đạo rấn” luôn luôn có một con rấn quấn cánh tay, sau chết vì rấn...

Kỳ dị nhất là “đạo chó” ở miền Đốc Vàng. Anh em bà con không còn ai, đạo ta sống nhờ trong một chiếc ghe nhỏ mục nát đã kéo lên bờ, ngày ngày đi làm mướn, hoặc chèo ghe, hoặc lợp nhà. Tính tình siêng năng và thuần phác, chỉ có mỗi một tật là thờ chó. Đạo ta nuôi một con chó đốm, mua thịt cho nó ăn, may áo cho nó bận, mỗi ngày hai lần thắp hương cúng nó, nhưng không phải dùng nó vào việc tìm vàng đâu, mà chỉ được cái vui là thờ nó thôi. Khi con chó chết. Đạo ta đóng một cái hòm áo quan nhỏ và táng nó long trọng như táng cha mẹ, cũng để tang, cũng khóc lóc thảm thiết.

Không sao kể hết những hành vi điên khùng của bọn “đạo” ấy, hầu hết họ đều vô học, ngu xuẩn mà được nhiều người nghe và phục chỉ vì họ được cái thuật nói úp mở, ai muốn hiểu cách nào cũng được. Tín đồ của họ có khi hàng trăm, hàng ngàn, cung phụng họ rất trọng hậu, may quần áo rất sang cho họ bận, nấu những món rất quý cho họ ăn, đem tiền bạc cúng cho họ tiêu, lái xe hơi lại rước họ về nhà, hầu hạ họ như hầu hạ vua chúa, chăm chú ghi chép lời nói của họ như những lời trong Thánh kinh; họ nhăn mặt là cả nhà sợ sệt van lạy; họ mỉm cười là vợ chồng hoan hỷ như được trời ban phúc lớn.

.....  
Bọn “đạo” ấy thường chỉ được sung sướng trong năm sáu tháng, nhiều lắm là một hai năm rồi bỗng nhiên không ai nhắc tới họ nữa; họ đi đâu, sống hay còn, tại sao mà đi, tuyệt nhiên không ai biết, hoặc biết mà không nói ra. Ít lâu sau lại xuất hiện những ông “đạo” khác, cũng chỉ thịnh trong một thời gian ngắn.

Qua mấy dòng trên, nhà văn Nguyễn Hiến Lê chỉ nói tới những ông đạo đã bày đặt những điều huyền hoặc hoặc lợi dụng sự quá tin của đồng bào nông thôn. Kể về những ông đạo này, mấy dòng trên thật không là quá đáng. Tuy nhiên, song song với các ông đạo ấy, nhiều ông đạo khác đã tu hành đứng đắn cầu mong sự giải thoát tội lỗi của bản thân cũng như của đồng bào, và những ông đạo này lại là những người có học vấn, chứ không phải chỉ là những kẻ vô học. Các ông đạo này, có ông có những đặc điểm khác thường khiến người đời phải chú ý như ông đạo Dừa.

Dưới đây, xin nhắc lại đôi ba ông đạo chúng tôi được biết qua các tài liệu bạn hữu thu thập giúp. Và xin bắt đầu bằng ông đạo Dừa.

## ÔNG ĐẠO DỪA

Ông tên thật là Nguyễn Thành Nam, sinh năm Kỷ Dậu (1909) tại xã Phước Thạnh, tổng An Hòa, quận Trúc Giang, tỉnh Kiến Hòa (Bến Tre), con ông Nguyễn Thành Thúc, và bà Lê Thị Sen.

Ông Nguyễn Thành Thúc, xưa làm Chánh tổng, trong nhà sung túc nên đã cho con sang du học Pháp quốc theo ngành kỹ sư hóa học tại Rouen ba năm và tại các trường khác, từ năm 1928 đến năm 1935.

Ở Pháp trở về, ông lập gia đình với cô Lộ Thị Nga ái nữ ông bà nghiệp chủ Lộ Công Huân và bà Nguyễn Thị Cúc. Ở cuộc nhân duyên này, một cô con gái ra đời, ông đặt tên là Nguyễn Thị Khiêm tự Loan Anh.

Đang sống yên vui với gia đình bỗng nhiên ông tính tình thay đổi, chán đường trần tục với vợ đẹp con khôn hướng về sự tu hành.



Năm 1945, ông rời bỏ gia đình vào vùng Thất Sơn xin quy y cầu đạo với hòa thượng chùa An Sơn, núi Tượng, tu theo hạnh đầu đà, ngồi tại bệ đá trước cột phước chùa ba năm, đêm ngày tịnh khẩu, chịu đựng gió sương ruồi muỗi, thân hình chỉ còn da bọc xương, đến bữa ăn ôm bình bát hóa trai rồi lại trở về chỗ cũ.

Năm 1948, hạn tu đã mãn, ông trở về Định Tường Tiền Giang ngồi tựa mé sông Cửu Long trên cầu Bắc, hành đạo hai năm, trước kẻ qua người lại. Năm 1950, ông trở lại xã Phước Thạnh dựng đài bát quái cao 14 thước, ban đêm lên ngồi hành đạo trên đài cao, choàng một manh áo, chịu đựng nắng mưa. Về ăn uống rất đơn sơ với trái cây thổ sản một lần một ngày vào đúng Ngọ. Mỗi năm ông chỉ tắm một lần vào ngày Phật Đản, nhưng trong thời gian sau, ba năm ông mới tắm một lần.

Ông thờ cả Nho, Thích, Đạo. Ông không tụng kinh gõ mõ, chỉ tham thiền.

Kể từ ngày ông lập lò bát quái, dân chúng thường lui tới viếng thăm, nhưng ông vẫn tịnh khẩu, chỉ dùng bút viết câu trả lời khi có ai hỏi. Ông khuyên mọi người tu tại gia, ăn chay trường.

Năm 1958, ông viết giấy gửi cho Ngô Đình Diệm, rồi ông bị bắt bỏ tù hai ba lần.

Đời tu hành của ông thật là chìm nổi.

Năm 1964, ông tới Cồn Phụng, giữa sông Cửu Long gần cầu Rạch Miễu, dựng đài bát quái cao 18 thước để tu hành. Tại đây, ông lập ra thuyền Bát Nhã, ghe chài, đài cầu nguyện lộ thiên, luôn luôn có các ông đạo rung chuông; lại thêm có trái đất, chữ Vạn, Thập tự giá và nhiều dấu hiệu khác. Ông giải thích việc ông làm nơi đây là việc thiên cơ, một ngày kia sẽ ứng nghiệm, còn việc rung chuông, ông cất nghĩa đó là chuông cầu nguyện cho phong vũ điều hòa, dân an quốc

thái, người bớt chết, biết thương yêu và đoàn kết để cùng cầu Tiên, Phật, Thánh sớm ra đời mới mong chấm dứt cảnh nôi da xáo thịt.

Năm 1967, ông có qua Nam Vang và đã bị bắt giữ một thời gian mới được thả về.

Thật ra việc làm của ông rất khó hiểu. Phải chăng, ông chịu tu hành khổ hạnh để trước giải thoát mình, sau là cứu đồng bào chúng sinh?

Nhưng việc làm của ông là hay hay dở, liệu có ích lợi cho nhân quần xã hội chăng?

Thời gian sẽ trả lời chúng ta.

## ÔNG ĐẠO KIẾNG

Không ai biết tên thật của ông, có mấy người thân thuộc gọi ông là ông Mười Phé.

Ông được gọi là ông đạo Kiếng vì lúc ngồi tham thiền ông có đề tấm gương to ở trước mặt.

Trước ông lập am ở núi Cấm, sau ông lập am ở xã Long Điền, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên. Tín đồ theo ông khá đông.

Có lúc ông ở Chợ Thủ, và ở nơi đây ông cho làm một chiếc thuyền Bát Nhã rất đẹp, với sức chở được 7 tấn.

Các tín đồ cho rằng, với thuyền Bát Nhã ấy, ông sẽ cứu vớt được các đệ tử trong ngày tận thế.

Năm 1945, ông bị quân Pháp bắn chết ở vùng Thất Sơn, và thi thể ông được các đệ tử đưa về mai táng tại Long Xuyên.

## ÔNG ĐẠO CẬY

Ông tên thật là Nguyễn Văn Cậy quê ở xã Bình Hòa (Mạc Càn Dung) tỉnh Long Xuyên.

Thuở nhỏ, ông mắc một chứng bệnh rất lạ lùng. Hàng năm cứ đến mùa đông đến, thì từ đầu gối trở xuống bàn chân có



nổi những vòng tròn như vảy cá hô. Đầu mùa thu thì vảy cá lặn, rồi khi đông đến vảy cá lại nổi lên.,

Các tín đồ của ông cho đó là vảy rồng và tin rằng ông có mạng lớn, nên theo và sùng bái ông rất tận tình.

Ông có lập am tại xã Bình Hòa gọi là Thất bửu tự. Ông có phù phép và hốt thuốc Nam chữa bệnh. Tín đồ ông rất đông.

Ông cao vào khoảng 1 thước 45, và tuy ông là ông Đạo, nhưng ông để tóc.

Chữa bệnh, ông chuyên dùng cây gạo vàng, cưa ra từng miếng nhỏ, đốt thành than rồi tán ra thành thuốc chữa hết mọi bệnh.

Ông chết năm 1966, thọ vào khoảng 54 tuổi, ở ngay xã Bình Hòa.

## ÔNG ĐẠO THỨ

Gọi là ông đạo, nhưng chính ra phải kể ông là một nhà ái quốc, vì ông muốn dựa vào việc tu hành để mưu cầu việc diệt xâm lăng.

Ông tên thật là Nguyễn Phước Thứ quê ở Thất Sơn. Ông tu theo lối luyện phù phép, - mà người ta gọi là gian đạo sĩ. Ông muốn dùng bùa phép trong đại sự.

Ông hạ sơn, lập am tại xã Phú Lâm, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc. Ông vẫn tu hành, trị bệnh, nhưng đồng thời ông vẫn kết nạp đồng chí để mưu việc đánh đuổi giặc Pháp.

Việc của ông bị bại lộ, hương chức xã mật báo với quận.

Quân Pháp đã được điều động từ Châu Đốc đến xã Phú Lâm bao vây am của ông. Chúng bắt ông và đem giết rồi bêu đầu.

Truyện này xảy ra cuối thế kỷ trước, vào năm 1895.

Tín đồ ông rất thương tiếc, dân chúng rất uất hận, nhưng trước bạo lực của giặc Pháp, mọi người đành phải chờ thời...





PHẦN THỨ HAI



# Mê tín dị đoan



# MÊ TÍN DỊ ĐOAN



**M**ê tín là tin một cách mê muội bất cứ một điều gì, còn dị đoan là tin theo những việc dị kỳ, những việc không thể có được.

Người có óc mê tín thì bạ đâu tin đấy, tin cả điều hay tin cả điều dở, tin điều phải mà cũng tin điều trái, không suy xét, còn người có óc dị đoan thì ưa tin những điều huyền hoặc, càng dị kỳ lại càng tin.

Xét ra khắp trên thế giới ở đâu cũng có người mê tín dị đoan, nhưng sự mê tín và dị đoan cũng thay đổi tùy theo không gian và thời gian, và cũng tùy theo tôn giáo nữa. Có khi một điều đối với tôn giáo này là phép lạ, nhưng đối với tôn giáo khác lại là một điều mê tín dị đoan.

Xưa kia, dân ta sợ sấm sét mưa bão, tin tưởng đó là những vị thần có uy quyền và có thể giết hại con người được. Ngày nay với khoa học tiến bộ, dân ta không còn hoàn toàn tin như vậy, nhưng lại có những điều mê tín mới, thí dụ như kiêng con số 13, lựa số xe 9 nút và sợ những con số bù, v.v...

Ở Phi châu, nhiều bộ lạc tin rằng, mỗi khi giết người đàn ông lấy bộ phận sinh dục của người đó nấu ăn sẽ được khỏe mạnh. Người Trung Hoa tin rằng, mỗi khi ân ái cùng một trinh nữ sẽ được may mắn.

Sự mê tín muôn hình nhiều sắc, thay đổi qua từng dân tộc cũng như qua từng thời đại.

Người Việt Nam chúng ta xưa nay cũng có những điều mê tín dị đoan riêng, thường được biểu lộ trong nếp ăn ở, trong đời sống hàng ngày, và trong tín ngưỡng.

Sự mê tín dị đoan tuy ngày nay nhờ ánh sáng văn minh đã bớt, nhưng không phải là không còn nhiều.

Trong nếp sống hàng ngày qua quan, hôn, tang, tế, có rất nhiều sự dị đoan mê tín, nhất là ở vùng quê. Người thành thị nhiều khi nghe thuật lại một vài sự dị đoan mê tín thì cho làm lạ, nhưng đối với người dân quê, những điều đó chỉ là những điều rất thường.

Trong tập *Nếp Cũ - Con Người Việt Nam* qua các giai đoạn từ lòng mẹ tới lòng đất, mỗi giai đoạn khi có những điều mê tín dị đoan, hoặc những điều mà ngày nay bị coi là như vậy, cũng đều đã có trình bày qua, cũng như qua phần trên về tôn giáo, những điều bị coi là mê tín dị đoan của mỗi tôn giáo cũng đã lược qua. Ở đây, chỉ xin nói những điều chưa đề cập tới ở tập “*Nếp Cũ - Con Người Việt Nam*” và ở phần trên.

Những điều mê tín sẽ nói trong phần này, sở dĩ được dành riêng là vì có nhiều điều người viết không dám gán cho tôn giáo nào, vì gán như vậy sẽ làm giảm uy tín của tôn giáo đó, và cũng có nhiều điều gán cho tôn giáo nào cũng được mà chính ra không phải chính xác của tôn giáo nào cả. Đây chỉ là những điều mà môn đồ lưu phái các tôn giáo, dựa vào các điều chính yếu của tôn giáo này bày đặt ra để trục lợi trong đám dân chúng hiền lành chất phác. Tỷ như Dịch của Nho giáo không phải là sự bói toán ngày nay, nhưng các bốc sư đã nhất định bảo rằng việc xem bói chính xuất phát ở Nho giáo mà ra. Lại cũng như đã trình bày trong phần thứ nhất những biến thể của đạo Lão do các môn đồ lưu phái hành đạo sai lạc gây ra và đã tạo nên rất nhiều điều huyền hoặc.



Những điều này đã ăn sâu vào đầu óc của dân ta và nhiều người cho là đã có sự ứng nghiệm.

Ở phần này, còn rất nhiều điều tương tự như những điều đã nói ở trên, và những điều này, cũng như những điều đã được trình bày chúng ta cần phải biết nhiều trước hết để hiểu kỹ phong tục của ta, và sau là tìm cách hoán cải những điều mê tín có hại tới đời sống cũng như tới bước tiến của dân tộc. Có những điều mê tín vô hại, những điều dị đoan ngộ nghĩnh có thể được chấp nhận cho tồn tại cũng như tại các nước tiên tiến vẫn còn những điều mê tín dị đoan không ai cần sửa đổi ngăn cấm. Lại có những điều hình thức như mê tín dị đoan, mà chính nguyên căn có thể lại là những điều dùng khoa học mà giải thích được.

## TỤC ĐI THỀ

Hai người nợ nần nhau, hoặc hai người muốn gắn bó cùng nhau điều gì thường rủ nhau tới một ngôi đền có tiếng là linh thiêng để thề nguyện.

Lễ cử hành trước thần linh. Người thề cầm dao cắt cổ một con gà và thề nếu mình gian xảo hoặc bội ước sẽ bị thần linh vật chết như con gà.

Thề xong hai người đều lễ trước bàn thờ.

## NHỮNG ĐIỀU KIÊNG KỶ

Bất cứ dân tộc nào trên thế giới và theo tín ngưỡng nào đều có những điều kiêng kỵ nhiều khi rất vô nghĩa.

Người phương Tây sợ con số 13, họ kiêng ba người hút thuốc lá châm cùng một que diêm..., những điều kiêng kỵ của họ cũng rất nhiều, thay đổi tùy theo từng quốc gia và có khi còn có sự thay đổi tùy theo từng địa phương nữa.

Dân Việt Nam ta cũng rất nhiều kiêng kỵ, mà dưới đây xin kể ra một số những điều kiêng kỵ thông thường nhất.

*Những điều kiêng đầu năm.* - Với năm mới, mọi việc người ta đều thận trọng vì sợ bị giông, (rủi ro, xui xẻo) và do đó người ta đã có những điều kiêng kỵ rất kỹ lưỡng.

Kiên nói những tiếng có thể đem sự không may lại như những tiếng: khi, chết.

Kiên gặt gông, e nhỡ nhó quanh năm.

Kiên mặc màu trắng, màu trắng là màu tang tóc, đầu năm mặc màu trắng sợ là một điềm gở.

Những người có đại tang, ngày Tết không tới nhà bạn hữu, sợ các bạn hữu kiêng mang sự tang tóc lại.

Các chủ nợ không dám đòi nợ đầu năm, và cả đầu tháng nữa vì các con nợ kiêng, e cả năm hoặc cả tháng sẽ có người đòi nợ. Do tục kiêng này, tối hôm 30 Tết, chủ nợ phải đòi cho hết nợ, và những con nợ không có tiền trả nợ cũng phải đi trốn cho đến lúc giao thừa mới dám trở về nhà. Đêm hôm đó các chủ nợ hết sức thẳng thức các con nợ, Ta có câu “Giàu có ba mươi Tết mới hay”, là vì người sung túc không mắc nợ, ba mươi Tết không có chủ nợ tới đòi.

Kiên mặc màu chàm cũng như kiêng mặc màu trắng.

Kiên quét nhà sợ cả năm làm ăn không lợi.

Làng chưa làm lễ động thổ, kiêng đào đất hoặc giã chày cối sợ động.

Kiên nói tục, sợ giông, nói tục quanh năm.

*Những điều kiêng kỵ đầu tháng.* - Những điều kiêng kỵ đầu năm thường cũng được kiêng vào ngày đầu tháng, trừ một vài điều như động thổ, quét nhà.

Kiên nói những tiếng không hay và kiêng nói tục.

Kiên gặt gông.

Kiên mặc màu trắng và màu chàm.

\* Những người buôn bán, đầu tháng còn kiêng:



- Người nặng vía tới mua hàng,
- Đánh đồ điều, đánh đồ nước mắm, đánh đồ bình vôi,
- Xuất tiền,
- Bán chịu.

\* Những điều kiêng kỵ lúc bắt đầu làm một việc gì.

Đi chợ kiêng gặp người xấu vía hoặc gặp gái.

Mở cửa hàng kiêng ngày xấu và kiêng bán chịu.

\* Những điều kiêng kỵ khác.

Tháng Ngâu kiêng cưới xin sợ vợ chồng chia rẽ như vợ chồng Ngâu.

Năm cùng tháng tận kiêng làm nhà cửa và các việc vui mừng, e không gặp may.

Trong việc vui mừng và tế tự, trừ tế đám tang, kiêng mặc đồ trắng e thất kính và có sự rủi ro.

Hiếu chủ kiêng ăn trâu, kiêng việc vui mừng, kiêng mặc đồ tơ lụa, e thất hiếu.

Nhà có tang, kiêng dùng đồ đỏ e trái lễ.

Đàn bà chữa kiêng gần tử thi và kiêng đưa ma, trừ trường hợp đại tang, e độc.

Mẹ chồng chữa kiêng cưới con dâu, e độc.

Vợ chữa, chồng kiêng sát sinh và kiêng đóng cọc.

Đàn bà chữa kiêng cắt tiết gà, tiết vịt.

Người mới đẻ kiêng không cho người ngoài giắt tiền vào phòng, sợ trẻ giật mình.

Người mới đẻ, người ngoài kiêng vào nhà, sợ cung long, làm ăn lẩn quẩn và động đầu đồ đồ.

Kiêng không cho người có chữa ở nơi khác tới đẻ ở nhà mình vì tục cho rằng sinh dữ, tử lành.

Kiêng không cho vợ chồng người lạ ân ái với nhau ở nhà mình.

Kiêng mặc áo thừa và nằm giường thừa của người chết.

Kiêng không cho người làng khác chết đi qua địa phận làng mình, nhất là qua trước cửa đình sợ động và sợ sinh dớp (huông).

Cha mẹ kiêng không đưa con gái về nhà chồng.  
Một năm, kiêng gả chồng cho hai con gái liền, e đứa nọ tranh hết lộc của đứa kia.  
Vợ chồng kiêng rửa chung một khăn mặt.  
Vợ chồng kiêng đưa tắm cho nhau sợ ghét nhau.  
Kiêng người khác không phải là vợ chồng chải lược của mình.  
Các cháu kiêng đọc tên ông bà, cha mẹ.  
Người trẻ tuổi kiêng tội với e sớm bạc đầu.  
Con trẻ, kiêng khen chúng tốt đẹp mập mạp, e quở quang chúng sinh bệnh.  
Kiêng đội nón trong nhà, e lùn.  
Trẻ đi học, kiêng ăn cơm cháy, sợ tối dạ.  
Trẻ đi học, kiêng ăn chân gà, sợ viết run tay.  
Đi buôn bán, kiêng ăn cơm khê sợ không may.  
Đi đánh bạc, kiêng ăn cơm khê sợ bị thua.  
Ra đi, kiêng ăn cơm khê sợ khẩu thiệt.  
Học trò đi thi, kiêng ăn tôm vì con tôm hình chữ liệt sợ bị đánh hỏng.  
Làm văn kiêng giọng sầu thảm sợ bị sai và vận vào mình.  
Buôn bán kiêng nói con khi, con trừu, con hùm, con beo sợ ế hàng.  
Đi câu cá kiêng nói đến mèò sợ không được cá.  
Bán hàng kiêng khách mà cả (trả giá) một lời sợ ế hàng.  
Khách đã mà cả (trả giá) dù không muốn mua trả rẻ cũng phải trả giá vài tiếng.  
Làm nhà kiêng làm chẵn gian, phải 3, 5, hoặc 7 gian.  
Làm cửa ngõ, kiêng đối ngõ với nhà khác sợ đầu khẩu.  
Làm nhà kiêng dựng cột lộn ngược đầu cây e lụn bại.  
Gian giữa nhà kiêng góc ao, đao đình đâm thẳng vào và kiêng cả đầu nóc nhà ai xuyên thẳng vào. Gặp trường hợp này phải treo trước cửa nhà một tấm gương hoặc một hình bát quái.





Chữa nhà, kiêng thu hẹp lại hơn trước sợ sái.  
Trước cửa nhà, kiêng người khác làm nhà chắn hướng sợ  
bất lợi.

Kiêng ở nhà thót hậu, bất lợi.  
Giường chiếu trong nhà, kiêng dựng ngược sợ sái.  
Kiêng ngồi giữa bậc cửa nhà quay lưng vào sợ thất kính.  
Ngồi trước bàn thờ kiêng quay lưng trở vào, e vô lễ.  
Uống rượu kiêng úp chén và dốc ngược chai, e say.  
Đánh bạc kiêng ăn đầu vịt, kiêng người vịn vai, chống nẹ,  
e thua.

Đánh bạc kiêng ăn mía sợ chóng tan.  
Đánh bài kiêng chia bài trước khi đủ tay sợ bài không thành.  
Đi hát cầm chầu kiêng đánh giở mặt trống và kiêng chạm  
chiếu rượu, e khẩu thiệt.

Con hùm kiêng tên gọi là ông Ba Mươi.  
Con rắn kiêng tên gọi là ông Lốt.  
Con voi kiêng tên gọi là ông Vâm.  
Kiêng tiều tiện dưới các gốc cây to, sợ chạm vía ma quỷ.  
Đi chùa kiêng ăn thịt chó.  
Kiêng hái hoa quả ban đêm, sợ hoa quả bị thui rụng.  
May quần cho các trẻ nhỏ, kiêng dùng vải con chấp, và  
may rộng rãi để trẻ chóng lớn.

Trên đây chỉ là một số những điều kiêng kỵ. Có những  
điều kiêng kỵ riêng về việc sinh đẻ, hôn nhân, kiến ốc, ma  
chay, những điều này tôi đã có dịp nhiều ít nói tới trong tập  
“Con Người Việt Nam”.

## NHỮNG PHƯƠNG THUẬT

Phương thuật tức là phép theo đó giúp người ta sẽ tránh  
được những điều muốn tránh và cầu ước được những điều  
mong mỏi. Chính ra những phương thuật chỉ là những điều

người ta tin một cách mù quáng, không hiểu tại sao lại phải tin như vậy. Có ai hỏi sẽ được trả lời là được các cụ truyền lại, các thầy Pháp, thầy Tụ bảo, và cũng không biết từ đời nào, theo sách nào.

Tin theo những phương thuật, cũng như tin theo những điều kiêng kỵ, người ta cứ tin, mặc dầu thấy là vô lý.

Dưới đây là một số các phương thuật thông thường nhất.

#### *THUẬT TRÁNH SÉT.*

Ta có câu trời đánh còn tránh miếng ăn, những người sợ sét và sinh vào giờ lôi đả mà tục tin sẽ chết về nghiệp sét đánh, mỗi khi cơn mưa có sấm sét, thường lấy một thứ gì ra ăn. Những người này ở nhà quê, luôn luôn có trữ sẵn bông rang trong bọc, thấy trời mưa đem ra ăn để tránh sét. Người ta cho rằng ông Thiên Lôì vâng lệnh trời đi đánh những người có số lôi đả, thấy người đó đang ăn, phải chờ cho người đó ăn xong mới được đánh, chờ mãi quá giờ phải quay về trời đợi bạn khác sẽ trở lại.

Tránh sét còn một thuật thứ hai nữa là khi trời mưa to, động thấy chớp nhoáng thì gọi bà bập bập. Ông Thiên Lôì sợ bỏ đi chỗ khác. Tục tin rằng ông Thiên Lôì sợ gà.

*Cứu gấu ăn mặt trời, mặt trăng.*

Mỗi khi có nhật thực, nguyệt thực, tục cho rằng mặt trời hoặc mặt trăng bị gấu ăn và đó là điềm gở phải làm sao để gấu nhả mồi ra. Người ta đánh trống, gõ mõ, đập mâm đồng để đuổi gấu đi.

*Giữ nhà khỏi đổ trong cơn giông tố.*

Khi bão to nhà lung lay mạnh sợ đổ thì lấy đôi đũa cả mà chống vào hai chân cột cái, nhà sẽ không đổ được.

#### *CHỮA BỆNH.*

Trẻ con học xương, lấy đũa cả gõ vào đầu ông Táo thì khỏi. Bị nấc, nam uống bảy hụm, nữ uống chín hụm nước lạnh thì khỏi.



Mắt có bụi, vạch mắt ra đọc câu chú: *Cái gậy ở trên trời, rơi xuống đất, mất cái gậy, rồi thôi phù một cái tự nhiên sẽ khỏi.*

Hoặc thè lưỡi ra đưa ngang đưa dọc mấy cái sẽ khỏi.

Chân tay bị đè nặng tê, lấy dây buộc vào ngón cái và nói: *Tề tê tê, bắt lấy thừng Tề, trói cổ cho tao, sẽ khỏi.*

Trẻ con rụng răng, rụng hàm trên quẳng xuống gầm giường, rụng hàm dưới quẳng lên mái nhà, đọc câu chú: *Chuột chuột chí chí răng mà y vừa dài vừa nhọn, răng tao vừa ngắn vừa cùn, mà cho tao bảy ngày thì ra, bảy ngày thì mọc, răng sẽ chóng mọc.*

Người tự nhiên bị bong gân tay hoặc gân chân, mượn người đàn bà chữa con so giãm chân vào thì khỏi.

Mắt mọc chấy (lẹo), lấy gấu quần đàn bà di vào thì khỏi.

Khi có bệnh thời khí, đeo mấy củ tỏi vào mình sẽ không bị nhiễm bệnh.

Mắc bệnh quáng gà, có người khác họ không bảo trước, vào lúc gà lên chuồng buổi chiều, lấy một chiếc lá khoai sọ bọc nước ném vào thì khỏi.

Trẻ con bị sài mòn, bê đi luôn dưới áo quan một đám tang ông già bà lão, rồi khi ngôi mộ của ông già bà lão này đã đắp rồi, mang đũa trẻ lê quanh mộ sẽ hết bệnh sài mòn.

### *THUẬT THÔI SINH.*

Người đàn bà chữa tới tháng không sinh, chữa lên tháng nghĩa là quá thời gian thường phải sinh, vùng quê gọi là chữa trâu. Muốn sinh ngay, người chồng phải làm theo những điều tục đã dạy.

Người chồng phải lấy một nôi đất đập vỡ toang ra hoặc cời dây lưng ra rồi trèo lên ngói nóc nhà.

Nếu đứa trẻ sinh ra chẳng may không khóc được thì gõ mảnh sành rầm lên, tự nhiên nó sẽ tỉnh ra và khóc.

**TRẤN KẼ TRỘM.**

Tôi sợ có kẻ trộm vào nhà thì dựng ngược một cái chổi ở cửa ra vào, đọc câu thần chú:

*Chém đầu thằng trich, ních đầu thằng cuọc, treo ngược cành đa, chém cha thằng ăn trộm.*

Hoặc câu:

*Chém đầu thằng trich, ních đầu thằng cuọc, ăn cơm tháng ba ăn gà tháng bảy, chém náy đầu đi.*

Làm như vậy, có kẻ trộm tới cũng rợn không dám vào trong nhà.

**XUẤT HÀNH TRẤN ÁC.**

Ai đi đêm tối, sợ gặp phải cọp, rắn, hoặc những điều sợ hãi khác thì lấy ngón tay trái bấm vào cung bản mệnh, tuổi gì bấm vào cung ấy, và lúc mới bước chân ra đọc câu thần chú:

*Tứ tung ngũ hoành,  
Ngô kim xuất hành,  
Vũ vương vệ đạo  
Si ưu vệ đạo  
Hổ hương bát đắc động  
Xà hủ bát đắc kinh  
Ngô phụng Thái Thượng lão quân mệnh  
Cấp cấp như luật lệnh.*

Lược dịch:

*Bốn dọc nằm ngang,  
Nay ta ra đi,  
Vũ vương giữ đường  
Si ưu tránh binh  
Hổ không được động  
Rắn chẳng được kinh,  
Ta vâng lệnh Thái Thượng lão quân  
Phải mau mau nghe lệnh.*

Đọc chú bấm cung bản mệnh như vậy sẽ không sợ hãi gì nữa.



### TRẦN ÁC MỘNG.

Ta tin rằng có những giấc mộng rất nghiêm, nên có nhiều con ác mộng cần phải trấn trước để khỏi có ứng nghiệm. Muốn trấn mộng thì nên đêm nằm mê thấy sự gì độc ác sợ hãi, lúc sáng tỉnh dậy đừng nói gì lảng lạng đi uống một ngụm nước rồi ngảnh mặt về phía Đông mà nhỏ, như vậy dù ác mộng cũng hóa mộng lành.

### TRỪ TÀ GIẢI ĐỘC.

Để trừ ma quỷ, nhân dịp Tết ta trồng cây nêu co treo khánh sành, và ngọn nêu có cây phước nhà Phật. Ta lại vẽ cung tên bằng vôi bột, treo cành đa lá dứa cho ma quỷ tránh.

Khi có người chết, có tục dán bùa yểm bùa.

Muốn ma quỷ không dám tới nhà quấy phá, trước cửa nhà có treo một tấm gương hoặc một tấm hình bát quái.

Cũng có nơi dựng một cột đá ngoài cửa ngõ với năm chữ khắc: Khương Thái Công tại thử, ma quỷ sợ Khương Thái Công không dám tới.

Muốn giữ cho tài lộc trong nhà thịnh vượng, xây ngoài của một con chó đá.

### GIỤC CÂY RA QUẢ.

Có nhiều cây trồng đã lâu mà chưa có quả, chờ đến ngày đoan ngo, một người trèo lên cây, một người cầm vò kháo ở dưới gốc cây ba cái, hỏi đã chịu ra quả chưa, người trên cây nói chịu. Người dưới đất lại hỏi ra bao nhiêu quả, người trên cây lại trả lời là sẽ ra mấy thúng quả. Sang năm sau cây sẽ có quả rất sai để đủ được mấy thúng như người trên cây đã nói.

### NUÔI SÚC VẬT.

Lục súc là một nguồn lợi của dân quê nên người ta rất chú trọng tới. Hơn nữa có những con vật như mèo, chó, trâu, bò, ngựa hầu như là bạn của con người, nên càng được con người săn sóc.

Khi mới mua được con mèo hoặc con chó con về để nuôi, bắt nó vái lạy các con chó hoặc mèo lớn và dặn những con này: Từ rày không được cắn em nhé. Như vậy những con chó lớn, mèo lớn sẽ không cắn mèo con hoặc chó con. Khi mới nuôi con mèo con, không những nó phải vái con mèo lớn, mà còn phải vái cả những con chó ở trong nhà.

Lợn chê cám, lấy mảnh giấy viết mấy chữ Khương Thái Công tại thử đem dán lên chuồng lợn, lợn sẽ hết chê cám, lại ăn uống như thường.

Lợn bỏ chuồng đi không về, lấy chiếc đĩa cả cắm đằng sau lưng ông Táo, hoặc úp cái chậu cho lợn ăn xuống đất và lấy một cành khế cắm vào cửa chuồng lợn, tự nhiên lợn sẽ về, trừ trường hợp lợn đã bị người khác bắt giết thịt mất.

Gà mới mua về, trước khi thả ra nuôi, chặt đuôi chôn trước cửa bếp, gà sẽ không đi mất.

#### *TRỪ ÁC ĐIẾU.*

Có cú kêu bên cạnh nhà, lấy chiếc đĩa cả cắm sau lưng ông Táo, hoặc lấy nắm gạo muối, hoặc lấy hòn đất trong bếp mà ném thì tự nhiên nó đi.

Cú bị coi là một giống chim mang điều gở lại nên cú đậu ở nơi nào cũng bị xua đuổi. Ta có câu cú kêu ra ma nên không ai ưa cú.

#### *TRỪ HOÀNG TRÙNG.*

Khi có hoàng trùng tức là loài châu chấu, ăn hại mùa màng, thì cúng tiễn cho nó đi, rồi cắm một lá cờ giấy ở đầu địa giới, hoàng trùng sẽ không dám trở lại nữa.

#### *TRỪ THUỐC ĐỘC.*

Trong một món ăn nghi là có thuốc độc, dùng đũa bằng gỗ kim giao khuấy vào, chất độc sẽ trở nên vô hiệu nghiệm.



### TRỪ SÂU BỌ.

Trong nhà có nhiều kiến, muốn trừ bớt đi, ngày mùng một Tết bắt ít kiến bỏ vào bếp, quanh năm sẽ ít kiến.

Nhà nhiều rệp muốn trừ lấy lá cây thị rải xuống dưới chiếu rệp sẽ đi hết.

Còn cách thứ hai để trừ rệp là bắt một hai con bỏ vào trong áo quan người chết, tự nhiên rệp kéo nhau đi không còn nữa.

Muốn cho các cây cối không bị sâu hay rầy cắn thì đêm hôm ba mươi Tết, cầm bó đuốc soi vào các cây, cây sẽ khỏi.

### CHỮA BỆNH TỊT.

Bệnh tịt tức là bệnh nổi mề đay. Tục ta cho là có giống ma tịt đốt nên bị nổi tịt lên như vậy.

Muốn chữa bệnh tịt, phải cúng ma tịt. Đồ lễ cúng dùng cứt trâu và lá lốt. Lá lốt tằm thành những miếng như miếng trầu. Mang đồ lễ này đặt vào một chỗ cây cỏ rậm rạp có nhiều muỗi, đốt hương cúng. Khi cúng phải khấn như sau:

*Lạy ông Tịt, bà Tịt, ăn cứt trâu, ăn trầu lá lốt, dùng đốt con tôi.*

Cúng khấn như vậy, bệnh tịt sẽ khỏi.

### CHỮA BỆNH CÚM.

Mắc bệnh cúm phải sửa lễ cúng ông Thần Cúm. Đồ lễ gồm bánh đúc, mắm tôm ngoài trầu ngoài trầu cau vàng rượu. Vàng cúng mua thứ vàng xanh đỏ. Lúc cúng phải khấn:

*Tôi lạy ông Cúm bà Cò.*

*Ông ở xứ Nghệ ông bò tới đây.*

*Khôn thiêng có mâm cỗ này,*

*Ông soi cho sạch ông rầy tha tôi.*

Cúng xong, người mắc bệnh thừa lộc đồ lễ, ăn bánh đúc chấm mắm tôm, bệnh sẽ khỏi.

Qua các phương thuật trên, ta thấy nhiều điều thật là vô lý và cũng thật ngộ nghĩnh, nhưng tin thì vẫn có người tin.

Ngày nay, có nhiều phương thuật đã không còn tồn tại nữa, tỷ như việc gỡ gấu ăn mặt trời và mặt trăng, hoặc như việc cúng ma Tật, thần Cúm! Nhiều phương thuật khác rồi ra cũng sẽ mất, nhưng đồng thời người ta cũng lại đã nhập cảng thêm nhiều phương thuật mới của Tây phương, thí dụ như việc xem người đàn bà chữa con trai hay con gái bằng cách lấy chiếc nhẫn cưới của người này buộc vào một sợi tóc cũng của người này, rồi bảo người đàn bà nằm ngửa, cầm sợi tóc treo lưng lửng chiếc nhẫn trên rốn người ấy. Nếu chiếc nhẫn xoay tròn người đó có chữa con gái, trái lại nếu chiếc nhẫn lắc lư đưa đi đưa lại, người đó có chữa con trai.

Lại tỷ như việc tìm biết xem người đàn bà sinh bao nhiêu lần bằng cách buộc một sợi chỉ vào một cán bút chì, rồi bảo người đàn bà ngửa tay trái lên, cầm sợi chỉ treo lưng lửng trên cổ tay người đàn bà, ngọn bút chì chúc xuống chỉ vào ngón cổ tay. Nếu bút chì đứng yên, người đàn bà cô độc cô quả không sinh, nếu ngọn bút chì đưa đi đưa lại mấy lần, trong đời, người đàn bà sẽ sinh từng ấy bận.

Phong tục đổi thay, phương thuật cũng đổi thay!

Người bình dân ở xứ nào, nước nào cũng hay tin vào những điều huyền hoặc, vậy ta cũng chẳng nên trách ta, nếu dân ta đã và đang tin vào những phương thuật.

Ta chỉ mong một ngày kia, khoa học sẽ giúp cho nhân loại tiến bộ nhiều và dân ta sẽ tiến bộ theo.





# CHIÊM ĐOÁN



**C**hiêm là xem trước, còn đoán là đoán những điều xảy ra.

Tục ta tin rằng mọi việc xảy ra thường có những điềm báo trước. Căn cứ vào những điềm đó, tức là những điềm được xem trước mà đoán mọi việc sẽ xảy ra là chiêm đoán.

Ta có nhiều cách chiêm đoán. Phạm mọi việc họa phúc xảy ra cho đoàn thể, thôn xã và có khi cả quốc gia nữa, hoặc cho cá nhân từng người, như công danh, tiền tài, tính mệnh, nhà cửa, v.v... ta đều có thể có những điềm để tiên đoán trước.

Sự thật những cách chiêm đoán tức là cách hành đạo của những lưu phái môn đồ đạo Lão biến thể tinh thần cao xa của đạo mà ra.

Phụ tiên gọi hồn, xin thẻ đã được trình bày ở trên đều là những cách chiêm đoán.<sup>(1)</sup>

Còn nhiều cách chiêm đoán khác được dân ta tin sùng như xem chân giò, cầu mộng, nghiệm lời sấm ký, v.v...

---

1. Xin xem quyển thượng.

## XEM CHÂN GIÒ

Xem chân giò nghĩa là dùng chân con gà giò để đoán việc cát hung. Con gà giò là con gà trống nhỏ, mới lớn độ bốn, năm tháng còn tinh khiết, chưa đập mái lần nào.

*Khi nào xem chân giò.* - Trong nhà khi có người đau ốm, hoặc làm ăn lúng túng không thịnh đạt, hoặc có người xuất hành đi xa, hoặc con cái đi thi, hoặc muốn cầu khẩn một việc gì, người ta đều xem chân giò để biết sự may rủi sẽ tới: người bệnh có khỏi không, sự làm ăn trong gia đình có may mắn không, người ra đi có tốt lành không, con cái đi thi đậu hay trượt, việc cầu khẩn thành hay bại. Tóm lại, người ta xem chân giò cũng như xin một quẻ thẻ, xem một quẻ bói để mong biết trước được những điều sẽ xảy ra, biết phúc mà đón, biết họa mà tránh.

*Nghệ thức sửa soạn xem chân giò.* - Muốn xem chân giò, người ta tìm mua một con gà giò, nuôi trong nhà vài ba ngày bằng những thức ăn tinh khiết. Hôm xem chân giò, đem con gà rửa chân cho sạch, khăn khứa trước một bàn thờ, thường là bàn thờ Thổ Công trong nhà, rồi đem con gà cắt tiết làm thịt. Khi luộc gà, đôi chân gà không được luộc quá chín, chỉ luộc vừa chín tới để thịt da khỏi nứt hoặc khỏi sát mới xem được. Chiếc chân giò bị luộc chín, gân da nát hết, gọi là phá quản thì bỏ đi. Gà luộc chín rồi đem làm lễ và cúng cả đôi chân giò. Lễ xong thì xem.

*Cách thức xem chân giò.* - Xem giò phải coi ngón chân nhỏ chỉ vào đâu là ứng đó. Chân gà có ba ngón chính với ngón nhỏ. Ngón nhỏ chỉ vào ngón trong thuộc về việc trong nhà, chỉ vào ngón giữa thuộc vào chủ thân, chỉ vào ngón ngoài thuộc người ngoài. Khi ngón nhỏ chỉ vào khe những ngón kia thì không ứng gì cả, gọi là chỉ không.

Chỗ giữa bàn chân gà gọi là cung trung. Cung trung đầy đặn thì trong nhà khá giả, cung trung lõm là trong nhà gặp lúc đang suy.



Ngoài cách xem ngón nhỏ chỉ vào đầu và cung trung đây voi ra sao, người ta còn xem cả gân huyết của chân giò: huyết đỏ hồng hào là tốt, huyết xám đen là xấu.

Trong ba ngón chân trong, ngoài và giữa nói trên của chân gà có tất cả tám đốt chung quanh ăn với tám cung trong bát quái: kiền, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài, mỗi cung chỉ riêng một việc gia sự, bản mệnh, tài lộc, tử tôn, huynh đệ, bằng hữu, công danh và quan tọng. Khi xem chân giò cần xem huyết động ở cung nào để đoán sự xấu tốt ở cung đó.

Thực ra xem chân giò cũng là một ngành của dịch lý phương Đông và chính đây phải kể là ảnh hưởng của Nho giáo mới đúng, nhưng sự thực hành thường do các môn đồ đạo Lão, các lưu phái biến thể. Những người này mặc nhiên chuyển sang đạo Lão nhiều nghi lễ của Nho giáo, cũng như nhiều điều khác của đạo này.

Riêng về cách xem chân giò là do dịch lý của Nho giáo, như đã trình bày. Muốn biết tường tận cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng những sách nói về khoa này. Ở đây chỉ có mục đích phác sơ qua để bạn đọc có một đôi ý niệm mà thôi.

## XEM ĐẦU GÀ

Ngoài cách xem chân giò dùng chân gà, ta còn cách xem đầu gà để đoán việc cát hung nữa.

Xem đầu gà, cũng xem sắc huyết như xem chân gà, huyết đỏ thì tốt, huyết đen thì xấu. Lúc xem, còn tùy huyết động ở nơi nào mà đoán hay dở.

Thường nếu đầu gà mỏ há mắt nhắm là tốt, mỏ ngậm mắt mở là xấu.

## CẦU MỘNG

Cầu mộng nghĩa là xin với thần thánh báo trước cho biết một điều gì qua giấc mộng.

Học trò đi thi, nhà buôn đi buôn, những người có việc đi xa thường cầu mộng.

*Nghi thức cầu mộng.* - Muốn cầu mộng, phải ăn chay, tắm rửa sạch sẽ và thành tâm mang vàng hương tới một ngôi đền hoặc một ngôi chùa khấn khứa cầu xin rồi nằm ngủ tại đó. Trong giấc ngủ mơ thấy gì, theo đó mà suy đoán ra cát hung.

Giấc mộng nhiều khi rất rõ ràng, có khi thần nhân hiển hiện trong giấc mộng báo cho đương sự biết mọi sự dở hay mà tránh hoặc tìm. Cũng nhiều khi giấc mộng rất huyền ảo, phải cao đoán mới thấy kinh nghiệm.

Có nhiều người tự nhiên không cầu gì cũng thấy mộng đó là quý thần tiên báo sự cát hung cho mình.

Mộng là gì?

Theo thuyết duy linh mộng là một dự giác, một bí quyết răn dạy của thần linh<sup>(1)</sup>, nghĩa là điều thần linh báo trước cho ta, do đó có giấc mộng lành và có giấc mộng dữ. Trong bộ *Diễn Mật Sao* và bộ *Thiện Kiến Luận* của Phật Giáo cũng có nói tới mộng:

Con người trong khi ngủ, hễ tâm bất định thì thấy chiêm bao. Và có bốn thứ chiêm bao:

- a) do bốn thể là đất, nước, gió, lửa trong người không điều hòa, tâm thần tán loạn;
- b) do những điều mắt thấy tai nghe ban ngày;
- c) do sự tu tĩn, hành điều thiện, cảm đến bực trên, hiện ra điềm lành, hoặc trái lại, hành điều ác, cảm đến bực trên, hiện ra điềm dữ;
- d) do tư tưởng tốt hay xấu mà hiện ra chiêm bao.

Bốn thứ chiêm bao trên đều do các kho chứa vô hình đựng đủ nghiệp duyên của quá khứ, hiện tại và vị lai, tức là tạng thức.

---

1. Bà Linh Việt. Đố ai nằm ngủ không mơ.



Trong lúc chiêm bao không phải chỉ hiện ra những cảnh đã biết qua trong kiếp sống hiện tại, mà còn có thể có cả những cảnh rất lạ, những cảnh này chứa nơi tạng thức từ kiếp trước, hoặc là những quả sắp đến trong tương lai.

Ở đây, ta thấy rằng mộng báo trước những việc sắp xảy ra.

Sách Nội Kinh của vua Hoàng đế có nói về mộng:

Âm thịnh: mộng lợi nước - sợ hãi;

Dương thịnh: một lửa cháy;

Âm dương đều thịnh: mộng giết nhau;

Trên thịnh: mộng bay;

Dưới thịnh: mộng ngã;

No: mộng người cho của;

Đói: mộng lấy của người;

Khí can thịnh: mộng giận;

Khí phế thịnh: mộng khóc.

Theo sách Đông Lai Loại Thuyết, hình thể tiếp nhau thành việc, tinh thần gặp nhau thành mộng.

Do đó, giấc mộng tùy thuộc một phần ở con người và một phần ở ngoại cảnh.

Khi trong người bị hư phù: mộng thấy bay lên;

Khi trong người trầm nặng: mộng thấy bị chìm xuống;

Nằm ngủ thất giây lưng: mộng thấy rắn;

Nằm ngủ đội khăn: mộng thấy bay;

Trời sắp mưa dầm: mộng thấy nước;

Trời sắp nắng ráo: mộng thấy lửa;

Sắp bị bệnh: mộng thấy ăn;

Sắp có việc lo: mộng thấy lúa hát<sup>(1)</sup>. Mộng một phần do mình. Muốn tránh ác mộng không nên nghĩ đến việc tà dâm, ác nghiệt, đừng tưởng đến những việc làm trái với đạo đức, nằm ngoảnh mặt ra ngoài, quay đầu về hướng Đông cho thoáng khí.

---

1. Bà Linh Việt - Đố ai nằm ngủ không mơ.

Vì giấc mơ là điềm báo trước, nên nhiều khi nhờ giấc mơ người ta có thể tránh được những điều đáng lẽ xảy ra.

Người xưa có dạy rằng:

Vua mộng thấy điềm xấu phải sửa đức tu thân, lo việc triều chính canh tân quốc gia theo chính đạo;

Quan to mộng thấy điềm xấu phải sửa mình cho cần kiệm liêm chính, phải có lòng quảng đại;

Quan nhỏ, thường dân mộng điềm dữ phải sửa mình tu thân.

### “CHIÊM MỘNG KINH”

Để giải các giấc mộng, phương Đông có sách “Chiêm Mộng Kinh” đặt sẵn các bài giải.

*Thiên văn.*

Mặt trời soi vào nhà: thăng quan.

Mặt trăng soi vào bụng: sinh quý tử.

Đi đường gặp mưa: có sự ăn uống.

Mưa to gió lớn: điềm xấu.

Mây đen: giữ gìn.

*Địa lý.*

Động đất: có sự thuyên chuyển.

Khuân đá vào nhà: điềm phú quý.

Đang ở trong rừng: đại cát.

Trông thấy núi cao; có việc tốt lành.

*Quỷ thần.*

Đánh nhau với quỷ thần: sống lâu.

Thần thánh đến nhà: có phúc lộc.

Bị quỷ thần đánh: bất tường.

Nói chuyện với quỷ thần: phú quý.

*Thân thể.*

Chải đầu và rửa mặt: hết sự lo lắng.

Mình ra mồ hôi: điềm xấu.



Rụng răng: điềm có người thân chết.  
Rụng răng không có máu: phát tài.  
Vợ chữa: vợ có tư tình.  
Vợ chồng cãi nhau: tật bệnh.  
Dơ bản dây người: tốt.

*Mừng vui.*

Khóc với người: có việc vui mừng.  
Người chết mắng: đại cát.  
Thấy mình chết: đại cát.  
Thấy con chết: phát tài.  
Người chết sống lại: có tin xa về.

*Ấu đả.*

Đánh nhau với người: tốt.  
Người trong nhà đánh nhau: có sự phân ly.  
Giết người: phú quý.

*Tap mộng.*

Uống rượu cao lâu: đại phú quý.  
Qua sông: có việc ăn uống.  
Thấy lửa cháy: phát tài.  
Thấy rết cắn: sống lâu.  
Cửa mở rộng: đại cát.  
Nóc nhà có cỏ mọc: xấu.  
Rắn cắn: được của.  
Bò vàng vào nhà: phú quý.  
Cây cối tươi tốt: nhà cửa thịnh vượng.

Theo “Chiêm Mộng Kinh” thì cách đoán mộng sơ lược là như vậy, nhưng sự đoán mộng cũng còn tùy người tùy mộng, tùy thời gian, tùy hoàn cảnh, mỗi lúc mỗi khác. Việc ứng nghiệm hay không cũng còn tùy người nằm mộng nữa, có khi mộng mị chẳng qua chỉ là tư tưởng kết lại, có khi mộng cũng chính là một điềm báo trước, nhiều khi mộng với thực thường có những liên quan mật thiết.

## MỘNG DƯỚI CON MẮT PHƯƠNG TÂY

Từ trên chỉ nói tới sự cầu mộng và việc mơ mộng qua tin tưởng và lý thuyết phương Đông.

Người phương Tây cũng tin ở mộng và cũng nhận là giữa mộng và thực có thể có một sự liên lạc nào với nhau.

Giáo sư Gesner nằm mộng thấy rắn cắn ở đùi, hôm sau có nhọt mọc lên ở giữa nơi rắn cắn và năm ngày sau giáo sư đã bỏ mạng vì chiếc nhọt bắt đầu từ trong giấc mơ đó.

Bác sĩ René Allendy phân loại giấc mơ.

a) Những giấc mơ êm đềm hay quái đản do ngoại cảnh chung quanh ảnh hưởng đến giấc ngủ sinh ra chiêm bao như trường hợp ông Descartes bị con rệp cắn mà mơ thấy bị gươm đâm.

Bác sĩ Schatzmann khi ngủ, mép chặn lùa vào bụng, chiêm bao thấy rắn.

b) Những giấc mơ do tình trạng sức khỏe gây ra như ốm yếu mệt nhọc, hay ăn no quá cũng làm cho ta chiêm bao khủng khiếp. Như đau cổ, chiêm bao thấy bị bóp cổ chặt đầu. Đau tim hay mơ thấy quỷ quái. Đau gan thường thấy núi non. Trường hợp này, nên tìm bác sĩ chữa bệnh vì không có mộng triệu gì cả.

c) Giấc mơ do ký ức. Người thợ giặt ủi mơ thấy giặt ủi quần áo là thường. Ngày gặp một bạn học cũ khi nhỏ, đêm mơ thấy ôm cặp sách đi học thấy khung cảnh nhà trường như xưa.

d) Giấc mơ do ý nghĩ, ước muốn bị đè nén lâu ngày. Như thanh niên chiêm bao thấy cùng vị hôn thê đã ở chung một nhà ân ái mặn nồng<sup>(1)</sup>.

Cũng như bác sĩ R.Allendy, đã nhận xét các loại b trên về bệnh tật với giấc mộng, nhiều bác sĩ khác cũng chứng

---

1. Bà Linh Việt - tài liệu đã nhắc ở trên.





nhận rằng mộng là nguyên lý của bệnh trạng. Ở điểm này, y học Đông Phương (Ấn Độ và Trung Hoa) đã gặp y học Tây phương. Những nguyên nhân mộng bệnh được chia làm năm loại thuộc về ngũ tạng: Tim, phổi, thận, gan, tỳ.

*Mộng bệnh về tim.*

Người yếu tim hay nằm mê thấy ma quỷ và những hình trạng ghê gớm. Trong những khi yếu mệt, họ thường mê thấy lửa khói, ánh sáng, đám cháy và màu đỏ.

*Mộng bệnh về phổi.*

Người đau phổi khi nào béo quá hoặc lúc ăn no không tiêu thường mê thấy đánh nhau, chiến tranh, quân lính và vũ khí. Khi yếu mệt mê thấy chân trời bao la, đồng bằng, thung lũng, sườn đồi hoặc những buổi đi chơi vất vả.

*Mộng bệnh về thận.*

Người yếu thận, khi béo quá hoặc lúc ăn no thường mê thấy cố gắng kéo lê những vật nặng hoặc bị vật gì đè nặng lên người và cố tìm cách vùng thoát khỏi. Khi đau yếu mỗi mệt mê thấy đi ở dưới nước và cố lội đi vào bờ một cách nhọc mệt.

*Mộng bệnh về gan.*

Người yếu gan khi béo quá hoặc ăn no thường nằm mê thấy cây to, núi lớn, rừng hoang dại. Lúc đau yếu nằm mê thấy đồng ruộng cỏ cây và hoa.

*Mộng bệnh về tỳ.*

Người yếu tỳ khi mệt nhọc hay nằm mê thấy những cuộc vui chơi, lễ bái, âm nhạc. Khi đau yếu nằm mê thấy ăn những bữa cơm rau, đánh nhau bị thua.

*Giấc mộng của những người khỏe.*

Theo phương Tây, năm loại mộng trên là mộng bệnh, nhưng có nhiều người không đau yếu gì, rất cường tráng khỏe mạnh

vẫn cứ nằm mộng. Loại mộng này được giải thích do lúc ban ngày, con người hoạt động trăm nghìn việc, tâm linh không được rảnh rang để mà có những viễn cảm về những sự vui buồn sắp xảy ra, cho nên trong lúc ngủ, tâm trí và cơ giác của con người ta được nghỉ ngơi hoàn toàn không bận bịu. Lúc đó tâm trí và cơ giác rất sáng sủa, có thể báo cho ta biết trước mọi việc sắp xảy ra về mọi phương diện bệnh hoạn, tai nạn hoặc sự vui buồn.

Gặp những giấc mộng, người ta muốn tìm cách hiểu mộng. Dù sao cũng chớ nên coi giấc mộng như điềm tiên tri mà chỉ nên coi đó là một cảnh cáo, một báo hiệu, một thúc giục của tạng thức thấy rõ hơn linh tính, để đem nghị lực phấn đấu tự sửa mình, để chống lại giấc mộng xấu và cố hành động theo lẽ phải để hưởng giấc mộng tốt.

*Chìa khóa giải mộng.*

Nếu ở phương Đông có “Chiêm Mộng Kinh” để chỉ cách đoán mộng thì ở phương Tây cũng có những sách dạy đoán mộng, họ gọi là Chìa Khóa Giải Mộng.

Những sách giải mộng này cũng xếp những giấc mơ thành từng loại như “Chiêm Mộng Kinh” của Đông Phương.

*Loại vật.*

Bị ong đốt: gặp những sự nguy hiểm trong nghề.

Giết ong, phá tổ ong: phá sản hay đau ốm nặng.

Thấy chó sủa: tang tóc.

Nghe chó sủa nhưng không thấy chó: sẽ được những lời chúc tụng tốt.

Thấy con cừu: vui mừng về con cháu.

Chim to bay: hy vọng.

Chim bị bắn: có kẻ thù.

Bò, dê: làm việc có kết quả tốt.

Vịt: miệng tiếng thị phi.

Ngựa trắng: đại cát.



Ngựa đen: thất vọng.  
Ngựa nâu: hạnh phúc.  
Ngựa khoang: tình duyên đẹp.  
Lợn: công việc lộn xộn.  
Voi: gặp quý nhân, hiền sĩ.  
Ếch, nhái: nguy hiểm, tai nạn.  
Rắn: có cuộc ám hại hay báo thù.  
Chim nhạn: hạnh phúc.  
Chim cú: điềm vượng tốt lành.  
Thỏ: tốt.  
*Người và việc.*  
Sinh sản: điềm lành, tin tức hay.  
Mua bán: mất tiền bạc.  
Ngã trượt: bệnh tật.  
Tính toán: thất tài.  
Tù già: có khách lạ.  
Làm việc: thành công.  
Đói rét: sung sướng.  
Công an, Cảnh sát: coi chừng bạn bè phản bội.  
Con chết: sinh quý tử.  
Say rượu: bị thất vọng.  
Gặp bạn hiền: tai nạn bất thường.  
Tắm: điềm hay.  
Hôn thiếu nữ: thất vọng vì tình.  
Hôn người chết: trường thọ.  
Khiêu vũ: thị phi.  
Quét nhà: tài lộc lớn.  
Đi thuyền: công việc gặp khó khăn.  
Cưỡi ngựa: được như ý mình.  
Thấy ông bà tiên tổ: bất hiếu.  
Thấy tiên nữ: thành công lớn.  
Buồn: tin mừng.

Hát: việc lành sắp tới.  
Yêu quý: sắp có tai nạn.  
Thầy Thánh, Phật, Chúa: đại cát.  
Thua bạc: có việc tốt.  
*Cỏ cây cảnh vật.*  
Cây to lớn: hạnh phúc.  
Cây trụi lá: điềm nguy hiểm.  
Rừng cây: coi chừng tai nạn.  
Lá xanh trên cây: điềm lành.  
Lá vàng trên cây: điềm xấu.  
Hoa: gặp tình duyên.  
Cảnh vật hoang tàn: có tai nạn hoặc ốm nặng.  
Cảnh có nhiều giống vật: điềm phúc.  
Kim chỉ: bệnh hoạn.  
Rượu: chuyện buồn.  
Điêm: việc vui mừng.  
Nhà cửa đẹp: tham vọng không thành.  
Nhà không đèn tối tăm: gặp sự phản trắc.  
Bất được tiền bạc: coi chừng mắc lừa.  
Mất tiền bạc: phát tài.  
Thấy vũ khí: tai nạn phi thường.  
Thấy tàu bay: vạ miệng thị phi.  
Sang đồ: nạn hồng thủy, chết đuối.  
Thấy bùn lầy: tai nạn bất thường.  
Cảnh thôn quê: công việc có kết quả.  
Thấy quan tài: khỏi bệnh.  
Quan tài có người: hỉ tín, sinh quý tử.  
Bãi tha ma: vui sướng sắp tới.  
Thấy nhà bếp: coi chừng đò ghen.  
Trường học: có việc hồi hận.  
Địa ngục: có kẻ thù oán sinh chuyện.



So sánh các bảng sắp loại trên của những sách gọi là “Chìa khóa giấc mộng” với những điều giấc mộng trong “Chiêm Mộng Kinh”, ta thấy có nhiều giấc mơ Đông và Tây đã giải thích như nhau.

Thí dụ như mê thấy con chết, phương Đông cho là điềm phát tài, thì phương Tây cho là điềm sinh quý tử, đều là điềm tốt cả.

Lại như mê thấy Thánh thần, phương Đông cho là điềm phúc lộc thì phương Tây cũng là điềm đại cát, v.v...

Dù theo phương Tây hay phương Đông, giấc mộng cũng còn tùy hoàn cảnh, tùy người; có khi mộng mị thực là vô bằng, nhưng cũng có khi giấc mộng lại có liên quan với thực. Xét mộng, cần phải đạt, để hiểu giấc mộng, chớ nên cố chấp quá tin mà thành một điều vô ý thức.

Những điều giải mộng ghi trên chỉ có tính cách chỉ dẫn. Hiện tại ở Việt Nam cũng có một đôi cuốn sách chỉ dẫn cách đoán điềm giấc mộng, nhưng sách nào thì sách, không nên căn cứ tin một cách mù quáng đến ngu muội. Nhiều khi cần xét xem có bệnh tật gì không trước khi tìm thầy giải mộng.

### *NHỮNG GIẤC MỘNG CÓ GHI TRONG SỬ SÁCH*

Như trên đã trình bày, mộng với thực nhiều khi có liên quan với nhau. Qua các sách sử nhiều giấc mộng đã được ghi chép lại như giấc mộng của giáo sư Gesner nói trên. Nhân nói về sự chiêm đoán và việc cầu mộng xin chép lại đây mấy giấc mộng của cả phương Đông lẫn phương Tây có sự ứng nghiệm để bạn đọc cùng suy xét.

#### *Giấc mộng của vua Tuyên Vương nhà Chu.*

Vua Tuyên Vương nhà Chu từ khi lên ngôi, trong nước luôn luôn bị giặc Khương Nhung quấy nhiễu.

Nhà vua ngày đêm lo ngại. Một hôm nhà vua ngủ ở nhà Thái Miếu bỗng mộng thấy có một người con gái từ phía Tây bước

thăng vào trong miếu. Vua Tuyên Vương nổi giận, quát mắng rầm lên, truyền nội thị đuổi bắt chẳng thấy một người nào thưa.

Người con gái ấy không sợ hãi gì cả, cười khảnh khách ba tiếng, lại khóc nức nở ba tiếng rồi thu hốt các thần chủ trong miếu, bó lại thành một bó mà xách đi.

Vua Tuyên Vương vội vàng đuổi theo, bỗng giật mình tỉnh dậy, thành ra một giấc chiêm bao.

Nhà vua liền đòi quan Thái sử là Bá Dương Phụ vào đoán mộng. Bá Dương Phụ đoán là điềm nữ hạ.

Giấc mộng này quả nhiên về sau ứng nghiệm. Con vua Tuyên Vương là vua U Vương say mê nàng Bao Tự nên có loạn Khương Nhung tàn phá kinh thành. Rồi vua U Vương cũng bị giết. Con vua U Vương là vua Bình Vương phải thiên đô sang phương Đông ở Lạc Ấp thì các thần chủ của các tiên vương cũng phải đi theo, ứng vào điềm cô gái xách các thần chủ mang đi.

#### *Giấc mộng của Tần Văn Công.*

Nước Tần là một nước chư hầu nhà Chu. Tần Văn Công làm vua nước Tần dưới thời vua Bình Vương nhà Đông Chu. Một hôm Tần Văn Công nằm mê thấy con hoàng xà ở trên trời rơi xuống, hóa làm một tiểu nhi bảo Văn Công rằng:

- Ta đây là con trời, trời sai ta xuống báo cho nhà ngươi biết là trời định cho nhà ngươi làm Bạch Đế.

Nói xong biến mất.

Hôm sau Tần Văn Công truyền Thái sử Đôn vào đoán mộng.

Thái sử Đôn nói:

- Bạch là thuộc về phương Tây, trời cho Chúa công làm chủ ở phương Tây này.

Quả nhiên về sau Tần Văn Công được các chư hầu ở phương Tây thần.

#### *Giấc mộng của mẹ vua Thuấn*

Khi bà mẹ vua Thuấn có thai nằm mê thấy con chim sẻ bằng ngọc bay vào bụng.



Thầy đoán mộng giải sinh quý tử. Về sau sinh ra vua Thuấn.  
*Hai giấc mộng của Tào Tháo*

Ai đã đọc truyện “Tam quốc” tất biết Tào Tháo là một tay đại gian hùng đã sửa soạn để cho con cướp ngôi vua nhà Hán, lập nên nhà Ngụy.

Một đêm, khi Tào Tháo sắp chết nằm mê thấy ba con ngựa cùng ăn một tàu.

Hôm sau, Giả Hủ đã đoán:

- Lộc mã là điềm hay, ngựa cùng ăn một tàu là lộc về nhà. Tào Tháo mừng lắm.

Sự thực giấc mộng không phải như lời Giả Hủ đoán mà ứng vào việc sau này con cháu Tư Mã Ý cướp cơ nghiệp của con cháu Tào Tháo, lập ra nhà Tấn. Ngựa chính là họ Tư Mã. Ba con ngựa là ba bố con Tư Mã Ý, Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu. Ba con ngựa ăn một tàu, chỉ ba cha con Tư Mã Ý chiếm cơ ngơi họ Tào.

Khi gần chết Tào Tháo lại mê thấy những người mình đã giết tới đòi mạng. Sau đó Tào Tháo chết. Giấc mơ này chính là mộng bệnh. Tào Tháo đã giết nhiều người, lương tâm không yên, lúc ốm đau đâm mê hoảng và tưởng như những người mình đã giết tới đòi mạng.

*Giấc mộng của Chung Hội*

Chung Hội là tướng giỏi của nhà Ngụy thời Tam Quốc. Hội được cử mang binh đánh nước Thục. Đánh chiếm xong nước Thục, Hội có ý muốn giữ nước Thục lại để gây nghiệp lớn.

Một đêm Chung Hội nằm mê thấy có hàng nghìn con rắn to xúm vào cắn.

Sáng ngày Chung Hội hỏi Khương Duy thì Duy nói:

- Mơ thấy rồng rắn là điềm hay.

Sự thật đã trái lại. Rắn là kẻ thù. Sau đó Chung Hội khởi sự chống lại nhà Ngụy bị thất bại và bị giết.

*Giấc mộng của Thánh Joseph.*

Ông Thánh Joseph nằm mơ thấy Thiên Thần bảo phải đưa đức bà Maria và chúa Jésus sang Ai Cập ngay để lánh nạn Hérode. Vừa lúc ấy vua Hérode ra lệnh tàn sát tất cả con trai trong nước. Chính nhờ giấc mộng, gia đình ông Thánh Joseph thoát nạn.

*Giấc mộng của một bác sĩ bạn của Malesherbes tiên sinh.*

Trong “Đồ ai nằm ngủ không mơ”, bà Linh Việt có kể lại:

Một ông bác sĩ bạn của Malesherbes tiên sinh thuộc phái duy vật và cực lực phản đối những gì gọi là huyền bí và không tin ma quỷ Thánh thần. Về chiêm bao, ông cho là vì ước muốn bị đè nén lâu ngày sinh ra.

Năm 1933, trước lễ Giáng sinh, bác sĩ có người bạn rủ đi săn ở vùng Lorraine. Xe hơi của ông hỏng, ông định lấy vé xe lửa để đến nhà bạn cho kịp đúng hẹn. Tối đó ông nằm mơ thấy chiếc xe lửa ông đi gặp một tai nạn ghê gớm, toa xe lửa ông ngồi bị gãy nát, ông thấy ông bị gãy đứt lia nửa chân trái.

Tình giấc mơ ông thấy sợ hãi, nhưng ông lại nghĩ lại ông cho rằng ban ngày ông ra nhà ga, thấy mấy toa xe lửa nên tối chiêm bao. Sáng ra, ông nhớ rõ giấc mơ, nhưng ông không quan tâm. Tuy nhiên vì thích đi xe hơi hơn đi xe lửa nên ông cố giục thợ máy sửa xong xe cho ông để sáng hôm sau ông đi.

Chiều hôm đó, một ông già thân chủ tới thăm bệnh để hỏi xem ông có thể đi du lịch được không. Bác sĩ cho ông biết ông có thể đi du lịch được nhưng phải giữ phổi cho ấm. Ông già cho biết ông sang miền Đông và chỉ đi có một đêm thôi.

Tự nhiên bác sĩ đưa tay vào trong áo, rút vé xe lửa ra nhường lại cho ông già và nói: Tôi đi bằng xe hơi.

Sau cuộc đi săn về, ông được tin chuyến xe hỏa ông định đi gặp tai nạn đụng chiếc tàu suốt Strasbourg vào đêm 23-12-1933. Hàng trăm người vừa bị thương vừa bị chết. Hồi đến





ông già thân chủ của ông, ông này bị cụt chân trái, quang cảnh y như giấc chiêm bao của ông.

*Giấc mộng của vua Louis, em Hoàng đế Napoléon 1<sup>er</sup>.*

Cũng do bà Linh Việt kể lại trong sách trên.

Napoléon 1<sup>er</sup>, khi còn là trung úy nghèo, cho người em trai là Louis chín tuổi đến sống với mình. Hàng ngày trung úy dạy em làm toán. Một buổi sáng Louis có vẻ ủ oải. Ông anh phải hỏi thúc và hỏi:

- Sáng nay có chuyện gì? Anh em ta hình như lười quá!
- Ô, anh không biết, em nằm mơ hay quá.
- Em mơ thấy gì?
- Em làm vua.
- Anh làm gì?
- Anh làm Hoàng đế.
- Hoàng đế!

Napoléon nhún vai bảo em đem tập vở ra học toán. Truyện này xảy ra trước sự chứng kiến của ông Parmentier, bác sĩ quân y trong quân đoàn của Napoléon.

Về sau Napoléon làm Hoàng đế, và phong cho ông Louis làm vua. Giấc mơ đã ứng nghiệm.

Cứ kể ra những giấc mộng ghi trong sử sách còn nhiều, nhưng qua mấy giấc mộng trên ta đủ thấy rằng mộng với thực rất có liên quan.

## SẤM KÝ

Sấm ký là những câu ẩn ngữ của các nhà thuật số tính số Thái Ất đặt ra. Tục tin rằng lời sấm ký ứng được 500 năm về trước và 500 năm về sau.

*Xưa kia nước ta có nhiều câu sấm*

*Hòa đao mộc lạc*

*Thập bát tử thành*

*Đông A xuất nhật*

*Đoái cung ẩn tinh.*

đã ứng vào mấy đời Lê, Lý, Trần và chúa Trịnh.

“*Hòa đao mộc lạc*”, ứng vào nhà Lê hết. Ba chữ *hòa, đao* và *mộc* sắp lại thành chữ Lê, *Lạc* là rụng.

“*Thập bát tử thành*”, ứng vào nhà Lý. Ba chữ *thập, bát* và *thử* sắp vào thành chữ Lý, *thành* là nên. Đông A xuất nhật, ứng vào nhà Trần.

“*Đoái cung ẩn tinh*”, ứng vào chúa Trịnh.

Ông Nguyễn Bình Khiêm, tục gọi là Trạng Trình, hiệu là Bạch Vân, về đời nhà Mạc có nghiên cứu số Thái Ất đặt ra nhiều câu sấm hiện nay còn đang lưu truyền và đang được người ta nghiên cứu và cho là ứng nghiệm. Những câu này đều ý nghĩa hiểm hóc, khó ai mà đoán cho đúng hết, chỉ thường khi xảy ra mới biết.

Xin nêu vài câu làm thí dụ.

Câu: “*Cấu vĩ trư đầu xuất thánh nhân*”, nghĩa là “Cuối năm chó đầu năm lợn có thánh nhân, đã được cho là ứng nghiệm vào vua Gia Long, người đã thống nhất đất nước vào năm Nhâm Tuất.

Câu: “*Bạch thủ bạch phát tại sơn hà*”, nghĩa là “*Đầu trắng tóc trắng tại nước nhà*”, đã được coi là ứng nghiệm vào sự hiện diện của người da trắng tại nước ta, nhất là vào việc người Pháp cai trị nước Nam.

Lại như câu:

*Bao giờ ba tháng đủ liền,*

*Thầy Tăng đổ máu Ngô quyền tan thân.*

Đã được ứng vào năm Quý Mão, 1963, có ba tháng đủ liền. Năm đó Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, gây phẫn nộ trong giới Phật tử mở đầu cho cuộc chính biến lật đổ nhà Ngô.

Có người cho chính câu trên là như sau:

*Bao giờ ba tháng đủ liền,*

*Vua chúa mất quyền, dân chúng lầm than!*



Năm Bính Ngọ, 1966 cũng ba tháng 5,6,7 đủ liền, nhưng nước ta hiện nay làm gì còn vua chúa, còn dân chúng lầm than thì với cuộc chiến tranh ngày nay, tránh sao cho được khỏi sự lầm than! Xét qua tình trạng nước ta vào năm Bính Ngọ, tự ta sẽ hiểu lời sấm có ứng nghiệm hay không?

Mấy câu sấm ký trên nêu ra với tính cách chỉ dẫn. Nếu muốn biết nhiều về những câu sấm, đọc các sách nghiên cứu riêng về lời sấm.

Thường thường những lời sấm rất ít câu có nghĩa rõ ràng, nên cứ có việc gì tương tự ta cho là ứng nghiệm.

## LỜI ĐỒNG DAO

Lời đồng dao là những câu ví von trẻ con thường hát chơi không biết ở đâu mà ra.

Người ta thường cũng chiêm đoán qua lời đồng dao như qua sấm ký, những sự việc xảy ra.

Sách Tàu nói rằng: lời đồng dao là bởi sao huỳnh hoặc hiện xuống dạy trẻ con hát rồi trẻ quen mồm hát.

Có nhiều câu đồng dao đầu tiên nghe không có nghĩa lý, nhưng theo các cụ truyền lại, thì về sau đã ứng vào thời cuộc.

Thí dụ cuối đời nhà Tây Chu, trẻ con có hát câu:

*Thỏ mọc thì ác phải tà,  
Yểm hồ cơ bạc ấy là mất Chu.*

Yểm là một thứ cô dâu dùng để làm cung; cơ là loại cỏ kết lại làm cái túi đựng tên. Yểm hồ cơ bạc là cung tên.

Việc cung tên hỉ việc loạn lạc. Đời nhà Chu về sau loạn lạc, chur hầu tranh nhau, rồi rớt cuộc nhà Chu tàn.

Lại như về cuối đời nhà Hán, vào triều vua Thiệu Đế, con vua Linh Đế có câu đồng dao:

*Đế không ra đế,  
Vương không ra vương,*

*Xe cùng với ngựa,  
Chạy thẳng Bắc mang.*

Câu đồng dao này đã ứng vào loạn thập thượng thị, nhà vua và các quan phải bỏ kinh thành lốc nhốc chạy về hướng Bắc, không còn thể thống gì.

Tại nước ta, từ trước cũng có nhiều câu đồng dao được coi là ứng nghiệm.

Như câu:

*Chỉ dâu mà buộc ngang trời,  
Thuốc dâu mà chữa cho người lẳng lơ.*

đã được cho là ứng vào việc dây điện và dây điện thoại mắc cao khắp nơi, và những người lẳng lơ mắc bệnh phong tình.

Và câu:

*Chi chi trành trành  
Cái danh thổi lửa*

Mọi người bảo ứng vào đèn điện.

Ngoài Bắc Việt trước đây có câu:

*Đập đầu, đập ngực, đập vai,  
Bên Đông cũng lấm. Bên Đoài cũng đông.*

để chỉ vào việc đồng bào Thiên Chúa giáo. Tỉnh Đông là Hải Dương có Sặt là nơi đông đồng bào theo tôn giáo này, cũng như tỉnh Đoài là Sơn Tây có Hưng Hóa là nơi có nhiều đồng bào theo đạo.

Dưới thời Ngô Đình Diệm, khi nhà Ngô sắp đổ, vào năm 1962, có nhiều người được nghe nhắc lại câu:

*Dinh Độc Lập một màu tang tóc  
Anh em Ngô thị thấy vong thân  
Xét ra nặng oán nhẹ ân  
Họ Ngô tan tác muôn dân vui mừng.*

Có lẽ đây là do một người nào ghét anh em Ngô Đình Diệm đặt ra, nhưng người ta bảo rằng, hồi đó cứ buổi chiều tại dinh Độc Lập có mây mù nặng bao phủ bên trên, báo



hiệu điềm tang tóc. Và mấy câu trên ứng nghiệm vào năm sau như lời đồng dao!

Các câu đồng dao rất nhiều, nhiều câu không biết có ứng nghiệm hay không, không ai hiểu, tuy nhiên lời đồng dao vẫn được dùng để chiêm đoán cho những việc sẽ xảy ra.

Nói chung, các cách chiêm đoán của ta đều tin vào quỷ thần, bởi thế cho nên thường thấy nặng về mặt huyền ảo, có linh nghiệm hay không cũng còn tùy trường hợp.

Thơ thiên, thẻ thánh, lời sấm ký, các câu đồng dao bao giờ cũng ý tứ mờ mờ, câu đoán ngược, câu đoán xuôi, câu đoán ngay, câu đoán trạnh, hay dở không bao giờ nhất định, muốn hiểu sao là ứng nghiệm thì hiểu. Cơ trời huyền bí, con người biết thấu sao hết và tin sao cho cùng.

Bởi vậy chiêm đoán là một việc, suy ngẫm và tin tưởng lại là việc khác, và cũng còn tùy người, tùy hoàn cảnh.



# CHIÊM NGHIỆM



**T**rên đã nói qua về sự chiêm đoán, giờ đây xin nói tới những điều chiêm nghiệm. Nếu chiêm đoán là xem trước mà đoán mọi việc xảy ra về sau thì chiêm nghiệm là xem các việc đã xảy ra bên ngoài mà nghiệm việc hay dở của người hoặc trời đất.

Vạn vật trong quan, mọi vật ở trên đời thường có liên hệ không trực tiếp thì gián tiếp, cho nên việc xảy ra ở trong trời đất thường khi vẫn ảnh hưởng tới con người, có khi tới đoàn thể như thôn xã quốc gia và có khi ảnh hưởng tới chính trời đất nữa.

Theo tục, ta phân biệt sự chiêm nghiệm làm hai loại:

- Nghiệm xem thiên thời;
- Nghiệm xem nhân sự.

## NGHIỆM XEM THIÊN THỜI

Phương Đông cũng như phương Tây đều có khoa thiên văn để nghiên cứu về những hiện trạng của trời đất trăng sao. Một đám mây có thể là nguồn gốc cho cơn mưa, một cơn giông có thể báo trước một trận bão. Người phương Tây



xem thiên văn để nghiên cứu về khoa khí tượng, còn người phương Đông ngoài việc nghiên cứu về khí tượng nhiều khi còn dùng khoa thiên văn để chiêm nghiệm những sự việc xảy ra, nhất là trong đám quàng đại quần chúng. Mỗi hiện trạng của trời đất có thể báo trước một việc hay hoặc dở. Nghiệm sự việc qua các hiện trạng này ta gọi là nghiệm xem thiên thời.

Dưới đây là những điều chiêm nghiệm xưa nay thường có và được mọi người nhận là đúng:

Mặt trời có sắc năm vè: hiện tượng thái bình.

Mặt trời mặt trăng bị gấu ăn: có tai biến.

Sao chổi: có việc binh đao

Mây thành hiện: có loạn.

Đêm trừ tịch trời sáng: được mùa đậu trắng.

Đêm trừ tịch trời tối: được mùa đậu đen.

Sấm đầu năm trước bữa cơm: sấm đói, năm đó mất mùa.

Sấm đầu mùa sau bữa cơm: sấm no, năm đó được mùa.

Mặt trăng có quầng: hạn.

Mặt trăng có tán: mưa.

Trăng mỏng tám đầy: gạo hơn.

Trăng mỏng tám vơi: gạo kém.

Mông tám tháng tư không mưa: bỏ cả cày bừa mà vát lúa đi.<sup>(1)</sup>

Ngày đoan dương mưa: cây cối nhiều sâu.

Đêm trung thu trăng mờ: lúa kém.

Đêm trung thu trăng sáng vừa vừa: được lúa chiêm.

Đêm trung thu trăng tỏ: được cả hai mùa.

Ngày trùng cửu có mưa: năm sau được mùa.

Ngày trùng cửu không mưa: năm sau mất mùa.

---

1. Ca dao.

Lúa chín có hoa: gạo rẻ.  
Cau tốt: lúa mất mùa.  
Nhân được mùa: nước to.  
Khoai lang ngọt: đói kém.  
Đồng nhiều ốc nhồi: nước to.  
Rễ cây trắng, cỏ gà trắng: trời sắp mưa.  
Cóc nghiêng răng: trời mưa.  
Cá trê rạch lên cạn: trời nắng.  
Mùa xuân lá tre rụng nhiều: sắp có mưa to.  
xương đùi ếch đen: có mưa.  
Đen khúc trên: mưa đầu tháng.  
Đen khúc giữa: mưa giữa tháng.  
Đen khúc dưới: mưa cuối tháng.  
Cá không vẩy đập đầu không có máu: nắng to.  
Chuồn chuồn ra từng đàn: sắp bão.  
Kiến tha trứng leo lên cây: nước to.  
Kiến ở trên cao leo xuống: trời nắng.  
Mưa lâu quạ bay ra kêu: mưa tạnh.  
Nước có bọt đen: trời còn rét.  
Móng đàng Đông, cầu vòng đàng Tây: chẳng mưa giây  
cũng bão giạt<sup>(1)</sup>  
Mỡ gà: thì gió (ý nói ráng màu vàng).  
Mỡ chó: thì mưa (ý nói ráng màu vàng, ngả sang đỏ)<sup>(2)</sup>

## NGHIỆM XEM NHÂN SỰ

Nghiệm xem nhân sự tức là nghiệm những việc ứng về người. Vốn ta tin những điềm ứng trước, mọi việc bất thần xảy ra đều có thể báo trước một điềm hay dở được. Nhiều

1. Ca dao.

2. Theo câu tục ngữ: thứ nhất nhận sa thứ nhì xà chân.





khi viễn cảm con người rất sáng suốt đã giúp người ta tránh được nhiều tai nạn hoặc hưởng được nhiều dịp may, ta đều gọi đó là linh tính báo trước. Khi linh tính lại căn cứ vào sự việc gì, tức là linh tính đã biết đường báo trước để lui tới. Dưới đây là một số các điều nghiệm về nhân sự, mà cách đây hơn năm chục năm cụ Phan Kế Bính đã sưu tầm cho chúng ta và cho đến bây giờ vẫn được cho là đúng. Cũng như ở trên bảng Nghiệm xem thiên thời, một số các điều cụ Phan không nói tới, nhưng tục ta vẫn tin, tôi đã thêm vào.

Hoa nở giữa lúc giao thừa: tốt.

Mồng một Tết có hoa nở: tốt.

Nhện sa trước mặt: có tin hay.

Gặp rắn chắn ngang trước mặt: hay<sup>(1)</sup>

Gặp rắn đi ngược chiều với mình: điềm xấu.

Gặp rắn chạy cùng chiều với mình: bình thường.

Máy mắt tay phải: có tin yên.

Máy mắt tay trái: có tin dữ.<sup>(2)</sup>

Ruồi sa vào bát ăn, chén uống: điềm lành.

Nhện vàng sa: sự buồn.

Nhện trắng sa: điềm được khen.

Nhện đen sa: tin mừng<sup>(4)</sup>

Đánh được rắn ngày mồng năm tháng năm: phát đạt.

Chim sẻ làm tổ trên cây trong sân: nhà thịnh vượng.

Cò làm tổ ở bụi tre cạnh nhà: điềm hay.

Mèo đến nhà: thì khó

Chó đến nhà: thì giàu<sup>(5)</sup>

Đom đóm vào nhà: thì tốt.

1. Theo câu tục ngữ: thứ nhất nhện sa thứ nhì xà chẵn.
2. Tục ngữ.
3. Tục ngữ có câu: Vàng máng, trắng khen, đen mừng.
4. Tục ngữ.

Chuột rúc trong nhà: phát tài.  
Hoa đèn nở: phát tài.  
Ong làm tổ trong sân, trong vườn: điềm hay.  
Rắn vào nhà: quái.  
Cú kêu: độc.  
Chim lợn kêu; có dịch khí.  
Gà mái gáy: có điềm gỡ.  
Chim bồ các hoặc chim khách kêu: có khách sắp đến.  
Mối xông quần áo: độc.  
Chuột cắn quần áo: độc.  
Chim bay rơi cút vào quần áo: mặc thì độc.  
Chim sa cá nhảy: ăn thịt độc.  
Ra ngõ gặp trai: tốt.  
Ra ngõ gặp gái: thì xấu.  
Ra ngõ gặp người gánh nước: tốt.  
Vào rạp xem hát, gặp cảnh vui mừng: tốt.  
Vào rạp xem hát, gặp cảnh khóc than, buồn rầu: xấu.  
Khi cúng lễ, lò hương bốc lửa: tốt.  
Đun nấu lửa reo: đắt hàng.  
Đánh đổ diều: xấu.  
Đánh đổ dầu: xấu.  
Vỡ chai lọ nước mắm: xấu.  
Bình vỡ đổ: xấu.  
Đi đâu hoặc làm việc gì, hắt hơi một tiếng: xấu.  
Đi đâu hoặc làm việc gì, hắt hơi hai tiếng trở lên: tốt.  
Máy mắt: ăn xôi (có sự)  
Máy môi: ăn thịt (được mời ăn).  
Máy đít: phải đòn (đánh lộn)<sup>(1)</sup>

---

1. Tục ngữ.



Móng chân móng tay có hoa đen: xấu.  
Giật mình vô căn cứ: có tin không hay.  
Trong nhà bỗng dưng có cây to héo đổ: có thương.  
Làng nào có cây gạo ra hoa trái mùa hoặc có đai: trong làng có người thi đỗ.  
Cây to ở đình chùa tự nhiên đổ: thủ chỉ làng chết.  
Chủ tướng đi đánh giặc, cờ soái đổ: bất tường.  
Làng đang có hội cờ đồ hoặc cờ gậy: bất thương.  
Đầu năm có người gánh nước vào nhà: điềm tốt.

Qua hai bảng về hai loại chiêm nghiệm trên, có nhiều điều thật là trái ngược với khoa học như “gấu ăn mặt trời, mặt trăng” tức là nhật thực và nguyệt thực, nhưng tục đã tin thì người ta cứ tin, nhất là trong khi đó lại có một hạng người xúi giục cho người ta tin để sống trên sự dễ tin ấy, tôi muốn nói các môn đồ lưu phái đạo Lão biến thể đã thi nhau bày đặt ra những cách hành đạo khác nhau, những điều huyền hoặc dựa vào sự chiêm đoán và chiêm nghiệm. Cũng nhiều điều, có người không tin, nhưng cũng không nói trái lại. Lại có nhiều điều có thể lấy khoa học mà giải thích được. Thí dụ như chim lợn kêu thì có dịch khí. Chính là bởi nước dãi con chim này có chất độc, khi nó kêu nước dãi đó rớt vào giếng làng, dân làng ăn sinh bệnh. Chim lợn thường đậu trên ngọn cây to và ở thôn quê, giếng thường ở dưới bóng cây to.

Lại cũng như “chim sa cá nhảy” ăn thịt độc. Sở dĩ thịt chim cá này độc, vì con chim đã không đủ sức bay mà sa xuống tức là con chim ốm, còn như con cá đang ở dưới nước phải quẫy nhảy lên cũng là con cá đau. Ăn thịt chim ốm cá đau tất nhiên phải độc.

Nhưng dù sao, tin vào sự chiêm đoán cũng như sự chiêm nghiệm đều đã là thói tục của ta, hay dở tùy theo quan niệm từng người.

Cũng như sự chiêm đoán, sự chiêm nghiệm nặng về phần huyền ảo, đúng hay sai ở sự việc đã đành nhưng cũng lại do ở người nghiệm rất nhiều.

Trong trời đất tuy có một lẽ cảm ứng, nhưng nhiều khi chen vào lẽ cảm ứng đó có nhiều điều huyền hoặc, và có những trường hợp, những điều huyền hoặc đo đã biến sự chiêm nghiệm thành một điều mê tín.

Người ta đã tin vào sự chiêm nghiệm vì người ta cho rằng: Phạm một người, một nước, cho đến cả thiên hạ, sắp có việc hay tất có điềm hay sinh ra trước, sắp có việc dở tất có điềm dở sinh ra, hoặc điềm ra tai mắt chân tay, hoặc điềm ra cây cối súc vật, hoặc điềm ra mưa, gió, mây, mù, trăng, sao, sương, tuyết.<sup>(1)</sup>

Sách ta có câu rằng: “*Hòa khí chí tường, quái khí chí dị*” tức là khí hòa nhã thì điềm lành đem đến, khí quái lệ thì điềm dữ đưa lại.

Mọi điềm lành dữ có thể là điềm Trời, nhưng có Trời mà cũng có ta, nếu mọi việc ta không cố gắng tin ở sức mình, chỉ cầu mong ở sự chiêm nghiệm thì thật đúng là câu chuyện há miệng chờ ho và trong trường hợp này sự chiêm nghiệm đã rất tai hại.

Người có nghị lực tin tưởng ở nơi mình, không bao giờ quan tâm đến điềm lành dữ, có thể cái điềm dữ hóa lành, còn những kẻ há miệng chờ ho thì nhiều khi điềm lành cũng hóa dữ.

Bởi vậy nghiệm để mà biết, xem để mà xem, ta có chiêm nghiệm nhưng ta phải lấy sức mình phần đầu.

## NHỮNG VIỆC CHIÊM NGHIỆM CÓ GHI TRONG SÁCH SỬ

Về những việc chiêm nghiệm, trong sử sách cũng có ghi rất nhiều, nhân dịp đây xin chép lại một số ít câu chuyện về

---

1. Phan Kế Bính - Việt Nam phong tục.



chiêm nghiệm để bạn đọc giải trí và suy ngẫm, còn phần tin nghi tùy ở các bạn.

*Những điềm lạ trước và sau khi đức Khổng Tử ra đời.*

Trước khi đức Khổng Tử sinh ra có kỳ lân xuất hiện và sau khi ngài sinh có nhiều điềm lạ khác. (Xin xem ở chương Nho Giáo đoạn nói về đức Khổng Tử, quyển thượng).

*Rắn hiện tại kinh thành nước Trịnh.*

Trịnh là một nước lớn thời Đông Chu. Hồi đó là đời vua Chu Huệ Vương và tại nước Trịnh là đời vua Trịnh Lệ Công.

Trịnh Lệ Công mới làm vua được hai năm thì bày tôi là Sái Túc làm loạn đánh đuổi đi để tôn công tử Hốt làm vua. Về sau công tử Hốt bị giết, công tử Vi được lập thay, nhưng công tử Vi cũng lại bị giết và Sái Túc lập công tử Nghi lên. Hồi đó kinh thành nước Trịnh bỗng nhiên có một chuyện rất lạ: phía trong cửa Nam có một con rắn dài tám thước, đầu xanh đuôi vàng, phía ngoài cửa lại có một con rắn dài hơn một trượng đầu đỏ đuôi xanh. Hai con rắn ấy đánh nhau trong ba ngày đêm không phân hơn thua, người xem rất đông nhưng không ai dám đến gần.

Đến ngày thứ 17 con rắn trong chết, con rắn ngoài vào thành chạy thẳng đến nhà Thái Miếu thì biến mất.

Trịnh Lệ Công nghe chuyện lạ, nói với Tân Vu Vô, tướng nước Tề có nhiệm vụ mang quân giúp Lệ Công.

Tân Vu Vô đoán là điềm Trịnh Lệ Công sẽ khôi phục được ngôi vua và giải thích như sau:

Con rắn ở ngoài là Lệ Công, con rắn ở trong là công tử Nghi. Công tử Nghi là em nên con rắn trong ngắn hơn con rắn ngoài. Mười bảy ngày là mười bảy năm Lệ Công đi trốn. Con rắn trong chết là công tử Nghi chết, con rắn ngoài là Lệ Công chạy vào nhà Thái Miếu tức là khôi phục được ngôi vua.

Lời Tân Vu Vô đoán đã ứng nghiệm và Trịnh Lệ Công đã khôi phục được ngôi vua.

*Bọn thợ cày nước Vệ cho đất Tấn Văn Công.*

Nước Tấn loạn, công tử Trùng Nhĩ phải bỏ nước đi trốn. Khi đi qua nước Vệ bị vua Văn Công cấm không cho vào thành. Trùng Nhĩ và bọn bày tôi tòng vong phải vòng ngoài thành mà đi, lương thực hết không biết lấy gì ăn.

Một hôm mấy thầy trò đi đến đất Ngư Lộc, thấy bọn thợ cày ngồi ăn cơm trên bờ ruộng, Trùng Nhĩ sai một bày tôi là Hồ Yên đến xin cơm.

Bọn thợ cày không cho và nói:

- Các người khỏe mạnh thế kia, không đi làm gì mà ăn được lại phải đi ăn xin. Chúng ta đi cày ruộng có ăn no mới làm nổi việc, còn cơm đâu mà cho các người.

Hồ Yên nói:

- Các người không cho ta cơm thì cho ta xin một cái bát.

Bọn thợ cày này mới chơi nghịch, cầm một nắm đất đưa cho mà bảo rằng:

- Nắm đất này đem nặn làm bát được.

Trùng Nhĩ và bọn bày tôi đều tức giận. Trùng Nhĩ giờ roi toan đánh người thợ cày. Hồ Yên ngăn lại và nói:

- Được cơm thì dễ chứ được đất thì khó! Được đất tức là cái triệu được nước. Đó là chẳng qua cũng là Trời mượn tay người thợ cày để cho công tử thấy, sao công tử lại giận. Công tử nên nhận lấy.

Trùng Nhĩ nghe lời nhận nắm đất của người thợ cày.

Về sau quả nhiên Trùng Nhĩ lấy lại được nước Tấn và làm vua tức là vua Tấn Văn Công.

*Những điềm báo trước cái chết của Đông Trác.*

Đông Trác là một tên gian thần nhà Hán, lộng quyền ức hiếp nhà vua giết hại quần thần nên triều thần ai cũng oán ghét.

Vương Doãn, quan Tư đồ triều Hán sau bày mưu giết Đông Trác.

Đông Trác khi đó đang ở Mi Ô được Vương Doãn giả làm chiếu chỉ nhà vua vời về kinh đô nhường ngôi.



Trong khi đi từ Mi Ô tới kinh đô, xe tự nhiên gãy bánh và ngựa lồng đứt dây cương. Rồi trời tự nhiên cũng nổi cơn giông.

Trước những điềm lạ đó, Trác hỏi thì tả, hữu đã đồng mưu với Vương Doãn, đều tìm cách giải thích cho vừa ý Trác. Khi Đổng Trác về triều thì bị giết.

*Mây ngũ sắc và Ngụy Văn Đế.*

Ngụy Văn Đế chính tên là Tào Phi là con trưởng Tào Tháo. Lúc sinh ra Phi, trên mái nhà có một đám mây ngũ sắc tròn như tàn lọng, phủ cả một ngày không tan.

Có người trông thấy đã nói:

- Đây là khí thiên tử.

Quả nhiên về sau Tào Phi cướp ngôi của vua Hiến Đế nhà Hán lập ra Ngụy Triều.

*Mây vàng phủ đồi thông làng Bích Câu, huyện Thọ Xương.*

Trong tác phẩm Duyên Bích Câu của nhà văn Nguyễn Xuân Huy, viết lại “Bích Câu Kỳ Ngộ” đã thuật chuyện đồi thông làng Bích Câu có mây vàng như tơ chín phủ um tùm che lấp cả đồi. Và đó là điềm trong làng có trạng.

Đồi thông có phủ mây vàng,

Là điềm có trạng ở làng Bích Câu.

Khoa thi năm ấy quả nhiên một người làng Bích Câu đã đỗ Trạng nguyên, chính là Tú Uyên.

*Chú chém cháu, cháu nhảy xuống sông, con rồng nó đỡ.*

Đã sử về vua Đinh Tiên Hoàng có kể lại rằng:

Thuở nhỏ vua Đinh Tiên Hoàng ở chăn trâu với ông chú. Một hôm cậu ta giết trâu của chú để thết đãi bạn mục đồng đã cùng cậu ta tập trận cò lau.

Ông chú biết chuyện, giận quá, cầm dao muốn chém. Cậu bé sợ quá chạy nhảy xuống sông. Ở dưới sông một con rồng vàng nổi lên đỡ cậu ở trên lưng.

Ông chú thấy vậy sợ hãi chấp tay lạy, biết rằng cháu mình sau này sẽ có sự nghiệp.

Con rồng ứng vào điềm cậu bé ấy làm vua và thống nhất đất nước.

## DIỀM GỠ DIỀM HAY THEO TÂY PHƯƠNG

Từ trên các bạn đã đọc những điều gọi là mê tín của nước ta, tức là của Á Đông, mặc dầu trong nhiều sự mê tín vẫn có sự giải thích được theo khoa học nhất là về chiêm đoán và chiêm nghiệm.

Dưới đây xin trích trong tuần báo Đàn Bà số 138 ra ngày 16-1-1942 về những điều mê tín của Tây phương nhan đề là “Điềm Gỡ Điềm Hay”.

Qua bài này ta thấy rằng Đông phương và Tây phương thật đã có nhiều chỗ gặp nhau:

“Dân tộc nào cũng có sự mê tín, tin điềm này gỡ điềm nọ hay, không phải rằng cứ mê tín là dở là ngu muội”. Có nhiều sự mê tín rất duyên dáng, thú vị tỉ như các cụ ta thấy điềm hoa đèn, điềm đom đóm vào nhà là có sự mừng, chim khách là báo quý khách đến nhà v.v...

“Bây giờ chúng ta bĩu môi với những sự mê tín của các bà mẹ ta, nhưng cũng có lúc một người đàn bà phóng khoáng đến đâu, tâm hồn cứng cõi đến đâu cũng chột dạ khi lỡ tay đánh vỡ một chiếc gương soi. Như vậy đủ chứng tỏ rằng không phải chỉ ngu tối cổ sơ, ta mới mê tín. Ta mê tín ấy là tại lòng ta lúc nào cũng nơm nớp lo sợ giữ gìn hạnh phúc, thấy điềm tốt thì mừng, điềm dở thì lo.

“Và trong sự giữ gìn hạnh phúc bao giờ người đàn bà cũng cẩn thận hơn đàn ông nên cố nhiên đàn bà hay mê tín hơn đàn ông.

“Dưới đây chúng tôi thuật ít nhiều điều mê tín của Tây phương rất giống của ta và rất có ý nghĩa.





Họ tin rằng:

“Nếu buổi sáng gặp một con mèo ngoan ngoãn thì cái ngày hôm ấy rất bình thường êm ả, không xấu không tốt. Nếu gặp mấy chú mèo quần nhau thế nào cũng bị cái vạ miệng: phải cẩn thận lời ăn tiếng nói.

“Về nhà quê hay ra vườn gặp con chim chích chòe, có sự không hay hoặc thất vọng. Hãy quay tay, hãy chổng mông lại phía nó, điềm gỡ sẽ tiêu tan.

“Chớ lạ vào nhà mình hay thấy mình mà quần quít; kẻ yêu mình rất chung tình. (Ta cũng tin mèo vào nhà thì khó, chó vào nhà thì giàu).

“Có đàn chim yến bay qua cửa sổ, sẽ có một bất ngờ rất tốt lành đến với ta.

“Chim làm tổ trên nóc nhà đang ở, điềm rất tốt, không nên rời xa cái nhà đó.

“Một con bướm đậu trên mái tóc, điềm hay, nếu là con gái sắp có tân lang đến hỏi.

“Con chó lại gần chỗ mình ngủ, đầu gối lên chân mình: đại cát.

“Đã hết mùa hồng mà trong vườn vẫn còn một đóa hồng nở, nhất là đóa hồng ấy là hồng màu sẫm, thế nào cũng được may mắn trên đường tình ái.

“Được người biếu đóa hoa tím đầu mùa hay cuối mùa, điềm tốt.

“Đưa trẻ con biếu mình đóa hoa màu vàng: nên cẩn thận chớ tin lời phỉnh nịnh.

“Chớ để hoa lên giường sợ người nằm trên giường ấy sẽ bị ốm đau.

“Đánh vỡ chiếc lọ đựng hoa, người nào biếu ta chiếc lọ ấy hay nếu chính ta mua, thì người ấy hay ta sắp gặp một sự phiền lòng.

“Ai biếu ta hoa quả: rất tốt.

“Ra khỏi cửa gặp một nữ tu được hạnh phúc lâu dài.

“Gặp một anh gù có bướu sau lưng sẽ được mọi sự như ý. Nếu có cách mà rờ lên được cái bướu của chàng ta càng tốt lắm; nhưng nếu lỡ gặp một người đàn bà có bướu thì thôi hết cả mọi sự may mắn.

“Làm cho người già cả phải rơi lụy: điềm gỡ.

“Một người ăn mày chia tay tươi cười xin ta làm phúc: hạnh ngộ.

“Ai nguyện rửa ta điều gì, ta nên nói lại bảy lần; “ta không cần!” thì sự nguyện rửa cho ta không vận vào ta được.

“Đánh vỡ một chiếc gương: điềm gỡ, cốt nhục ly thân; nhưng vỡ ngay những mảnh gương vỡ xuống sông hay đập vỡ luôn một chiếc gương khác, điềm gỡ sẽ tiêu tan.

“Đánh vỡ hay đánh mất một món đồ vật gì ta có trong lúc cơn đen vận tưng: rất tốt, thời vận đen đã hết, từ nay bắt đầu làm ăn dễ chịu.

“Đánh vỡ cốc: rất tốt. Nếu đầy tở đánh vỡ cả một mâm chén đĩa: đừng mắng, điềm đại cát.

“Đánh đứt chuỗi hạt trai hay hạt ngọc đeo trên cổ, nên mau mau tìm cho đủ hạt. Thiếu bao nhiêu hạt là bấy nhiêu sự không may xảy ra cho ta.

“Đánh rơi đi rơi lại mãi một món đồ vật trong một ngày: nỗi buồn rầu chưa hết, vẫn đeo bám theo đuôi ta.

“Đánh rơi con dao, lưỡi dao cắm phập vào mặt bàn, ta sắp có cơn thịnh nộ ghé gớm.

“Đang chải áo đánh rơi bàn chải hai ba lần: có người méch lòng vì ta.

“Đánh đổ lọ mực: có sự phiền muộn thoáng qua.

“Đang ngồi ghế mà ngã: điềm đang có người âm mưu lừa dối ta. Ngã mà không đau đớn gì: điềm ta sẽ thắng tất cả kẻ địch.

“Một bức ảnh lồng kính rơi: Nếu không sao cả, việc gì làm cũng được viên thành. Nếu kính vỡ: có việc mừng.



“Nếu khung ảnh lệch lạc đập vỡ: điềm xấu.

“Đánh vãi muối ra bàn: có sự cãi nhau, nhưng lấy ngay ba đùm muối ném qua vai thì điềm xấu sẽ mất.

“Bắt được chùm chìa khóa: nên giữ lấy, rất tốt.

“Đánh mất món nữ trang thường dùng: có sự không hay.

“Bắt được đồ nữ trang, dù xoàng xĩnh cũng rất tốt.

“Đánh mất chiếc mũ soa: chớ nên tin người yêu quá.

“Ai biếu ta chiếc mũ soa hay cái kéo con dao, ta nên trả lại cho họ một xu hay một chiếc ghim, nếu không người cho kẻ nhận sẽ có sự xích mích nhau.

“Đốt ngay sợi tóc bạc đầu tiên trên đầu ta, về già ta sẽ thanh nhàn sung sướng.”

## BÓI TOÁN

Bói toán theo định nghĩa “Tự điển Việt Nam Phổ Thông” của Đào Văn Tập là dò xem tương lai bằng phép bói.

Bói do chữ bốc chuyển nghĩa ra. Bói có nhiều cách. Bói bằng mõ rùa gọi là bốc, bói bằng cỏ thì gọi là phê. Lại còn cách xem ngày kén giờ, tính theo can chi, ngũ hành.

Xem tướng cũng là một cách bói.

Các nhà thuật số cho rằng việc bói toán chính là phép màu nhiệm, biến hóa huyền vi, cho nên kinh Chu dịch là sách bói toán, mà đức Khổng Tử dạy rằng “Dịch là biến dịch”. Nghĩa là dương biến âm, âm biến dương, cát biến hung, hung biến cát, tương thể đều biến hóa không chừng<sup>(1)</sup>.

## NGŨ HÀNH

Trong việc bói toán, để đoán quẻ cần phải biết nhiều yếu tố nhưng có thể nói rằng những yếu tố chính là ngũ hành tức là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, vì mọi yếu tố

---

1. Huyền Mạc đạo nhân - Tướng, Mạng, Mộc, Bốc, tr.48.

khác đều qui vào ngũ hành cả, mặc dầu phải theo lẽ âm dương biến hóa.

*Can, Chi với Ngũ Hành*

Có thập can nên gọi là Thiên can: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, và Quý.

Có thập nhị chi gọi là Địa chi: Tý, Sửu, Dần, Mão (Mẹo), Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Trong thập can thì:

Giáp, Ất thuộc Mộc

Bính, Đinh thuộc Hỏa

Mậu, Kỷ thuộc Thổ

Nhâm, Quý thuộc Thủy

Canh, Tân thuộc Kim

Trong thập nhị chi thì:

Dần, Mão, Thìn thuộc Mộc

Ty, Ngọ, Mùi thuộc Hỏa

Thân, Dậu, Tuất thuộc Kim

Hợi, Tý, Sửu thuộc Thủy

Ngoài ra bốn chi Thìn, Mùi, Tuất, Sửu nói về sự đơn thì thuộc Thổ.

**BỐN MÙA VÀ BỐN PHƯƠNG VỚI CAN, CHI VÀ NGŨ HÀNH**

Một năm có bốn mùa là Xuân, Hạ, Thu, Đông, và trời đất chia làm bốn phương là Đông, Tây, Nam, Bắc.

Trong thập can thì:

Giáp, Ất là phương Đông thuộc Mộc

Bính, Đinh là phương Nam thuộc Hỏa

Mậu, Kỷ là trung ương thuộc Thổ

Canh, Tân là phương Tây thuộc Kim

Nhâm, Quý là phương Bắc thuộc Thổ



Trong thập nhị chi thì:  
Dần, Mão, Thìn là phương Đông,  
coi mùa Xuân, thuộc Mộc  
Ty, Ngọ, Mùi là phương Nam,  
coi mùa Hạ, thuộc Hỏa  
Thân, Dậu, Tuất là phương Tây,  
coi mùa Thu, thuộc Kim  
Hợi, Tý, Sửu là phương Bắc,  
coi mùa Đông, thuộc Thủy  
Ngoài ra bốn chi Thìn, Mùi, Sửu, Tuất, nói về sự đơn là  
bốn phương bằng: Đông Bắc, Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam  
coi về bốn tháng quý:  
tháng Ba, Quý Xuân  
tháng Sáu, Quý Hạ  
tháng Chín, Quý Thu  
tháng Chạp, Quý Đông  
Như trên đã nói, trong trường hợp này, bốn chi này thuộc Thổ

## ÂM, DƯƠNG VÀ CAN, CHI

Mọi việc biến hóa trong phép bói toán đều do lẽ âm dương chi phối. Trong các hàng can, chi cũng phân ra âm và dương.

Trong thập can thì:

Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm thuộc Dương;

Át, Đinh, Kỷ, Tân, Quý thuộc Âm.

Trong thập nhị chi thì:

Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất thuộc Dương;

Sửu, Mão, Ty, Mùi, Dậu, Hợi thuộc Âm.

Xung và Hợp giữa Can Chi đối với ngũ hành.

Trong thập can cũng như trong thập nhị chi, có những can hợp nhau, có những chi hợp nhau, cũng như trái lại có những can và những chi xung nhau.

Năm Can hợp nhau và biến hóa ngũ hành:  
Giáp hợp với Kỷ hóa Thổ.  
Ất hợp với Canh hóa Kim.  
Bính hợp với Tân hóa Thủy.  
Đinh hợp với Nhâm hóa Mộc.  
Mậu hợp với Quý hóa Hỏa.  
Sáu Chi hợp nhau thuộc ngũ hành:  
Tý hợp với Sửu thuộc Thổ.  
Dần hợp với Hợi thuộc Mộc.  
Mão hợp với Tuất thuộc Hỏa.  
Thìn hợp với Dậu thuộc Kim.  
Ty hợp với Thân thuộc Thủy.  
Ngọ hợp với Mùi; Ngọ là Thái Dương, Mùi là Thái Âm.  
Ngoài sáu chi trên hợp hai một với nhau gọi là lục hợp,  
các chi còn lại hợp nhau ba một gọi là tam hợp:  
Thân, Tý, Thìn thuộc Thủy.  
Hợi, Mão, Mùi thuộc Mộc.  
Dần, Ngọ, Tuất thuộc Hỏa.  
Ty, Dậu, Sửu thuộc Kim.  
Có các chi hợp nhau, cũng có các chi xung nhau. Sáu chi  
xung, xung hai một, gọi là Lục xung:  
Tý xung với Ngọ.  
Sửu xung với Mùi.  
Dần xung với Thân.  
Mão xung với Dậu.  
Thìn xung với Tuất.  
Ty xung với Hợi.  
Ngoài Lục xung, còn có Tứ hành xung, bốn chi một, xung  
lẫn nhau:  
Tý, Ngọ, Mão, Dậu.  
Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.  
Dần, Thân, Ty, Hợi.



Các chi ngoài sự hợp xung, còn Lục hại:  
Tý với Mùi hại nhau.  
Sửu với Ngọ hại nhau.  
Thân với Hợi hại nhau.  
Dậu với Tuất hại nhau.  
Dần với Thìn hại nhau.  
Mão với Ty hại nhau.

### NGŨ SẮC VỚI NGŨ HÀNH, TỬ THỜI, TỬ PHƯƠNG VÀ 12 CHI.

Theo tục bói toán, các màu sắc được phân làm năm sắc chính là Hồng, Hoàng, Lam, Bạch, Hắc.

Hồng thuộc Hỏa, Ty, Ngọ, Mùi, mùa Hạ và phương Nam.

Hoàng thuộc Thổ, bốn chi vị đơn (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi), bốn tháng quý và bốn phương bàng hay là Trung ương.

Lam thuộc Mộc, Dần, Mão, Thìn, mùa Xuân và phương Đông.

Bạch thuộc Kim, Thân, Dậu, Tuất, mùa Thu và phương Tây.

Hắc thuộc Thủy, Hợi, Tý, Sửu, mùa Đông và phương Bắc.

### NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH VÀ TƯƠNG KHẮC

Cũng như các can chi, có các hành xung nhau gọi là tương khắc, và lại có các hành hợp nhau gọi là tương sinh.

Ngũ hành tương sinh là:

Kim sinh Thủy,

Thủy sinh Mộc,

Mộc sinh Hỏa,

Hỏa sinh Thổ.

Thổ sinh Kim.

Ngũ hành tương khắc là:

Kim khắc Mộc,

Mộc khắc Thổ,  
Thổ khắc Thủy,  
Thủy khắc Hỏa,  
Hỏa khắc Kim.

## NGŨ HÀNH VÀ CÁC TRỤC.

Có 12 Trụ, mỗi Trụ có tính chất riêng, và có một số tuổi thuộc mỗi trụ. Mỗi trụ lại thuộc các hành khác nhau.

Trụ Kiên thuộc Thổ gồm các tuổi Ất Sửu, Giáp Tuất, Quý Mùi, Nhâm Thìn và Bính Thìn.

Trụ Trừ thuộc Thủy gồm các tuổi Nhâm Dần, Đinh Tỵ, Quý Tỵ, Canh Thân và Ất Hợi.

Trụ Mão thuộc Thổ gồm các tuổi Mậu Tý, Quý Mão, Bính Ngọ, Canh Ngọ và Tân Dậu.

Trụ Bình thuộc Thủy gồm các tuổi Kỷ Sửu, Canh Thìn, Đinh Mùi, Tân Mùi và Mậu Tuất.

Trụ Định thuộc Mộc gồm các tuổi Bính Dần, Tân Tỵ, Giáp Thân, Mậu Thân và Kỷ Hợi.

Trụ Chấp thuộc Hỏa gồm các tuổi Quý Sửu, Giáp Thìn, Ất Mùi, Bính Tuất và Nhâm Tuất.

Trụ Phá thuộc Hỏa gồm các tuổi Nhâm Tý, Đinh Mão, Giáp Ngọ, Ất Dậu và Kỷ Dậu.

Trụ Nguy thuộc Thủy gồm các tuổi Canh Dần, Ất Tỵ, Nhâm Thân, Đinh Hợi và Quý Hợi.

Trụ Thành thuộc Kim gồm các tuổi Bính Tý, Canh Tỵ, Tân Mão, Mậu Ngọ và Quý Dậu.

Trụ Thân thuộc Thủy gồm các tuổi Đinh Sửu, Tân Sửu, Mậu Thìn, Kỷ Mùi và Canh Tuất.

Trụ Khai thuộc Kim gồm các tuổi Giáp Dần, Mậu Dần, Kỷ Tỵ, Bính Thân và Tân Hợi.





Trực Bế thuộc Kim gồm các tuổi Giáp Tý, Ất Mão, Kỷ Mão, Nhâm Ngọ và Đinh Dậu.

### Ý NGHĨA CỦA 12 TRỰC

Như trên đã nói, mỗi trực có một tính chất riêng, do đó ý nghĩa của 12 trực khác nhau. Dưới đây là sơ lược tính chất của mỗi trực.

Trực Kiên: Khô khan, người thuộc trực này gian nan, thân lập thân, nhưng suốt đời không nhà cửa.

Trực Trừ: Thật thà, người thuộc trực này không được nhờ bà con, không có bạn tốt, số phận lao đao, đàn ông còn được vinh hoa, đàn bà khó nuôi con.

Trực Mãn: Khôn ngoan, trí tuệ. - Con cái dễ nuôi, bạn bè tốt. Phúc đức nhiều.

Trực Bình: Thông minh, kín đáo. - Khéo léo giao thiệp. Người ngoài quý mến.

Trực Định: Nết na, được hưởng lộc của mẹ cha. Nhân từ, đức hạnh. - Thanh liêm - Ôn hòa - Nhân duyên tự mình kén lấy.

Trực Chấp: Nóng tính - Đàn ông rộng rãi - Đàn bà hẹp lượng.

Trực Phá: Lao đao, lo âu - Phải tha phương cầu thực.

Trực Nguy: Nhiều lo nghĩ - Phải Bắc Nam bôn tẩu. Đàn bà tốt, đàn ông kém.

Trực Thành: Yên vui - Giàu sang - Đàn ông lịch sự - Đàn bà buồn vui thất thường.

Trực Thân: Long đong vất vả.

Trực Khai: Long đong tứ bề - Đàn ông vui vẻ. Đàn bà hay gây lộn với chồng.

Trực Bế: Tốt. Thi cử đỗ đạt.

Các tính chất của các trực trên là chỉ về người, còn mỗi ngày cũng đều chịu ảnh hưởng của một trực, và tùy từng trực, hàng ngày có công việc nên làm hay không nên làm.

Ngày Trực Kiên: Tốt cho các việc thi on huệ, trồng cây cối.

Xấu cho các việc chôn cất, đào giếng, lợp nhà.

Ngày Trục Trừ: Tốt cho các việc trừ phục, cúng giải, cạo đầu.

Xấu cho các việc xuất vốn, hội họp, chiêm chích.

Ngày Trục Mãn: Tốt cho các việc xuất hành, sửa kho, dựng nhà, mở tiệm.

Xấu cho các việc chôn cất, thừa kiện, xuất vốn, nhậm chức.

Ngày Trục Bình: Tốt cho các việc rời bếp, thượng lương, làm chuông lục súc.

Xấu cho các việc khai trương, xuất nhập tài vật, giá thú, động thổ.

Ngày Trục Định: Tốt cho các việc giao dịch, buôn bán, làm chuông lục súc, thi ơn huệ.

Xấu cho các việc xuất hành, thừa kiện, chiêm chích, an sàng.

Ngày Trục Chấp: Tốt cho các việc tạo tác, sửa giếng, thu người làm.

Xấu cho các việc xuất nhập vốn liếng, khai kho, an sàng.

Ngày Trục Phá: Tốt cho các việc dỡ nhà, phá vách, ra đi.

Xấu cho các việc mở cửa hàng, may mặc, sửa kho, hội họp.

Ngày Trục Ngụy: Tốt cho các việc cúng lễ, may mặc, từ tụng.

Xấu cho các việc hội họp, chiêm chích, giá thú, làm chuông lục súc, khai trương.

Ngày Trục Thành: Tốt cho các việc nhập học, giá thú, may mặc, thượng lương.

Xấu cho các việc kiện tụng, mai táng, chiêm chích, di cư.

Ngày Trục Thâu: Tốt cho các việc khai trương, lập kho vựa, giao dịch, may mặc.

Xấu cho các việc an táng, giá thú, nhậm chức, xuất nhập tài vật.

Ngày Trục Khai: Tốt cho các việc làm nhà, động thổ, làm chuông gia súc, giá thú, đào giếng.

Xấu cho các việc giao dịch, chiêm chích, trồng tía.

Ngày Trục Bé: Tốt cho các việc làm cửa, thượng lương, giá thú, trị bệnh.



Xấu cho các việc nhậm chức, châm chích, đào giếng, kiện thưa. Ảnh hưởng mỗi trực đối với mỗi ngày còn tùy thuộc các vị sao của những ngày này, và cũng còn tùy thuộc vào giờ khởi sự công việc. Do đó ta mới có tục xem ngày kén giờ.

## NGŨ ĐẾ

Tục ta tin rằng có năm vị hoàng đế chi phối về phần thiêng liêng của con người trên thế gian. Và người nào thuộc ảnh hưởng vị Hoàng đế nào là con vị Hoàng đế ấy thác sinh xuống cõi trần.

Năm vị hoàng đế đó là:

Hoàng Đế, Thanh Đế, Hắc Đế, Xích Đế và Bạch Đế.

Ảnh hưởng của ngũ đế với con người rất được tục tin tưởng. Theo các nhà thuật số, ảnh hưởng đó như sau:

### *CON ÔNG HOÀNG ĐẾ:*

Những người mệnh Thổ.

Phụ nữ chịu ảnh hưởng của Hoàng Đế người mảnh khảnh, tính nét đoan trang, ngôn ngữ rành rẽ, cần kiệm siêng năng, nhưng ít bạn bè. Thương chồng thương con, chung thủy. Sinh đẻ dễ dàng, nuôi con dễ, nuôi lục súc cũng tốt. Tóc nhiều, đen lánh và cứng.

Nam nhi chịu ảnh hưởng của ông Hoàng Đế người sức vóc to lớn mạnh mẽ, cương quyết và có khi hung tợn, tính khảng khái, nói to, hành động mau lẹ. Thích chiến đấu, chỉ huy nhưng ngang tàng, thiếu nhã nhặn tuy rất thành thật. Tướng cao, đầu vuông, cổ tròn, ngón tay bàn tay đều to lớn.

### *CON ÔNG THANH ĐẾ:*

Những người mệnh Mộc.

Phụ nữ chịu ảnh hưởng của Thanh Đế người mảnh mai, da trắng, môi son, bàn tay mềm mại, ngón tay búp măng, mũi

dọc dũa, đi đứng tề chỉnh, nói năng nghiêm trang, người bình tĩnh, vui buồn không lộ ra ngoài. Nhiều người ưa tu hành lễ bái. Lo việc nội trợ, chăm cùi tí mĩ, biết thêu thùa may vá, biết trang trí tranh ảnh, không ưa sự náo nhiệt.

Nam nhi chịu ảnh hưởng của Thanh Đế hình dáng cũng mảnh dẻ, tính tình hòa nhã, điềm đạm, giàu tư tưởng thích cảnh an nhàn tĩnh mịch, ưa văn chương mỹ thuật, có tín ngưỡng.

Con ông Thanh Đế, dù nam hay nữ, nếu chịu ảnh hưởng xấu thì dễ bị sự cảm dỗ sa ngã, đàn ông sinh quý quái, lừa đảo, gian ngoa; đàn bà thì trụy lạc.

#### CON ÔNG HẮC ĐẾ:

Những người mệnh Thủy.

Chịu ảnh hưởng của Hắc Đế nam cũng như nữ nước da đen, tay chân thô kệch, nói năng chậm chạp, ăn ở đạm bạc không ưa xa hoa hào nháng bề ngoài, răng dài, tóc cứng. Siêng năng, cần mẫn, trung hậu, giàu lòng hy sinh. Hiền đức và chân thật nên thường bị thất bại, lường gạt. Ít gặp may mắn.

Phụ nữ ưa thanh tịnh, sùng lễ bái. Đàn ông xã giao kém, nói năng thiếu khéo léo nhiều khi như thô bi. Không muốn dính tới việc của người khác. Vì quá thành thật, nên nhiều khi bị bức bách họ đã trở nên hung ác.

Nếu nam nhi đã được thành công trên lĩnh vực nào là do sự nhẫn nại và chịu đựng, do sự siêng năng và cương quyết, nhất là trên lĩnh vực văn nghệ và mỹ thuật.

#### CON ÔNG XÍCH ĐẾ:

Những người mệnh Hỏa.

Chịu ảnh hưởng của Xích Đế, người hơi mập, nước da đen, đôi mắt sáng ngời, tiếng lớn mà thanh, đầu lớn, trán rộng, miệng rộng. Tính tình trầm tĩnh, hay dè dặt lại nhiều tự ái.



Sống lâu, đời bình thân ít tai nạn, giàu chậm nhưng bền, gặp khó khăn dễ vượt qua. Nhân từ bác ái, có đức tự tin.

Phụ nữ là những người vợ hiền, tài nội trợ, sinh đẻ dễ, ít ốm đau, cần kiệm, giản dị. Tha thiết với gia đình. Tin quý thần, hiếu nghĩa.

Đàn ông mến yêu vợ, không chơi bời, đối với phụ nữ có thái độ nghiêm trang. Tính tình ngay thẳng, không kiêu hãnh.

### CON ÔNG BẠCH ĐẾ:

Những người mệnh Kim.

Chịu ảnh hưởng của Bạch Đế người nhỏ nhưng đều đặn cân đối, mặt mũi đối xứng, da trắng mắt sáng, môi đỏ, tiếng nói thanh, trông người rất đáng ưa.

Phụ nữ lãnh đạm với ái tình, thường lợi dụng ân tình của kẻ khác để kiếm tiền bạc, tiền bạc hơn tình cảm. Ưa giàu sang quyền quý, lúc nào cũng muốn có một sự nghiệp lớn, địa vị cao.

Đàn ông khôn ngoan, giao dịch khéo léo, có kiên tâm trong công việc làm ăn.

Dù nam hay nữ, gặp hoàn cảnh thuận tiện có thể trở nên đại thương gia, đại kỹ nghệ gia, trạng sư, bác sĩ.

Và nếu trường hợp đưa tới, con người sẽ rất xảo trá, quỷ quyệt, gian lận, trai trắng hoa gặt gái, ăn chơi phóng đảng, thụt két, nhiều vợ. Trai cũng như gái đều thiếu chung tình.

Từ trên đã nói tới một cách đại cương, phần lớn những yếu tố cần thiết để có thể biết mà đoán quẻ trong việc bói toán.

Bói toán có nhiều cách, ở đây xin nêu qua mấy cách thường dùng để bạn đọc có một đôi ý niệm về việc bói toán của phương Đông.

Người ta vẫn bảo bói toán là mê tín dị đoan, nhưng cũng có người cho bói toán là huyền ảo biến hóa vô cùng vô cực, người tâm thường không thể thấu hết được.

Hai ý kiến trên, ý kiến nào đúng hay sai còn tùy từng người. Ở đây tôi chỉ nhắc lại việc bói toán vì bói toán đã xâm nhập vào phong tục Việt Nam ta, mà không có một ý kiến phê phán nào.

### CÂN XƯƠNG TÍNH SỐ

Đây là cách lấy năm tháng ngày giờ sinh của mỗi người rồi tổng cộng với nhau, để xem nặng nhẹ bao nhiêu.

Số thành này các thầy tướng số gọi là cân xương nặng nhẹ. Khi biết số xương nặng nhẹ rồi thì truy theo quẻ mà đoán, mỗi số lượng nặng nhẹ từ 2 lạng 2 đồng cân là số lượng tối thiểu đến 7 lạng 1 đồng cân là đôi đũa, mỗi số lượng có một quẻ riêng. Trước hết phải biết số nặng nhẹ, của năm, tháng, ngày, giờ.

### SỐ LƯỢNG CỦA NĂM:

Giáp Tý:	2 lạng 1 đồng cân	Bính Tý:	1 lạng 6 đồng cân
Mậu Tý:	1 - 5	Canh Tý:	0 - 7
Nhâm Tý:	0 - 5		
Ất Sửu:	0 - 9	Đinh Sửu:	0 - 8
Kỷ Sửu:	0 - 8	Tân Sửu:	0 - 7
Quý Sửu:	0 - 5		
Bính Dần:	0 - 6	Mậu Dần:	0 - 8
Canh Dần:	0 - 9	Nhâm Dần:	0 - 9
Giáp Dần:	1 - 2		
Đinh Mão:	0 - 7	Kỷ Mão:	1 - 9
Tân Mão:	1 - 2	Quý Mão:	1 - 2
Ất Mão:	0 - 8		
Mậu Thìn:	1 - 2	Canh Thìn:	1 - 2
Nhâm Thìn:	1 - 0	Giáp Thìn:	0 - 8
Bính Thìn:	0 - 8		



Kỷ Ty:	0 - 5	Tân Ty:	0 - 6
Quý Ty:	0 - 7	Ất Ty:	0 - 7
Đinh Ty:	0 - 6		
Canh Ngọ:	0 - 9	Nhâm Ngọ:	0 - 8
Giáp Ngọ:	1 - 5	Bính Ngọ:	1 - 3
Mậu Ngọ:	1 - 9		
Tân Mùi:	0 - 8	Quý Mùi:	0 - 7
Ất Mùi:	0 - 6	Đinh Mùi:	0 - 5
Kỷ Mùi:	0 - 6		
Nhâm Thân:	0 - 7	Giáp Thân:	0 - 5
Bính Thân:	0 - 5	Mậu Thân:	1 - 4
Canh Thân:	0 - 8		
Quý Dậu:	0 - 8	Ất Dậu:	1 - 5
Đinh Dậu:	1 - 4	Kỷ Dậu:	0 - 5
Tân Dậu:	1 - 6		
Giáp Tuất:	1 - 5	Bính Tuất:	0 - 6
Mậu Tuất:	1 - 4	Canh Tuất:	0 - 9
Nhâm Tuất:	1 - 0		
Ất Hợi:	0 - 9	Đinh Hợi:	1 - 6
Kỷ Hợi:	0 - 9	Tân Hợi:	1 - 7
Quý Hợi:	0 - 7		

**SỐ LƯỢNG CỦA THÁNG:**

Th.1:	0 lượng 6 đồng cân	Th.2:	0 lượng 7 đồng cân
Th.3:	1 - 8	Th.4:	0 - 9
Th.5:	0 - 5	Th.6:	1 - 6
Th.7:	0 - 9	Th.8:	1 - 5
Th.9:	1 - 8	Th.10:	0 - 8
Th.11:	0 - 9	Th.12:	0 - 5

**SỐ LƯỢNG CỦA NGÀY:**

Mồng 1:	0 lượng 5 đồng cân	Mồng 2:	1 lượng 0 đồng cân
Mồng 3:	0 - 8	Mồng 4:	1 - 5

Mồng 5:	1 - 6	Mồng 6:	1 - 5	
Mồng 7:	0 - 8	Mồng 8:	1 - 6	
Mồng 9:	0 - 8	Mồng 10:	1 - 6	
Ngày 11:	0 - 9	-	Mồng 12:	1 - 7
Ngày 13:	0 - 8	Mồng 14:	1 - 7	
Ngày 15:	1 - 0	Mồng 16:	0 - 8	
Ngày 17:	0 - 9	Mồng 18:	1 - 8	
Ngày 19:	0 - 5	Mồng 20:	1 - 5	
Ngày 21:	1 - 0	Mồng 22:	0 - 9	
Ngày 23:	0 - 8	Mồng 24:	0 - 9	
Ngày 25:	1 - 5	Mồng 26:	1 - 8	
Ngày 27:	0 - 7	Mồng 28:	0 - 8	
Ngày 29:	1 - 6	Mồng 30:	0 - 6	

### SỐ LƯỢNG CỦA GIỜ:

Giờ Tý:	1 lượng 6 đồng cân	Giờ Sửu:	0 lượng 6 đồng cân
G.Đần:	0 - 7	G. Mão:	1 - 0
G.Thìn:	0 - 9	G. Tỵ:	1 - 6
G.Ngọ:	1 - 0	G. Mùi:	0 - 8
G.Thân:	0 - 8	G. Dậu:	0 - 9
G.Tuất:	0 - 6	G. Hợi:	0 - 6

Khi đã biết số lượng nặng nhẹ của năm tháng ngày giờ, việc tìm số tổng cộng rất dễ. Xin lưu ý mỗi đồng cân còn được gọi là một chỉ.

Dưới đây là một thí dụ để giúp bạn đọc dễ hiểu hơn.

Tìm số lượng nặng nhẹ của một người sinh năm Giáp Tý, tháng Giêng, ngày mồng 7, giờ Dậu.

Năm Giáp Tý:	1 lượng 2 đồng cân
Tháng Giêng:	0 - 6 -
Ngày mồng 7:	0 - 8 -
Giờ Dậu:	0 - 9 -
Tổng cộng:	3 - 5 -





Khi biết số tổng cộng thì tìm theo quẻ 3 lạng 5 đồng cân sẽ thấy lời giải.

### LỜI TỔNG ĐOÁN

Rất tiếc trong khuôn khổ tập sách không thể nói rộng rãi về mỗi quẻ từ 2 lạng 2 đồng cân quẻ tối thiểu đến 7 lạng 1 đồng cân quẻ tối đa. Tuy nhiên để những bạn nào tò mò tìm hiểu có thể được đôi phần thỏa mãn, xin ghi dưới đây lời tổng đoán rất sơ lược về mỗi quẻ:

#### *2 lạng 2 đồng cân*

Xương nhẹ - Thân hàn cốt lạnh. Vất vả long đong phải khát thực. Giỏi lắm thì lần hồi qua bữa.

#### *2 lạng 3 đồng cân*

Xương nhẹ, mưu cầu việc gì cũng khó. Không thể trông cậy vào ai được kể cả vợ con anh em. Phải tha phương cầu thực.

#### *2 lạng 4 đồng cân*

Số kém, không phúc lộc: gia đình khôn khó, không thể trông nhờ vào họ hàng cốt nhục, phải tha phương cầu thực tới già.

#### *2 lạng 5 đồng cân*

Số này, vất vả, kém phúc đức. Thân lập thân, một đời khó nhọc.

#### *2 lạng 6 đồng cân*

Số vất vả, suốt đời lo lắng vì sinh kế - Phải tha phương thì may về già mới khỏi lo miếng ăn.

#### *2 lạng 7 đồng cân*

Số xấu, tổ tiên kém phúc đức. Một mình lo thân, kết quả chẳng có gì.

#### *2 lạng 8 đồng cân*

Số vất vả. Không được hưởng gì của tổ tiên. Nếu chẳng làm con nuôi hay đổi họ, thì cũng phải dời đổi chỗ ở nhiều lần.

*2 lạng 9 đồng cân*

Lúc thanh niên làm ăn luẩn quẩn, ngoài 40 tuổi mới khá, có thể có công danh. Phải dời nhà, đổi họ mới tốt.

*3 lạng*

Lao lực phong trần. Suốt đời lo vì sinh kế. May tới già mới đỡ lo lắng đôi chút.

*3 lạng 1 đồng cân*

Lật đật vì sinh kế. Tiền vận rất kém, hậu vận đủ ăn.

*3 lạng 2 đồng cân*

Tiền vận lận đận. Nửa đời về sau khá, có tài lợi, có công danh.

*3 lạng 3 đồng cân*

Tiền vận làm ăn khó khăn. Nửa đời về sau vận tốt, tài lợi tiến phát.

*3 lạng 4 đồng cân*

Số của kẻ tu hành có phúc khí tăng đạo. Phải xa quê cha đất tổ, xuất gia nương nhờ cửa Phật.

*3 lạng 5 đồng cân*

Tiền vận bình thường, hậu vận no đủ.

*3 lạng 6 đồng cân*

Số có phúc. Thân tự lập thân nhưng mọi việc thành đạt.

*3 lạng 7 đồng cân*

Không làm nên công trạng gì. Anh em không ai giúp sức. Tuy có hưởng của tổ tiên nhưng rồi cũng hết.

*3 lạng 8 đồng cân*

Cốt cách thanh cao. Học hành thi đậu. Từ 36 tuổi đủ vinh hoa phú quý.

*3 lạng 9 đồng cân*

Số kém thông đạt. Làm việc vất vả mà ít thành công. Khô tâm kiệt lực dựng nên gia thế nhưng rồi cũng chỉ như giấc chiêm bao.



*4 lạng*

Phúc lộc lâu dài. Tự tin tự chủ. Tiền vận kém nên hậu vận thật tốt.

*4 lạng 1 đồng cân*

Số người tài cán khác thường, tuy nhiên nửa đời về trước chịu vất vả, nửa đời về sau thành công.

*4 lạng 2 đồng cân*

Nửa đời về trước bình thường, nửa đời về sau tiến phát.

*4 lạng 3 đồng cân*

Số con người thông minh lỗi lạc, hiên ngang và sang trọng. Suốt đời sung sướng, phúc lộc dồi dào.

*4 lạng 4 đồng cân*

Tiền vận kém, trung vận bình thường, hậu vận khá.

*4 lạng 5 đồng cân*

Số vất vả - Công danh không thành, lợi lộc không có - Con cái hiếm - Không nhờ cậy được anh em.

*4 lạng 6 đồng cân*

Số tốt hanh thông. Đối họ rời nhà càng tốt. Ăn mặc thừa thãi.

*4 lạng 7 đồng cân*

Số hưởng phúc của tổ tiên. Vợ giỏi con ngoan, càng về già càng tốt, tiền của sẵn.

*4 lạng 8 đồng cân*

Tuổi nhỏ vất vả, lớn cũng chẳng hưng vượng. Tuổi già mới khá. Không nhờ cậy được anh em bè bạn.

*4 lạng 9 đồng cân*

Hưởng phúc đức của tổ nghiệp, nhưng phải tự tay gây sự nghiệp và làm vinh quang gia đình. Ăn trên ngồi trốc, có sẵn kẻ hầu người hạ. Người sang trọng cũng nể vì.

*5 lạng*

Số vất vả về công danh tài lợi, nhưng cũng nhiều phen thành công. Lên voi xuống chó là thường. Về già có tài.

*5 lạng 1 đồng cân*

Số rất tốt, một đời vinh hoa và mọi việc đều như ý.

*5 lạng 2 đồng cân*

Số hanh thông, việc gì cũng tốt, không vất vả mà được hưởng thụ. Nghiệp nhà thành đạt.

*5 lạng 3 đồng cân*

Con người khí lượng chân thành - Nghiệp nhà do đó phát đạt. Số phú ông.

*5 lạng 4 đồng cân*

Số người trung hậu và thanh cao - Học hành kết quả - Có phúc lộc ở đời.

*5 lạng 5 đồng cân*

Lúc nhỏ vất vả về công danh tài lợi, nhưng lúc đứng số sẽ đủ phú quý vinh hoa.

*5 lạng 6 đồng cân*

Số người lễ nghĩa đạo đức. Trái đủ chua cay bùi ngọt, kết cục nhiều tài, phúc, lộc.

*5 lạng 7 đồng cân*

Số tốt, mọi sự trọn vẹn. Thân vinh hiển, rạng rỡ mẹ cha. Người người kính nể.

*5 lạng 8 đồng cân*

Số khoa bảng - Phú thọ đủ, danh lợi kiêm.

*5 lạng 9 đồng cân*

Người điêu xảo tuy tài cao học rộng, đỗ đạt hiển vinh.

*6 lạng*

Số khoa bảng làm rạng rỡ tổ tiên. Đủ điền sản danh lợi.

*6 lạng 1 đồng cân*

Số tốt, không làm quan to cũng giàu có.

*6 lạng 2 đồng cân*

Phúc lộc dồi dào, đai vàng áo gấm, ngôi ở công khanh, phú quý đều đủ.

*6 lạng 3 đồng cân*

Số khoa bảng, làm quan cực phẩm.



6 lạng 4 đồng cân

Số phú quý vinh hoa, ngôi cao lộc cả.

6 lạng 5 đồng cân

Số người tài cao giúp nước an dân, vang danh thiên hạ, oai đức phi thường.

6 lạng 6 đồng cân

Phúc lộc bực nhất thiên hạ, quận công tể tướng.

6 lạng 7 đồng cân

Số sung sướng, điền viên gia nghiệp hưng long.

6 lạng 8 đồng cân

Giàu sang lúc trẻ. Mười năm về già tiền hết.

6 lạng 9 đồng cân

Sẵn lộc tự trời, một thân phú quý, mọi người nể vì.

7 lạng

Số phong lưu đủ vinh hoa phú quý một đời.

7 lạng 1 đồng cân

Số công hầu khanh tướng.

Qua tất cả 50 quẻ trên, mỗi quẻ mỗi khác, sướng khổ không giống nhau. Ghi lại đây những quẻ này với các lời tổng đoán sơ lược. Nêu ra là một việc, còn suy nghiệm đó là do mỗi người, đúng sai cũng còn tùy trường hợp!

## ĐO TAY TÍNH SỐ

Đây là cách bói theo dọc các ngón tay. Đơn vị dùng để đo là thước ta, cái thước mà thời xưa ta dùng dài bằng 0m37 ngày nay. Thước này chia làm 10 tấc, mỗi tấc dài 0m037, mỗi tấc lại chia làm 10 phân, dài 0m0037.

## CÁCH ĐO TAY

Trai đo tay trái, nữ đo tay phải. Dùng một sợi dây dài vào khoảng 2 thước ta, nghĩa là gần 0m80 đo các ngón tay trước,

từ đầu ngón tay cho đến chỗ ngón tay vào bàn tay (xem hình vẽ). Đo cả năm ngón tay, sau đó đo dọc lòng bàn tay, căn cứ vào ngón tay giữa từ đầu ngón tay cho đến chỗ ngón cổ tay, nơi bàn tay nối vào tay. Đo xong so với thước ta xem chiều dài được bao nhiêu.

Trong cách đo tay tính số, cần phải đo cho thật đúng, và chỉ đo từ đầu ngón tay, không kể chỗ móng tay thò ra. Cần phải đo đúng, chỉ sai nhau một phân là quẻ bói đã khác nhau.

## CÁC QUẺ BÓI

Theo các nhà thuật số có tất cả 36 quẻ tùy theo số tổng cộng dài ngắn của ngón tay và lòng bàn tay. Tổng số tối thiểu là 1 thước 1 tấc, và tổng số tối đa là 1 thước 4 tấc 5 phân.

Dưới đây là lời giải sơ lược của mỗi quẻ, với tính cách chỉ dẫn để thỏa mãn một phần nào tính tò mò của bạn đọc, vì khuôn khổ tập sách không cho phép nói nhiều về mỗi quẻ.

### *1 thước 1 tấc*

Người hiền lành, thật thà, chịu khó, lương thiện, chăm lo việc gia đình. Thân tự lập thân, may gặp quý nhân giúp đỡ. Hậu vận khá. Vợ kém tuổi nhiều mới tốt. Trung thọ.

### *1 thước 1 tấc 1 phân*

Người cương trực bất khuất, nhưng vất vả. Thiên về nghệ thuật. Vợ muộn, con trẻ. Không được nhờ cậy anh em họ hàng.

Gia đình lung củng nhưng rồi cũng yên. Tiền vận khá, trung và hậu vận bình thường. Cùng vợ xung khắc. Con tuy nhiều, nhưng lúc chết chỉ có một đứa tổng chung. Thọ ngoài sáu chục.

### *1 thước 1 tấc 2 phân*

Người tính nóng nhưng sẵn lòng từ thiện. Đối với bạn bè khảng khái rộng rãi, cởi mở không thâm độc. Chịu khó nên





Cách đo tay tính số

đủ ăn. Được hưởng phúc đức tổ tiên. Có danh phận nhưng phải ly hương. Hậu vận tốt có lộc.

Vợ tìm nơi đứng đắn, đừng đa mang thê thiếp. Số có ba con. Thọ trên 60 tuổi.

*1 thước 1 tấc 3 phân*

Số phải tha phương. Con người không thủy chung, làm việc thiếu suy xét. Không được nhờ phúc đức tổ tiên. Từ 55 tuổi mới khá. Nhân duyên muộn mới khá. Thọ 78 tuổi.

*1 thước 1 tấc 4 phân*

Người ngay thẳng và thông minh. Cởi mở không thâm độc, có nghĩa khí, nhưng mừng giận bất thường. Không được nhờ cha mẹ, anh em, thân tự lập thân. Phải ly hương mới lập nên cơ nghiệp. Thê thiếp lưng còng, con cái kém. Thọ ngoài 75 tuổi.

*1 thước 1 tấc 5 phân*

Người cương trực công bằng, có tài cơ biến. Thân tự lập thân. Kiếm ra tiền nhưng kiếm nhiều hết nhiều. Ngoài 40 tuổi mới khá và tài mới tụ. Phải lấy vợ kế. Trung thọ.

*1 thước 1 tấc 6 phân*

Người thông minh. Có lễ nghĩa, có tài năng. Học hành khá. Xung khắc với cha. Số tốt, có tiền tài danh vọng. Gặp bạn tốt. Về già càng tốt hơn. Vợ chồng xung khắc nhưng không sát. Có ba con. Thọ 77 tuổi.

*1 thước 1 tấc 7 phân*

Người tính nóng, ngay thẳng, mau mồm miệng, cởi mở. Không được nhờ phúc lộc tổ tiên, anh em họ hàng. Số ly hương mới tốt. Tiền vận bình thường, hậu vận tốt, 66 tuổi trở

ra nên sự nghiệp. Nhân duyên sớm e khắc sát. Thọ 78 tuổi. Có một con tổng chung.

*1 thước 1 tấc 8 phân*

Người vô tâm, số ly hương. Thân tự lập thân. Làm con nuôi hay ở rể thì tốt. Gần 40 tuổi mới nên gia nghiệp. Từ 45 tuổi trở đi mới toại ý.

Về già càng tốt. Vợ chồng hòa thuận, con cái đủ. Nếu qua năm 47 tuổi thì thọ đến 66 tuổi.

*1 thước 1 tấc 9 phân*

Số ly hương. Thân tự lập thân. Phải ở rể nhà vợ. Từ 36 tuổi của tự nhiên đến. Lập gia đình tránh các tuổi Thân, Hợi, Ty, Mùi. Ba con. Thọ 78 tuổi.

*1 thước 2 tấc*

Tính nét cang cường, được người quân tử mến trọng. Thân tự lập thân. Có nghệ thuật tính. Đường sinh nhai dựa vào nghệ thuật. Ngoài 20 tuổi khá, trung vận thường, về già tốt. Hai lần hôn nhân. Thọ 80 tuổi. Có con cái.

*1 thước 2 tấc 1 phân*

Người trung trực, đôn hậu, hiền lành nhưng tính nóng. Quý nhân kính trọng, tiểu nhân ghen ghét. Họ hàng lãnh đạm, người ngoài dễ thân. Từ 29 tuổi trở đi làm ăn khá. Nhân duyên tốt đẹp, sinh con quý tử. Thọ 85 tuổi.

*1 thước 2 tấc 2 phân*

Tính tình rất thuận, không cương không nhu. Lòng không thâm độc, ăn ở thủy chung. Số ly hương, tiền tài lúc tụ lúc tán. Thân tự lập thân. Tiền vận kém. Từ 40 tuổi trở đi tốt. Về già tiền nhiều của lắm. Nhân duyên tốt nhưng sinh con một bề, không có con trai. Thọ 70 tuổi.

*1 thước 2 tấc 3 phân*

Người nóng tính, vô tâm. Thân tự lập thân. Phải ngoài 40 mới khá, nhưng đến 51, 52 lại hết của. Đến 54 tuổi trở lại bình thường. Vợ chồng xung khắc nhưng không sát. Con muộn mới tốt. Thọ 73 tuổi.





### *1 thước 2 tấc 4 phân*

Người trung trực nhưng hơi kiêu ngạo. Thường gặp cảnh làm ơn nên oán. Không được nhờ anh em họ hàng. Năm 40 tuổi phải phấn đấu mới thành công. Về già tốt, tựa cây khô nảy lộc. Nhân duyên nên đứng với tuổi Thìn, tuổi Dần. Hiếm con, nhưng nhờ tâm địa tốt nên lão bạng sinh châu, 69 tuổi trở ra mới có hai con. Thọ 83 tuổi.

### *1 thước 2 tấc 5 phân*

Người tính nóng, có tài và không sợ ai. Số phải làm con nuôi hoặc ở rể nhà vợ. Không được nhờ anh em hoặc bè bạn. Tiền vận hãm, trung vận nảy nở, hậu vận lập nên gia nghiệp. Khắc vợ, phải lấy vợ kế. Thọ 70 đến 75, lúc chết có một con trai tổng chung.

### *1 thước 2 tấc 6 phân*

Người thuần hòa siêng năng, nhưng thường làm ơn nên oán, xử nghĩa sinh phi. Anh em xấu, bạn bè phản bội. Tiền vận bình thường, trung vận xấu, hậu vận tốt có gia cư tiền của. Khắc vợ khắc con. Số có ba con trai. Thọ 73 hoặc 74 tuổi.

### *1 thước 2 tấc 7 phân*

Người trực tính, lạnh lợi, có tài ứng biến. Suốt đời không có nạn lớn. Tổ tiên có để cho sản nghiệp cũng tiêu tán, rồi hai bàn tay trắng sẽ làm nên. Thân tình lạt lẻo. Số của nghệ sĩ, kiếm ra tiền nhưng không giữ được tiền. Người vui vẻ, tốt với mọi người. Vợ trẻ, con muộn, 40 tuổi trở ra mới khá - 49 có tai nạn nhưng cũng qua.

Sau đó tốt, có tài có cửa, thịnh vượng 10 năm. Nhân duyên phải cùng cao số mới vững. Có hai con tổng chung. Thọ 69 tuổi.

### *1 thước 2 tấc 8 phân*

Người có tài biết ứng biến, biết giữ gìn. Có độ lượng với anh em và bè bạn. Chính trực không sợ cường quyền. Có tổ nghiệp nhưng giữ không nổi, suốt đời chỉ đủ ăn. Nhân duyên

chậm, con cái muộn. Số có thể có thiếp. Hậu vận khá. Có hai trai tổng chung. Thọ 80 tuổi.

*1 thước 2 tấc 9 phân*

Người có tài năng. Ly hương mới làm nên sự nghiệp. Ở nơi tỉnh thì an nhàn, ra ngoài thì được người kính nể, tiếng tăm lừng lẫy. Có quý nhân phù trợ, gặp hung hóa cát, nhưng cứu người người oán, làm ơn ơn phụ. Người khoáng đạt, trọng nghĩa khinh tài. Của cải có tụ có tán. Cho đến năm 33 tuổi trải mọi sự đắng cay, 40 tuổi trở ra có của cải cơ nghiệp. Nhân duyên phải đồng cao số mới vững. Sinh con gái đầu lòng mới thuận. Có hai con tổng chung, thọ 69 tuổi. Nếu nhờ tổ ấm qua khỏi sẽ sống tới 83.

*1 thước 3 tấc*

Người tính tình hòa nhã, có cương có nhu. Cởi mở không thâm độc. Số ly hương thân tự lập thân. Rộng rãi cùng bạn bè. Tiền vận bình thường, tài không tụ. Trung vận có thay đổi, nhưng tài vẫn tán. Hậu vận khá. Nhân duyên hai bước có hai con tổng chung, thọ 72 tuổi.

*1 thước 3 tấc 1 phân*

Người hiếu thuận, biết rộng, không chịu ai khinh tuy rất độ lượng. Số xấu tay, nuôi người người oán, cứu người người phụ, xử tốt thành phi. Thân tự lập thân. Nhân duyên trễ, tử tức muộn, nếu sớm không hay. Từ trung vận tốt có danh có tài. Có hai con tổng chung. Thọ 72 tuổi.

*1 thước 3 tấc 2 phân*

Người tuấn nhã, có thủ đoạn, làm việc chắc chắn. Khinh trọng phân minh, biết tránh dữ tòng thiện. Số ly hương, thân tự lập thân. Tiền vận xấu có kiếm được cũng hết. Từ 40 tuổi trở ra mới tốt. Vợ con bình thường, ba trai hai gái tổng chung. Thọ 63 tuổi, nếu qua khỏi có thể sống tới 75.

*1 thước 3 tấc 3 phân*

Người cương trực, tích thiện nhưng làm ơn nên oán, làm bạn thiệt mình. Ly hương thì tốt, thân tự lập thân. Tiền và



trung vận kém, từ 60 trở ra mới khá. Nhân duyên phải cùng cao số mới khỏi khắc nhau. Con cái muộn. Có ba con tổng chung, thọ 63 tuổi.

*1 thước 3 tấc 4 phân*

Người minh mẫn, biết đường kính trọng, tránh dữ làm lành, kính thờ Thần Phật. Anh em họ hàng xung khắc. Số phải ăn thừa tự hoặc đổi họ đổi tên mới nên cơ nghiệp. Từ 31 tuổi trở ra mưu mọi việc đều thành, tiền nhiều của lắm. Đàn ông kết duyên với các tuổi Hợi, Mão, Mùi mới tốt. Số muộn con. Con gái tổng chung. Thọ 72 tuổi.

*1 thước 3 tấc 5 phân*

Người hiền từ mau mắn, không để ai khinh, tuy nhiên làm ơn nên oán, giúp người trở nên hiềm khích. Tốt với bạn bè. Từ 30 tuổi về trước xấu. Số ly hương, thân tự lập thân, 35, 36 trở ra bắt đầu khá. Hậu vận tốt lắm. Có tiền của lợi danh. Nhân duyên khắc, sát tử. Ngoài 60 tuổi yên ổn mọi bề. Một con tổng lão. Thọ 70 tuổi.

*1 thước 3 tấc 6 phân*

Người trực tính, hiền lành, không thâm độc, tuy nhiên cứu người vô công, lại gây khẩu thiệt. Thân tự lập thân. Tiền vận vất vả, trung vận bình thường, hậu vận có tài lộc. Ra ngoài gặp quý nhân giúp đỡ. Nhân duyên kén người cứng cỏi mới đứng vững. Hai con tổng lão, thọ 73 tuổi.

*1 thước 3 tấc 7 phân*

Người hoạt bát. Quân tử ưa, tiểu nhân ghét. Vô duyên với cốt nhục, thân tự lập thân. Tiền vận lủng củng, trung vận cũng chẳng gì hơn, hậu vận tốt, từ 39 tuổi trở ra hay. Số đa thê. Vợ nhỏ có thai lúc mình sống, nhưng sau khi mình chết mới sinh. Thọ 63 tuổi, nếu nhờ phúc đức qua khỏi sẽ sống tới 79 tuổi.

*1 thước 3 tấc 8 phân*

Người trực tính hay giúp người nhưng gặp kẻ vô ơn. Thân tự lập thân. Tiền vận khá, trung vận tốt, hậu vận tốt hơn. Số có vợ kế. Một con tổng lão. Thọ 74 tuổi.

*1 thước 3 tấc 9 phân*

Người trực tính, có thủy chung, kính già thương khó, tự lập tự thành, thờ Phật, kính Thần, giữ gìn lễ nghĩa. Làm ơn nên oán, cứu người vô công. Tiền vận bình thường, trung vận tốt hơn, hậu vận thật khá. 50 tuổi trở ra nhu thuyền thuận gió xuôi buồm, hai con, thọ 78 tuổi.

*1 thước 4 tấc*

Người hiếu thuận, hòa mục, nghĩa khí. Kính Trời, thờ Phật, trọng người già, thương kẻ khó. Nhỏ tuổi chăm học, lớn lên công danh hiển hách, phú quý vinh hoa. Nhân duyên tốt, con cái có trai có gái. Thọ 83 tuổi.

*1 thước 4 tấc 1 phân*

Người cương thường, tự thành tự lập. Kính người già, thương người khó, tránh việc dữ, làm điều lành, tuy nhiên luôn luôn gặp kẻ tiểu nhân gây hiềm khích. Tiền vận, trung vận bình thường, hậu vận khá. Nhân duyên có khắc nếu không cùng đứng với người cao số. Muộn con, số có bốn con nhưng lúc chết chỉ có một con tổng chung. Thọ 49 tuổi. Nếu qua khỏi thì năm 49 cũng bình trọng. Nhờ phúc nhà qua được hạn này sẽ sống tới năm 60 tuổi.

*1 thước 4 tấc 2 phân*

Người nóng nảy, bất khuất. Tiền vận tài không tụ, hư lợi hư danh, có thành có bại. Về sau tốt hơn, cầu gì được nấy. Ra ngoài nhiều kẻ yêu vì. Từ 49 tuổi trở ra nên cơ nghiệp đủ phúc lộc. Nhân duyên đề huề, con cái tốt đẹp. Thọ 80 tuổi.

*1 thước 4 tấc 3 phân*

Người ngay thẳng nhưng thường gặp tiểu nhân thù oán. Tiền vận, trung vận xấu, hậu vận khá. Vợ chồng bách niên giai lão. Phải ăn ở phúc đức mới mong có con. Thọ 82 tuổi.

*1 thước 4 tấc 4 phân*

Người mưu lược, tinh tế. Thiếu thời học hành siêng. Không được nhờ cậy anh em họ hàng. Nhân duyên phải nhưng con muộn mới tốt. Có hai con tổng chung. Thọ 73 tuổi.



### 1 thước 4 tấc 5 phân

Người quân tử cương trực, làm việc có thủy chung. Không được nhờ cậy anh em họ hàng. Nhân duyên phải đứng với người cao số. Không có con trai, chỉ có ba con gái. Thọ 63 tuổi.

Trên đây là lời giải 36 quẻ đo tay tính số. Tục ta tin vậy, xin ghi chép lại như vậy, còn đúng hay sai, cũng như trong lối bói cân xương tính số, việc suy nghiệm tùy nơi bạn đọc, và tùy ở sự đo đúng hay sai nữa

### CÁC LỐI BÓI KHÁC

Ngoài hai lối bói nêu trên rất dễ hiểu và dễ thực hành, còn nhiều lối bói khác, cần biết nhiều về thuật số mới áp dụng được và cũng không tiện chép ra đây vì quá dài.

Bói Dịch - Lối bói gieo quẻ bằng ba đồng tiền, gieo năm lần rồi tùy theo số sắp ngửa của ba đồng tiền này trong những lần gieo mà tính ra quẻ và tùy quẻ mà đoán. Các bốc sư thường xem bói dịch cho khách. Trong việc bói dịch phải căn cứ vào tất cả các yếu tố về bói toán đã nêu trên để đoán quẻ, tùy ngày giờ, tùy xung, tùy hợp, tùy can chi, v.v...

### BÓI NGŨ HÀNH

Cách bói này dựa theo ngũ hành là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ, tượng trưng bởi năm màu.

Hồng thuộc Hỏa

Hoàng - Thổ

Lam - Mộc

Bạch - Kim

Hắc - Thủy

Khi bói phải dùng một tấm bản đồ có in năm màu trên, chia làm năm ô đều nhau. Phải dùng năm đồng tiền hoặc năm miếng bìa cứng hình tròn bằng đồng tiền. Trong năm đồng

tiền hoặc năm miếng bìa, có một đồng tiền hoặc một miếng bìa mang màu khác bốn đồng tiền hoặc bốn miếng bìa kia.

Khi bói phải thắp hương khấn vái, chuyên tâm nghĩ vào việc mình định bói, rồi đem năm đồng tiền súc vào tay hoặc vào một chiếc hộp, rồi nhặt ra đặt vào năm ô của bản đồ nói trên rồi xem đồng tiền có màu riêng nằm vào ô nào. Làm ba lần như vậy được một quẻ. Với năm màu, có tất cả 125 quẻ, mỗi quẻ khác nhau và ứng khác nhau.

Các nhà thuật số bảo rằng bói ngũ hành rất linh nghiệm.

Trong việc bói toán, ngoài các cách xem các quẻ, còn lối xem tử vi căn cứ theo ngày giờ sinh đẻ, lại có cách xem ngày kén giờ và các phép độn.

## XEM NGÀY KÉN GIỜ

Việc xem ngày kén giờ của ta nặng phần huyền ảo và nhẹ phần thực nghiệm, cũng như những điều chiêm đoán và chiêm nghiệm hoặc tin ở sao hạn.

Tục ta tin rằng cùng một việc nếu làm trong giờ này sẽ hay nếu để sang giờ khác sẽ biến thành dở, vì đã lỡ mất yếu tố thiên thời. Việc xem ngày kén giờ chính do sự tin tưởng này mà ra.

Muốn làm việc gì cho được có một kết quả tốt đẹp, không gặp những sự khó khăn ngang trái, người ta thường tính trước xem giờ để bắt đầu công việc đó, từ cưới xin đến làm cửa làm nhà, từ việc vui mừng khai hạ tới việc xuất hành đi xa, và nhỏ hơn nữa từ việc cạo đầu xỏ tai cho trẻ em đến việc tắm gội may áo. Thậm chí có người sắm chiếc túi đựng tiền cũng kén ngày trực thâu, kén giờ hợp tuổi. Đối với các việc lớn người ta càng thận trọng hơn, từ việc xuất quân, nhập học, an táng đến việc khai trương cửa hàng, dâng biểu, làm



đơn, gieo mạ, cấy lúa, v.v... Trong những dịp đầu năm, bắt đầu làm việc gì, người ta đều kén ngày giờ rất kỹ lưỡng nhất là trong việc động thổ, xuất hành, khai bút, khai ấn v.v...

Kén ngày giờ cần phải xem lịch. Lịch do tòa Khâm Thiên Giám soạn ra rồi ban phát cho từ các quan trong triều ngoài tỉnh cho đến hàng tổng lý các thôn xã. Người dân quê không nhận được lịch phát của tòa Khâm Thiên Giám thì mua của người Trung Hoa làm bán gọi là lịch Tàu.

Ngoài hai loại lịch trên, vào lúc chữ quốc ngữ bắt đầu thịnh, hồi 1930, 1931, một vài nhà xuất bản Việt Nam có cho in lịch bằng Việt ngữ, gọi là niên lịch thông thư, trong có ghi rõ ngày tốt, ngày xấu, ngày nào có giờ nào cát, giờ nào hung: ngày đó thuộc về ngũ hành nào, can chi nào, trực nào.

Ngoài ra còn ghi thêm những việc gì không nên làm, những việc nên làm. Đáng kể hơn trong niên lịch thông thư này là loại do nhà in Trung Bắc Tân Văn xuất bản mà tác giả là ông Nguyễn Văn Vĩnh.

Sau thời kỳ niên lịch thông thư, có xuất hiện thêm loại lịch bóc hàng ngày, trên mỗi tờ lịch đều có ghi những chi tiết trên, gọi là lịch Thái Ất.

Ngày nay hàng năm, mỗi khi năm hết, ta lại thấy có bán loại niên lịch thông thư và lịch Thái Ất nói trên. Về niên lịch có thể kể được lịch Tam Tông Miếu, lịch Phật Bửu Tự, lịch Á Đông v.v..., còn về lịch Thái Ất ngoài các lịch của Tam Tông Miếu, Phật Bửu Tự và Á Đông, cũng có nhiều hãng lịch khác cũng dùng lịch bóc có ghi những chi tiết như niên lịch.

Ngày giờ tốt xấu.

Lịch chỉ rõ cho mọi người biết chính xác về tiết khí, tháng thiếu tháng đủ, ngày tốt ngày xấu.

Theo tục ta tin rằng mỗi ngày thường thuộc quyền hành quản trị của một hoặc nhiều vị sao, và những vị sao này có vị tốt vị xấu.

Xem trong lịch gặp những ngày có cát tinh là ngày tốt: sao Thiên Đức, sao Nguyệt Đức, sao Thiên Ân, sao Thiên Hỷ v.v... còn những ngày gặp các hung tinh là ngày xấu: sao Thiên Hình, sao Nguyệt Phá, v.v...

Ngoài các vị sao ra, mỗi ngày còn bị chi phối bởi các trục, chỉ tính cách của từng ngày. Những ngày “trục khai, trục kiến, trục bình, trục mãn” là ngày tốt: trục khai tốt cho mọi việc khai trương, trục kiến tốt cho việc kiến thiết, trục bình là một ngày yên ổn, trục mãn là một ngày làm gì cũng gặp sự may mắn đầy đủ.

Những ngày “trục nguy”, “trục phá” là ngày xấu.

Ngoài các trục ra, mỗi ngày còn có ảnh hưởng riêng, do đó có tên ngày, những ngày tam lương, thọ tử, sát chủ v.v... là những ngày xấu, những ngày Thiên đức, Lộc mã, Hoàng đạo là những ngày tốt.

Lại có những ngày tốt cho người này, xấu cho người khác do “hành” của mỗi ngày. Có tất cả ngũ hành là “Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ”. Ngũ hành này có những hành tương sinh và những hành tương khắc.

Hành của người với hành của ngày mà “tương sinh” thì tốt, còn “tương khắc” thì xấu. Dưới đây là những hành tương sinh và tương khắc.

Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim

Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim.

*Ngày nguyệt kỵ*

Ngoài những điều xấu tốt trên, mỗi tháng có ba ngày “Nguyệt kỵ”, ta còn gọi là ngày “con nước”, bao giờ cũng xấu dù là “hành” gì hoặc “trục” gì. Đó là các ngày mùng 5, 14 và 23.

Ca dao có câu:

*“Mùng năm, mười bốn, hăm ba...  
Đi chơi cũng thiệt nữa là đi buôn”*





Câu ca dao có ý khuyên những người đi buôn bán, chớ bao giờ nên đi vào ba ngày trên.

*Ngày Dương công kỵ*

Không kể ba ngày Nguyệt kỵ của mỗi tháng, trong một năm lại có 13 ngày mà hết thầy việc gì cũng không nên làm vào những ngày đó. Những ngày đó mệnh danh là Dương công kỵ nhật:

Tháng Giêng:	ngày 13
Tháng Hai:	ngày 12
Tháng Ba:	ngày 9
Tháng Tư:	ngày 7
Tháng Năm:	ngày 5
Tháng Sáu:	ngày 3
Tháng Bảy:	ngày 8 và ngày 29
Tháng Tám:	ngày 27
Tháng Chín:	ngày 25
Tháng Mười:	ngày 23
Tháng Mười một:	ngày 21
Tháng Mười hai:	ngày 19

Làm việc gì phạm vào các ngày xấu ta cho là công việc sẽ không gặp may mắn. Ngoài các ngày trên, còn những ngày tốt xấu được ghi rõ vào trong lịch:

Ngày “Thập Linh”, ngày “lục hợp” tốt.

Ngày “Thập ác đại bại”, ngày “tứ ly”, ngày “tứ huyết”, là xấu.

*Cách kén ngày*

Kén ngày tất nhiên trước hết tránh những ngày xấu ghi trong lịch, kể đó xem theo thuyết ngũ hành tương sinh và tương khắc.

Cũng cần xem thêm, ngày định chọn có là ngày tuổi của mình không. Trong ngày tuổi không ai làm việc gì, vì người ta tin rằng ngày tuổi không phải là ngày may mắn.

Ngoài ra tục cũng tránh những ngày xung mà tìm những ngày hợp.

Trong “Thập nhị chi” có “tứ hành xung” và “tam hợp”.

Tứ hành xung là:

Tý, Ngọ, Mão, Dậu;  
Dần, Thân, Tỵ, Hợi;  
Thìn, Tuất, Sửu, Mùi;

Tam hợp là:

Hợi, Mão, Mùi;  
Tỵ, Dậu, Sửu;  
Dần, Ngọ, Tuất;  
Thân, Tý, Thìn.

Về điểm xung hợp này, tục lại còn tin rằng “*nam ky xung*” và “*nữ ky hợp*”, cho nên lúc xem ngày người ta còn tính cả các điểm “*ky xung*” và “*ky hợp*” nữa.

Thường thường trong việc kén ngày ta cần chọn:

Những ngày “Thiên đức, Nguyệt đức” cho việc cưới xin và tránh các ngày “Trục nguy, trục phá”. Người ở tuổi “*kim lâu*” tránh việc cưới xin.

Những ngày “Thiên ân, Thiên ky” cho việc xây dựng nhà cửa và tránh các ngày “Thiên hỏa, Địa hỏa”. Người ở tuổi “*Kim lâu*” cũng kiêng kỵ làm nhà.

Những ngày “Lộc mã, Hoàng đạo” cho việc xuất hành và tránh các ngày “Trục phá, trục bế”.

Những ngày “Thiên hỷ, Thiên đức” cho việc an táng và tránh các ngày “Tử khí, Quan phù”.

Trong các niên lịch thường có ghi rõ từng ngày với các vị sao, các trục, các hành và tính cách của mỗi ngày.

Việc kén ngày thường được các cụ xưa lưu ý rất cẩn thận và mỗi khi làm việc lớn nhỏ, các cụ cũng tính toán để mong tránh hết những điều không may.

Bên các người cẩn thận xem ngày có những người khác lại cho rằng “*ngày nào cũng là ngày trời*”, và tự nhận là ngu dốt “*vô thư bất sách quỷ thần bất trách*”, nghĩa là không có sách vở quỷ thần cũng chẳng trách gì.



*Cách kén giờ*

Từ trên mới đề cập tới cách kén ngày, nhưng kén ngày rồi còn phải kén cả giờ.

Giờ được chọn vào lúc đầu một công việc gì:

Xuất hành kén giờ lúc ra đi,

Cưới xin kén giờ lúc đi rước dâu,

Làm nhà kén giờ lúc mới dựng nhà,

An táng kén giờ lúc hạ huyệt.

Kén giờ, người ta thường tin giờ Hoàng đạo là tốt.

Muốn tính giờ Hoàng đạo, người xưa có đặt ra bốn câu thơ sau đây, mà ai muốn kén giờ nên nhớ lấy:

Dần Thân gia Tý, Mão Dậu, Dần

Thìn Tuất tâm Thìn, Tỵ Hợi, Thân

Tý Ngọ thiên cương tâm Ngọ Vị

Sửu Mùi tông Tuất định kỳ chân.

Và phải nhớ thêm hai câu:

Đạo Viễn ký thời Thông Đạ

Lộ Dao hà nhật Hoàn trinh

Sáu câu thơ trên là tất cả cái chìa khóa để tìm giờ Hoàng đạo nhưng cũng phải biết tính 12 cung trên bàn tay (xem hình vẽ): cung Tý ở ngón cuối cùng ngón tay đeo nhẫn, cứ tính thuận theo chiều kim đồng hồ và đến cuối cùng tới cung Hợi ở cuối ngón tay út.

Muốn tính giờ trước hết phải biết mình định tính là ngày gì rồi dùng hai câu thơ dưới mà bám theo giờ ở bốn câu thơ trên. Bám gặp cung nào có những chữ Đạo Viễn, Thông, Đạ, Dao, Hoàn thì giờ ấy là giờ Hoàng Đạo.

Những ngày *Dần Thân* thì bám chữ *Đạo* ở cung *Tý*; những ngày *Mão Dậu* thì bám chữ *Đạo* ở cung *Dần*; những ngày *Thìn Tuất* thì bám chữ *Đạo* ở cung *Thìn*; những ngày *Tỵ Hợi* thì bám chữ *Đạo* ở cung *Thân*; ngày *Tý* thì bám chữ *Đạo* ở cung *Ngọ*; ngày *Ngọ* thì bám chữ *Đạo* ở cung *Vị*



tức là cung *Mùi*; những ngày *Sửu Mùi* thì bấm chữ *Đạo* ở cung *Tuất*.

Thí dụ bây giờ ta muốn tính giờ Hoàng đạo của ngày *Thân*. Ta bắt đầu chữ *Đạo* ở cung *Tý* rồi ta tính dần đi ta sẽ thấy:

- Cung *Tý* ở chữ **Đ**A**O**
- Cung *Sửu* ở chữ **V**I**Ê**N
- Cung *Dần* ở chữ **K**Ý
- Cung *Mão* ở chữ **T**H**Ò**I
- Cung *Thìn* ở chữ **T**H**Ô**NG
- Cung *Tỵ* ở chữ **Đ**A**T**
- Cung *Ngọ* ở chữ **L**Ộ



Cung Mùi ở chữ DAO  
Cung Thân ở chữ HÀ  
Cung Dậu ở chữ NHẬT  
Cung Tuất ở chữ HOÀN  
Cung Hợi ở chữ TRINH

Như vậy tức là trong ngày hôm đó những giờ Tý, Sửu, Thìn, Ty, Mùi và Tuất là những giờ Hoàng Đạo.

Các ngày khác cũng tính theo như trên, căn cứ vào sáu câu thơ chia khóa sẽ biết giờ Hoàng đạo.

### MẤY PHÉP ĐỘN

Ngoài cách xem ngày kén giờ đã được trình bày, tục ta còn có những phép độn để biết lúc nào nên làm việc gì tốt hay xấu, biết giờ trẻ sơ sinh lành hay dữ, biết giờ người lâm bệnh sẽ ốm nặng hay nhẹ, sống hay chết. Mỗi phép độn một khác nhau. Dưới đây xin ghi ra những cách tính của mấy phép độn thường hay được dùng tới.

### TÍNH GIỜ CHO TRẺ SƠ SINH

Tính giờ cho trẻ sơ sinh, người ta không tìm xem nó có sinh nhằm giờ Hoàng Đạo không, mà người ta cần biết nó có sinh vào những giờ Kim xà thiết tỏa và Quan sát là những giờ xấu hay không, đưa trẻ sinh nhằm những giờ này khó nuôi, cần phải cúng giải giờ.

*Giờ Kim xà thiết tỏa*

Muốn tính giờ Kim xà thiết tỏa cần biết đúng năm, tháng, ngày và giờ sinh của đứa trẻ.

Bắt đầu tính năm Tý ở cung Tuất trên bàn tay, tính xuôi cho đến năm sinh thuộc về cung nào, rồi lại tự cung ấy mà tính

làm tháng Giêng, tính ngược cho đến ngày tháng sinh thuộc về cung nào, rồi lại từ cung ấy mà tính ngày kể từ mồng một, tính xuôi cho đến ngày sinh thuộc về cung nào, rồi lại từ cung ấy mà khởi giờ Tý tính ngược cho đến giờ sinh.

Xem giờ sinh ở cung nào, con trai phạm vào hai cung Thìn Tuất, con gái phạm vào hai cung Sửu Mùi là phạm vào giờ Kim xà thiết tỏa.

### *Giờ Quan sát*

Trẻ sơ sinh cũng có thể phạm giờ Quan sát và cũng khó nuôi như phạm giờ Kim xà thiết tỏa và cũng cần phải cúng giải giờ.

Muốn biết trẻ có phạm giờ Quan sát hay không chỉ cần biết tháng sinh và giờ sinh của đứa trẻ đem so sánh với một bảng đã được lập sẵn, bảng này áp dụng cho cả nam lẫn nữ.

Tháng Giêng sinh vào giờ Tỵ là phạm giờ Quan sát

Tháng Hai	-	Thìn	-
Tháng Ba	-	Mão	-
Tháng Tư	-	Dần	-
Tháng Năm	-	Sửu	-
Tháng Sáu	-	Tý	-
Tháng Bảy	-	Hợi	-
Tháng Tám	-	Tuất	-
Tháng Chín	-	Dậu	-
Tháng Mười	-	Thân	-
Tháng M.một	-	Mùi	-
Tháng Chạp	-	Ngọ	-

### ĐỘN LỤC NHÂM

Đây là cách bấm độn để tìm biết xem giờ mình bắt đầu làm một việc gì là tốt hay giờ xấu.





1. Đại an, cung Dần
2. Lưu liên, cung Tỵ
3. Tóc hỷ, cung Ngọ
4. Xích khẩu, cung Mùi
5. Tiểu cát, cung Tý
6. Không vong, cung Sửu

Theo phép Độn Lục Nhâm phải tính trên bàn tay trái và bàn tay chia làm sáu cung:

1. Đại an ở cung Dần thuộc Kim,
2. Lưu liên ở cung Tỵ thuộc Thủy,
3. Tóc hỷ ở cung Ngọ thuộc Hỏa,
4. Xích khẩu ở cung Mùi thuộc Kim,
5. Tiểu cát ở cung Tý thuộc Mộc,
6. Không vong ở cung Sửu thuộc Thổ.

Phép độn Lục nhâm giản dị hơn cách kén giờ đã nói trên. Thường độn Lục nhâm người ta chỉ bấm khi việc bắt đầu làm, hoặc ít nhất giờ khởi sự đã quyết định rồi. Độn Lục nhâm chỉ cần biết Nguyệt, Nhật, Thì, nghĩa là tháng, ngày và giờ mà không cần đến những yếu tố khác.

Muốn bấm độn, người ta bắt đầu tháng Giêng khởi từ cung Dần, rồi tính xuôi tháng Hai tại Ty, tháng Ba tại Ngọ, tháng Tư tại Mùi, tháng Năm tại Tý, tháng Sáu tại Sửu, và như vậy, tháng Bảy lại trở lại cung Dần, cứ thế xuôi đi cho đến tháng mình độn quẻ ở cung nào.

Sau đó bắt đầu từ cung ấy khởi tính ngày mồng một và tính xuôi qua sáu cung trên cho đến ngày mình độn ở cung nào.

Rồi lại từ cung ấy, bắt đầu khởi giờ Tý, tính xuôi cho đến giờ độn quẻ là giờ gì và đóng ở cung nào tức là trúng quẻ ở cung ấy.

Đây là một thí dụ:

Một người đi xa, xuất hành vào giờ Thìn, ngày mồng 4 tháng 6.

Tính tháng Giêng ở cung Dần thì tháng Sáu ở cung Sửu, lại bắt đầu mồng một tại cung Sửu cho đến cung Ngọ là ngày mồng 4. Lại khởi ngay giờ Tý tại cung Ngọ tính xuôi cho đến giờ Thìn thì vào cung Dần. Cung Dần là quẻ Đại An. Được quẻ rồi, thì căn cứ vào quẻ mà đoán cát hung.

#### *Ý NGHĨA SÁU QUẺ TRONG PHÉP ĐỘN LỤC NHÂM*

Trong sáu quẻ, mỗi quẻ có ý nghĩa riêng, có quẻ tốt, có quẻ xấu.

*Đại An.* - Gặp bạn hiền, được thết đãi ăn uống, có tiền. Bình yên, vô sự, thanh nhàn. Có thể gặp quý nhân giúp đỡ.

*Lưu liên.* - Triệu bất tường, tìm bạn không gặp lại có sự chia ly. Có nhiều điều cản trở trong việc làm.

*Tốc hỷ.* - Vạn sự may mắn. Gặp thầy, gặp bạn, gặp vợ, gặp chồng. Có tài có lộc, cầu sao được vậy, nhiều việc vui mừng.

*Xích khẩu.* - Quẻ xấu, có khẩu thiệt, gặp thị phi. Có mất của hoặc bị thương tích, chớ cãi. Vợ chồng chia rẽ.

*Tiểu cát.* - Ngộ Thanh Long, có tài, có lộc, toại ý muốn. Gặp thầy cho chữ, gặp bạn giúp đỡ.

*Không vong.* - Bệnh tật, khẩu thiệt, vợ con ốm đau, mất trộm mất cắp. Quẻ này xấu nhất trong sáu quẻ.





## TÍNH NGÀY ĐỂ BIẾT NGƯỜI LÂM BỆNH SẼ ÓM NẶNG HAY NHẸ, CHẾT HAY SỐNG

Nhiều người khi mới lâm bệnh thường lo lắng không hiểu bệnh sẽ nặng nhẹ ra sao, phải đi xem bói. Các thầy bói đã căn cứ vào cách tính ngày sau đây để đoán.

Phải nhớ ngày tháng lâm bệnh và tuổi người bị bệnh.

Cách tính này theo nguyên tắc nhân tam trừ cửu và khi biết kết quả thì tam khinh, lục trọng, cửu nan y. Nhân tam trừ cửu nghĩa là nhân lên ba và trừ đi với chín, nếu ra số ba thì bệnh nhẹ, số sáu thì bệnh nặng, số chín thì khó có thuốc chạy chữa.

Thí dụ: một đứa trẻ lên 2, bắt đầu ốm ngày mùng 6 tháng 3.

Ốm ngày 6, nhân lên 3 là 18

Ốm tháng 3, nhân lên 3 là 9

Tuổi lên 2, nhân lên 3 là 6

Tổng cộng 33

Đem số 33 trừ 9 đi mãi, còn lại số 6, thế là bệnh trọng. Nếu số lẻ là số 3 thì bệnh nhẹ, nếu chẵn 9 tức là tối nan y, khó có thuốc chạy chữa.

Lẽ tất nhiên việc đoán bệnh nặng nhẹ và người bệnh sống hoặc chết, có khi đúng có khi sai.

Bọn thuật số hay lợi dụng lòng tin khờ khạo của mọi người, khi đúng thì nói quẻ bói linh ứng, còn sai thì đổ tại người bệnh không nhớ đúng ngày lâm bệnh.

Còn người bệnh, nghe lời thầy bói đoán, thường bị ảnh hưởng, lâm vào trường hợp tự kỷ ám thị, nhiều khi nhờ vậy mà bệnh nặng cũng khỏi, nhưng cũng nhiều khi do vậy mà bệnh nhẹ cũng trở nên nặng, rồi có thể người đau qua đời.

## ĐỘN KHỔNG MINH

Đây là một phép độn, theo các nhà thuật số, do Khổng Minh truyền lại, và thường được coi là rất linh ứng khi độn

về các việc đứng đắn, trái lại đối với các việc bất chính, phép độn sẽ không ảnh hưởng gì.

Có thể coi là đứng đắn:

Tính giờ để hỏi vợ,

Tính giờ đi thi,

Tính giờ cầu công danh,

Tính giờ gặp gỡ quý nhân,

Tính giờ tiếp một khách lạ,

Tính giờ biết bệnh nặng nhẹ, v.v...

Độn để đi đánh bạc, để làm một việc tà dâm, lẽ tất nhiên đó là bất chính.

Các nhà thuật số có nhấn mạnh thêm là quẻ độn muốn được linh ứng người độn phải thành tâm.

## NHỮNG YẾU TỐ CHÍNH CẦN BIẾT ĐỂ THỰC HÀNH PHÉP ĐỘN

Cũng như độn lục nhâm, người bảm độn phải biết 12 cung trên bàn tay.

Ngoài ra phải thuộc lòng bài thơ sau đây để biết tính khởi tự cung nào tùy theo thời gian bảm độn:

Chính, Cừu tằm Nguru, Ngũ nguyệt Kê

Nhị, Bát, Tý thượng, Tam, Thất, Trư

Tứ, Lục, Tuất cung, Thập Nhất Mão

Thập Nhị, Thập Nguyệt, Dần cung cư

Trong bài thơ trên, kê tức là cung Dậu, Trư tức là cung Hợi. Và bài thơ xin hiểu như sau:

Tháng Giêng, tháng Chín, tính khởi từ cung Sửu

Tháng Năm, tính khởi từ cung Dậu

Tháng Hai, tháng Tám, tính khởi từ cung Tý

Tháng Ba, tháng Bảy, tính khởi từ cung Hợi



Tháng Tư, tháng Sáu, tính khởi từ cung Tuất

Tháng Mười Một, tính khởi từ cung Mão

Tháng Chạp tính khởi ở cung Dần.

Các vị sao trong phép độn - Có mười vị sao trong phép tính độn này, cần phải biết để áp dụng:

- |                |              |
|----------------|--------------|
| 1. Thiên Cương | 6. Tổng Khôi |
| 2. Thái Ất     | 7. Hà Khôi   |
| 3. Thăng Quan  | 8. Đẳng Minh |
| 4. Tiểu Cát    | 9. Thuần Hậu |
| 5. Truyền Tổng | 10. Đại Cát  |

Tứ tướng. - Đây là bốn cung trong bàn tay: Tý, Ngọ, Mão, Dậu.

Các quẻ trong phép độn. - Không Minh độn pháp có tất cả 12 quẻ:

Đẳng minh lâm Tý - Thuần hậu lâm Mão

Đẳng minh lâm Ngọ - Thuần hậu lâm Dậu

Đẳng minh lâm Mão - Đại cát lâm Tý

Đẳng minh lâm Dậu - Đại cát lâm Ngọ

Thuần hậu lâm Tý - Đại cát lâm Mão

Thuần hậu lâm Ngọ - Đại cát lâm Dậu

Qua 12 quẻ trên ta thấy rằng, căn cứ của các quẻ là tứ tướng và mỗi quẻ đều mang tên một trong ba vị sao sau cùng của 10 vị sao trong phép độn.

## Ý NGHĨA CỦA 12 QUẺ

Mỗi quẻ trong phép độn đều có ý nghĩa riêng, và hợp với tùy từng việc của người cầu xin. Có quẻ tốt với người này, xấu với người khác vì lẽ tương sinh, tương khắc theo thuyết ngũ hành.

Tứ tướng thuộc các hành:

Tý thuộc Thủy  
Ngọ thuộc Hỏa  
Mão thuộc Mộc  
Dậu thuộc Kim

Ba vị sao mang tên quẻ thuộc các hành:

Đăng Minh thuộc Mộc  
Thuần hậu thuộc Hỏa  
Đại cát thuộc Kim

Khi giải đoán các quẻ phải biết thêm là các vị sao là ứng vào người ngoài để xem phạm vào Cung, mà Cung là ứng vào ta. Nếu hành của người ngoài khắc hành của ta, ấy là quẻ xấu, còn nếu hành của ta khắc hành của người ngoài, hoặc có sự tương sinh ấy là quẻ tốt.

Thí dụ:

1. Đại cát lâm Mộc.

Đại cát là Kim, Mão là Mộc, Kim khắc Mộc là quẻ xấu.

2. Đại cát lâm Ngọ.

Đại cát là Kim, Ngọ là Hỏa, Hỏa khắc Kim là quẻ tốt.

Qua mấy điểm trên, ta thấy rằng lẽ tương sinh và tương khắc rất quan trọng đối với Khổng Minh độn pháp.

Dưới đây là ý nghĩa phân tách các quẻ:

*Đăng minh lâm Tý.* - Quẻ tốt, có sự tương hợp trong ngoài. Lúc đầu hơi kém lợi lộc, nhưng càng về sau càng hay.

*Đăng minh lâm Ngọ.* - Quẻ tốt, vạn sự trôi chảy, nhất là đối với các việc xuất ngoại hoặc xuất binh.

*Đăng minh lâm Mão.* - Quẻ tốt về buôn bán giao dịch, cộng tác trong việc làm ăn. Xấu với người bệnh hoặc người bị đáo cung môn thừa kiện.

*Đăng minh lâm Dậu.* - Quẻ tốt. Thừa kiện thắng, nhưng không phải kiện gian - Bệnh tật mau khỏi. Tuy nhiên xấu nếu tính ra đi hoặc xuất quân.

*Thuần hậu lâm Tý.* - Giao dịch không tốt, cầu lợi không thành. Bệnh tật mau khỏi.



*Thuần hậu lâm Ngọ.* - Tốt cho sự giao dịch, cộng tác - Xấu với kiện tụng và bệnh tật.

*Thuần hậu lâm Mão.* - Tốt cho việc thương mại giao dịch. Xấu cho bệnh tật. Kiện tụng mau xong.

*Thuần hậu lâm Dậu.* - Xấu cho việc kiện tụng, bị thua là chắc. Cũng xấu cho việc ra đi và làm ăn giao dịch. Người ốm chóng khỏi.

*Đại cát lâm Tý.* - Tốt về mọi phương diện.

*Đại cát lâm Ngọ.* - Nội át ngoại. Người xa không về. Tốt cho việc kiện tụng và bệnh tật mau khỏi.

*Đại cát lâm Mão.* - Quẻ xấu. Tiền nong bỏ ra bắt lợi, đau ốm tăng bệnh, duy cầu công danh có thể thành nếu chịu phí tổn.

*Đại cát lâm Dậu.* - Nội ngoại tương hợp, tốt cho việc giao dịch cộng tác - Người xa sẽ về - Xấu với bệnh tật và thua kiện, lâu khỏi và lâu kết liễu.

## CÁCH BẮM ĐỘN

Sau khi đã hiểu rõ về mọi yếu tố, dưới đây là cách bấm độn. Phải căn cứ đầu tiên vào bài thơ đã nêu trên:

- Bắt đầu bấm tháng. Tính xem với tháng hiện tại phải bấm từ cung nào, cung đó là tháng Giêng, rồi theo vòng thuận tính mỗi tháng một cung, cho đến tháng hiện tại thì dừng lại ở cung ấy.

- Sau tháng tính đến ngày. Mông một bắt đầu từ cung vừa dừng lại, rồi cũng tính thuận mỗi cung một ngày cho đến ngày hiện tại thì dừng lại ở cung ấy.

- Rồi tính đến giờ. Giờ Tý bắt đầu từ cung vừa dừng lại khi tính ngày và cũng tính thuận mỗi giờ một cung cho đến giờ hiện tại thì dừng lại ở cung ấy.

- Sau cùng tính đến các vị sao. Lấy cung giờ làm gốc, lùi lại một cung tính vị sao thứ nhất là sao Thiên Cương rồi lần

lượt mỗi vị sao một cung theo vòng thuận. Cứ tính mãi cho đến khi một trong ba vị sao sau cùng Đấng Minh, Thuần Hậu, Đại Cát sẽ đóng ở một trong Tứ Tướng, tức là các cung Tý, Ngọ, Mão, Dậu trên bàn tay. Lúc đó là quẻ đã định. Nếu sao Đấng Minh ngừng ở cung Ngọ là quẻ Đấng minh lâm Ngọ, nếu Đại cát ngừng ở cung Ngọ là Đại cát lâm Ngọ, v.v...

Quẻ đã định, việc giải đoán sẽ theo như đã trình bày ở trên.

Tục có dặn lại rằng muốn việc bắu độn được linh nghiệm người bắu độn phải tâm thành chú ý vào việc mình cầu. Ngoài, ra việc bắu độn cũng phải dè dặt, chỉ nên bắu độn khi thật ra cần dùng và khi mình thật mong mỏi.

*Một thí dụ bắu độn*

Ngày 12 tháng Ba, hồi 9 giờ 30 sáng.

Bắt đầu tính tháng. Theo bài thơ trên, tháng Ba bắt đầu tính từ cung Hợi. Tháng Giêng ở Hợi, tháng Hai ở Tý và tháng Ba ở Sửu.

Thử tính đến ngày. - Bắt đầu tính mông một từ cung Sửu rồi lần lượt tính đi, ngày 12 vào cung Tý.

Rồi tính đến giờ. - 9 giờ 30 sáng vào giờ Thìn. Bắt đầu tính giờ Tý và cung Tý ở trên, tức là cung của ngày 12, rồi lần lượt tính đi, giờ Thìn vào cung Thìn.

Sau cùng tính đến các vị sao. Từ cung Thìn lùi lại một cung, tức là bắt đầu tính các vị sao từ cung Mão. Sao Thiên Cương ở Mão, sao Thái Ất ở Thìn... và sau cùng Đại cát ở Tý, tức là gặp quẻ Đại cát lâm Tý.

Theo mọi người tin về thuật số thì Khổng Minh độn pháp rất linh nghiệm, đã độn được quẻ tốt, chớ nên chần chừ, nên làm ngay việc định làm.

## PHÉP XEM NGÀY KÉN GIỜ TỪ XUA TỚI NAY

Theo các sách Trung Hoa ghi chép lại thì phép chọn ngày bắt đầu từ đời Đường Ngu, Tam Đại. Ta chịu ảnh hưởng vẫn



hóa Trung Hoa, nên đã theo người Trung Hoa trong việc xem ngày kén giờ.

Về thời Đường Ngu, Tam Đại, người ta chỉ tùy việc mà chọn ngày theo nguyên tắc nội sự dụng nhu, ngoại sự dụng cương, nội sự là những việc trong nhà như tế tự, cưới xin v.v... Nhu là mềm chỉ vào những âm can gồm Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý. Cương là rắn chỉ vào những dương can gồm Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm.

Theo như vậy, những ngày Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý thuộc âm, tốt cho những việc trong nhà có tính cách êm ái hòa nhã, còn những ngày Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm thuộc dương, hợp cho những việc bên ngoài có tính cách cứng cáp mạnh mẽ. Việc kén ngày, người xưa cốt lấy ý nghĩa hòa hợp với việc làm, nhưng về sau những nhà âm dương thuật số mỗi ngày một bày đặt thêm ra nào sao, nào trực, nào ngũ hành, nào tam hợp, nào tứ xung v.v...

Hết tính ngày lại kén giờ, nguyên tắc nội sự dụng nhu, ngoại sự dụng cương theo lý hòa hợp âm dương càng ngày càng bị sai lạc và đi tới chỗ dị đoan mê tín.

Ngày nay, có những người bất cứ làm một việc gì cũng xem ngày tính giờ, không kể đó là việc quan trọng hay không.

Âm dương phải có sự hòa hợp, người xưa kén ngày tùy theo việc cứng cáp hay êm ái mà định. Dần dần lại thêm lối tính giờ để đoán trước kết quả. Người sau theo người xưa định ngày nhưng lại kén cả giờ. Nhắc lại những tục này nơi đây, tôi không dám khen chê, tôi chỉ làm công việc ghi lại những phong tục đã có và hiện đang có tại nước nhà.

Viết lên đây những cách thức xem ngày kén giờ, tôi chỉ nêu lên mấy điều sơ lược chính để bạn đọc có thể có được một đôi ý niệm về tục lệ này của ta. Tôi không có ý khuyên ai nên tin hay không nên tin. Việc tín nghi còn tùy người và tùy hoàn cảnh.

Cũng như đối với tất cả mọi điều gì của phương Đông có tính cách huyền ảo, việc xem ngày tính giờ tới nay đã được

nhieu người tín ngưỡng chính ở phần huyền ảo thì nhiều mà ở phần thực nhiệm thì ít.

Huyền ảo thì thực thực hư hư, hiểu sao nên vậy, cùng một quẻ, có thể cho là hay cũng như cho là dở được.

Cần hiểu để mà biết, cần nghiệm để mà xem, bậc thức giả đâu có u mê trong những điều huyền hoặc.

## SAO VÀ HẠN

Tục ta tin rằng mỗi năm đời mình bị cai quản bởi một vị sao, có vị lành có vị dữ, tùy theo niên hạn của mình. Gặp các vị sao dữ, người ta phải làm lễ dâng sao giải hạn.

Các vị tinh quân thực ra luôn luôn là bảo hộ con người, nhưng vì niên hạn, nên người ta cần phải cúng lễ để nhờ các vị che chở.

Theo các sách được lưu truyền, có tất cả chín vị sao chia nhau cai quản vận mệnh của mọi người, theo tám niên hạn.

Chín vị sao là:

### 1. THÁI DƯƠNG TINH

Đây là một vị tinh quân soi sáng tỏ rạng khắp nơi. Ảnh hưởng sao này, chủ việc đi làm xa, có của có tiền. Bạc đại nhân được sao này chiếu mạng gặp nhiều điều vui mừng, trong nhà thêm người và muôn sự đều vui vẻ thuận hòa. Sao này không hợp với đàn bà.

Mỗi tháng, ngày 27, sao Thái dương giáng trần. Khi cúng phải dùng giấy vàng, viết bài vị như sau:

*Nhật cung Thái dương Thiên tử Tinh quân.*

Phái thắp 12 ngọn đèn, quay về chính tây cúng.

### 2. THÁI ÂM TINH

Sao này hợp với đàn ông. Kiện thừa tính toán đều được việc. Đàn bà gặp sao này có bệnh hoạn, sinh sản đáng e ngại.





Mỗi tháng, ngày 26, sao Thái âm giáng trần. Khi cúng phải dùng giấy vàng viết bài vị như sau:

*Nguyệt cung Thái âm Hoàng hậu Tinh quân.*

Phải thắp 7 ngọn đèn, quay về phía chính Tây cúng.

### 3. MỘC ĐỨC TINH

Gặp sao này đàn ông có bệnh đau mắt, đàn bà e mắt huyết. Hôn nhân hòa hợp, nhà cửa bình an.

Mỗi tháng, ngày 25, sao Mộc đức giáng trần. Khi cúng phải dùng giấy xanh, viết bài vị như sau:

*Đông phương Giáp ất Mộc đức Tinh quân.*

Phải thắp 20 ngọn đèn, quay về phía chính Tây cúng.

### 4. HỎA ĐỨC TINH

Đây là một hung tinh, thường gọi là tai tinh, gặp sao này chiểu, đàn ông bị bệnh ghê lở mụn nhọt; đàn bà sinh sản e mất máu. Đàn ông kiện thưa bất lợi, người trong nhà không yên, lục súc không nuôi được. Cần phải hết sức giữ gìn. Hỏa đức tinh quân còn được gọi là sao Vân hán.

Mỗi tháng, ngày 29 sao Hỏa đức giáng trần. Khi cúng phải dùng giấy đỏ, viết bài vị như sau:

*Nam phương Bính đinh Hỏa đức Tinh quân.*

Phải thắp 15 ngọn đèn, quay về phía Tây cúng.

### 5. THỔ ĐỨC TINH

Đây cũng là một hung tinh, thường gọi là ách tinh. Ảnh hưởng về tai nạn chẳng yên, trong nhà nhiều chuyện thị phi. Chiêm bao quái lạ. Súc vật nuôi không lợi. Chẳng nên đi xa. Thổ đức tinh còn được gọi là sao Thổ tú.

Mỗi tháng ngày 19, sao Thổ đức giáng trần. Khi cúng phải dùng giấy vàng viết bài vị như sau:

*Trung ương Mậu kỷ Thổ đức Tinh quân.*

Phải thắp 5 ngọn đèn quay về phía chính Tây cúng.

### 6. KIM ĐỨC TINH

Còn gọi là sao Thái bạch. Quý nhân gặp sao này thì gặp việc vui mừng, trong nhà thêm người. Về hôn nhân, cưới gả nên cẩn thận, có tiểu nhân tìm cách hãm hại.

Mỗi tháng, ngày 15, sao Thái bạch giáng trần. Khi cúng phải dùng giấy trắng viết bài vị như sau:

*Tây phương Canh tân Kim đức Tinh quân.*

Cũng có thể thay hai chữ Kim đức bằng hai chữ Thái bạch. Phải thắp 8 ngọn nến quay về phía chính Tây cúng.

### 7. THỦY ĐỨC TINH

Sao này còn gọi là Phúc lộc tinh. Người quân tử gặp rất vui mừng. Đi làm ăn xa có tiền của. Trong nhà thêm người. Đối với đàn bà hơi bất lợi. Nên tránh sóng biển. Thủy đức tinh còn được gọi là sao Thủy diệu.

Mỗi tháng, ngày 21, sao Thủy diệu giáng trần. Khi cúng phải dùng giấy đen viết bài vị:

*Bắc phương Nhâm quý Thủy đức Tinh quân.*

Phải thắp 7 ngọn đèn, quay về phía chính Tây cúng.

### 8. LA HẦU TINH

Vị sao này còn gọi là Khẩu thiệt tinh. Ảnh hưởng về sự thừa kiện, thị phi khẩu thiệt, và bệnh đau mắt. Đàn bà sinh nở e ngại, có thể sinh ra quái thai. Đàn ông gặp sao này xấu lắm cũng như đàn bà gặp sao Kế đô. Ta có câu Nam La hầu, Nữ Kế đô là vì vậy.

Mỗi tháng, ngày mùng 8, sao La hầu giáng trần. Khi cúng phải dùng giấy vàng viết bài vị như sau:

*Thiên cung Thần thủ La hầu Tinh quân.*

Phải thắp 9 ngọn đèn quay về phía chính Bắc mà cúng.

### 9. KẾ ĐÔ TINH

Đây cũng là một vị hung tinh. Đàn bà gặp xấu lắm, bị khẩu thiệt thị phi. Các bậc đại nhân cũng chẳng được tốt gì.



Lục súc hao tôn. Đối với người đi làm ăn xa còn đỡ, ở trong nhà thì xấu.

Mỗi tháng, ngày 18, sao Kế đô giáng trần. Khi cúng phải dùng giấy vàng viết bài vị như sau:

*Thiên võ Cung phân Kế đô Tinh quân.*

Phải thắp 20 ngọn đèn quay về phía chính Tây cúng.

Tất cả chín vị tinh quân trên chia nhau cai quản con người tùy theo tuổi, mỗi tuổi con người chịu một hạn niên, và trong hạn niên này có chư vị tôn thần của từng hạn niên theo dõi, ban họa phúc cho từng người.

Mỗi năm người ta gặp một vị sao, và sau chín năm lại gặp trở lại vị sao cũ.

Cùng một tuổi, trai gái gặp các vị sao khác nhau và do đó hạn niên cũng khác nhau. Năm nào đúng tuổi nào thì gặp vị sao ấy cùng hạn niên của từng năm, không kể năm đó thuộc Can, Chi nào.

Có tám hạn niên, mỗi hạn niên đều có ảnh hưởng tới con người trong niên hạn.

Tám hạn niên là:

1. Hoàng Tuyền: Đại hạn, hao tài, bệnh nặng, mạng gặp dữ.
2. Tam Khiu: Tiểu hạn, mắt đau, người nhức mồi.
3. Ngũ Mộ: Tiểu hạn, hao tiền, tổn của, bệnh hoạn.
4. Thiên Tinh: Bị khẩu thiệt, có kiện thưa.
5. Toán Tận: Đại hạn, hao tài, bệnh tật, thêm nhiều ưu tư.
6. Thiên La: Hạn xấu, tà ma ám ảnh trong nhà.
7. Địa Võng: Tiếng thị phi, có tai họa.
8. Diêm Vương: Hạn xấu, có thể gặp tai họa, có nhiều điều buồn bực.

Qua tám niên hạn trên, không niên hạn nào tốt, như vậy nghĩa là trong một năm ai cũng gặp sự xấu. Tuy nhiên sự xấu này có thể tránh được, và ảnh hưởng của niên hạn cũng không đáng làm cho người ta lo ngại, vì còn ảnh hưởng của các vị sao, lại còn ảnh hưởng của việc làm của từng người; người

nào lo làm việc phúc đức, người nào chuyên nghĩ đến việc lành thì tai nạn nào cũng qua khỏi và đáng nặng cũng chuyển thành nhẹ. Tám hạn niên lần lượt theo chín vị sao, mỗi hạn niên đều có các chư tôn thần chư vị riêng. Bởi vậy, khi làm lễ dâng sao giải hạn phải cúng cả chư vị tôn thần này. Các vị sao mỗi tháng chỉ giáng trần có một lần vào ngày nhất định ở trên, muốn cúng phải cúng đúng vào ngày vị sao giáng trần.

Lễ vật cúng gồm hương đăng hoa quả. Tùy mỗi vị sao, dùng giấy màu thích hợp làm bài vị, thấp số đèn hoặc nến đúng của từng vị, rồi lấy hương mà cúng.

Trên bài vị, ngoài việc ghi danh hiệu đức tinh quân, phải có ghi cả chư vị tôn thần hạn niên.

Thí dụ:

*Cung thỉnh*

*Nhật Cung Thái Dương Thiên Tử Tinh Quân Toán Tận  
Tôn Thần Chư Vị.*

#### *DÂNG SAO GIẢI HẠN*

Để tiện giúp các bạn hiểu cúng sao, xin chép dưới đây, nghi thức và những bài khấn lễ đã được ghi trong các sách Lịch Phật của một vài môn phái Phật giáo.

Sau khi đã đặt bàn thờ đúng hướng của vị sao, đốt ba nén hương, quỳ trước bàn thờ niệm:

*Đệ tử lòng thành đốt nén hương,  
Cầu xin Phật Thánh giải tai ương.  
Giúp trong lễ thứ đều khang hảo.  
Gia nội nhân nhân đắc cát tường.*

Niệm xong, cắm hương lên bàn thờ, lễ ba lễ, quỳ khấn tiếp:

*Việt Nam Quốc*

..... *Chỗ ở.....*

*Tôi tên họ là...*



Niên canh ..... (tuổi gì)

..... (mấy tuổi)

Năm nay gặp vận

Tinh quân hạn thần

.....

(Xung sao, hạn biên trong bài vị)

Thành tâm thiết lễ

Giải hạn nương tinh.

Lòng thành cúi lạy

Khải tấu khẩn cầu.

Trung Thiên Tinh Chủ, Bắc Cực Tử Vi Đại Đế Ngọc Bệ Hạ

.....

(Lại xung sao hạn trong bài vị, rồi khẩn tiếp)

Cai quản mạng căn,

Xét xem vận hạn

Từ bi liên mẫn

Phổ tế phàm thai

Ân cao đức cả

Soi thấu lòng thành

Cầu cha mẹ khang ninh trường thọ,

Phật Thánh đồng gia hộ cháu con.

Trong nhà đều hạnh phúc tăng long,

Lớn nhỏ cũng thấy đồng an lạc.

Nguyện tinh quân, hạn thần chiếu tạc,

Giải họa tai bệnh tật trừ thanh.

Dứt tà hung khiến gặp hiền lành

Hộ đệ tử lòng thành khẩn đáo

Nam mô A di đà Phật

Nam mô Tiêu tai, Giáng cát tường bỏ tát

Nam mô chư tinh quân, chư hạn thần.

Niệm tất cả ba lần

Xong lễ ba lễ là buổi lễ tất.

## BẢNG SAO VÀ HẠN

Để tiện việc tra cứu và sự suy nghiệm của các bạn, xin trình bày dưới đây bảng sao hạn của cả nam nữ mọi tuổi. Bản sao hạn này áp dụng cho bất cứ năm nào và không thay đổi. Bản sao chỉ ghi chép từ tuổi 11 đến tuổi 100. Trên dưới hai tuổi 11 và 100, các sách tôi dùng tham khảo không thấy kê ra, có lẽ vì dưới 11 tuổi chịu ảnh hưởng của cha mẹ nhiều, và trên 100 tuổi, tuổi quá già, ít người đạt được tuổi này. Tuy nhiên, muốn biết cũng không khó, cứ theo bảng mà tính trở lên, 101 tuổi coi như 11, 102 tuổi coi như 12, v.v..., còn dưới tuổi này, 1 tuổi như tuổi 82, 2 tuổi coi như tuổi 83 v.v...

Xin nhắc lại bảng sao và hạn này lập ra cốt để bạn đọc biết và suy nghiệm nếu muốn, còn việc đúng hay không còn tùy theo rất nhiều yếu tố. Dù sao chúng ta cũng nên nhớ rằng tiền bối chúng ta vẫn tin theo sao và niên hạn, còn ngày nay tin hay không tùy ở chúng ta. Tin thì tin, không tin chúng ta cũng chớ nên báng bổ ông cha chúng ta.

Biết để mà biết, biết để sưu tầm nghiên cứu, biết để mà tìm hiểu tổ tiên, sự biết này thực không phải là vô ích cũng như nhiều điều khác cần biết về dân tộc chúng ta. Có những điều ngày nay là sai, nhưng ngày mai sẽ đúng, việc đúng sai ta chớ nên quá vội vàng chê bai!

Tuổi	Nam		Nữ	
	Sao	Hạn	Sao	Hạn
11	Thổ tinh	Tam khiu	Hỏa tinh	Thiên tinh
12	Thủy tinh	Ngũ mộ	Mộc tinh	Ngũ mộ
13	Kim tinh	Thiên tinh	Thái âm	Tam khiu
14	Thái dương	Toán tận	Thổ tinh	Hoàng Tuyền
15	Hỏa tinh	Thiên la	La hầu	Diêm vương
16	Kế đô	Địa võng	Thái dương	Địa võng



17	Thái âm	Diêm vương	Kim tinh	Thiên lã
18	Mộc tinh	Hoàng tuyền	Thủy tinh	Toán tậ
19	La hầu	Tam khiu	Kế đô	Thiên tinh
20	Thổ tinh	Tam khiu	Hỏa tinh	Thiên tinh
21	Thủy tinh	Ngũ mộ	Mộc tinh	Ngũ mộ
22	Kim tinh	Thiên tinh	Thái âm	Tam khiu
23	Thái dương	Toán tậ	Thổ tinh	Hoàng tuyền
24	Hỏa tinh	Thiên la	La hầu	Diêm vương
25	Kế đô	Địa võng	Thái dương	Địa võng
26	Thái âm	Diêm vương	Kim tinh	Thiên la
27	Mộc tinh	Hoàng tuyền	Thủy tinh	Toán tậ
28	La hầu	Tam khiu	Kế đô	Thiên tinh
29	Thổ tinh	Ngũ mộ	Hỏa tinh	Ngũ mộ
30	Thủy tinh	Ngũ mộ	Mộc tinh	Ngũ mộ
31	Kim tinh	Thiên tinh	Thái âm	Tam khiu
32	Thái dương	Toán tậ	Thổ tinh	Hoàng tuyền
33	Hỏa tinh	Thiên la	La hầu	Diêm vương
34	Kế đô	Địa võng	Thái dương	Địa võng
35	Thái âm	Diêm vương	Kim tinh	Thiên la
36	Mộc tinh	Hoàng tuyền	Thủy tinh	Toán tậ
37	La hầu	Tam khiu	Kế đô	Thiên tinh
38	Thổ tinh	Ngũ mộ	Hỏa tinh	Ngũ mộ
39	Thủy tinh	Thiên tinh	Mộc tinh	Tam khiu
40	Kim tinh	Thiên tinh	Thái âm	Tam khiu
41	Thái dương	Toán tậ	Thổ tinh	Hoàng tuyền
42	Hỏa tinh	Thiên la	La hầu	Diêm vương

43	Kế đô	Địa võng	Thái dương	Địa võng
44	Thái âm	Diêm vương	Kim tinh	Thiên la
45	Mộc tinh	Hoàng tuyền	Thủy tinh	Toán tậ
46	La hầu	Tam khiu	Kế đô	Thiên tinh
47	Thổ tinh	Ngũ mộ	Hỏa tinh	Ngũ mộ
48	Thủy tinh	Thiên tinh	Mộc tinh	Tam khiu
49	Kim tinh	Toán tậ	Thái âm	Hoàng tuyền
50	Thái dương	Toán tậ	Thổ tinh	Hoàng tuyền
51	Hỏa tinh	Thiên la	La hầu	Diêm vương
52	Kế đô	Địa võng	Thái dương	Địa võng
53	Thái âm	Diêm vương	Kim tinh	Thiên la
54	Mộc tinh	Hoàng tuyền	Thủy tinh	Toán tậ
55	La hầu	Tam khiu	Kế đô	Thiên tinh
56	Thổ tinh	Ngũ mộ	Hỏa tinh	Ngũ mộ
57	Thủy tinh	Thiên tinh	Mộc tinh	Tam khiu
58	Kim tinh	Toán tậ	Thái âm	Hoàng tuyền
59	Thái dương	Thiên la	Thổ tinh	Diêm vương
60	Hỏa tinh	Thiên la	La hầu	Diêm vương
61	Kế đô	Địa võng	Thái dương	Địa võng
62	Thái âm	Diêm vương	Kim tinh	Thiên la
63	Mộc tinh	Hoàng tuyền	Thủy tinh	Toán tậ
64	La hầu	Tam khiu	Kế đô	Thiên tinh
65	Thổ tinh	Ngũ mộ	Hỏa tinh	Ngũ mộ
66	Thủy tinh	Thiên tinh	Mộc tinh	Tam khiu
67	Kim tinh	Toán tậ	Thái âm	Hoàng tuyền
68	Thái dương	Thiên la	Thổ tinh	Diêm vương
69	Hỏa tinh	Địa võng	La hầu	Địa võng
70	Kế đô	Địa võng	Thái dương	Địa võng
71	Thái âm	Diêm vương	Kim tinh	Thiên la
72	Mộc tinh	Hoàng tuyền	Thủy tinh	Toán tậ





73	La hầu	Tam khiu	Kế đô	Thiên tinh
74	Thổ tinh	Ngũ mộ	Hỏa tinh	Ngũ mộ
75	Thủy tinh	Thiên tinh	Mộc tinh	Tam khiu
76	Kim tinh	Toán tận	Thái âm	Hoàng tuyền
77	Thái dương	Thiên la	Thổ tinh	Diêm vương
78	Hỏa tinh	Địa võng	La hầu	Địa võng
79	Kế đô	Diêm vương	Thái dương	Thiên la
80	Thái âm	Diêm vương	Kim tinh	Thiên la
81	Mộc tinh	Hoàng tuyền	Thủy tinh	Toán tận
82	La hầu	Tam khiu	Kế đô	Thiên tinh
83	Thổ tinh	Ngũ mộ	Hỏa tinh	Ngũ mộ
84	Thủy tinh	Thiên tinh	Mộc tinh	Tam khiu
85	Kim tinh	Toán tận	Thái âm	Hoàng tuyền
86	Thái dương	Thiên la	Thổ tinh	Diêm vương
87	Hỏa tinh	Địa võng	La hầu	Địa võng
88	Kế đô	Diêm vương	Thái dương	Thiên la
89	Thái âm	Hoàng tuyền	Kim tinh	Toán tận
90	Mộc tinh	Hoàng tuyền	Thủy tinh	Toán tận
91	La hầu	Tam khiu	Kế đô	Thiên tinh
92	Thổ tinh	Ngũ mộ	Hỏa tinh	Ngũ mộ
93	Thủy tinh	Thiên tinh	Mộc tinh	Tam kheo
94	Kim tinh	Toán tận	Thái âm	Hoàng tuyền
95	Thái dương	Thiên la	Thổ tinh	Diêm vương
96	Hỏa tinh	Địa võng	La hầu	Địa võng
97	Kế đô	Diêm vương	Thái dương	Thiên la
98	Thái âm	Hoàng tuyền	Kim tinh	Toán tận
99	Mộc tinh	Tam khiu	Thủy tinh	Thiên tinh
100	La hầu	Tam khiu	Kế đô	Thiên tinh

## XEM TƯỚNG



**X**em tướng tức là xem diện mạo dáng điệu để đoán về tính tình sự nghiệp của mỗi người.

Ta có câu: *Trông mặt mà bắt hình dong*, lại có câu: *Nhân hiền tại mạo*.

Tục ta tin ở bói toán, xem tướng cũng là một cách bói nhưng bói qua diện mạo chân tay dáng điệu. Nhìn tướng một người, có thể biết người đó thọ hay yếu, sang hay hèn, thông minh hay đần độn.

Theo các nhà thuật số, thì riêng bề ngoài, toàn bộ phận trong hình thể con người ta, bộ phận nào cũng có tướng hết thảy, và họ cho rằng đã có tướng thì có ứng nghiệm. Tuy nhiên, tướng có tốt có xấu, và có nhiều người trông tướng rất đẹp, nhưng lại không gặp may mắn là vì cái tốt ở bộ phận này, bị khắc bởi cái xấu ở bộ phận khác. Dù sao, những người có tướng tốt, nếu không gặp may mắn thì cũng đỡ gặp những sự hiểm nghèo. Trái lại, có người tướng tuy xấu, nhưng cũng không gặp sự gian nan, đó là vì còn có tướng tốt ở những bộ phận khác. Bởi vậy, khi xem tướng phải xem xét hết thảy các tướng hiện ra các bộ phận của mỗi người rồi mới luận được cát hung.



Theo các cụ thì tướng tốt xấu cũng có thể thay đổi được vì cách ăn ở thiện ác của từng người.

Sau đây là những điều sơ lược về tướng pháp từng bộ phận.

## NGŨ HÀNH VỚI HÌNH NGƯỜI

Hình dáng con người mỗi người mỗi khác, nhưng tựu trung quy vào năm hình theo ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

*Người hình Kim.* - Người thanh nhỏ mà cứng cỏi, vuông vắn, ngay ngắn. Nếu người ngắn thấp tức là bất túc, thịt cứng là hữu dư. Tướng hình Kim được vẻ vang.

*Người hình Mộc.* - Người hình Mộc ốm, dài và lộ xương, đầu cao, trán nhô. Nếu xương nặng mà mặt, lưng mình dẹp mỏng là tướng xấu, trái lại cốt gầy hình xương xương, dong dong cao, mắt trong là tướng hưởng tuổi già an nhàn.

*Người hình Thủy.* - Người rộng lớn dày dặn. Hình cúi mà sắp xuống là hình chân thật. Người nào mày thô, mắt lớn, thành quách lại tròn trặn là người hình Thủy được hưởng phúc đức tự nhiên.

*Người hình Hỏa.* - Người trên nhỏ, dưới rộng, trên nhọn dưới dày - Tính nóng. Bàn tay hồng đỏ. Theo sách tướng thì người hình Hỏa diện mạo như lửa muốn cháy, dưới rộng trên đầu nhọn, ít râu ria. Cử chỉ không chủ định.

*Người hình Thổ.* - Người mặt lớn trằm trằm, vai cao lưng dày như hình con rùa. Người hình Thổ đoan hậu và thâm trọng, kiên tâm và mưu lược lại trọng tín nghĩa.

## TUỞNG MẶT

Xem tướng thường người ta chú trọng vào xem tướng mặt và chân tay.

Trên mặt, các nhà tướng số chia ra nhiều bộ phận và mỗi bộ phận đều có tướng riêng.

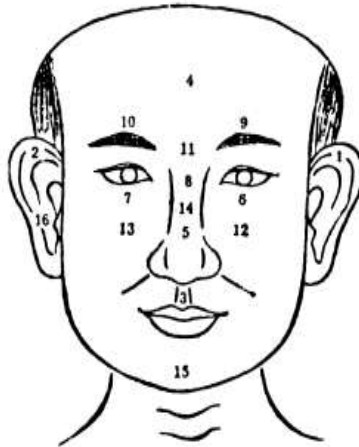
## NGŨ TINH

Đây là năm ngôi sao trên mặt mang tên ngũ hành. Tai tả là Kim tinh, sắc nên trắng mới được hưởng quan lộc. Tai hữu là Mộc tinh, hình nên vểnh lên để được hưởng phú lộc. Miệng là Hỏa tinh, sắc nên hồng mới được hưởng phú quý. Trán là Hỏa tinh, hình nên vuông mới được hưởng quan lộc. Mũi là Thổ tinh, thịt phải dày mới trường thọ.

## LỤC DIỆU

Đây là sáu ngôi sao khác trên mặt: Thái dương, Thái âm, Nguyệt bột, La hầu, Kế đô, Tử khí.

Mắt tả là Thái Dương, phải có bóng sáng mới hưởng phúc lộc.



CÁC BỘ PHẦN TRÊN MẶT

1-Kim tinh, 2-Mộc tinh, 3-Thủy tinh, 4-Nam nhạc và Hỏa tinh, 5-Thổ tinh, 6-Thái dương, 7-Thái âm, 8-Nguyệt bột, 9-La hầu, 10-Kế đô, 11-Tử khí, 12-Đông nhạc, 13-Tây nhạc, 14-Trung nhạc, 15-Bắc nhạc.



Mắt hữu là Thái Âm, phải đen mới có quan lộc.

Son căn, nơi trên sống mũi, dưới hai con mắt là Nguyệt Bột, phải trắng mới có tài lộc.

Lông mày bên tả là La Hầu, phải dài mới có quan lộc.

Lông mày bên hữu là Kế Đô, ngay ngắn thì vợ con sung sướng.

Ấn đường, chỗ hai lông mày giao nhau là Tử Khí, nếu tròn thì có danh phận.

## NGŨ NHẠC

Theo các nhà tướng số Đông Phương, trên mặt con người có những chỗ được gọi là sông và núi.

*Ngũ nhạc* là năm ngọn núi: Hành sơn, Hằng sơn, Trung sơn, Thái sơn và Họa sơn.

*Thái sơn* là *Đông nhạc* ở má phía tả; *Họa sơn* là *Tây nhạc* ở má phía hữu. Hai núi Đông và Tây nên ngay thẳng không thiên, không y.

*Hành sơn* là *Nam nhạc* ở trán, nên vuông và ngay; *Trung sơn* là Trung nhạc ở mũi nên vuông và ngay mà cao vót lên tới ấn đường. *Hằng sơn* là *Bắc nhạc* ở cằm trên dày, cao, tròn và đầy.

## TỨ ĐỘC

Đây là tên bốn con sông: sông Giang, sông Hoài, sông Hà và sông Tế.

*Sông Giang* là tai nên sâu và xa; *Sông Hà* là mắt, cần sâu và có ánh sáng; *Sông Hoài* là miệng, môi và mép cần che nhau; *Sông Tế* là mũi.

## TAM TÀI

Tam tài là trời, người và đất. Trên mặt có ba chỗ tượng trưng cho tam tài.

*Trán* tượng trưng cho *trời*, phải rộng và tròn mới được sang;  
*Mũi* tượng trưng cho *người*, phải ngay và bằng mới sống lâu;  
*Cằm* tượng trưng cho *đất*, phải vuông và rộng mới có cửa.

## TAM ĐÌNH

Mặt theo tướng số có thể chia làm ba phần từ chân tóc tới cằm.

*Thượng đình* từ chân tóc tới ấn đường ứng về tiền vận. Thượng đình dài thì tiền vận giàu có.

*Trung đình* từ sơn căn, dưới ấn đường đến chuẩn đầu, chỗ đầu mũi ứng về trung vận. Trung đình dài thì trung vận được hưởng phúc lộc.

*Hạ đình* từ nhân trung tới cằm ứng về hậu vận. Hạ đình dài thì về già nhiều lộc.

Nếu ba đình quân bình đời sung sướng, ba đình lệch lạc đời gặp ba đào.

## HỌC ĐƯỜNG VÀ BỘ HỌC ĐƯỜNG

Tướng số phân biệt trên mặt có 4 *học đường* và 8 *bộ học đường*.

Bốn học đường là:

*Quan học đường* là mắt ứng về quan lộc. Mắt dài mà trong là người có quan chức.

*Lộc học đường* là trán chủ về lộc và thọ. Trán rộng và dài là người có nhiều lộc và sống lâu.

*Nội học đường* là hai răng cửa chủ về tính nết. Hai răng này ngay ngắn và khít thì con người hiếu cần trung tín, kẻ thừa và nhỏ là người hay sàm ngôn.

*Ngoại học đường* là bên trước cửa mang tai chủ về sự thông minh. Nếu ngoại học đường dày, sáng, đầy và nhuận, con người thông minh, nếu ướt và tối là người ngu đần.



Tám bộ học đường là:

*Cao minh bộ học đường*, phần trên trán, chủ về tiền của;  
*Cao quảng bộ học đường*, phần giữa trán, chủ về phúc đức;  
*Quan đại bộ học đường*, ấn đường, chủ về quan chức;  
*Minh tú bộ học đường*, chủ về sang trọng quý hiển;  
*Thông minh bộ học đường*, tai, chủ về tiếng tăm;  
*Trung tín bộ học đường*, miệng và môi, chủ về bổng lộc;  
*Quảng đức bộ học đường*, lưỡi, chủ về đức độ.  
*Ban duẩn bộ học đường*, lông mày, chủ về tuổi thọ.

## THẬP NHỊ CUNG

Trên mặt còn có phân biệt 12 cung, mỗi cung chỉ về mỗi việc.

*Cung Mạng*. - Ứng về vận mạng, ngôi tại giữa đôi lông mày, trên sơn căn. Nơi đây sáng sủa, con người có học vấn thông thái. Nơi đây phẳng đầy, con người hưởng phúc thọ. Nếu chon von u ám, con người bần hàn dốt nát. Hai lông mày giao tiếp nhau, con người hèn hạ. Nổi gân nổi thớ rối loạn, con người lưu lạc tha hương lại khắc vợ. Trán hẹp, lông mày khô, tài sản tiêu tan.

*Cung Tài bạch*. - Mũi là tài tinh ứng về của cải, ngôi ở Thổ tú. Sống mũi thẳng như ông tre, đầu mũi như quả mật treo: bậc cự phú.

Mũi có sống chon von ngay thẳng và cao dày: một sự phú quý vĩnh viễn.

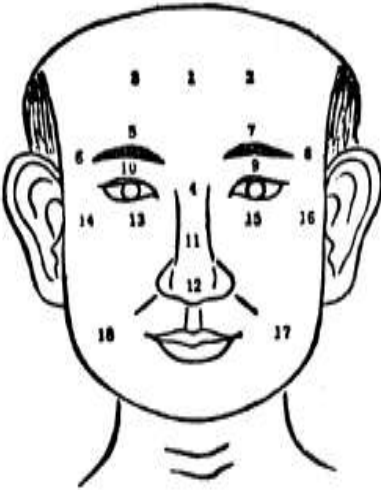
Nhọn như mỏ chim ưng, như chót núi: tướng bần hàn phá của.

Lỗ mũi ngửa lên: kiếm bữa hôm lo bữa mai, không bao giờ có của để dành.

Hai bên lỗ mũi: sách gọi là Tế trù, Táo thượng, lép: không bao giờ có tiền dư của để.

*Cung Huynh đệ*. - Ứng về anh em, ngôi tại hai lông mày, thuộc sao Kế đô. Lông mày dài quá mắt: ba bốn anh em và không sát nhau.





1. Quan lộc, 2-3. Phúc đức, 4. Mệnh môn, 5-7. Huỳnh đệ, 6-8. Thiên di, 9-10. Điền trạch, 11. Tật ách, 12. Tài bạch, 13-15. Nam Nữ, 14-16. Thê thiếp, 17-18. Nô bộc.

Lông mày tốt đẹp mà thưa: anh em đoàn chính.

Lông mày vòng cung như trăng đầu tháng: anh em có tài đức hơn người.

Ngắn và thô: anh em ly biệt.

Vòng lông mày lấp mắt: ít anh em.

Hai dạng lông mày: có anh em khác mẹ.

Lông mày vàng mỏng giao nhau: số phải chết nơi đất khách.

Lông mày xoáy quanh và kết lại: anh em khắc nhau.

*Cung Điền trạch.* - Ứng về ruộng nương nhà cửa, ngôi ở hai mặt.

Mắt có tia đỏ lẩn con ngươi: phá hết gia tài, già không đủ ăn.

Hai mắt âm (hữu), dương (tả) cốt khô: chẳng giữ nổi ruộng vườn.

Mắt lớn hoặc mắt nông mà quầng lạnh như băng: sẽ tiêu tan hết gia tài.

Con ngươi đen nhánh: suốt đời giàu có.

Mày cao, mắt phượng: cự phú.





*Cung Nam nữ.* - Cung này còn gọi là cung *Tử tức* ứng về đường con cháu, ngôi ở phía dưới hai mắt.

Phẳng đầy đều: con cháu hưởng phúc lộc vinh hoa.

Tựa tựa con tằm: có con dâu thanh quý cao sang.

Sâu hãm: trai gái vô duyên.

Có nốt ruồi đen hoặc vành đậm xiên: khắc với con cháu tới già.

Mắt him him như miệng thổi lửa: nếu là thường nhân, khó có con cháu tống chung khi trăm tuổi.

*Cung Nô bộc.* - Ứng về kẻ ăn người ở trong nhà, ngôi ở Địa các, tiếp với Thủy tinh.

Cằm tròn đầy đặn: có hàng bầy đầy tớ.

Hai bên bạnh cằm chầu lại: nhất hô bách nạc.

Miệng hình chữ Tứ: có quyền kêu tụ, hét tán.

Địa các nhọn hót: đầy tớ vong ơn.

Văn nát mà hãm: không có người mà sai bảo.

Vành Địa các thấp nghiêng: làm ơn nên oán.

*Cung Thê thiếp.* - Ứng về vợ và nàng hầu, ở nơi gần hai bên tai.

Quang nhuận không hằn: vợ hiền và đảm.

Dày dặn phẳng đầy: vợ có của cải.

Xương gò má xâm lên cao: nhờ vợ có lộc.

Sâu hãm: làm rẻ mới hoài (vợ chết hoặc bỏ đi luôn)

Nhiều văn: vợ ngộ ác bệnh mà chết.

Thâm xám: phải lia vợ.

Nốt ruồi đen hay có văn xé: vợ có ngoại tình và nhiều dâm dục.

*Cung Tật ách.* - Ứng về tật bệnh và tai ách, ngôi ở Sơn căn, nhằm phía dưới Ấn đường.

Cao đầy và đầy đặn: phúc lộc vô cùng liên tiếp.

Màu da sáng sủa: phúc đức đầy đủ.

Cao đều bằng sống mũi: sống lâu.

Vần ngắn, thấp hãm: bệnh tật quanh năm.

Xương khô mà nhọn trể xuống: nhiều bệnh tật, chết khổ sở.

Khí như khói mù: tai ách thường xuyên.

*Cung Thiên di.* - Ứng về việc dời đổi chỗ ở, ngôi ở góc lông mày.

Cao dày đầy đặn màu tươi: không có gì phải lo lắng.

Phẳng tới tai: đi đâu cũng được sự kính trọng.

Khí xông lên tới trán: quý tướng ra ngoài quyền cao chức trọng.

Góc trán thấp hãm: không chỗ trú chân suốt đời.

Lông mày liền giao tiếp: phá tổ lia nhà.

Hai bên lệch nhau; luôn luôn thay đổi chỗ ở.

*Cung Quan lộc.* - Ứng về chức tước, công danh ở mé giữa trên trán - Lại ứng về việc công môn.

Suốt lên tới đầu: một đời chẳng tới cửa công.

Hai bên thái dương châu lại: quan tư bất nhiều.

Sáng sủa trong sạch: hiển đạt hơn người.

Trán cao và có góc: thường phạm tới việc quan.

Các thờ vắn vỡ nát: việc ngang trái tội lỗi.

Nếu thêm mắt đỏ như cá chép: phạm tội mà chết hoặc chịu tội đồ.

*Cung Phúc đức.* - Ứng về phúc phận, ngôi ở Thiên thương tức là ở hai bên thái dương, Thiên thương dất liền xuống Địa các, Thiên, Địa châu nhau thì tốt.

Trán hẹp, cằm tròn: cực khổ từ thuở bé.

Trán rộng, nhọn: lúc già gian truân.

Mày mắt sếch: bình thường.

Mày dè áp mắt, tai bạt: kém phúc đức.

*Cung Tướng mạo.* - Tướng mạo là toàn hình khuôn mặt, ứng chung cả vận mạng toàn thân.

Năm nhạc đầy đủ: phú quý, vinh hoa.

Ba đình đều nhau: suốt đời hiển đạt.

Năm nhạc triều cao: quan lộc vinh thăng.



Trán chủ vận đầu, mũi chủ vận giữa, cằm chủ vận chót.  
Nơi nào khắc hãm, vận đó không tốt.

## TUỞNG CÁC BỘ PHẬN

Mười hai cung trên để xem chung đại cương cho mỗi người. Ngoài ra mỗi bộ phận trong con người từ mắt mũi đến râu tóc, đến cả những chỗ hiểm đều có những tướng riêng tùy theo người sang, hèn, quý, tiện từng giai đoạn đời người.

Ta có câu: *tướng tự tâm sinh*, tướng con người tự tâm địa con người mà ra. Theo các cụ, thì con người gặp tướng xấu, nhưng ăn ở phải đạo, tướng cũng có thể thay đổi được.

Cứ kể ra, nếu nói hết, dù chỉ đơn sơ về cách coi tướng của mọi bộ phận, thì khuôn khổ một tập sách phổ thông này, không sao nói cho đủ, và chính ta cũng không biết rõ hết mà nói. Bởi vậy, dưới đây chỉ là mấy nét lướt qua về cách xem tướng của mỗi bộ phận, theo những điều được tai nghe qua lời các cụ hoặc mắt thấy qua một vài tài liệu.

### LÔNG MÀY

Lông mày là cửa mắt, là lọng che cho mắt, nơi biểu lộ hết cái nghi biểu cho một khuôn mặt. Là lông mày lại tô điểm cho con mắt, và qua con mắt người ta có thể phân biệt được kẻ hèn người sang, kẻ khôn người dại. Lông mày phải thanh và nhỏ, bằng và rộng, tốt và dài mới chứng tỏ con người thông minh.

Lông mày thô và rậm, nghịch và rối, ngắn và không đều: người hung hãn ương ngạnh.

Mày dài quá mắt: người giàu sang.

Lông mày ngắn không đủ che mắt: người cùng khổ.

Lông mày cao lên: người tính khí cương thường.

Đứng sững và cứng: người hào khí.  
Đuôi mày rũ xuống: người hèn nhát.  
Đầu mày giao nhau: người bần bạc, khắc hại huynh đệ.  
Lông mày mọc nghịch: người bất lương, khắc hại thế tử.  
Trong lông mày có nốt ruồi: người thông minh, hiền hậu, sang quý.

Lông mày có điểm lông trắng: đa thọ.  
Trên lông mày có nhiều thớ trắng: giàu sang.  
Trên lông mày có nhiều thớ ngang: nghèo khó.  
Lông mày có chỗ khuyết: nhiều gian kế.  
Lông mày mỏng: giáo quyết, nịnh bợ.  
Lông mày cao vót và tốt: quyền lộc cao hậu.  
Lông mày như cung sừng: hiền lành.  
Lông mày như trăng non: thông minh hơn người.  
Lơ thơ như sợi tơ: đa dâm nhưng không con.  
Nuồn nuột như mày ngài: hiếu sắc.  
Mày dài quá mắt: trung thực.  
Mày ngắn hơn mắt: tính tình cô độc.  
Đầu mày giao lộn: anh em chia lìa.  
Góc mày đi vào tóc mai: vinh hiển, giàu sang, thông minh, tuần nhã.

Lông mày có xoáy: anh em khắc nhau.  
Lông mày rườm rà: gái nhiều, trai ít.  
Lông mày cao thẳng: chức vụ thanh nhàn.  
Lông mày vắn như võ ra: gặp nhiều gian truân.  
Đại lược vẽ lông mày là những tướng trên. Các cụ, còn tùy theo loại lông mày, đặt cho những tên riêng.  
Lông mày lá liễu, lông mày chổi sể, lông mày la hán v.v...

### MẮT

Theo quan niệm của các cụ thì lúc ngũ thần đậu tại tâm, lúc thức thần nương tại mắt. Con mắt là cửa sổ của thân người,



và nhìn qua con mắt người ta biết con người lanh lợi hay ngu đần, lành hay dữ, do mắt đục hay trong, đen hay trắng.

Loại mắt trắng dã là con người bạc bẽo.

Mắt dài mà sâu và quầng nhuần sắc: tướng đại quý.

Con ngươi đen nhánh: thông minh, văn tài hàm súc.

Loáng thoáng có ánh sáng: giàu sang.

Mắt nhỏ và sâu: tướng trường thọ, nhưng hiểm độc.

Con ngươi nổi và lộ: yếu tướng.

Mắt lớn mà lồi, tròn mà dữ: ít thọ.

Những người ti hí mắt lươn,

Trai thì trộm cắp, gái buôn chồng người.<sup>(1)</sup>

Mắt lồi dữ mà nhìn liếc: phi dâm tặc đạo.

Mắt lơ mờ nhắm lệch: con người bất chính.

Có sợi đỏ suốt con ngươi: chết về sự ác.

Mắt dê: tướng mờ côi mà ương ngạnh.

Mắt ngắn nhỏ: ngu hèn.

Mắt giương trừng: tính nóng.

Dưới mắt như con tầm nằm: sinh quý tử.

Đàn bà mắt trắng đen phân minh: đoan trang.

Đàn bà dưới mắt sắc đỏ: có tai ách trong lúc sinh nở.

Đàn bà nhìn trần: dâm đăng.

Đại khái sơ lược xem tướng mắt thì như vậy, nhưng theo sách tướng qua con mắt người ta có thể biết kẻ đó phúc đức ra sao, con cháu thế nào, và cũng có phân biệt các loại mắt:

Mắt rồng: giàu sang, gặp gỡ minh chủ.

Mắt khí: giàu sang.

Mắt voi: trường thọ, an vui suốt đời.

Mắt sư tử: thương người.

Lại còn mắt mèo, mắt lươn, mắt tôm, v.v...

## MŨI

Mũi là Trung nhạc làm biểu suất cho nét mặt,

Mũi cần quang nhuận và nở lên thì giàu sang, nếu có điểm đen và đốt mỏng, chẳng nghèo hèn cũng yếu tướng.

Mũi cao và có mương: trường thọ.

Mũi như trái mật treo mà thẳng như ống tre cắt: giàu sang.

Mũi cứng có xương: trường thọ.

Mũi nhọn và đầu nhỏ: hẹp lượng gian manh.

Mũi có nhiều nốt ruồi: không tốt.

Đầu mũi chấp thẳng: phú quý.

Mũi cao nguy: anh em suy yếu.

Trụ mũi dài rộng: nhiều tài năng.

Mũi dày mà thẳng: con cái vinh quang.

Mũi cao mà ngang: vinh hiển phú quý.

Cũng như mắt, mũi cũng phân biệt nhiều loại:

Mũi trâu: trung thọ, giàu sang.

Mũi củ tỏi: anh em chẳng hòa, tuổi già có cơ nghiệp.

Lại còn mũi núi grom, mũi hổ, mũi sư tử, mũi mỏ chim ưng v.v..., mỗi loại chỉ một điểm khác nhau.

### MIỆNG

Vuông, rộng có góc: tướng thọ.

Hình như cung sừng: có quan lộc.

Bề ngang rộng mà dày: giàu có phúc đức.

Ngay thẳng, không quá dày, quá mỏng: tướng bình thường.

Miệng hình chữ Tứ, vuông đẹp: phú túc.

Nhọn mà lệch, lại mỏng: tướng nghèo hèn.

Chẳng nói mà miệng động như miệng ngựa: tướng chết đói.

Sắc tía đen; vận hãm gặp nhiều trở ngại.

Miệng mở răng lộ: người không có cơ mưu.

Có nốt ruồi: người hay ăn uống.

Miệng như ngậm son: không lo đói rét.

Miệng như ba ngón tay chúm vào nhau: bản bạc.



Miệng rộng mà dày: ăn lộc muôn chung.

Môi là thành quách của miệng, lưỡi là dao mác của miệng, thành quách nên dày, dao mác nên bén, đó là tướng tốt. Lưỡi lớn miệng nhỏ: tướng bản hàn, chết non; miệng nhỏ, lưỡi ngắn: tướng nghèo.

Sắc miệng nên đỏ, tiếng nên thanh, lưỡi nên ngay, môi nên dày.

Tục ngữ nói:

Miệng như châu sa: ăn lộc vinh hoa;

Miệng như hoàng đơn: no hơn ẩm đủ;

Miệng như hòn son: tiền của như non;

Miệng như môi trâu (dày): hiền đức bền lâu.

### NHÂN TRUNG

Các sách tướng Á Đông cho nhân trung là ngòi rạch của thân người, ngòi rạch cần khai thông, nước mới chảy thoát, nông hẹp nước sẽ bị nghẽn tắc. Nhân trung chỉ về số thọ của người ta.

Nhân trung dài, trong sâu ngoài rộng và hướng chảy xuống là tốt; nhỏ và hẹp là xấu. Đầy mà phẳng cũng xấu, thường gặp tai ách.

Trên hẹp dưới rộng: lắm con nhiều cháu; trái lại trên rộng dưới hẹp là tướng hiếm hoi.

Trên hẹp, dưới hẹp, giữa rộng cũng xấu, con cháu khó thành đạt hay gặp trắc trở.

Trên thẳng dưới thẳng mà sâu: rất tốt cho con cháu, đa đĩnh, trái lại trên dưới phẳng mà nông, con cháu long đong.

Nhân trung khuất khúc: tướng người bất tín; trái lại nhân trung ngay thẳng: tướng người trung nghĩa.

Ngay mà rủ xuống: giàu và thọ; có gân co lên: tướng hèn yếu.

Sáng như mảnh tre chẻ: lộc nhiều và danh vọng.

Nhỏ như cây kim: tướng người tuyệt tự và bần cùng.  
Trên có nốt ruồi đen: nhiều con trai.  
Dưới có nốt ruồi đen: nhiều con gái.  
Giữa có nốt ruồi đen: dễ lập gia đình, khó nuôi con.  
Có hai nốt ruồi đen: tướng dễ sinh đôi.  
Có thớ ngang: tướng vô hậu; có thớ dựng: phải nuôi con nuôi; có thớ dọc; đẻ con có tật kinh niên.

### MÔI

Môi là thành quách của miệng, cửa của lưỡi, khép mở đều quan hệ ở môi. Môi cần dày và nở góc, và sắc môi phải nhuận hồng mới tốt.

Môi đỏ như son: giàu có sang trọng.

Môi thâm như chàm: hoạn nạn yếu tướng.

Môi thâm sì ngả về màu đen: cực khổ và chết dữ.

Môi tía và sáng: nhân nhã đủ ăn đủ mặc.

Môi trắng và đẹp: có vợ quý.

Môi vàng ngả sang hồng: có quý tử.

Gân môi co: chết non.

Mỏng môi: bần tiện.

Môi trên dài: mẹ chết trước cha.

Môi dưới dài: cha chết trước mẹ.

Môi trên mỏng mà trắng: nói năng giao hoạt.

Môi dưới mỏng mà trắng: bần hàn lật đật.

Trên dưới đều dày: tướng người trung hậu.

Trên dưới đều dài: tướng người hèn hạ, hay nói lộng ngôn.

Trên dưới chằng che nhau: bần hàn trộm cắp.

Trên dưới xứng với nhau: tướng người nói năng ngay thẳng.

Môi rỗng; tướng giàu sang; Môi dê: tướng nghèo hèn.

Về môi tục ngữ có câu: “mỏng môi hay hót, dày môi hay hờn”.





### LƯỠI

Lưỡi phải ngay mà bén, dài mà lớn mới là tướng tốt.  
Lưỡi hẹp và dài: tướng người dối trá.  
Đầu bằng mà ngắn: gian truân và lật đật.  
Lớn và mỏng: tướng người càn bậy.  
Nhỏ và nhọn: tướng người tham lam.  
Lưỡi thè tới mũi: tướng vương, hầu.  
Lưỡi cứng như bàn tay: lộc tới khanh, tướng.  
Sắc hồng: tướng sang; sắc đen: tướng hèn.  
Sắc đỏ như máu: tướng giàu; sắc trắng bệch: tướng nghèo.  
Trên lưỡi có thớ thẳng: làm quan cao chức trọng.  
Trên lưỡi có vân dọc: làm tới thượng thư.  
Vân lưỡi có thớ quấn quanh: tướng rất sang.  
Lưỡi tươi mà đầy miệng: rất giàu.  
Trên lưỡi có nốt ruồi: ăn gian nói dối.  
Lưỡi như rắn: tướng độc địa.  
Lưỡi đứt như xẻ: hay gặp rủi ro.  
Chưa nói lưỡi đã đưa tới: hay lộng ngôn.  
Chưa nói lưỡi đã liếm môi: nhiều dâm dật.  
Lưỡi lớn miệng nhỏ: nói chẳng trót lời.  
Lưỡi nhỏ miệng lớn: con người lém lỉnh.  
Lưỡi nhỏ mà ngắn: nghèo nàn.  
Lưỡi lớn mà dài: tướng quan sang.

### RĂNG

Tục cho rằng răng là tinh hoa của trăm cốt, giáo mác của miệng, răng vận hóa muôn vật để nuôi sáu phủ.

Răng phải lớn và khít, dài mà thẳng, nhiều mà trắng mới tốt.

Vững chắc thật khít: tướng trường thọ.

Quanh rôi mọc chông: tướng giáo hoạnh.

Lộ ra: tướng chết bất thành linh.

Thừa hở: tướng bản bạc.

Ngắn khuyết: tướng ngu hèn.

Khô se: ngang yếu, chết non.

Nói chẳng hở răng: giàu sang.

Đang cường tráng rụng răng: kém thọ.

38 răng: hiếm và quý tướng vào bậc vương hầu quốc trưởng.

36 răng: trào quan, cự phú.

32 răng: phúc lộc bậc trung.

30 răng: bình thường.

28 răng; nghèo hèn.

Sách tướng nói vậy, chứ người ta thường chỉ có 32 răng, họa hoàn mới có người mọc thêm hai chiếc.

Răng sáng trắng: người tính việc gì được việc ấy.

Răng vàng ủng: người làm gì hỏng nấy.

Răng như ngọc trắng: tướng cao quý.

Răng như bạc nung: tướng thanh nhân có chức tước.

Răng đều như hạt lựu; có phúc lộc.

Răng như mũi gươm: tướng trung thọ.

Răng như gạo nếp: tướng cao thọ.

Răng như trái dâu: tướng mạng đoản.

### *TAI*

Tai ăn vào óc, chuyển tiếng động tới óc, theo sách tướng là ty thuộc của trái tim, là dinh hậu của thận; bởi vậy khi thận vượng tai trong mà thông, khi thận yếu tai đục mà tối.

Tai dày dặn mà chắc, cao vót mà dài: tướng thọ.

Vành trong vành ngoài phân minh: thông minh.

Giải tai trễ xuống, tai ngửa lên: có của và sống lâu.

Tai dán vào thịt: phú túc.

Tai mọc lông bên trong: tướng thọ.



Tai có nốt ruồi: thông minh và sinh quý tử.  
Cửa tai rộng: tướng người tri thức.  
Hồng mà nhuận: tướng có công danh.  
Đỏ hay đen: tướng nghèo hèn.  
Tai mỏng, ngoảnh về đằng trước: tướng người phá sản.  
Tai lật mà lệch nghiêng: tướng người vô gia cư.  
Tai bên lớn bên nhỏ: hay gặp rủi ro.  
Tai như xách lên: tiếng dậy bốn phương.  
Tai rủ xuống vai: quý tướng vô cùng.  
Tai trắng như nét mặt: tiếng mãi thiên hạ.  
Tai tròn như con cò: thành gia lập nghiệp.  
Tai đen như hoa rụng: ly tổ phá gia.  
Tai mỏng như giấy: chết non.  
Tai như tai thỏ: nghèo nàn cùng quẫn.  
Tai như tai chuột: nghèo nàn lại chết non.  
Tai trở như bánh xe: tổ nghiệp bay như tro bụi.  
Tai dư hột châu: dư ăn dư mặc.

### TRÁN

Trán là Hỏa Tinh, các vị Thiên trung, Thiên đình, Thiên không đều ở trán. Do đó qua trán, người coi tướng sành có thể biết được sự quý tiện của một người.

Trán phải quang đặng khởi lên, cao vót mà rộng ra mới tốt. Trán tụ lên đỉnh đầu là tướng tuyệt sang của các vị thiên tử, quốc trưởng.

Bề cao dựng như bức vách đứng, bề rộng khum như gan úp, sáng mà rộng, vuông mà dài: tướng cao quý và trường thọ.

Trán không nên lệch, lệch phía tả thì mồ côi cha, lệch phía hữu thì mồ côi mẹ. Trên trán có những hình vân, mỗi vân chỉ mỗi phương diện, sang hèn giàu nghèo tùy theo vân.

### LƯƠNG QUYỀN

Lưỡng quyền tức là hai gò má. Đây là Đông nhạc và Tây nhạc giúp Thổ tinh (mũi) hành vận. Không có lưỡng quyền vận giữa chẳng phát đạt, giàu có mũi cũng không có chi giúp, ắt trong hai gò má có thịt mà cao vót lên.

Gò má cao: làm việc có quyền.

Gò má thấp: làm việc bình thường.

Không có thịt bọc: tính người ngang trái.

Lộ quá thì khắc sát: đàn ông khắc vợ con, đàn bà khắc chồng con.

Gò má như phá vỡ: yếu thọ.

Gò má như lật lại: tính người ương ngạnh.

Ứng thũng hay tối đen: bị hình phạt, cướp bóc.

Lộ xương: hay làm bậy.

Lõm thấp: vô quyền.

Bên cao bên thấp: tính tình bất định.

### MẮT

Mỗi bộ phận trên mặt từ mắt, mũi, tai gò má đều có tướng riêng, nhưng người xem tướng cần phải biết phối hợp tướng các bộ phận này lại với nhau để đưa ra một kết luận chung, do đó việc xem tướng toàn diện bộ mặt là cần thiết.

Ta có câu *khôn ngoan hiện ra nét mặt, què quặt hiện ra chân tay*, cho nên nhìn qua bộ mặt người ta biết ngay kẻ khôn người dại, kẻ lành người dữ, kẻ hay người dở.

Theo sách tướng thì nói rằng: *Bày linh vị của trăm bộ, thông thần lộ của năm phủ, suy thành tượng của ba tài, định đắc thất của một thân là mặt đó.*

Trên mặt, ngũ nhạc, tứ độc phải châu nhau, ba đình mọi bộ phải đầy đặn mới là tướng tốt.

Mặt ngay thần định là tướng quý; vẹo xéo lệch lạc là khuyết hãm.



Vẻ mặt tối sẫm, diện mạo xú ác là tướng bản tiện.

Những mặt sắc trắng như đong mỡ, đen như màu sơn, vàng như trái nường đều là tướng đại phú quý.

Sắc mặt đỏ dữ là mạng đoản; màu lông lươn rươn tối đục khô ráo, không gió mà như có bụi là tướng nghèo mà lại chết non; sắc mặt giận biến thành xanh xám là tướng người độc ác.

Mặt như trăng đầy, thanh tú mà thần thái chiếu qua người khác, kêu là dáng mặt sớm mai là tướng quý lắm, đàn ông làm nên công khanh, tướng soái, đàn bà làm nên hậu phi phu nhân.

Da mặt dày là tướng người thuận hòa hiếu hạnh; da mặt mỏng là tướng người nhanh nhẹn nhưng nghèo.

Người béo mặt gầy là tướng người chậm chạp nhưng thọ.

Mặt trắng người đen: tướng người hèn.

Mặt đen người trắng: tướng người sang.

Mặt như trái dưa vàng là tướng vinh hoa phú quý; mặt như trái dưa xanh là tướng thánh triết hiền hòa.

Trên là mấy điểm chính xem tướng mặt, và dưới đây là mấy khuôn mặt kiểu mẫu:

*Mặt tướng oai mãnh:* Thần sắc nghiêm túc, chẳng giận mà oai, người coi thấy tự nhiên sợ. Một đời chẳng bợ người cũng chẳng khinh người. Hưởng vinh hoa phú quý tới già.

*Mặt tướng thanh tú:* Tuấn nhã như nhánh quế, như phiến ngọc Côn Sơn; tướng bậc thánh hiền. Nếu thanh mà không có vẻ trung hậu là tướng bản hàn.

*Mặt tướng cổ quái:* Cốt lộ, mi hàn là tướng khí khái không hèn. Tướng cổ quái mà cổ không thanh là tướng kẻ dữ.

\*

\* \* \*

Đại để xem tướng, người ta thường xem tướng mặt qua ngũ nhạc, tam phủ, tam tài... rồi xem từng bộ phận, lại xem tướng mặt toàn diện.

Ngoài mặt ra người ta còn xem tướng chân tay, nhất là tướng tay với các đường tay, các vân trên bàn tay. Người ta lại xem tướng nốt ruồi, tướng đi đứng, tướng ăn nói tướng cử chỉ, nghĩa là trong mọi hành động đều có thể lộ ra tâm tính sự nghiệp của con người được.

Có nhiều thầy tướng lại coi cả tướng đầu, tướng tóc và tướng các chỗ hiểm như âm nang của đàn bà, dương vật của đàn ông, và tướng đường cốt đạo tức lỗ hậu môn.

Về những chỗ hiểm này, sách tướng có nói rằng âm nang và dương vật là cội rễ của tính mạng. Âm nang nên đen, vân nên nhỏ mà chắc là quý. Âm như lửa là tướng sinh con quý, lạnh như băng là tướng ít con. Còn về dương vật nhỏ, trắng và cứng là tướng quý; lớn, dài, đen lại yếu là tướng hèn. Qui đầu nhỏ thì vợ tốt con tốt.

Sách tướng cũng nói đến cốt đạo và rằng đây là cửa sau của năm tạng. Cốt đạo không nên lộ, cần được hai móng giáp nhau chẳng hở mới tốt, cốt đạo lộ là tướng chắc chắn nghèo hèn. Có lông là tốt, không lông là hèn. Đi tiêu chậm tốt, mau là tướng nghèo. Lại nói thêm: cốt lộ là đồ thủ dụng kỳ diệu, phải sâu kín mới là người sang.

Sách tướng thì nói nhiều lắm và các nhà tướng số mỗi khi xem tướng nói ra lại càng nhiều hơn, muốn biết kỹ lưỡng cần phải nghiên cứu những pho sách tướng hoặc đến hỏi hẳn những ông thầy tướng. Ở đây, mục đích chỉ nêu lên để bạn đọc có một ý niệm về tướng số, nên mấy trang này đối với tập sách có lẽ cũng đã quá dài, nhưng không nói đến e chưa nói đủ về những điều mà ta gọi là mê tín dị đoan.

Bởi vậy, xin ngừng ở nơi đây để bước sang chương khác.



## LOÀI VẬT VỚI MÊ TÍN DỊ ĐOAN



Khi nói về đạo thờ Thần, tôi đã từng trình bày là nhiều loài vật được thờ cúng vì đã có công giúp đỡ con người, và sự thờ phụng đây chỉ là một sự trả ơn của loài người.

Chính ra tại Việt Nam, Long, Ly, Quy và Phượng được coi là bốn linh vật và thường được thờ phụng tại các đền, chùa miếu, hình các linh vật này được khắc vào cột đình, cột điện, vào các bức hoành, vào các xà ngang, vào các lư hương; rồng quấn vào cột, rùa đội bia, ly đứng trên đỉnh trâm, phượng cặp cuốn thư v.v...

Tại nhiều chùa, ngoài cửa, ngoài các phỗng đá còn có những hàng chó đá cũng được hưởng sự hương khói của nhà chùa và của dân làng. Có nhiều đền thờ riêng một con ngựa hoặc con chó có nghĩa, lại có đền thờ thần rắn. Tôi tưởng không cần nhắc lại ở đây việc thờ thần Hồ.

Tại các điện thờ chư vị, nhất là điện thờ các ông Hoàng bà Chúa Thượng Ngàn, ta thường thấy ở hai bên hàng xà kèo có cặp rắn trắng rất lớn màu đỏ, mà các đệ tử gọi là ngựa ngài, tức là cặp rắn là cặp ngựa để ngài cưỡi.

Các đệ tử con hương thường thuật lại tại các đền thờ ông Hoàng bà Chúa ở đường rừng, hay có những cặp rắn có mào thật bò ra quấn lấy kèo lấy cột ở trong đền, khác hẳn với các đền, điện miền xuôi, cặp rắn chỉ là đồ mã.

Cũng còn được gọi là ngựa Ngài, những cặp bướm sắc sỡ thờ ở trong đền, và người ta cũng bảo rằng tại nhiều đền có những con bướm thật đẹp, màu ngũ sắc rất đẹp tới đậu vào chậu cây trước bàn thờ để chờ Ngài cười.

Nói về rắn, phải kể tới loại rắn biển, tức là con đèn cũng được dân ta ở ven miền duyên hải kính sợ tôn thờ và gọi bằng Ông.

Đèn có nhiều loại, loại dân chài hay gắp gọi là đèn hèo. Đèn hèo là Chúa các loài rắn biển; cũng như Bạch hổ là chúa sơn lâm. Đèn hèo dài chừng ba thước màu vàng nhạt có những vành đen khác nhau hai phân.

Trên đầu đèn hèo có chữ Nhâm. Đèn hèo bơi lội nhanh như chớp. Các cụ cho biết là “Ông”, tiếng xưng hô kính trọng của dân chài đối với đèn hèo, rất hiền lành, nhưng đã cắn ai thì vô phương cứu chữa. Các ngư phủ tôn kính đèn hèo không bao giờ dám xúc phạm tới trong khi hành nghề.

Cũng là đèn, phải kể đến bà Lạch tức là bà Chằng lạch và bà Mộc, được gọi là Mộc trụ thần xà.

Bà Lạch có hình thù giống rắn, có mào đỏ như mào gà dính liền với một chữ Nhâm. Theo dân chài, bà Lạch chỉ xuất hiện mỗi khi bị ngư phủ nào vô tình xúc phạm đến danh tánh trong lúc hành nghề.

Bà Mộc tức Mộc trụ thần xà được tục cho là Thủy thần, và mỗi khi bà chết được dân chúng trịnh trọng chôn cất. Bà Mộc hình thù rất đẹp, lưng đen bụng vàng, miệng đỏ, trên đầu có chữ Nhâm và ở đuôi có ba chấm trắng như mặt nguyệt, mình dài đúng một thước ta gọi là Mộc, do đó có danh từ bà Mộc.





Còn có các loại đèn khác, ngoài mấy loại trên như đèn kim, đèn giẻ rách, đèn lịch bùn, đèn lịch cát v.v..., nhưng không được dân chài tôn thờ.

Loài thủy vật được dân ta tôn thờ còn có cá Ông. Ai có dịp đi qua các làng duyên hải sống về ngư nghiệp với biển cả, thường thỉnh thoảng bắt gặp những ngôi miếu được dân làng săn sóc hương khói: đó là miếu cá Ông, như ở Vàm Láng xã Kiến Phước, thuộc tỉnh Gò Công. Trong miếu thường có hài cốt của cá Ông được dân làng giữ gìn rất kính cẩn. Trong những ngày tuần tiết sóc vọng, dân làng thường mang đồ lễ tới những miếu này để cầu khẩn cá Ông phù hộ cho đi biển gặp may mắn.

Nói về cá Ông, các cụ thường kể lại câu chuyện cá Ông cứu Nguyễn Ánh đang bôn tẩu. Có một lần nhà vua đang đi thuyền ở ngoài khơi bỗng gặp mưa bão trăm phần nguy ngập. Vừa hay lúc đó, có một cặp cá Ông cặp hai bên thuyền đưa nhà vua vào bờ ở Vàm Láng. Nhờ đó nhà vua thoát hiểm. Nhà vua liền phong cho cá Ông làm Nam hải Đại vương.

Về cá Ông, các nhà lão luyện đi biển cho biết không phải là cá Voi. Cá Ông và cá Voi khác nhau, rất dễ phân biệt ở ngay hình thức: cá Voi đuôi chỉ có hai chĩa, còn cá Ông đuôi có ba chĩa như đuôi tôm. Hơn nữa da cá Ông láng như lĩnh, như sa tanh, trong khi da cá Voi nhầy nhụa nặng nề.

Cá Ông, khi chết thường hay giạt vào bờ, và người dân miền duyên hải bắt gặp xác cá Ông là họ kính cẩn tổ chức đưa đám để tỏ lòng biết ơn cá Ông thường hay cứu giúp dân chài gặp nạn ngoài biển cả. Đã nhiều nhà thuyền chài gặp bão được cá Ông cứu giúp đưa thuyền vào bờ.

Đám tang cá Ông được tổ chức rất long trọng với đủ nghi lễ của một đám táng. Người bắt gặp xác cá Ông đầu tiên phải

sô gai chống gậy như đôi vói bậc phụ mẫu của mình. Tất cả dân chài lưới ở xã liên hệ đều đưa đám tang.

## NHỮNG ĐIỀU KIÊNG KỶ VỀ LOÀI VẬT

Ở trên mới nói tới sự thờ kính của dân ta đối với một số các loài vật, giờ đây xin đề cập tới những sự kiêng kỵ của ta về loài vật.

Tục ta tin rằng một con vật nuôi ở trong nhà có thể có ảnh hưởng hay dở đối với chủ nuôi. Do vậy, mỗi khi mua một con vật để nuôi, ngoài hình thức thông thường, người ta còn xem con vật một cách tỷ mỉ để tránh những đặc điểm có hại cho người nuôi.

Về ngựa người ta tránh những con có xoáy *song kiếm* nghĩa là xoáy ở nơi cổ. Xoáy này là *xoáy phạm chủ*. Trái lại, người ta kén những con ngựa có xoáy ở giữa trán trên đường lằn nổi liền hai tai, vì đây là những con ngựa có giá trị. Nếu xoáy ở dưới đường lằn con ngựa, là con ngựa tốt, nhưng nếu xoáy ở trên đường lằn, con ngựa lại càng tốt hơn. Tục ngữ có câu *Nhất trời nhị trụ* là để chỉ xoáy của loài ngựa này.

Con ngựa nào ở giữa trán có một chòm lông kết như bông lúa ngồng đầu lên trên, là một con ngựa nguy hiểm có thể đem tới cho chủ nhân đủ mọi thứ tai nạn. Nếu đầu bông lúa chĩa vào người cưỡi ngựa, người này sẽ bị mục tật. May mắn mà đầu bông lúa chĩa xuống đất, con ngựa sẽ là con ngựa tốt.

Nếu ở giữa hai bên sườn ngựa có hai chòm lông rõ rệt, ấy là điềm tốt; tuy nhiên nếu hai chòm lông lại ở về mé trên sườn, đó lại là điềm xấu.

Cả đến đuôi ngựa, người cưỡi ngựa cũng cần lưu ý.

Cưỡi ngựa nếu đuôi ngựa quất tới người, người chiến sĩ sẽ tử nạn khi lâm trận, còn người làm việc sẽ mất chức.



Ngựa lại có ngựa loại hồ tâu. Người sành xem tướng ngựa có thể biết con ngựa nào hồi tâu. Ngựa hồi tâu là con ngựa nhớ chuồng, thường bất thần quay lại chuồng, không nghe sự điều khiển của người cưỡi.

Quân tướng cưỡi ngựa, khi ra roi ngựa không chịu đi là điềm gỡ, có thể bị nguy khốn tại trận.

Về trâu, người ta cũng xem xoáy trâu mỗi khi mua bán trâu; các lái trâu thường tạo nên những xoáy giả, hoặc tìm cách làm biến những xoáy xấu đi trong lúc bán con trâu. Họ dùng nước com trong việc này.

Về trâu ca dao có câu:

*Tóc tang, khoanh nạng, vành trung  
Có ba lỗi ấy xin đừng có mua.*

*Tóc tang* nghĩa là lông mọc hỗn độn, khoanh nạng thì ở cổ có vết như cái chĩa, vành trung là sừng mọc lộn.

Con trâu có lưỡi đen sẽ chết về bệnh dịch; con trâu có đuôi trắng và tẽ, làm cho chủ suốt đời lận đận. Con nào có vành trắng chung quanh cổ thì sợ nắng. *Trâu trắng đi tới đâu mất mùa tới đó.*

Nói đến trâu, phải nói đến bò.

Tục tin rằng những con bò sinh trong tháng ngộ chi giết thịt là tốt, đúng như tục ngữ đã nói: *bò đẻ tháng năm, không bằm thì thui.*

Tục cũng tin rằng, con bò mẹ lúc đẻ mà ăn nhau thì lứa này sinh bê nào, lứa sau lại sinh bê nấy, bởi vậy nên chủ bò nếu ưa bò đực, khi bò cái sinh bê đực, cho nó ăn nhau của nó, lứa sau nó lại sinh bê đực. Khi bò đẻ, nếu nhau chặm ra, cho nó ăn lá *duối*.

Nếu chẳng may bị bò giẫm lên chân, thì chân nào bị giẫm lại lấy chân đó giẫm lại lên móng bò và nói: *Mày giẫm chân tao, tao giẫm chân mày*, như vậy sẽ khỏi đau và nếu có bị thương cũng mau lành.

Nuôi lợn người ta kén lứa, thường từ lứa thứ ba, hai lứa đầu nuôi không được béo. Ta lại có tục, trước khi thả lợn vào chuồng kén người khỏe mạnh hay ăn, để lợn cũng hay ăn chóng lớn để nuôi. Người ta lại *đốt vía* để xua đuổi vía dữ đã ám ảnh con lợn trong khi chúng bị bày bán ở chợ. Người ta lại dùng ngón tay trở bên phải đánh dấu vôi lên vai con lợn. Khi lợn đã thả vào chuồng, người ta treo trước cửa chuồng một cành gai để ngăn cản tà ma.

Đang nuôi, lợn chê cám, người ta cũng cho là gặp vía dữ, người ta *đốt vía*, hoặc người ta làm lễ cúng rồi dán vào chuồng lợn mấy chữ *Khuong Thái Công tại thử*.

Người ta cũng tránh không nuôi những con lợn ngũ trảo, nghĩa là có năm móng chân rõ rệt, cho rằng đây là những hồn ma hình lợn, nuôi gặp không may và kẻ nào giết thịt con lợn ngũ trảo sẽ bị chúng theo báo oán.

Khi tự nhiên ở đâu một con lợn lạc loài tới nhà mình, đó là nó báo trước một điềm bất tường mà người ta chỉ có thể tránh được bằng cách chặt đuôi con lợn đó, đem đặt ở trước cửa nhà bếp, mé đuôi chúc xuống.

Nuôi chó, người ta kén những con *tứ túc huyền đề*, nghĩa là bốn chân đều có móng thừa. Nuôi những con chó này được phát tài.

Trái lại, không nên nuôi chó trắng, nhất là chó trắng mũi đỏ.

Tục cho rằng đây là một *yêu khuyến*. Giống chó này tuy mang hình chó, nhưng khi chủ vắng nhà, nó nhảy lên nằm võng đưa như người, và những đêm thanh vắng, sáng trăng suông nó sẽ đội nón, chống gậy đi trên mái nhà bằng hai chân sau như người. Nó sẽ tìm gặp những yêu ma để tỏ rõ hết mọi sự trong nhà và xúi giục ma quấy rầy nhà chủ, gây bệnh hoạn làm đau ốm các người trong gia đình.

Nếu chó trắng là bạn của yêu ma, chó đen lại kỵ yêu ma. Những phụ nữ hữu sinh vô dưỡng khi sinh thường lấy máu chó



đen vẩy ở quanh bụng để để tà ma không dám tới, nhất là để kỵ giặc Phạm Nhan. Theo ông Nghiêm Thẩm, thì các sản phụ này phải ăn thịt và dồi chó đen và còn phải chôn ở dưới chân giường xương chó đen nữa. Phải kén chó đen tuyền mới hiệu nghiệm.

Chó đen có bốn chân trắng nuôi cũng không tốt.

Chó trắng mà đầu vàng, đuôi vàng nuôi lại có lợi.

Khi chó lê tròn là điềm gở trong nhà, phải bán hoặc làm thịt ngay con chó ấy đi để tránh tai họa.

Chó cái sinh toàn chó cái hoặc chỉ có một con cũng là điềm gở cũng báo sự đau ốm hoặc thất tài của chủ nhân. Trong trường hợp có con độc nhất, người ta phải ném nó qua nóc nhà, nếu rơi xuống nó vẫn sống thì có thể nuôi được.

Người ta không nuôi chó quá sáu năm. Già quá, hoặc nó sẽ thành tinh, hoặc nó sẽ đem đến những điều bất lợi cho chủ. Chó già quá sáu năm người ta đem làm thịt gọi là hóa kiếp để nó đầu thai đi kiếp khác.

Chó cắn lại chủ không nên nuôi, phải làm thịt ngay.

Chó có thể hóa điên, chó điên cắn người ta sẽ chết. Muốn chữa phải dùng một con mèo già nhỏ luyện với một số các lá cây để làm thuốc.

Những con chó nằm có dáng như con thạch sùng, nghĩa là hai chân trước duỗi về đằng trước, hai chân sau duỗi về đằng sau, nuôi có lợi cho chủ.

Con chó tứ túc mai hoa, nghĩa là ở bốn chân, phía trên bàn chân có đốm trắng hoặc vàng trông như hoa mai, nuôi tốt.

Ban đêm nếu dung không mà chó sủa, đó là chó cắn ma. Nếu đêm hôm nguyên đàn chó sủa nhiều, năm đó sẽ không yên vì hoặc có giặc giã hoặc có bệnh thời khí.

*Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì giàu.* Tự nhiên có chó lạ đến nhà mình ở là điềm cực vượng, còn mèo mà đến thì xấu lắm, nhất là khi mèo lạ tới nhà mình để.

Mèo sinh xong nó ăn liền nhau của nó. Nếu nó không ăn nhau bỏ lại, nhà chủ sẽ đại phát tài.

Mèo lạ đến nhà kêu cũng không tốt, người ta thường đuổi ngay nó đi.

Nuôi mèo kén mèo đen tuyền sẽ trừ được ma quỷ.

Một con mèo toàn thân đen ở chỗ có điếm trắng sẽ kỵ chuột, chuột chỉ nghe tiếng kêu cũng đủ sợ.

Mèo đẻ không nên xem hoặc sờ đến con nó, vì nó sẽ tha đi nơi khác hoặc ăn hết lũ con.

Người ta cho rằng mèo bị rắn phủ, tức là mèo cái động dục với rắn sẽ sinh những mèo con rất đẹp.

Về loài gà cũng có nhiều điếm kiêng kỵ và mê tín.

Nuôi gà ác trong nhà sẽ trừ được ma quỷ. Gà ác là thứ gà nhỏ thịt đen, lông trắng, còn gọi là gà ri.

Ban ngày, nếu bỗng dung gà gáy là điếm gỡ. Phải lập tức giết thịt và đem quăng đầu gà thật xa để tránh những điếm không hay. Cần phải mời thầy cúng tới cúng giải.

Gà mái gáy là gáy gỡ. Gáy vào canh một là sẽ có hỏa tai, gáy vào canh hai sẽ có trộm cướp, như tục ngữ nói *canh một hỏa tai, canh hai trộm cướp*.

Người ta còn phân biệt, nếu gà mái gáy gỡ một tiếng ngắn, làng sẽ bị đạo tặc, nếu tiếng gáy kéo dài, chính chủ nhân sẽ bị tai họa.

Người ta thường vành mỏ gà ra xem, nếu lưỡi gà đỏ là điếm có cháy, nếu lưỡi gà trắng là có trộm cướp. Để giải trừ tai nạn, cần giết thịt con gà đem quăng đầu nó ra sông.

Làm thịt gà thường dùng nước sôi để vặt lông cho dễ, nhưng chỉ là nước lã đun sôi, nếu đem dùng nước đồ xôi mà làm lông gà, sau này trong nhà sẽ không nuôi được gà.

Về ngỗng, chủ nuôi khi xua nó ra đồng, kiêng không để chúng leo qua các ngôi mộ để tránh chúng khỏi mắc bệnh suyễn mà chết.

Khi có chim khách và chim bồ các kêu trước nhà, đó là điếm có khách xa tới.



Nuôi chim bồ câu, người ta làm chuồng sặc sỡ, chúng sẽ kéo chim lạ về. Làm chuồng chim phải làm trong mờng, nghĩa là từ mờng một đến mờng mười đầu tháng, chim mới ở; nếu làm ngoài mờng chim sẽ không ở. Hướng chuồng phải tránh hướng đông, theo tục ngữ *chuồng hướng đông, cái lông không còn*, nghĩa là chim sẽ bị chuột mèo bắt hoặc bị bệnh mà chết.

Trước khi cho chim ở vào một chiếc chuồng mới, người ta thường dùng một thứ gỗ thơm đốt để khử trừ tà quỷ chiếm cứ chiếc chuồng.

Chim bồ câu tự nhiên bỏ đi là điềm suy.

- Nhà nào có nhiều chuột, khi bị chúng phá hoại, không ai chửi rửa chúng, sợ chúng trả thù cắn hư hại hết quần áo.

Dương bầy bắt chuột, không được nói, chúng nghe tiếng, biết sẽ không mắc bầy.

- Dân nghiện thuốc phiện rất sợ rệp. Nếu rệp bò trên dọc tủ hoặc cái tiêm, người nghiện có thể bị nguy đến tính mạng.

Dân nghiện rượu cũng sợ rệp bò vào chén rượu vì uống rượu này có thể bị chết.

- Nhà nào có người bị cọp vồ là điềm xấu, không những riêng cho nhà ấy mà còn cho cả làng xã. Nhiều làng ở thượng du, khi trong làng có cọp vồ, người ta di dân đi nơi khác.

Vuốt cọp có tính cách kỳ tà ma. Người ta cho trẻ con đeo vuốt cọp ở vòng tay hoặc cổ.

- Cú, quạ, chim lợn kêu là báo hiệu sự chết chóc. Tục ngữ đã nói: Cú kêu ra ma. Cú đậu đâu đều bị người ta ném đá xua đuổi.

Đánh rắn phải đánh đập đầu, kéo quạ tới bón, rắn sẽ sống lại.

Người ta tin rằng đánh rắn ngày mờng năm tháng năm thì làm ăn phát đạt. Ngày hôm đó, người ta đi tìm rắn để đánh.

Người đi đánh bạc, giắt trong mình đầu con rắn đánh được ngày mờng năm tháng năm sẽ được bạc.

Ra đường gặp rắn chẵn ngang là điềm tốt; trái lại nếu gặp rắn đi ngược chiều với mình lại là điềm rất xấu, báo hiệu sự xui xẻo. Còn nếu rắn đi xuôi đường với mình cùng một chiều, mọi việc bình thường. Đang ăn có ruồi sa vào bát là điềm sắp có bổng cũng như gặp rắn chẵn ngang vậy. Tục ngữ có câu: thứ nhất ruồi sa, thứ nhì xà chẵn.

Nhện sa cũng là một sự báo tin, lành hay dữ tùy theo màu con nhện:

- Vàng mắng, trắng khen, đen mừng.<sup>(1)</sup>

Nhà nào có ong tới làm tổ, làm ăn sẽ phát đạt. Có chim tới làm tổ tại các cây trong vườn hoặc ở trước cửa nhà cũng là điềm hay.

Khi có con sọt vành (vạc sành), một loại châu chấu, kêu ở trước cửa nhà là có trộm đang rình. Thực ra, sọt sành không kêu mà chỉ cọ sát hai càng vào nhau kêu cạch cạch. Ta có câu “sọt sành là anh kẻ trộm”. Những điều kể trên về các loài vật, chỉ là những điều tục vẫn cho là như vậy. Đúng hay sai, còn tùy người suy nghiệm. Chắc hẳn còn nhiều điều khác nữa, nhưng rất tiếc kẻ viết không biết hết và cũng không có tài liệu để kê cứu thêm.

---

1. Tục ngữ.





# CÂY CỐI VỚI MÊ TÍN DỊCH ĐOAN



Đã nói tới loài vật, phải nói đến cây cối, vì nếu có những loài vật người ta thờ cúng, và có những sự kiêng kỵ đối với loài vật, thì cũng có những cây cối được hưởng sự hương khói và cũng có những sự kiêng kỵ đối với các loài thảo mộc.

*Thần cây đa, ma cây đề*, câu tục ngữ cho ta biết ở cây đa thường có thần, ta phải thờ cúng, và ở cây đề thường có ma. Ở những cây đa đã được coi là có thần, thường là các cô các bà cư ngụ, người ta thiết lập bàn thờ ở gốc đa, và ở các rễ cây, có treo la liệt những bình vôi, những bó vàng mã.

Người ta thường thuật lại rằng những đêm hôm thanh vắng, đi qua các cây đa, người ta bắt gặp các bà các cô đánh võng trên cành cây.

Cây si cũng có những rễ phụ như cây đa và cũng thường có bàn thờ thiết lập ở dưới gốc cây.

Những cây cổ thụ lâu năm, có thể thành tinh được, gọi là mộc tinh. Truyện thường được kể lại rằng, có nhiều cây cổ thụ khi bị đốn đã chảy máu, đó là cây đã thành tinh. Người

ta lại thường nhắc những truyện nhiều cây có tinh, có ma cư ngụ, và những tinh ma này thường phá rối mọi người nên bị trời trừng phạt: Cây bị sét đánh hoặc chết khô, hoặc sạt những cành cây lớn và có chảy máu.

Để trừ tinh ma trong cây, người ta yểm bùa hoặc đóng đinh lớn vào cây. Có người dùng xích sắt xích cây lại.

Những cây gỗ thành tinh, đem về xẻ ra làm nhà làm cửa, thường đêm nghe tiếng mộc tinh kêu ken két, hoặc kêu kệt như tiếng đũa vông. Đôi khi có những điềm quái gở hiện ra, người ta phải cúng yểm mới hết.

Trong đám tang có lễ phạt mộc để yểm trừ mộc tinh còn ẩn náu trong ván dùng làm áo quan.

Những cây có mùi thơm thường có thần linh hoặc ma quỷ tới ở.

Cây thị thường có ma. Dưới gốc thị cũng có miếu. Cây thị lớn ở dốc Hàng Kèn Hà Nội trước đây có một miếu thờ, gọi là miếu Gốc thị hàng Kèn.

Trong các rạp hát, người ta không cho bán thị, e rằng các linh thần thánh sư nghệ hát sẽ đi theo hàng thị. Một khán giả mang quả thị vào rạp hát, nếu bị phát giác, sẽ bị mời ra khỏi rạp ngay.

Cây đại cũng có ma, người ta không trồng ở gần nhà, mà chỉ trồng gần nơi đèn miếu. Hoa đại có mùi thơm, kéo ma quỷ tới, nhưng gần đèn miếu có các thần linh ma quỷ không dám tới.

Các tu sĩ để chống với sự hành hạ của xác thối thường thường sáng sáng hứng nước đêm đọng trong hoa đại đun pha trà uống.

Cây Phật thủ, hoa cũng có mùi thơm, và thường được giới vô hình lưu ý hay tới hái khiến cho hoa không kết quả được. Để xua đuổi các hồn ma, người ta chôn ở dưới gốc cây một mảnh ván hôi, mảnh ván lầy ở một chiếc áo quan cải táng.



Về cây có mùi thơm phải kể cây hoa lý thường được trồng trong vườn cảnh hoặc trước cửa nhà. Tục bảo rằng, nhà nào có cây hoa lý chết, nhà đó sẽ gặp nhiều điều không may.

Cây sen cũng có hoa thơm, hoa sen thường dùng để cúng Phật, vì hoa sen tượng trưng cho cái gì thanh khiết, *gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*.

Sen được trồng khắp nơi. Đầm ao nhà nào bỗng dưng có sen mọc nhiều lên gấp bội, nhà đó sẽ gặp may mắn. Nếu sen bỗng dưng lặn đi, nhà đó sẽ gặp không may.

Cây bưởi cũng có hoa thơm. Về mùa hạ, các bà các cô đi rắc hoa, nghĩa là đi gieo bệnh đậu mùa, thường lấy hoa ở cây bưởi.

Cũng là loại cây có hương thơm, cây đài bi lại kỳ ma quỷ. Ông Nghiêm Thẩm trong cuốn “Esquisse d’une étude sur les interdits chez les Vietnamiens” có nhắc lại câu chuyện của ông Pouchat đã kể:

Xưa có một người phải đi qua một khu rừng vào lúc chập tối, chợt bị một con ma đuổi theo. Người này cầm đầu cầm cổ chạy, nhưng sau một quá không chạy được nữa cố gắng chạy tới gốc một cây đài bi to lớn rồi leo lên. Người này thấy con ma bỗng nhiên đứng khựng lại, cách xa cây đài bi và bảo rằng:

Ngươi đừng tưởng ta sợ ngươi, chẳng qua là ta sợ cây đài bi ngươi leo lên ngồi đó!

Nói xong con ma rút lui. Người kia leo xuống bẻ mang theo một cành đài bi<sup>(1)</sup>. Húng láng là một thứ húng quý của làng An Lăng, tục gọi là làng Láng. Hái lá húng này phải ngồi xổm, nếu đứng cong lưng mà hái tức là thiếu sự kính trọng đối với cây, cây sẽ héo dần rồi chết.

Sự bất kính đối với cây cũng phải tránh khi hái hoa sen. Trong lúc hái hoa, không được cãi nhau hoặc nói những lời

---

1. Pouchat-Superstitions annamites relatives aux plantes et aux animaux.

thô tục, nếu không đâm sen sẽ tự lụn đi, và như vậy nhà chủ, như trên đã nói, sẽ chịu những sự không may.

Cũng là một cây gia vị như cây húng, cây lá sả có tính chất kỵ rắn, người ta hay dùng lá sả nấu thịt rắn.

Cây bóng nước, trong Nam gọi là cây móng tay cũng kỵ rắn, và cây này lại có tính chất cầm máu.

Cây mần tưới trừ được bệnh hạch và nhiều bệnh khác, bởi vậy người ta thường đeo một nắm lá mần tưới để tránh bệnh.

Cây mần tưới lại có tính cách trừ được mạt gà.

Cây ớt có tính cách sát trùng. Ngày đoan ngo, các hàng rượu nếp thường treo một túm ớt lên quanh gánh để trừ sâu bọ và giúp cho rượu nếp có thêm tính chất giết sâu bọ.

Cây trầu không rất khó trồng và dễ chết.

Ban đêm, người ta kiêng để người ngoài hái lá trầu.

Nếu cần phải hái, phải là người nhà ra hái và trước khi hái phải nói:

- Ta là chủ mi đây, đừng sợ, ta hái mấy lá!

Nếu để người ngoài hái lá trầu ban đêm, hoặc người nhà hái mà không nói câu trên, cây trầu tưởng là kẻ trộm tới hái sẽ phát hoảng mà chết. Đàn bà có kinh cũng không được hái lá trầu, vì sự ô uế bất kính làm cho cây trầu chết. Cây trầu chết chủ nhân sẽ gặp những điều rủi.

Đàn bà thấy kinh cũng kiêng không được hái hoa sen.

Cây mít có nhiều nhựa, nhựa mít lúc mới chảy ra trông như sữa. Các sản phụ dùng lá mít để rửa vú, mong có được nhiều sữa nuôi con.

Cây soan, trong Nam gọi là cây sấu đông, có tính chất kỵ mùi tanh hôi. Khi tới các đám tang, người ta giắt theo một nắm lá soan để tránh mùi hôi của xác chết và để chống lại những sự tai hại có thể có được vì mùi hôi này.

Đưa đám một người chết về bệnh thời khí trở về, người ta đốt lá soan lẫn với trấu để xua đuổi hơi độc.

Lá soan còn kỵ một lúa một ngô.



Người ta còn cho rằng những cây sắn trồng gần cây soan cũng như gần cây xương rồng, củ sắn thường có độc, ăn có thể bị chết được, vì rễ soan và rễ xương rồng truyền chất độc sang củ sắn, sắn tức là khoai mì trong Nam.

Cây dâu, trái với cây mít, làm cho sản phụ mất sữa. Sản phụ nuôi con kiêng không sờ tới cây, cành hoặc lá dâu.

Cây dâu trừ được tà ma. Tại các đền điện khi phụ đồng, thấy đồng dùng roi dâu để tra khảo ma quỷ.

Đối với các cây có quả, kiêng chỉ trở, vì chỉ trở làm cho quả thui đi, nhất là khi cây mới bói lần đầu tiên.

Hái quả, kiêng không ném từ trên cây xuống hoặc tung lên, vì người ăn sẽ bị đau xót.

Có nơi, kiêng dùng tay hái quả, vì như vậy trái cây về sau sẽ nhỏ đi, mất ngon và có khi cây không ra trái nữa. Phải dùng dao hoặc kéo cắt. Ông Nghiêm Thẩm có nhắc tới sự kiêng kỵ này tại các vườn cam Bồ Hạ, tỉnh Bắc Giang (Hà Bắc).

Ăn những trái dứa óng ánh ban đêm sẽ bị chết, vì đây là những trái dứa thành tinh. Có người lại cho rằng, những trái dứa này đã bị rắn ăn, truyền nọc độc sang.

Đàn bà có chửa nhất là chửa con so kiêng không hái các trái cây, vì nếu hái, cây về sau mỗi khi có trái, trái sẽ bị nứt.

Cỏ môi thường mọc từng bụi ở đầm, ở hồ. Người ta kiêng bơi thuyền lên đầm cỏ này vì người ta cho rằng trong đầm cỏ này có bè của vua Thủy Tề, sẽ làm đắm thuyền của họ.

Cây phù dung có những bông hoa sớm nở tối tàn, tượng trưng cho cái gì ngắn ngủi mau tan vỡ. Người ta không trồng phù dung ở gần nhà vì sợ rằng sự thịnh vượng của gia đình cũng ngắn ngủi. Người đàn bà sợ tình yêu của chồng không bền bỉ, có khi có thể thành giá bụa vì đời sống của người chồng cũng mau tàn.

Tre đặng ngà là một giống tre thiêng liêng với sự tích đức Thánh Gióng. Đàn bà sợ vào tre này sẽ không sinh sản gì

nữa. Đánh trẻ bằng roi tre đặng ngà, đứa trẻ sẽ bị đau đớn lâu hơn và có thể chết được. Tre đặng ngà không được dùng vào việc kiến trúc.

Lá gồi có tính cách kỳ thần trùng. Người chết gặp giờ nặng, được người nhà bỏ vào áo quan một tàu lá gồi để trừ thần trùng.

Lá gồi còn dùng để đốt vía cho trẻ con bị vía dữ mà đau ốm, hoặc cửa hàng bị vía dữ làm cho ế hàng.

Người ta tin rằng những lá cây hái buổi trưa ngày đoan ngo đều là những vị thuốc hay.

Cũng vào ngày đoan ngo, người ta có tục khảo cây lấy quả:

Những cây trồng đã lâu mà không có trái, đến ngày mồng năm tháng năm, người ta khảo cây. Một người trèo lên ngọn cây, một người ở dưới gốc. Người dưới gốc cầm dao đe dọa chặt cây và hỏi cây có chịu bói không, nghĩa là có chịu ra quả không.

Người trên cây van xin tha cho đừng chặt, và hứa sẽ xin ra quả. Người dưới gốc lại hỏi ra bao nhiêu quả thì người trên cây trả lời sẽ bói một số quả đầu tiên là bao nhiêu, câu trả lời tùy theo từng loại cây thường có quả lần đầu.

Người dưới gốc bằng lòng tha không chặt cây, nhưng để cảnh cáo, phạt bớt những nhánh ngang dọc.

Lạ lùng nhất là sau cuộc khảo cây này, cây thường có quả! Phải chăng cây đã đủ sức đẻ ra quả, hay vì có những nhánh bị chặt khiến nhựa cây tụ vào những cành khác nên cây có quả.

Và lại thường sau những cuộc khảo cây, người ta chăm bón xới cho cây nên cây bắt đầu bói.

Cây thủy mai hoa nhỏ và trắng bị coi là đem sự vô duyên tới cho con gái gia chủ.

Cây vạn niên thanh thường trồng ở trong nhà để chơi lá, nếu trở hoa là điềm không tốt cũng như nhà nào có bụi tre trở hoa thường gặp sự không may.



Cây hoa nhài tượng trưng cho sự lắng lơ. Người ta kiêng trồng ở trước cửa nhà để tránh sự trắng hoa của con gái.

Người ta kiêng chặt ngọn cây trồng trong sân trong vườn nhà, e con cháu không vươn lên được.

Cây hoa mười giờ bị coi là mang sự không may lại cho gia chủ, bởi vậy không ai trồng hoa này ở trong nhà.

Cây đào có tính cách trừ được ma quỷ, theo tích cũ: xưa ở dưới gốc cây đào lớn núi ĐỘ SỐC có hai vị thần là Thần Trà và Uất Lũy cai quản đàn quỷ. Quỷ nào làm hại dân gian bị trừng phạt ngay.

Ngày nay, ngày tết người ta cấm cành đào là để trừ ma quỷ, cành đào tượng trưng cho hai vị thần nói trên.

Cây kim giao kỵ độc. Dùng đũa kim giao không sợ ngộ độc. Ở trong vườn hoặc ở trước sân nếu có cây khô phải chặt ngay, để cây khô trong nhà không tốt. Nhiều khi gặp những cây xem chừng vì một lý do nào không sống được, người ta phải đốn ngay.

Các thầy ngải trồng cây ngải ở trong nhà, gọi là nuôi ngải để làm bùa.

Đối với cây dừa và cây cau, có một tục rất lạ: nếu trong nhà có người chết, những cây này cũng phải để tang. Người ta quấn vào thân cây một miếng vải hoặc một miếng giấy trắng. Có như vậy cây mới sống, nếu không chúng sẽ héo dần mà chết.

\*

\* \*

Trên đây chỉ là một ít điều về sự mê tín dị đoan liên quan tới cây cối. Ất hẳn còn nhiều nữa, nhưng vì không biết nên người viết buộc lòng phải tạm ngưng ở đây, cũng như đã tạm ngưng về các điều mê tín dị đoan liên quan tới các loài vật.





## PHẦN THỨ BA



# Lễ tiết



Thời tiết đổi thay từ nóng chuyển sang lạnh qua mùa mát, rồi từ lạnh chuyển sang nóng qua mùa ấm, khi mưa nhiều, khi nắng gắt, khi gió mạnh, khi sương mù.

Để phân biệt thời tiết từ tháng này qua tháng khác, từ tuần nọ sang tuần kia, người xưa phân biệt một năm làm hai mươi bốn tiết, những tiết này gọi là *nhị thập tứ khí*.

Có những tiết khí bắt đầu là cơ hội cho những ngày lễ, hoặc được gọi hẳn là ngày Tết như tiết Thanh Minh.

Những ngày lễ và ngày Tết này đều nằm trong *lễ tiết của ta*, cùng với nhiều lễ, nhiều Tết khác. Mỗi Tết, mỗi lễ có một nguồn gốc riêng, và tết lễ nào cũng đánh dấu một cái gì trong năm, hoặc kỷ niệm một việc gì của dân tộc. Trong những ngày tết lễ này, ta có cúng lễ, có khi là toàn quốc, có khi là riêng một địa phương, có khi lễ do Triều đình, có khi lễ do toàn dân cử hành.

Những lễ tiết này phản ánh một phần nào phong tục của dân ta và nói lên một khía cạnh của dân tộc tính của ta, đồng thời chứng tỏ trình độ văn minh, văn hóa qua những tục lệ cổ truyền do tổ tiên ta để lại và những tiết lễ đã nằm trong phần tín ngưỡng của dân ta. Tìm hiểu tín ngưỡng Việt Nam, chúng ta cần tìm những tiết lễ này:

*Tết Nguyên Đán*, Tết đầu năm.

*Lễ Động Thổ*, lễ cúng Thổ thần xin phép động đất cho năm mới.

*Lễ Khai hạ*, ngày mùng 7 tháng giêng. Sau lễ này là hết Tết mọi hoạt động bình thường trở lại.

*Lễ Thượng Nguyên*, ngày lễ Phật, vào rằm tháng giêng.

*Lễ Hạ điền*, còn gọi là Tịch điền, lễ cấy lúa, vào một ngày đầu năm.

*Tế Thần Nông*, cử hành vào ngày Lập Xuân để tế vua Thần Nông.

*Xuân Tế*, buổi tế đầu năm vào ngày Đinh đầu tháng hai.

*Lễ Khai ấn*, lễ khai dụng ấn tín trong dịp năm mới, thường cử hành vào ngày Khai hạ. Tết Hàn Thực, mùng 3 tháng ba.

*Tết Thanh Minh*, 15 ngày sau tiết Xuân Phân, có lệ tảo mộ.

*Lễ Kỳ an*, đầu mùa hè, cùng gọi là lễ cầu an.

*Tết Đoan ngọ*, mùng 5 tháng Năm, có tục giết sâu bọ.

*Lễ Thất tịch*, mùng 7 tháng bảy, còn gọi là lễ Ngâu.

*Lễ Trung nguyên*, xá tội vong nhân, rằm tháng Bảy.

*Thu Tế*, buổi tế mùa thu, ngày Đinh đầu tháng tám.

*Lễ Thượng Điền*, vào dịp lúa đã chín.

*Tết Trung Thu*, tết của trẻ em, rằm tháng tám.

*Lễ Trùng Cửu*, mùng 9 tháng chín.

*Lễ Trùng Thập*, mùng 10 tháng mười.

*Lạp Tết*, mùng 2 tháng chạp, buổi cúng lễ cuối cùng của năm.

*Tết Táo Quân*, 23 tháng chạp.

*Lễ Trừ Tịch*, cử hành lúc giao thừa, đón năm mới, tiễn năm cũ.



# TẾT NGUYÊN ĐÁN



Tết Nguyên Đán là tiết lễ đầu tiên của năm bắt đầu từ lúc giao thừa với lễ trừ tịch.

Nguyên là bắt đầu, Đán là buổi sớm mai. Tết Nguyên Đán tức là tết bắt đầu năm, mở đầu cho một năm mới với tất cả mọi cảnh vật đều mới mẻ đón xuân sang.

Năm mới đến, những sự may mắn mới cũng đến, và bao nhiêu những điều đen đui không may của năm cũ đều theo năm cũ mà hết.

Theo Trung Quốc sử, âm lịch có từ đời nhà Hạ và lấy tên mười hai chi đặt cho mười hai tháng.

Tháng Dần là tháng giêng được chọn mà tháng đầu năm và người ta ăn Tết Nguyên Đán vào đầu tháng Dần.

Về sau đến đời nhà Ân, có thay đổi lấy tháng Sửu làm đầu năm, rồi đến đời nhà Chu sửa lại lấy tháng Tý, kịp đến đời nhà Tần, Tần Thủy Hoàng lại sửa nữa lấy tháng Hợi, nhưng đến đời vua Hán Vũ Đế, đầu năm lại bắt đầu từ tháng Dần như đời Nhà Hạ, và từ đó không có sự thay đổi nữa.

Thực ra Tết Nguyên Đán bắt đầu vào tháng Dần là rất phải, vì lúc đó mùa đông vừa qua, tiết lạnh vừa hết, ngày xuân ấm áp tới, đem lại hoa cỏ đua tươi khiến cho con người cũng hầu như biến đổi cả tâm hồn sau một năm làm ăn vất vả.

Người người vui vẻ đón mùa xuân mới, lòng chứa chan hy vọng ở những sự may mắn mới. Ai cũng vui, nên không ai bảo ai, gặp nhau người ta đều cầu chúc cho nhau những điều tốt đẹp: Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh.

## GIAO THỪA

Tết Nguyên Đán bắt đầu từ lúc *giao thừa*.

Lễ trời đất có thủy khởi phải có tận cùng, một năm đã bắt đầu ắt phải có hết, bắt đầu từ lúc giao thừa, cũng lại hết vào lúc giao thừa.

Giao thừa là gì? Theo “*Hán Việt Từ Điển*” của Đào Duy Anh nghĩa là *cũ giao lại, mới tiếp lấy*. Chính vì ý nghĩa ấy, nên hàng năm vào lúc giao tiếp giữa hai năm cũ mới này, có *lễ trừ tịch*.

## LỄ TRỪ TỊCH

*Trừ tịch* là giờ phút cuối cùng của năm cũ sắp bắt qua năm mới, giữa giờ Hợi ngày 30 hoặc nếu tháng thiếu, thì ngày 29 tháng Chạp năm trước và giờ Tý ngày mùng một tháng giêng năm sau.

Vào lúc này, dân chúng Việt Nam, tuân theo cổ lễ có làm *lễ trừ tịch*.

Ý nghĩa của lễ này là đem bỏ đi hết những điều xấu dở cũ kỹ của năm cũ sắp qua để đón những cái mới mẻ tốt đẹp của năm mới sắp tới.

Lễ trừ tịch theo người Tàu, còn là một lễ khu trừ ma quỷ. Tục Tàu xưa vào ngày trừ tịch, tức là ngày 30 Tết có dùng 120 trẻ con trạc 9, 10 tuổi, mặc áo thâm, đội mũ đỏ, cầm trống vừa đi đường vừa đánh để khu trừ ma quỷ, do đó có danh từ *trừ tịch*.





Buổi lễ giao thừa tại đình làng.



Ngày Tết gia đình sum họp.



*Bàn thờ Phật tại một ngôi chùa miền Nam trong ngày Tết.*



*Hoa chợ Tết ở Saigon.*





Lễ trừ tịch cử hành vào lúc giao thừa nên lễ này còn mang tên là *lễ giao thừa*.

## CÚNG AI TRONG LỄ GIAO THỪA

Phan Kế Bính trong *Việt Nam Phong Tục* viết:

*Tục ta tin rằng mỗi năm có một hành khiển coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao công việc cho thần kia, cho nên cúng tế để tiễn ông cũ và đón ông mới.*

Cúng tế cốt ở tâm thành, và lễ cúng vào giữa nửa đêm nên dựng về thần bí trang nghiêm. Cựu vương hành khiển bàn giao công việc cho tân vương thay đức Ngọc Hoàng để coi sóc nhân gian trong một năm cho đến giờ phút giao thừa năm sau.

Lễ trừ tịch bao hàm một ý nghĩa trọng đại, *tổng cựu nghinh tân*, nên lễ được cử hành rất trịnh trọng từ tư gia tới các đình chùa. Những năm về trước, trong giờ phút này, chuông trống đánh vang, pháo nổ luôn không ngớt, truyền từ nhà này sang nhà khác, khắp kẻ chợ, nhà quê.

## SỬA LỄ GIAO THỪA

Tại các đình, miếu, cũng như tại các tư gia, lễ giao thừa đều có cúng mặn. Các ông thủ từ lo ở đình, miếu, còn tại các tư gia do người gia trưởng trừ liệu.

Xưa kia người ta cúng giao thừa ở đình, ông Tiên chỉ hoặc thủ từ đứng làm chủ lễ, nhưng người ta cũng cúng giao thừa ở thôn ở xóm nữa.

Lễ giao thừa ở các thôn xóm được tổ chức hoặc tại các văn chỉ nếu văn chỉ làng xây tại xóm, nếu không thì cũng tổ chức ngay ở tại điểm canh đầu xóm. Ở đây, vị được cử ra làm chủ lễ là vị niên trưởng hoặc vị chức sắc cao nhất trong thôn xóm.

Bàn thờ được thiết lập ở giữa trời.

Một chiếc hương án được kê ra, trên hương án có đỉnh trầm hương hoặc bình hương thấp tòa khói nghi ngút. Hai bên đỉnh

trâm hương có hai ngọn đèn dầu hoặc hai ngọn nến. Lễ vật gồm chiếc thủ lợn hoặc con gà, bánh chưng, mứt kẹo, trầu cau, hoa quả, rượu nước và vàng mã, đôi khi có thêm cỗ mũ của Đại Vương hành khiển. Lễ quý hồ thành bất quý hồ đa, nhưng dù nhiều hay ít, lễ vật bao giờ cũng phải gồm có vàng hương, vàng lá hay vàng thoi tùy tục địa phương, và nhất là không quên được rượu, vì vô tửu bất thành lễ.

Lễ vật được trần thiết trên hương án trước giờ trừ tịch.

Đến giờ phút này, chuông trống vang lên, ông chủ tế ra khấn lễ, rồi dân chúng kẻ đó lễ theo, với tất cả sự tin tưởng ở vị tân vương Hành khiển, cầu xin ngài phù hộ độ trì cho được một năm may mắn, bao nhiêu sự không may năm trước sẽ qua hết.

Tại đình làng, cùng với lễ cúng ngoài trời còn lễ Thành hoàng hoặc vị phúc thần tại vị nữa.

Các chùa chiền cũng có cúng lễ giao thừa, nhưng lễ vật là đồ chay, và đồng thời với lễ giao thừa nhà chùa còn cúng Phật, tụng kinh và cúng đức Ông tại chùa.

Ở các tư gia, các gia trưởng thường lập bàn thờ ở giữa sân, hoặc ở trước cửa nhà, trường hợp những người ở thành phố chật chội không có sân. Cũng một chiếc hương án, hoặc một chiếc bàn kê ra với lễ vật như trên.

Ngày nay trước mọi biến chuyển dồn dập của thời cuộc nước nhà, ở thôn quê, rất ít nơi còn cúng lễ giao thừa ở các thôn xóm, ngoài lễ cúng tại đình đền. Và ở các tư gia, tuy người ta vẫn cúng lễ giao thừa với sự thành kính như xưa, nhưng bàn thờ thì thật là giản tiện. Có khi chỉ là chiếc bàn con với mâm lễ vật, có khi mâm lễ vật lại đặt lên trên một chiếc ghé đầu. Hương thấp lên được cắm vào một chiếc ly đầy gạo hoặc vào một chiếc lọ nhỏ để giữ chân hương! Tình trạng chiến tranh, mọi sự đều bị phá hoại! Có nhiều gia đình lại quá giản tiện hơn, hương thấp đặt ngay trên mâm lễ, hoặc cắm vào các khe nải chuối dùng làm đồ lễ!



## ĐẠI VƯƠNG HÀNH KHIỂN VÀ PHÁN QUAN

Mười hai vị đại vương, mỗi ông cai trị một năm cõi nhân gian là *Thập nhị hành khiển vương hiệu*, tính theo thập nhị chi, bắt đầu là năm Tý, cuối cùng là năm Hợi. Hết năm Hợi lại quay trở lại năm Tý với Đại vương hành khiển của mười hai năm về trước. Các vị đại vương này còn được gọi là *ương niên chi thần*, mỗi vị có trách nhiệm như trên đã nói cai trị thế gian trong toàn niên, xem xét mọi việc hay dở của từng người, từng gia đình, từng thôn xã cho đến từng quốc gia để định công luận tội, tâu lên Thượng đế.

Mỗi vị đại vương hành khiển đều có một vị phán quan giúp việc.

Vị đại vương hành khiển lo việc thi hành những mệnh lệnh của Ngọc Hoàng Thượng đế, trình lên Ngọc Hoàng những việc đã xảy ra. Còn vị phán quan thì lo việc ghi chép công, tội của mọi người, mọi gia đình, mọi thôn xã, mọi quốc gia.

Trong các vị hành khiển vương hiệu, có vị nhân đức, có vị cương trực và cũng có vị khắc nghiệt. Nhiều năm có các loạn thiên thời, loạn đao binh, nạn thủy tai, hỏa tai... tục tin rằng đó là do các vị đại vương hành khiển trừng phạt nhân gian vì tội lỗi của mọi người.

## VĂN KHẤN LỄ GIAO THỪA

Như trên đã trình bày, lễ giao thừa là lễ tổng cựa nghênh tân, tiễn vị đại vương hành khiển cũ và đón vị mới.

Có lễ nghi phải có văn khấn, cũng như ăn phải có mời.

Dưới đây là mẫu văn khấn giao thừa tại tư gia, văn khấn này chỉ cần thay đổi một vài chữ, khi dùng tại các nơi khác:

*Duy Việt Nam Đình Mùi niên, Xuân thiên chính nguyệt, sơ nhất nhật, kim thân đệ tử Nguyễn Đức Cầu quán tại Cổ Mễ*

xã, Võ Giàng huyện, Bắc Ninh tỉnh, cư trú tại Phú Nhuận xã, Tân Bình quận, Gia Định tỉnh, đồng gia quyển đẳng, khế thủ, đốn thủ bách bái.

Cẩn dĩ hương đăng, kim ngân hoa quả, phù lưu thanh chước, thứ phẩm chi nghi, cảm kiến cáo vu.

Vọng bái:

Đương niên đương cảnh Tống vương hành khiển, Ngũ đạo chí đức tôn thần ngọc bệ hạ:

Lâm tào phán quan vị tiền

Bản địa Thổ địa thần kỳ vị tiền

Bản cảnh Thành hoàng vị tiền

Ngưỡng vọng chúng giám;

Cúc cung cầu khẩn:

Toàn gia đồng niên tự lão chí ấu, tăng phúc tăng thọ, nhân khang vật thịnh, vạn sự hanh thông.

Cẩn cáo

Lược dịch:

Nước Việt Nam, năm Đinh Mùi, ngày mồng một tháng Giêng, xuân tiết.

Đệ tử là Nguyễn Đức Cầu, quán làng Cổ Mỹ, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, cư ngụ tại Phú Nhuận, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, cùng toàn thể gia đình trăm bái.

Kính cẩn có hương đèn, vàng bạc, hoa quả trà rượu trà nước thêm mọi phẩm vật dâng lên.

Vọng bái:

Trước bệ ngọc đức Tống vương hành khiển, Ngũ đạo chí đức tôn thần:

Lâm tào phán quan tại vị ở trước

Đức Thổ địa nơi đây tại vị ở trước

Đức Thành Hoàng bốn cảnh tại vị ở trước



*Cầu chư vị chứng giám.*

*Cúi đầu kêu xin:*

*Chư vị phù hộ cho toàn gia chúng tôi, từ già đến trẻ, quanh năm được tăng phúc tăng thọ, người an, vật thịnh, vạn sự hanh thông.*

Cẩn cáo

Trong khi cúng khấn đức đương niên đại vương hành khiển, người ta khấn theo đức Thổ Thần và đức Thành Hoàng, vì khi đức đại vương hành khiển, đại diện của Ngọc Hoàng Thượng đế đã giáng lâm, Thổ Thần và Thành Hoàng có nhiệm vụ nghênh tiếp và do đó cùng được phối hưởng lễ vật.

Trong bài văn khấn trên, khi làm lễ tại làng tại thôn, chỉ cần thay đổi mấy chữ:

*“Kim thần đệ tử Nguyễn Đức Cầu”.*

thành

*“Kim chúng thần đệ tử, toàn dân Cổ Mễ xá”*

và ở chỗ cầu xin cũng đổi mấy chữ

*“Toàn gia đồng niên tự lão chí ấu”*

thành

*“Toàn xã đồng niên tự lão chí ấu”*

## LỄ CÚNG THỔ CÔNG

Sau khi cúng giao thừa xong, các gia chủ cúng khấn Thổ Công, tức là vị thần cai quản trong nhà, thường được gọi là Đệ nhất gia chi chủ. Lễ vật cũng tương tự như lễ cúng giao thừa nghĩa là gồm trầu rượu, nước, đèn nhang, vàng bạc, hoa quả cùng các thực phẩm: xôi, gà, bánh, mứt v.v...

Cúng Thổ Công cũng phải khấn, và dưới đây là một mẫu văn khấn:

*Duy Việt Nam Đình Mùi niên, xuân thiên chính nguyệt sơ nhất nhật.*

*Kim thân tín chủ Tô Văn Ngọc, quán tại Nam Ngạn xã, Việt Yên huyện, Bắc Giang tỉnh, cư trú tại Tân Sơn Hòa xã, Tân Bình quận, Gia Định tỉnh, đồng gia quyền đẳng khấu thủ đốn thủ bách bái;*

*Cẩn dĩ phù lưu thanh chúc, kim ngân, hương đăng, hoa quả, mâm bần cụ vật, thứ phẩm chi nghi, cảm kiến cáo vu.*

*Cung thỉnh*

*Bản gia Thổ Công, Đông Trù Tư Mệnh Táo phủ thần quân vị tiền.*

*Bản Địa Thổ Địa thần kỳ vị tiền.*

*Lai lâm chứng giám, ủng hộ gia chủ, tự lão chí ấu, tự niên thủ chí niên vĩ, bình an hưởng phúc, vô tai vô nạn, vô hạn, vô ách, tăng tài, tiền lộc, vạn sự hanh thông.*

Thượng hưởng

Lược dịch:

*Nước Việt Nam, năm Đình Mùi, xuân ngày mồng một tháng Giêng.*

*Nay tín chủ là Tô Văn Ngọc, quê xã Nam Ngạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, ngụ tại xã Tân Sơn Hòa, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, toàn thể gia đình cúi đầu trăm bái.*

*Kính cẩn dâng trà rượu, trà nước, vàng bạc, đèn nhang hoa quả cùng mọi phẩm vật.*

*Cung mời*

*Đức bản gia Thổ Công tại vị ở trước*

*Đức Thổ Địa thần kỳ tại vị ở trước*

*Xin chư thần giám lâm chứng cho lòng thành, phù hộ cho cả nhà gia chủ, từ già đến trẻ, từ đầu năm đến cuối năm, được hưởng phúc bình an, không tai không nạn, không hạn, không ách, đắc tài sai lộc, vạn sự hanh thông.*

Thượng hưởng



## MẤY TỤC LỄ TRONG ĐÊM TRỪ TỊCH

Bắt đầu lúc lễ giao thừa là năm cũ đã hết và bước sang năm mới. Kể từ giờ phút này là giờ phút của Tết Nguyên Đán.

Trong đêm giao thừa, sau khi làm lễ giao thừa xong; ta có những tục lễ riêng, mà cho tới ngày nay, từ thôn quê đến thành thị, vẫn còn nhiều người theo giữ.

### *Lễ chùa, đình, đền.*

Lễ giao thừa ở nhà xong, người ta kéo nhau đi lễ các đình, chùa, miếu, điện để cầu phúc cầu may, để xin Phật, Thần phù hộ độ trì cho bản thân và gia đình. Và nhân dịp người ta thường xin quẻ thẻ đầu năm.

### *Kén hướng xuất hành.*

Khi đi lễ, người ta kén giờ và kén hướng xuất hành, đi đúng hướng đúng giờ để gặp sự may mắn quanh năm.

Ngày nay ở Sài Gòn, đi lễ là người ta đi, ít người kén giờ và kén hướng. Các đền chùa, trong đêm trừ tịch luôn luôn có thiện nam tín nữ tới lễ bái, có nơi rất đông phải chen chúc nhau.

### *Hái lộc.*

Đi lễ đình, chùa, miếu, điện xong, lúc trở về người ta có tục hái một cành cây mang về ngụ ý là lấy lộc của Trời đất Phật thần ban cho. Trước cửa đình cửa đền, thường có những cây đa, cây đề, cây si cổ thụ, cành lá xum xòa, khách đi lễ mỗi người bẻ một nhánh, gọi là cành lộc. Cành lộc này mang về người ta cắm trước bàn thờ cho đến khi tàn khô.

Với tin tưởng lộc hái về trong đêm giao thừa sẽ đem lại may mắn quanh năm, người dân Việt trong buổi xuất hành đầu tiên bao giờ cũng hái lộc. Cành lộc tượng trưng cho tốt lành may mắn; tục hái lộc là một tục tốt đẹp, nhưng ngày nay, nhiều người đi lễ trong đêm trừ tịch vác cả dao búa đi đẵn cây trong vòng các đình đền chùa miếu, thật người ta đã biến tục lệ tốt đẹp thành một tai hại cho các nơi thờ tự vậy.



Chợ Tết Saigon



Xin thẻ đầu năm

Về tục xuất hành cũng như tục hái lộc có nhiều người không đi trong đêm giao thừa, mà họ kén ngày tốt giờ tốt trong mấy ngày đầu năm và đi đúng theo hướng chỉ dẫn trong các cuốn lịch đầu năm để có thể có được một năm hoàn toàn may mắn.

#### *Hương lộc.*

Có nhiều người trong lúc xuất hành đi lễ, thay vì hái lộc cành cây, lại xin lộc tại các đình đền chùa miếu bằng cách đốt một nắm hương hoặc một cây hương lớn, đứng khăn vái trước bàn thờ, rồi mang hương đó cắm tại bình hương bàn thờ Tổ tiên hoặc bàn thờ Thổ công ở nhà.

Ngọn lửa tượng trưng cho sự phát đạt. Lấy lửa từ các nơi thờ tự mang về, tức là xin Phật Thánh phù hộ cho được phát đạt tốt lộc quanh năm.





Trong lúc mang năm hương từ nơi thờ tự trở về, nhiều khi gặp gió, năm hương bốc cháy, người ta tin đó là một điềm tốt báo trước sự may mắn quanh năm.

Thường những người làm ăn buôn bán hay xin hương lộc tại các nơi thờ tự.

#### *Xông nhà.*

Thường cúng giao thừa ở nhà xong, người gia chủ mới đi lễ đền chùa. Gia đình có nhiều người, thường người ta kén một người dễ vía ra đi từ lúc chưa đúng giờ trừ tịch, rồi khi lễ trừ tịch tới thì dự lễ tại đình chùa hoặc ở thôn xóm, sau đó xin hương lộc hoặc hái cành lộc về.

Lúc trở về đã sang năm mới, người này đã tự xông nhà cho gia đình mình, mang sự tốt đẹp quanh năm về cho gia đình.

Đi xông nhà như vậy tránh được sự phải nhờ một người tốt vía khác đến xông nhà cho mình.

Nếu không có người nhà dễ vía để xông nhà lấy, người ta phải nhờ một người khác trong thân bằng cố hữu tốt vía để sớm ngày mùng một Tết đến xông nhà, trước khi có khách tới chúc tết, để người này đem sự dễ dãi may mắn lại.

#### *Đốt pháo.*

Đêm hôm giao thừa, mọi nhà đều đốt pháo. Sau khi làm lễ trừ tịch xong, tiếng pháo thi nhau vang nổ từ nhà này sang nhà khác ở thành thị cũng như ở thôn quê.

Nhiều gia đình bắt đầu đốt pháo ngay từ buổi chiều hôm 30 tháng chạp, lúc bắt đầu cúng gia tiên.

Đốt pháo cốt để trừ ma quỷ. Theo sách cũ chép lại thì ma núi gọi là Sơn tiều, khi phạm đến người thì người đau ốm, người ta phải đốt pháo để nó tránh xa.

Diễn sách thì nói vậy, nhưng thật ra tiếng pháo giúp vui cho ngày Tết, tăng sự hân hoan, xua đuổi mọi sự phiền não

trong lòng người. Ngày xuân có tiếng pháo xuân thêm tung bùng và tết thêm nhộn nhịp.

## TỤC LỆ VỀ TẾT NGUYÊN ĐÁN

Ở trên, mới nói về lễ trừ tịch và mấy tục lệ trong đêm giao thừa. Thực ra với ngày Tết Nguyên Đán dân ta có những tục lệ trước và sau lễ trừ tịch.

Người dân Việt Nam thuần túy rất tha thiết với Tết, nhất là ở nông thôn. Quanh năm vất vả, Tết mới là dịp nghỉ ngơi. Bao nhiêu lo nghĩ người ta gác một bên để hưởng thú xuân cho đầy đủ. Cảnh xuân muôn hồng ngàn tía, pháo xuân rền nổ rắc hồng trên ngõ, nhất là ở miền Trung và miền Bắc, thêm mưa xuân phơi phới, thử hỏi ai là người không xúc cảm trước cảnh xuân, trước màu Tết.

Người ta đón Tết một cách nồng nàn, người ta đợi Tết một cách trịnh trọng, người ta vui Tết một cách náo nhiệt hân hoan. Từ ngàn xưa, những tục lệ ngày Tết vẫn làm cho Tết thêm ý nghĩa và cũng một phần nào làm tăng niềm vui phấn khởi cho mọi người lúc xuân sang.

### *Sửa soạn ngày Tết.*

Tết Nguyên đán tuy bắt đầu từ mùng một tháng giêng, nhưng sự thực người ta đã sửa soạn Tết ngay từ đầu tháng chạp.

Nhà nhà lo mua gạo nếp, đậu xanh để đến ngày gần Tết gói bánh chưng, và tại nhiều vùng, gói bánh chưng bằng lá dong, người ta phải mua lá về, đem luộc chín, bó vào các cột nhà, để khi gói bánh thì dùng. Gói bánh bằng lá chín để gói, nhưng bánh bóc ra kém màu xanh. Nhiều nơi gói bằng lá sống, họ không luộc lá, nhưng độ ngoài rằm tháng chạp họ đã phải mua sẵn sợ đến khi giáp Tết giá sẽ cao và có khi không có.



## CHỢ QUÊ NGÀY TẾT



Hàng đồ mã

(Ảnh Bàng Bá Lân)



Chọn mũ ông Công

(Ảnh Bàng Bà Lân)

Người ta cũng sửa soạn cho vai dưa hành ngay từ đầu tháng chạp, vì dưa hành cần muối sớm đến Tết mới kịp ăn. Và người ta cũng lo sắm sửa những phẩm vật dùng cho ngày Tết, mua sẵn gà vịt thả trong vườn, rú nhau chung đưng để ngày gần Tết hùn nhau mổ lợn.

Người ta sắm sẵn hương vàng dùng để cúng ở trong nhà cũng như dùng để gửi Tết, và người ta cũng mua sẵn những bánh mứt hoa quả, một phần dành cho gia đình, một phần gửi Tết, một phần mang Tết những người mình chịu ơn như thầy học, ông lang, chủ nợ v.v...

Người ta cũng lo tới bộ quần áo ngày Tết, nhất là đối với các cô gái mới lớn, ngày xuân là dịp các cô chung diện để dân làng nhìn vào, có cậu nào vừa mắt muốn gương cung bắn sẻ.

Dân làng cũng sửa soạn Tết chung cho cả làng, trừ tính việc mở hội đầu năm, việc cúng thần ngày Tết.

Và các em cũng rối rít lo Tết, thúc dục bố mẹ may quần áo mới và mấy ngày gần Tết đi chơi chợ Tết mua tranh mua pháo.

*Trang hoàng nhà cửa.*

Tết là bắt đầu cho một năm. Người ta phải đón xuân trong một khung cảnh sáng sủa, sạch sẽ và đẹp đẽ. Do đó trước ngày Tết, nhà nào cũng lau quét cửa nhà, trang hoàng trong nhà cho xứng đáng với năm mới.

Con cháu lau chùi các đồ thờ. Những đồ đồng được đem đánh bóng. Án thư mâm bàn đều lau rửa lại kỹ lưỡng cùng với tất cả các tự khí khác kể cả hoành phi câu đối. Những câu đối đỏ cũ được thay bằng những câu đối mới, những đôi liễn mới. Bàn thờ được cắm thêm hoa, các y môn được đem giặt lại hoặc thay thế.

Từ trong nhà đến ngoài cửa, chỗ nào trong cũng như mới, thật ăn khớp với khung cảnh tung bừng của mùa xuân với mưa phùn lấm tẩm, với lời chúc tụng nhau tốt đẹp trong ngày Tết.



Đây là chưa nói đến trên tường, ngoài công còn có dán những tranh Tết, tranh đàn gà mẹ con, tranh lý ngư vọng nguyệt, tranh hứng dừa, tranh đánh ghen, tranh thầy đồ Cóc, đám cưới chuột, tranh tiến tài tiến lộc, tranh gà gáy sáng, v.v...

### *Gửi Tết.*

Hàng năm gần ngày Tết đến, nghĩ tới tổ tiên, con cháu, những người đã ra ở riêng hoặc thuộc các ngành thứ, đều phải gửi Tết tới nhà trưởng, tức là người có trách nhiệm giữ giỗ Tết các bậc đã qua đời. Gửi Tết tức là đem đồ lễ đến nhà gia trưởng để người gia trưởng cúng tổ tiên trong dịp Tết.

Thường đồ lễ bao giờ cũng có vàng hương. Tùy theo tình liên lạc gia đình, có những thứ vàng riêng dùng trong việc gửi Tết.

Những ngành trực thống phải gửi vàng hoa, còn những ngành khác dùng vàng hồ hoặc vàng lá. Vàng hoa làm toàn bằng giấy màu vàng, làm kỹ lưỡng có mặt kính, có trang kim óng ánh, tượng trưng cho vàng thoi, do đó mỗi nghìn vàng là một nghìn thoi nhỏ. Vàng hồ là một thứ vàng gồm một phần ba những thoi vàng ở lớp trên làm bằng giấy bồi vàng và hai phần ba lớp dưới là những thoi bạc làm bằng giấy bồi trắng cũng có mặt kính nhưng ít hơn, hoặc có khi không có.

Những ngành trực thống, ngoài vàng hương, còn phải gửi tết thêm bánh mứt, gạo nếp, gà. Người gia trưởng sẽ dùng những đồ lễ gửi tết của các ngành thứ cúng tổ tiên trong mấy ngày tết. Lễ tất nhiên bao giờ người gia trưởng cũng phải chi tiêu thêm, nhưng những đồ lễ gửi Tết bao giờ cũng đem cúng hết trong dịp Tết.

Con cháu gửi Tết để tỏ lòng nhớ ơn và kính mến tổ tiên. Tục này cũng thắt chặt thêm mối dây liên lạc giữa những người trong quyền thuộc xa gần.

*Cây có gốc mới nở ngành sinh ngọn,  
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu.*

*Người ta nguồn gốc từ đâu?  
Có tổ tiên trước rồi sau có mình.*

*Biểu Tết.*

Cùng với việc gửi Tết nhà trường, người ta cũng nghĩ đến việc biểu Tết. Đây là dịp để người ta trả ơn những người đã có công với mình:

Học trò biểu tết thầy học,  
Con bệnh biểu tết thầy lang,  
Dân biểu tết quan,  
Con nợ biểu tết chủ nợ,  
Bạn bè biểu tết lẫn nhau,  
Kẻ dưới biểu tết bề trên.

Trong việc biểu tết này, quà biểu thường chẳng đáng bao nhiêu, nhưng tâm chân thành thật là đáng kể.

Tôi không nói đến những trường hợp con cháu biểu tết ông bà cha mẹ, việc biểu tết này có thể coi như gửi tết, nhưng chỉ nói đến những trường hợp khác để nhắc lại việc tục lệ lấy ân tình ràng buộc.

Thầy dạy học, hàng năm đã có lương vua, hoặc như ngày nay đã có lương chính phủ, nhưng Tết đến học trò không bao giờ quên thầy, nói chi đến những ông đồ dạy học quanh năm không có lương vua hoặc lương chính phủ, ngày Tết học trò có bốn phận phải nghĩ đến thầy, và phải nghĩ đến một cách rất chu đáo.

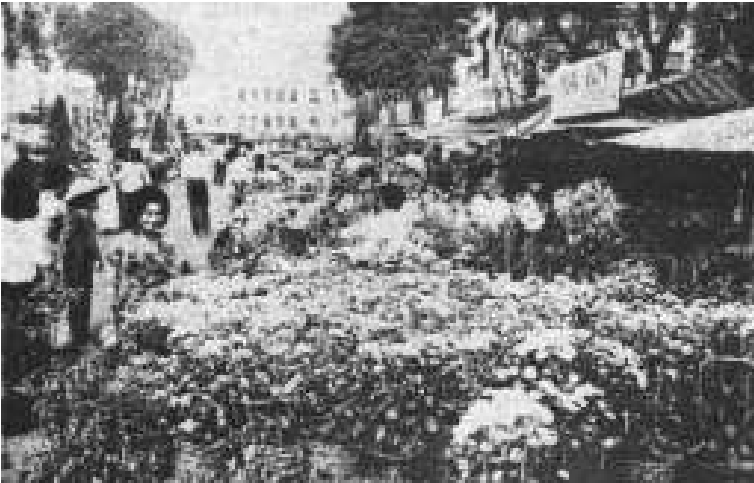
Các ông lang chữa bệnh thì lấy tiền, vậy mà con bệnh, nhờ được ông lang chữa cho khỏi bệnh, tuy đã trả tiền ông lang, nhưng cũng không bao giờ quên ơn ông đã cứu mình thoát bệnh. Hàng năm, mỗi Tết đến con bệnh lại nhớ tới ông lang, và ít nhiều cũng kiếm chút lễ mọn tết ông lang để tỏ lòng biết ơn.

Con nợ biểu tết chủ nợ phần vì sự giúp đỡ của chủ nợ đã cho mình vay tiền trong lúc túng thiếu, và cũng nhân dịp để khát nợ.





Mua Mai ngày Tết  
(Ảnh Nguyễn Cao Đàm)



Hoa chợ Tết Saigon (Ảnh Nguyễn Cao Đàm)

Dân biểu tết quan, kẻ dưới tết người trên đều là vì cảm tình ân nghĩa, không ai bắt buộc ai nhưng ai cũng nghĩ đến sự ăn ở sao cho phải đối với những người đã có ơn với mình.

Bạn bè biểu tết nhau cũng vậy, đây là những dịp để chúng tỏ sự quý mến bạn hữu đối với nhau, nghĩ đến nhau.

Tôi tưởng cũng nên nói tới trường hợp các chàng rể chưa cưới tết bố mẹ vợ. Biểu Tết thật là trình trọng để tỏ lòng biết ơn các người đã sinh ra vị hôn thê của mình. Sau khi cưới được vợ rồi, hàng năm các chàng rể cũng không bao giờ quên tết bố mẹ vợ.

#### *Bữa tiệc tất niên.*

Các bạn hàng buôn bán sống với nhau thành phường, những công chức cùng làm tại một dinh, một sở, nhân ngày Tết đến đều có bữa tiệc tất niên để cùng nhau họp mặt trước khi chia tay về ăn Tết.

Các bạn hàng trong buổi tất niên này có sửa lễ cúng thánh sư rồi cùng nhau ăn uống.

Các công chức nơi công sở lấy bữa tiệc tất niên để cùng vui và nhân đó chúc tết nhau trước khi ai nấy về quê ăn tết.

#### *Buổi học tất niên.*

Tại các lớp học, có buổi học tất niên. Nhân buổi học này, học trò chúc tết thầy, và thầy cũng gửi lời chúc tết bố mẹ học sinh, và cùng chúc cả học sinh một cái tết vui vẻ.

Trong buổi học tất niên này, thầy trò thường đem những chuyện trong niên học ra nhắc lại, và cùng nhau nói về truyện Tết thay vì học hành như những buổi học trước.

Trong buổi học này, học trò đốt pháo để mừng thầy, cũng như trong các bữa tiệc tất niên, thường có đốt pháo để tiệc thêm vui.

#### *Phiên chợ trẻ con và phiên chợ Tết.*

Đây là phiên chợ họp sau phiên chợ cuối của năm, thường vào ngày 28 hoặc 29 tháng chạp. Gọi là phiên chợ trẻ con, vì dân quê, trong ngày phiên chợ này, chợ nào họp ngày nào







*Đi lễ đầu xuân.*

thường đã thành lệ, bố mẹ cho trẻ con tiền để đi sắm Tết, tức là đi mau tranh mua pháo.

Cần phân biệt phiên chợ trẻ con với phiên chợ Tết. Phiên chợ Tết là phiên chợ cuối cùng của năm, tùy theo từng chợ họp từ ngày 26 đến 30 tháng chạp. Chợ vùng quê họp một tháng sáu phiên, chợ làng này vào ngày một ngày sáu, chợ lân cận vào ngày hai ngày bảy, chợ một làng thứ ba vào ngày ba ngày tám, rồi một chợ vào ngày bốn ngày chín, lại một chợ vào ngày năm ngày mười. Trong một vùng mỗi ngày thường có hai ba chợ họp, và ngày hôm sau lại hai chợ khác. Phiên chợ Tết sớm nhất vào ngày hai mươi sáu tháng chạp đối với những chợ ngày họp là ngày một và ngày sáu, và phiên chợ Tết muộn nhất vào ngày ba mươi, hay nếu tháng thiếu vào ngày hai mươi chín tháng chạp đối với những chợ ngày họp là ngày bốn ngày chín hoặc ngày năm ngày mười.

Trong phiên chợ Tết, người bán hàng muốn bán hết hàng, nhất là trong những phiên chợ vào mấy ngày hai mươi chín,

ba mươi tết, và người đi sắm tết cũng cố mua cho đủ những cái gì còn thiếu.

Các ông đồ, nhân dịp phiên chợ Tết cũng đem bán chữ. Người ta nhờ các ông viết cho những câu đối, những bức đại tự v.v...

*Thăm mộ gia tiên*

Tây phương thường cho ta gần người chết hơn họ. Thực vậy, thi hài của tổ tiên ta thường mai táng ngay giữa thửa ruộng của chúng ta, và quanh năm trong những dịp vui mừng hay tang tóc, chúng ta đều khẩn tới gia tiên, đều đi viếng mộ để đắp thêm mấy vàng đất, cắm mấy nén hương.

Về Tết, vui xuân, người Việt cũng muốn gia tiên về hưởng Tết. Bởi vậy, ở nhiều nơi, sau khi sắm sửa Tết xong người ta có tục đi viếng mộ, đắp lại mộ, thắp hương khẩn mời hương hồn những người đã quá cố về hưởng Tết.

Làng Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh Hà Bắc, hàng năm vào ngày 30 tháng chạp, dân làng đều đi viếng mộ khẩn mời gia tiên về ăn Tết. Tục này có ở rất nhiều nơi khác.

*Xúc sắc xúc sê.*

Tối hôm ba mươi Tết, ngày xưa tại các làng xã, các trẻ em nghèo, họp nhau thành từng bọn rủ nhau đi chúc Tết, tuy chưa hẳn là ngày Tết.

Các em, mỗi bọn có một chiếc ống trong đựng tiền, thường là ống tre. Các em tới từng gia đình, và các em cùng nhau hát, vừa hát vừa lắc ống tiền:

*Xúc sắc xúc sê,  
Nhà nào còn đèn còn lửa,  
Mở cửa cho chúng tôi vào;  
Bước lên giường cao  
Thấy đôi rồng ấp;  
Bước xuống giường thấp,*



*Thấy đôi rồng châu;  
Bước ra đằng sau  
Thấy nhà ngói lợp  
Voi ông còn buộc,  
Ngựa ông còn nằm.  
Ông sống một trăm  
Linh năm tuổi lẻ.  
Vợ ông sinh đẻ  
Những con tốt lành;  
Những con như tranh,  
Những con như rôi.  
Tôi ngồi xó tối.  
Tôi đối một câu.*

Đôi rằng:

*Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ;  
Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.*

Các em vừa xúc xắc xúc sè vừa hát, trong lúc gia đình chủ nhà chăm chú nghe, và sau câu hát gia đình nào cũng tặng các em ít tiền, tiền đó các em bỏ luôn vào ống. Tục cho rằng, các em đến đem sự may mắn lại. Không gia đình nào không tặng tiền cho các em. Nhiều ít ai cũng tặng các em một số tiền trước khi các em rời sang nhà khác.

*Đòi nợ cuối năm.*

Các chủ nợ có lệ cuối năm giằng thúc con nợ, cố đòi cho được số tiền đã cho vay, dù rằng đòi được tiền về để đấy. Người ta cho rằng, nếu không đòi được tiền trước giao thừa, ngày hôm sau, món tiền nợ đã ra nợ cũ, và ngày mùng một đầu năm và những ngày sau nữa, người ta không dám đòi nợ, vì con nợ kiêng sợ giông. Đòi nợ vào ngày Tết, không những con nợ không trả nợ, mà có khi còn mắng lại chủ nợ vì không biết kiêng cho mình.

Tục lệ như vậy nên cái ngày tất niên này, những người có nợ làm ăn kém may mắn không có tiền trả mà khát chủ nợ

không chịu, đành phải đi trốn nợ cho đến lúc giao thừa mới trở về:

Ta có câu:

*Khôn ngoan, đến cửa quan mới biết,  
Giàu có ba mươi Tết mới hay.*

Đền cửa quan, người khôn ngoan đủ lý lẽ để đối đáp, còn người giàu có, ba mươi Tết không có chủ nợ tới réo ngõ, giằng thóc.

*Cúng gia tiên.*

Chiều ba mươi Tết, mọi việc sửa soạn đã xong xuôi, sau khi đã đi viếng mộ gia tiên về, người ta sửa lễ cúng gia tiên, và sau đó đèn nhang, nhất là nhang phải giữ thấp suốt mấy ngày Tết cho tới khi hóa vàng.

Trong mấy ngày này, trên bàn thờ luôn luôn có sự hiện diện của tổ tiên. Để giữ cho hương khói bị tắt, từ chiều ba mươi Tết, người ta thường dùng hương vòng (nhang khoang) hoặc hương sào (nhang ống). Hương vòng là một cuộn hương thấp được suốt đêm tới sáng, còn hương sào là một hương thật to, có thể thấp được suốt ngày đêm mới hết. Ta cúng gia tiên lúc chiều ba mươi Tết, bởi vậy, lúc cúng giao thừa, ta không cúng gia tiên nữa.

Cùng với lễ cúng gia tiên, lễ tất nhiên phải có cúng Thổ Công.

Cúng gia tiên ba mươi Tết, sáng ngày mùng một cũng lại cúng. Và trong mấy ngày Tết cho đến khi hóa vàng, ngày hai buổi có lễ cúng gia tiên.

*Văn khấn gia tiên.*

*Cúng tổ tiên cũng phải có văn khấn, như cúng Thổ Công và cúng giao thừa. Dưới đây là một mẫu văn khấn tổ tiên trong ngày Tết:*

*Duy Việt Nam Đinh Mùi niên, xuân thiên, chính nguyệt sơ nhất nhật.*



*Kim thần phụng sự Đạm Sĩ Nguyên, sinh quán Nhất Động xã, Thường Tín phủ, Hà Đông tỉnh, toàn gia cư ngụ Tân Sơn Nhì xã, Tân Bình quận, Gia Định tỉnh, đồng gia quyến đấng, khế thủ, đồn thủ bách bái.*

*Cẩn dĩ hương đăng, kim ngân hoa quả, mâm bàn cụ vật, phù lưu thanh chúc, thú phẩm chi nghi cảm kiền cáo vu.*

*Cung thỉnh.*

*Đàm môn lịch đại tổ tiên, tự cao, tăng, tổ khảo, cao tăng tổ tử, tổ khảo, tổ tử, hiển khảo, hiển tử, thúc, bá, đệ, huynh, cô, dì, tử, muội, đồng lai lâm chứng giám. Ngưỡng vọng.*

*Bảo hộ gia đình, tự lão chí ấu, hạnh phúc an khang, vạn sự hanh thông, nhân tăng vật vượng.*

Thượng hưởng

Lược dịch:

*“Nước Việt Nam, năm Đinh Mùi, tiết xuân ngày mồng một tháng Giêng.*

*Nay con giữ việc phụng thờ tên là Đạm Sĩ Nguyên, quán tại xã Quất Động phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, hiện nay toàn gia cư trú tại xã Tân Sơn Nhì, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, đồng gia quyến cúi đầu trăm bái.*

*Kính cẩn có hương đèn, vàng bạc, hoa quả, cỗ bàn rượu nước trầu cau cùng mọi phẩm vật dâng lên.*

*Kính mời các cụ họ Đạm, kỵ, cụ, ông, bà, cha mẹ, chú, bác, anh, em, cô, dì, chị, em cùng về chứng giám. Giám mong.*

*Tiên tổ bảo hộ gia đình, từ già đến trẻ, hạnh phúc an khang, vạn sự hanh thông, người tăng vật vượng.*

*Thượng hưởng”.*

Người gia trưởng khấn lễ tổ tiên xong, toàn thể người nhà đều lần lượt theo thứ bậc tới lễ trước bàn thờ. Trong lúc đó để đón mừng tổ tiên về cùng con cháu, một tràng pháo nổ ran ở ngoài sân, xác pháo tung bay như muốn khoe sắc thắm cùng muôn hồng ngàn tía của trời xuân.

Mùi khói pháo thơm quyện với mùi hương khói khiến cảnh Tết càng đượm vẻ tung bừng trong thân mật.

*Chúc Tết.*

Sáng ngày mồng một, các cụ sau khi đã làm lễ tổ tiên xong, ngồi ở nhà thờ để con cháu tới lạy mừng chúc Tết. Con cháu chúc các cụ một năm mạnh khỏe bình yên Khang thái. Các cụ cũng chúc lại con cháu những điều tốt đẹp.

Trong lúc chúc Tết các cụ, con cháu thường dâng các cụ hoặc một món quà Tết như bánh trái, hoặc một món tiền đặt trong một bao giấy hồng. Tiền này gọi là tiền mở hàng đem may mắn lại cho các cụ.

Các cụ cũng mở hàng lại cho con cháu. Tiền mở hàng của cụ cho con cháu gọi là tiền mừng tuổi.

Giàu nghèo các cụ cũng mừng tuổi lại cho con cháu, giàu thì nhiều tiền, nghèo cũng mừng tuổi tượng trưng một vài đồng tiền để con cháu được gặp tốt đẹp quanh năm.

Tại các xã, các cụ được đại diện dân làng mừng tuổi chúc Tết ngay tại đình, sau buổi lễ cúng đức thần linh sáng ngày mồng một. Ta có những bài chúc Tết riêng trong những dịp này:

*Năm cũ đã qua,  
Năm mới đã đến,  
Bước vào dinh trung,  
Tôi xin kính chúc;*

*Trước tôi chúc thánh cung vạn tuế, tại thượng dương dương,  
bảo quốc hộ dân, lưu ân, tích phúc.*

*Tôi lại chúc kỳ lão sống tám chín mươi, thọ tăng thêm thọ.*

*Tôi lại chúc quan viên trùm lão, niên tăng, phú quý, nhật hưởng vinh hoa.*

*Tôi lại chúc quan lại binh viên ta đột pháo xông tên, công thành danh toại.*

*Tôi lại chúc đồng trang thượng hạ, già sức khỏe, trẻ bình yên, nhờ đức vua nhà no người đủ; các xướng*





Đi lễ đầu xuân



Ông đồ bán chữ (ảnh Nguyễn Cao Đàm)

## THIÊN THU VẠN TUẾ

Trên đây là lời chúc Tết chung tại đình làng, tại các thôn xóm, các phường, dân chúng cũng có họp nhau để cùng chúc Tết các ông trùm phường, đây là các phường buôn bán, các phường nghề nghiệp và các thủ chi thôn cũng như mọi người đồng thôn đồng phường.

### *Chúc Tết vọng.*

Tại triều đình, nhân ngày nguyên đán, các quan đại thần họp nhau lại chúc Tết nhà vua. Tại các tỉnh, các quan tỉnh cũng cùng nhau họp tại vọng cung để chúc Tết vọng nhà vua.

Đối với những người ở xa xôi không về tận nhà, đến tận nơi chúc Tết được, người ta thường dùng thư để chúc Tết, đây cũng là một lối chúc vọng, như ngày nay người ta dùng thiệp gửi cho nhau để chúc mừng năm mới vậy.

### *Mừng tuổi.*

Với năm mới, người ta thêm một tuổi. Đó là một điều đáng mừng: đối với người già là tăng thêm tuổi thọ, đối với các em bé là thêm tuổi để thêm lớn. Bởi vậy, như trên đã trình bày, trong lúc chúc Tết người ta có lệ mừng tuổi.

Tiền mừng tuổi phong bao trong những giấy hồng, bao giờ cũng có tiền lẻ, có ý là tiền đó sẽ sinh sôi nảy nở thêm nhiều.

Tiền mừng tuổi còn là tiền mở hàng để lấy may. Bạn bè gặp nhau cũng thường mở hàng cho nhau để lấy may mắn.

Tiền mở hàng, người ta thường giữ cất đi, ít khi lấy ra tiêu dùng, trừ trường hợp bắt đắc dĩ.

Trong Nam mừng tuổi các em gọi là *lì xì*.

Ngày Tết các chú các cô đi thường mừng tuổi cho các cháu, và những khi tới nhà một người bạn chúc Tết, có trẻ nhỏ người ta cũng thường mừng tuổi cho các em, hay khi một người bạn tới nhà mình chúc Tết, có em nhỏ đi theo, chủ nhà thường





mừng tuổi cho em nhỏ, mừng tuổi để em hay ăn chóng lớn, học hành thông minh sáng láng, khỏe mạnh và ngoan ngoãn.

#### *Xông nhà.*

Tục này đã trình bày ở trên khi nói về mấy tục lệ trong đêm trừ tịch.

Trong trường hợp, người nhà không có ai tự xông nhà lấy, người ta phải kén người xông nhà. Người được kén là người tốt vía nhanh nhẹn dễ dãi để sáng mùng một tới xông nhà, mang lại ảnh hưởng tốt đẹp cho nhà chủ quanh năm.

Người đến xông nhà đốt bánh pháo để mừng nhà chủ và chúc tụng chủ nhà những điều may mắn quanh năm. Nhà chủ cũng chúc tụng lại khách xông nhà và cảm ơn khách đã mang lại sự may mắn cho nhà mình.

Xông nhà còn được gọi là xông đất.

#### *Xuất hành*

Tục này cũng đã trình bày ở trên về tục lệ đêm trừ tịch, nhưng có nhiều người không xuất hành vào đêm trừ tịch, mà người ta còn kén ngày kén giờ.

Những người làm ăn, quanh năm phải ra đi, nhân ngày Tết thường chọn ngày giờ để xuất hành và thường người ta đi ra khỏi đất làng xã mình, hay ít nhất cũng đi ra khỏi thôn mình.

Người ta chọn hướng. Mỗi năm chỉ có một hướng hợp. Ra đi theo hướng tốt bằng một lối và lúc trở về làng mình lại theo một lối khác. Không ai xuất hành nghịch hướng vì e gặp sự không may trong năm.

Người ta lại kén ngày kén giờ, vì trong ba ngày đầu năm có ngày xấu, có ngày tốt, và một ngày có giờ xấu có giờ tốt. Người kiêng kỹ chỉ xuất hành nhằm hôm tốt ngày vào giờ hoàng đạo.

Trong một làng, thường thường dân làng theo một hướng xuất hành, cùng đi trên một nẻo đường. Họ gặp nhau vui vẻ lắm, chúc tụng lẫn nhau, nói nói cười cười, áo quần lòa lẹt xúng xính.

Đi xuất hành, người ta đồng thời hái lộc như đã nói ở trên.

### Lễ Tết.

Dân ta thờ phụng tổ tiên. Người ta thờ phụng tổ tiên nhà mình, lại tôn trọng cả tổ tiên người khác. Nhân ngày Tết, người ta đến nhà nhau, trước là để lễ Tết, sau là để chúc tụng lẫn nhau.

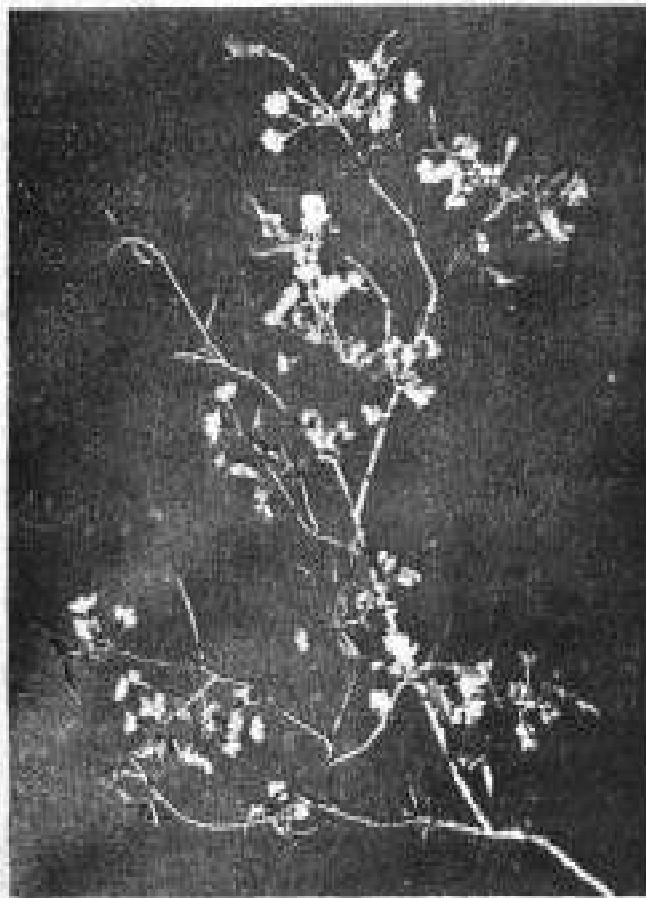
Việc lễ Tết các cụ là một việc rất hệ trọng. Ngày Tết, các cụ đi lễ hết các nhà họ xa họ gần trong làng, và khắp hết các nhà lân bang hàng xóm. Các cụ đi không hết, các cụ cắt con cháu đi thay.

Đừng ai tưởng đi lễ Tết như vậy là nhẹ nhàng. Rất mệt. Đến mỗi nhà phải lễ trước bàn thờ bốn lễ, ba vái, phải lên gói, xuống gói cúi đầu. Có nhiều nhà, có ông bà mới mất, thờ riêng một bàn thờ, khách đến Tết phải lễ cả ở bàn thờ này. Đi lễ như vậy, đi suốt buổi, khắp họ hàng bè bạn, hàng ngày phải lên gói xuống gói mấy trăm lần. Tới mỗi nhà lại chúc Tết nói chuyện, ăn trà uống nước. Có nhà lại ép mời khách nếm bánh chưng, xôi chè lam nóng bỏng, mứt kẹo do nhà làm ra. Khách không dám từ chối sợ làm giông chủ nhà.

Người mới mệt vì lễ bái, bụng luôn no vì ăn uống, môi cắn chỉ vì nhai trà. Lại thêm suốt ngày phải bận quần áo chỉnh tề, khăn đóng áo dài, chân đi giày đi dép. Tuy vậy, vẫn không ai bỏ qua việc lễ Tết. Đây là một bổn phận đối với họ hàng bè bạn. Người ta đến lễ tổ tiên mình, mình phải đáp lễ.

Đi lễ Tết không như ngày nay đi chúc Tết ở thành thị. Ở thành thị, bây giờ người ta đến chúc Tết với nhau vì xã giao,





Cảnh đào Tết (Ảnh Nguyễn Cao Đàm)

còn xưa kia, mục đích chính của việc đi chúc Tết là lễ Tết trước rồi mới chúc Tết sau.

Con rể đến lễ Tết nhà bố mẹ vợ, học trò đến lễ Tết nhà thầy, người dưới đến lễ Tết nhà người trên, kẻ hàm ơn đến lễ Tết nhà người đã ra ơn cho mình...

*Khai bút.*

Nhà văn, nhà thơ thường có lệ khai bút đầu năm vào ngày Nguyên Đán.

Các văn nhân, thi sĩ sẵn sàng sơn mực bút nghiên giấy tờ, đốt bình trầm trước án thư kén giờ hoàng đạo khai bút viết văn làm thơ.

Thơ làm xong, gặp có khách đến nhà hoặc khi đến bạn hữu chúc Tết, người nọ đọc cho người kia nghe rồi cùng ngâm vịnh.

*Chơi cảnh đào.*

Hoa đào màu đỏ nhạt rất hợp với cảnh xuân. Ngày Tết, người ta thường kén hoa đào để cắm ở trong nhà. Tục còn tin rằng cảnh đào trừ được ma quỷ do tích cũ đã trình bày trên chương “Cây cối với mê tín dị đoan” về hai vị thần là Thần Trà và Uất Lũy.

*Cửa vào như nước.*

Nhân ngày mùng một Tết, tại các thành thị cũng như thôn quê, có những người đi gánh nước thuê, gánh nước tới đổ vào mọi nhà và chúc những nhà này quanh năm làm ăn phát đạt cửa vào như nước.

Gia chủ vui vẻ mở hàng cho người gánh nước một món tiền gấp mấy lần ngày thường và cũng mong của sẽ vào như nước quanh năm như lời chúc tụng của người gánh nước.

*Giông*

Giông nghĩa là gặp sự không may quanh năm.

Ngày đầu năm người ta tránh mọi sự có thể giông.



## TRANH TẾT



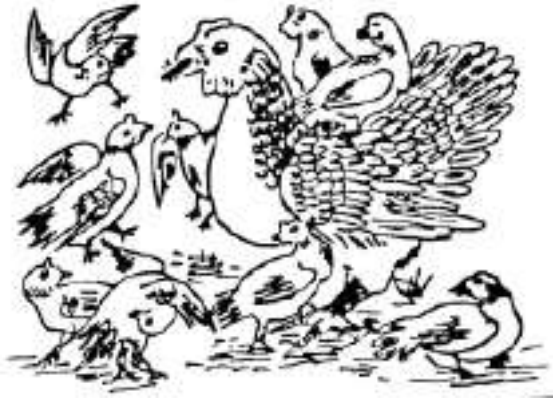
Đám cưới Chuột



Thầy đồ Cóc



Tranh Táo Quân



Tranh gà mẹ con tượng trưng hạnh phúc



Cây nêu

Đứa trẻ phải ngoan ngoãn kéo phải mắng phải đòn, bị giông sẽ phải mắng phải đòn quanh năm.

Người lớn phải giữ gìn mọi cử chỉ, luôn luôn vui vẻ để quanh năm vui vẻ, không cau có, giận dữ sợ bị giông sẽ cau có giận dữ suốt năm.

Tóm lại, người ta tránh tất cả những cái gì có thể là một điềm gở đem lại sự không may quanh năm, nghĩa là tránh để khỏi phải bị giông.

#### *Kiênng quét nhà.*

Trong ngày Nguyên Đán, người ta kiênng quét nhà, và nếu nhà cửa có bẩn quá, người ta chỉ quét sơ, vun rác vào một xó, đợi ba hôm động thổ rồi mới đem đổ.

Tục này do ở trong *Sưu Thần Ký* và sự tích Thần Tài mà ra.

#### *Những điều kiênng khác.*

Ngày Tết còn rất nhiều điều kiênng.

Kiênng mặc áo trắng, e có điềm tang tóc.

Kiênng nói tiếng khi, e làm ăn xúi quẩy.

Kiênng nói những điều tục tũ, kiênng nhắc tới những chuyện chết chóc v.v...

#### *Hóa vàng.*

Sau ba ngày Tết, sáng ngày mùng 4, người ta cúng tiền các cụ và hóa vàng.

Bao nhiêu vàng đã cúng trong ngày Tết, do người gia trưởng mua hay do con cháu và các ngành thứ đem gửi Tết đều được đem đốt sau tuần cúng tiền các cụ.

Những nghìn vàng dành riêng cho người mới chết trong năm qua sẽ được hóa riêng một đồng. Khi vàng hóa gần hết, người ta đổ vào những đồng tro vàng, mỗi đồng một chén rượu cúng. Tục tin rằng có như vậy ở dưới cõi âm các cụ mới nhận được vàng, và vàng mã mới biến thành vàng tiêu được ở nơi âm phủ.





Rồi người ta đem hai cây mía đã mua trong năm và đã để thờ trong ba ngày Tết ra hơ trên những đồng tàn vàng còn đang đỏ ối. Hai cây mía đó, theo tín ngưỡng, người ta bảo là gây các cụ. Các cụ sẽ dùng hai cây mía này để gánh vàng về cõi âm, và cũng dùng làm khí giới chống lại bọn quỷ sứ muốn ăn cướp vàng.

Lễ hóa vàng chấm dứt ngày Tết tại các gia đình. Trong buổi cúng tiễn các cụ ngày mùng bốn, các con cháu thường tề tựu lại các nhà gia trưởng, và sau lễ hóa vàng họ cùng nhau ăn uống để kết thúc ngày Tết. Sau bữa cơm hóa vàng này, những con cháu làm ăn nơi xa lại ai đi phương này.

Ngày nay, thường người ta hóa vàng sớm hơn, nhất là tại các đô thị, rất ít các nhà cúng các cụ cho hết ba ngày Tết.

#### *Viếng mộ đầu xuân.*

Có nơi thay vì đi thăm mộ trước Tết, người ta đợi đầu xuân, sau khi hóa vàng tiễn các cụ, mới cùng nhau đi viếng mộ.

Ở làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh Hà Bắc, sáng sớm, sau cuộc lễ, có hóa vàng đốt pháo, rồi nhà nhà đều rủ nhau đi thăm mộ.

Phần đông gia đình, già trẻ lớn bé đều đi viếng mộ hết. Gia đình nào cũng mang theo hương để cắm lên mộ, mang theo vàng lá để đốt tại mộ, và nhất là mang theo cuộc sêng để đắp lại các nắm mộ cho cao, vun lại các nắm mộ cho đẹp, đánh nhỏ đi hết những khóm cây dại mọc lẫn vào mộ.

Ở nghĩa địa đủ nam phụ lão ấu với áo màu sắc sỡ của ngày xuân.

Có nhiều người lại đốt cả pháo, như muốn để hương hồn người khuất được chia vui thêm với người sống nhân dịp xuân về.

Thăm mộ là một tục rất đẹp và rất có ý nghĩa. Tục này còn, gia đình còn và con người sẽ không bao giờ mất gốc.

\*

\* \*

Tết Nguyên Đán là Tết trọng đại nhất trong năm. Với Tết này không những người ta thêm tuổi mà chính là một dịp để có sự đoàn tụ toàn thể gia đình sau một năm mỗi người một ngả.



# NGÀY TẾT CỦA ĐỒNG BÀO THƯỢNG MIỀN NAM



Mỗi độ xuân về chúng ta lại đón mừng một năm mới. Xuân tung bừng đến, lòng người rộn rã vui, câu chúc cho nhau những điều may mắn. Bao nhiêu điều không tốt đẹp hãy lui trở lại với năm cũ để cho năm mới được tinh hảo, đem lại cho con người toàn những niềm hy vọng.

Trong lúc chúng ta mừng xuân, chúng ta cũng nên tìm hiểu xuân của một số anh chị em chúng ta, các đồng bào Thượng, mà gần đây một số các nhà nhân chủng học đã xác nhận đồng nguồn gốc với chúng ta.

Chúng ta ăn Tết, đón xuân, các sắc dân đồng bào Thượng cũng mỗi năm một dịp mừng xuân mới, tùy theo phong tục từng sắc dân. Xuân và Tết của các đồng bào này nhiều khi không cùng đến với xuân và Tết của chúng ta, đến sớm hơn hoặc đến muộn hơn, tùy từng địa phương, nhưng sớm muộn họ đều coi đó là một dịp ăn mừng trong năm.

Muốn nói đầy đủ về Tết của các đồng bào Thượng phải một tập sách dày mấy trăm trang mới mong trình bày được hết. Việc làm này, xin thú thực tôi không làm nổi và xin

dành riêng cho các nhà nhân chủng học, ở đây tôi chỉ muốn nhân dịp nói tới Tết Nguyên Đán của người Kinh, tôi không quên các đồng bào Thượng.

Bắt đầu bằng một số ít các sắc tộc miền Nam.

## TẾT CỦA NGƯỜI KOHO

Người Koho là một sắc dân ở cao nguyên Trung Phần, tập trung nhiều nhất tại tỉnh Lâm Đồng.

Người Koho không ăn Tết Nguyên Đán như người Kinh. Tết của họ đến sau Tết Nguyên Đán một tháng và gọi là Tết Lir bong (Ly bông), tức là Tết Mừng Lúa Về.

Tết này bắt đầu vào khoảng tháng ba dương lịch và kéo dài hàng tháng. Dân Koho đón mừng ngày Tết một cách thanh thoi. Thóc lúa họ vừa gặt xong, việc canh nông đã chấm dứt. Họ tha hồ nhàn rỗi, chờ đợi mùa mưa để cấy cấy vụ sắp tới.

Ý nghĩa *Tết Mừng Lúa* là để dân chúng hân hoan vui sướng sau khi đã đóng kho lúa lại. Hai chữ Lir bong, nghĩa đen là *bị cát thóc*, vậy mừng lúa về là mừng thóc đã đóng vào trong cát. Ăn Tết Lir bong, người Koho mừng vì kết quả thu hoạch được và tỏ lòng cảm ơn Thượng đế Yang (Giàng) đã ban ơn cho họ, cho mưa thuận gió hòa để họ có thóc lúa sinh sống quanh năm.

Đối với người Koho, thóc lúa quý lắm. Toàn dân họ sống về nghề nông. Thóc lúa là căn bản, nên để cảm ơn Thượng đế Yang đã ban cho họ, họ không tiếc các sinh vật. Họ giết trâu, lợn, dê, gà để tạ ơn đức Yang. Họ cúng rẫy, cúng ruộng, cúng gieo hạt và khi lúa lên họ cúng “*đường lúa*” để cây lúa khỏe mạnh. Lúc lúa gặt về họ tất nhiên phải cúng “*Mừng lúa về*”.

Để tổ chức Tết Lir bong, sau khi thóc đã đóng cát, dân làng tụ họp dưới sự chủ tọa của các bô lão để tổ chức ngày



Tết. Trước hết họ rào làng cho kín để tránh những sự cướp bóc, rồi họ sửa sang đường xá, sửa sang các giếng trong làng, trồng cây nêu v.v... Sau đó họ họp nhau lại để ấn định ngày chính thức khai lễ. Họ cắt đặt người đi mời các bạn bè quan khách tới khai lễ. Thanh niên trong làng chuẩn bị chuông, trống, kèn, sáo để sẵn sàng làm lễ.

Đến ngày lễ đã được ấn định, lễ sẽ được khai mạc theo tục lệ vào buổi chiều khi mặt trời đã lặn. Họ tiếp rước quan khách, họ hàng bè bạn bằng những hồi chiêng rầm rộ. Mọi người được xếp ngồi theo thứ bậc thành hàng lối. Chiêng trống rung đống hồi, cho tới khi mọi người an tọa mới tạm ngưng.

Lúc đó vị chủ tế, thường là chủ gia đình, đứng giữa đám đông đốt hương, bắt gà vịt dê lợn đặt dưới bàn thờ. Sau đó họ mời quan khách cùng hưởng về phía bàn thờ cầu nguyện Thượng đế Yang, đại ý:

*“Khẩn cầu Thượng đế nhận lời cảm tạ của mọi người. Thượng đế đã ban phúc cho dân làng, dân làng có thóc lúa ăn quanh năm, sức khỏe được dồi dào để làm việc hơn nông hầu mùa sau kết quả lại tốt đẹp hơn nữa”.*

Lúc cầu nguyện xong, chủ tế chém con vật hy sinh, lấy huyết nó vẩy lên cửa nhà, các cột thóc, các gĩa lúa, các vò rượu.

Rồi các sinh vật được ngã ra làm cỗ dân làng đãi khách và cùng ăn. Suốt đêm tiếng chiêng, trống, thanh la, kèn, sáo vang lừng lẫn vào tiếng hát.

Lễ này được cử hành tại tất cả các gia đình cùng trong một đêm. Trong các thôn xã Koho đêm đó thật là âm ỉ vui vẻ. Họ tin tưởng vào Thượng đế Yang đã phù hộ cho họ và sẽ phù hộ cho họ mãi mãi.

Sau lễ cúng tại gia đình, họ kéo nhau từ nhà này qua nhà khác để ăn uống vui chung cho tới sáng.

Khách lạ họ gặp trong đêm nay, họ tin là mang may mắn tới cho dân làng họ, cho nên ra đường, nếu họ gặp được người khách lạ, họ sẽ hân hoan cố mời sao cho được người đó vào

dự tiệc với dân làng. Người khách sẽ được đón tiếp nồng hậu trịnh trọng lắm. Họ cố lưu người khách lại càng lâu càng hay.

Người khách sau khi vui chơi tại nhà người chủ đã mời mình, sẽ được mời tới các nhà khác để vui chơi ăn uống. Có thể khách sẽ được mời đi khắp thôn. Ở nhà nào khách cũng được quý trọng, thỏa thích ăn uống tung bừng.

Trong thời gian Tết Lir bong, nếu khách muốn ra về, khách phải trở lại nhà người chủ đã mời mình lúc đầu để cảm ơn và từ giã, khách không thể rút lui khi đang ở một nhà khác. Ngày cuối cùng của Tết Mừng Lúa Mới, mỗi gia đình trở lại làm lễ cầu nguyện riêng với Thượng đế Yang.

Sau ngày này dân làng lại bắt tay lại làm việc.

Tết Mừng Lúa Mới được tổ chức hàng năm. Ngoài Tết này, cứ bảy năm đồng bào Koro lại tổ chức một ngày đại lễ, đại lễ này không cử hành vào một ngày nhất định nào. Tới năm có đại lễ dân làng mới họp để ấn định ngày.

## TẾT CỦA ĐỒNG BÀO THUỢNG DI LINH

Đối với đồng bào Thượng Di Linh, một năm không nhất định bao nhiêu ngày. Đối với họ năm trở lại với mùa lúa. Họ không biết ngày nào nhất định là năm mới trở về, ngày Tết với họ, thay đổi từ làng này sang làng khác: sự thay đổi này khiến họ có thể dự Tết ở nhiều nơi, tại các nhà họ hàng bạn bè.

Trong một làng, dân làng hàng năm hội họp để cùng ấn định ngày Tết.

Tết là một lễ hoàn toàn gia đình, mỗi nghi lễ đều chỉ tổ chức trong phạm vi nhà cửa và vựa thóc. Người gia trưởng chủ tọa mọi cuộc lễ, họ hàng thân cận đều tham dự. Bà nội trợ phải lo sao cho đủ cỗ bàn mời khách khứa của gia trưởng.

Buổi chiều hôm đầu tiên, cả nhà tụ họp dưới vựa thóc, nơi



đây đã được các bà các cô dọn dẹp sạch sẽ, xếp gọn mọi đồ đạc rồi. Chiều đã được trải xuống đất. Một chum rượu cần đã sẵn sàng.

Trong lúc đó, người con rể của gia đình đi giết lợn, dùng dao nhọn đâm vào dưới bả vai con vật. Con lợn được đem thui ngay, ruột gan đựng riêng để cúng thần.

Đêm xuống. Trong vựa thóc chỉ còn được soi sáng bằng lò lửa thui lợn.

Cuộc lễ bắt đầu. Gia trưởng cầm chiếc cần uống rượu đưa qua mọi người trong gia đình để cùng cầu nguyện thần linh bằng điệu hát đều đều.

Cầu nguyện xong, các vị thần linh, coi như đã hưởng rượu, xôi, lòng gan con lợn. Lúc ấy gia trưởng cầm cần rượu vào chum rượu, rồi bắt đầu uống rượu, sau đó tới lượt các người khác, bắt đầu từ những người đáng tôn trọng nhất trong nhà.

Lễ ở dưới vựa thóc lúc này đã xong. Đến lượt lễ trên vựa thóc. Gia trưởng và mọi người leo ngai lên đỉnh vựa thóc. *Sự kiện leo từ dưới lên trên vựa thóc này là một dấu hiệu mừng ngày xuân mới.*

Người gia trưởng quỳ trên đồng thóc giống, đây cũng là một dấu hiệu mừng xuân, cầu khẩn và giết một con gà lấy máu vẩy trên thóc và xin với thần linh để cho những hạt giống này sinh sôi nảy nở mau chóng để tránh những vụ *giáp hạt*.

Sau đó, người này uống mấy bát rượu cần, và vắn quỳ như vậy, đầu chằm mái nhà, gối quỳ trên hạt giống. Mọi người trong nhà cũng uống rượu theo, mỗi người vài bát.

Uống rượu xong, họ kéo nhau đi xuống. người gia trưởng lấy một chiếc bát trộn lẫn trong đó một ít vỏ bàng, một ít giây leo, máu con gà đã cắt tiết, đất tổ mối và rượu, đoạn dùng chất trộn lẫn này để phết lên vựa thóc, cột nhà, cửa vựa thóc và tường nhà. Đôi khi chất đó được phết cả lên người để lấy may. Đó là lễ nghi quan trọng của ngày Mừng Lúa Mới. Sau lễ này, mọi người rời khỏi vựa thóc để đi lên trên nhà.

Cả nhà ngồi quây quần trên những chiếc chiếu để uống rượu. Anh chàng rể lấy rượu ở một chiếc chum lớn nhất rót cho mọi người. Người ta uống rượu đêm. Mọi người sau tiệc rượu đi ngủ, nhưng rồi người gia trưởng lại đánh thức họ dậy để uống rượu mừng năm mới. Đàn ông xúm quanh chum rượu, còn đàn bà tíu tít sửa soạn cơm nước nấu nướng đãi khách. Những bó đuốc nhựa, những cây đèn chai chiếu sáng khắp gian nhà, gây nên một bầu không khí rục rờ. Các bà các cô mặc những áo thêu cộc tay đi đi lại lại.

Cơm nước nấu xong, mọi người tụ tập lại ăn uống. Thịt con gà cắt tiết lúc ở vừa thóc được đem giã nhỏ chia ra mỗi người một ít, để ai nấy đều được hưởng lộc của Thần Thóc Gạo. Con lợn được cắt ra, một phần để dành hôm sau đãi khách sẽ tới.

Người ta uống rượu nhiều hơn ăn. Trống chiêng đánh nổi lên loạn xạ, xen lẫn những khúc hát thổ ngại. Rồi mọi người mỗi mệt, bình minh vừa tới khi họ đã ngủ lơ mơ. Tuy mọi người ngủ nhưng người gia trưởng vẫn thức, thức để canh chừng giấc ngủ của người khác, nhất là của khách khứa.

Bình minh đến, mọi người lại thức giấc để lại mở thêm nhiều vò rượu cùng nhau say sưa. Cuộc vui kéo dài hết ngày đến tận trưa hôm sau. Khách khứa lúc đó mới ra về mỗi người mang theo một gói xôi.

Năm mới bắt đầu tốt đẹp.

## TẾT CỦA ĐỒNG BÀO CHÀM

Đã nói đến Tết của các đồng bào dân tộc thiểu số, không thể không nói đến Tết của đồng bào Chăm.

Mặc dầu ngày nay đời sống của người Chăm đã như hòa hợp với đời sống của người Kinh, họ vẫn còn lưu giữ





một số các cô tục riêng, nhất là những tục lệ về ngày Tết Năm Mới.

Người Chăm theo đạo Bà La Môn ăn Tết khác người Chăm Hồi Giáo.

## TẾT CỦA NGƯỜI CHÀM ĐẠO BÀ CHĂM

Người Chăm theo đạo Bà La Môn gọi là đạo Bà Chăm, thường được đồng bào Kinh gọi là người Chăm Chăm.

Sau một năm vất vả nhọc mệt với công việc đồng áng, khi mùa lúa đã xong, đồng bào người Chăm dành ra một thời gian để ăn Tết và cũng là để tỏ lòng biết ơn tổ tiên quá vãng.

Tết của người Chăm Chăm gọi là Yêu ly thay và được cử hành vào hai dịp:

Tết chính gọi là Bang Ca Tê cử hành vào tháng 7 Chăm, tức là vào khoảng tháng 9 âm lịch.

Tết phụ gọi là Cha Bur cử hành vào tháng 9 Chăm, tức là tháng 11 âm lịch.

Cả hai Tết này hàng năm đều cử hành vào một ngày nhất định theo tục lệ từ xưa lưu lại.

## TẾT CHÍNH BANG CA TÊ

Trong dịp này, các cuộc tế lễ được tổ chức cúng thần linh tại các đền để cầu an ninh thịnh vượng. Các cuộc lễ khởi diễn từ ngày mùng một cho đến 15 tháng 7 Chăm. Dân chúng mang đồ lễ tới để cầu cúng. Lễ tất họ lại mang về.

Lễ này rất long trọng tại các địa điểm tháp Chăm, tháp Bà, tháp Hữu Đức...

Trong ngày Tết không có tiệc tùng và cũng không có những cuộc thăm viếng bà con bằng hữu.

## TẾT PHỤ CHA BUR

Tết phụ Cha Bur dành riêng để tổ chức tại gia đình. Nhà cửa được lau chùi, đồ lễ được sửa soạn từ mấy ngày trước.

Người Chăm Chăm không có tục viếng mộ, nhưng đồng bào đó tin rằng chỉ có linh hồn những người khuất được chôn tại các nghĩa trang, gọi là Mu Cut, là có thể trở về gia đình với con cháu để hưởng lễ.

Theo đạo Bà La Môn, những kẻ vô tín ngưỡng và bị tội không được phép chôn ở nghĩa trang.

Tết Cha Bur bắt đầu từ 15 đến 30 tháng 9 Chăm, tức là từ 15 đến 30 tháng 11 âm lịch. Những cuộc lễ đáng kể trong Tết này, tuy là dành riêng cho gia đình, vẫn là cuộc lễ tại các đền Chăm vào ngày rằm tháng chín Chăm.

Sau cuộc lễ chung này, mọi người mới kéo nhau về nhà để hưởng Tết riêng tại gia đình.

## TẾT CỦA NGƯỜI CHÀM ĐẠO PA NI

Người Chăm theo Hồi giáo được gọi đồng bào Chăm theo đạo Pa Ni, và ta vẫn gọi tắt là Chăm Ni.

Đối với đồng bào Chăm Ni ngày Tết là dịp con cháu trả ơn tổ tiên. Chính vì vậy mà ngày Tết được gọi là *Bang Mu Cay*, Bang nghĩa là ăn, Mu Cay nghĩa là dâng lễ tổ tiên.

Đồng thời ngày Tết lại cũng là ngày tổ chức những buổi lễ tôn giáo tại các đền chùa để cảm tạ thần linh và để cầu khẩn các ngài che chở và phù hộ cho được an khang thịnh vượng.

Tân niên của người Chăm Ni trở về với mỗi mùa xuân, nhưng mùa xuân không đến đúng vào một ngày nào hàng năm, khi thì tới tháng hai, khi thì tới tháng 3 âm lịch v.v...



Mỗi năm các Po Chan tức là các tu sĩ Chàm cao niên hội họp với nhau để ấn định ngày lành sẽ tổ chức năm mới. Ngày được chọn xong, các Po Chan mới loan tin cho dân chúng biết để sửa soạn ăn Tết. Tết kéo dài trong hai ngày, nhưng ít nhất phải dự bị trước từ một tuần lễ. Lễ Nao Khôn, viếng mộ tổ tiên, được tổ chức. Trong lễ này, mộ được đắp lại, cỏ bị đẩy.

Trong nhà cũng được sửa sang để đón xuân. Nền nhà, tường, đồ đạc được lau chùi kỹ lưỡng. Nợ nần phải trả hết trước Tết, bao nhiêu thù hận phải xóa đi. Ai cũng phải tỏ ra niềm ở vui vẻ với mọi người.

Những người tha hương phải xoay sở để về làng ăn Tết. Ngày Tết, gia đình xum họp như người Việt để chúc tụng nhau và cùng ăn uống thỏa thuê. Trong các bữa tiệc, cảm ngất không có thịt lợn, theo tục lệ Hồi giáo.

Nhà cửa chăng đèn kết hoa. Cỗ bàn cúng tổ tiên chỉ đơn giản nhưng thật thành kính.

Ngày thứ hai, mọi người đi thăm viếng chúc tụng lẫn nhau và tới đâu cũng được mời ăn mời uống.

Hết ngày thứ hai, mọi tiệc tùng đều hết để sửa soạn cho ngày thứ ba là ngày đi lễ đền gọi là *Mu than mung ky*.

Tại các đền các Po Chan làm lễ, và dân chúng mang lễ vật tới tham dự theo đúng phong tục Hồi giáo.

Suốt một tháng kể từ ngày *Mu than mung ky*, trong những ngày 5, 15 và 30 trong tháng, các Po Chan đều làm lễ thần linh. Nhân dịp năm mới, các đồng bào giữ nhiều điều kiêng kỵ, từ ngôn ngữ đến hành động. Họ mở lịch đồng để tiên đoán sự xấu tốt trong năm.

Họ tin rằng trong ngày đầu năm nếu các loại vật nuôi ở trong nhà lên tiếng kêu là báo điềm tốt, trái lại tiếng kêu của các thú rừng báo điềm xấu.

### SỰ TÍCH RƯỢU CẦN

Người Kinh ta có câu: “Không có rượu không thành lễ”; đối với các đồng bào Thượng, miền Bắc cũng như miền Nam, trong những dịp vui mừng đều có uống rượu, nhất là trong những dịp mừng năm mới. Nếu người Kinh ta uống *rượu tằm*, *rượu vân*, các đồng bào Thượng dùng *rượu cần*.

Gọi tên rượu cần là vì rượu không rót ra chén uống, lại uống bằng cần cắm từ dưới đáy hũ rượu lên cho tới tầm người vừa uống. Cần có thể bằng tre, bằng sậy thông lòng ống.

Nói đến Tết của đồng bào Thượng không thể không nói tới rượu cần, nhất là gần đây Kinh, Thượng đoàn kết, người Kinh cũng luôn luôn có dịp uống rượu cần.

Tại các gia đình người Thượng miền Nam, dù giàu nghèo nhà nào cũng có vài ba chóc rượu cần, những chóc này mang tên là những cái ghè.

Cái ghè đựng rượu là một gia bảo, càng lâu càng quý, có chiếc Ghè đáng giá hai ba con trâu hoặc hơn nữa.

Theo đồng bào Thượng, rượu cần có sự tích riêng:

Ngày xưa tổ tiên người Thượng chất phác lắm: Thượng đế thấy vậy rất thương mến, sai một thần linh đội hình một con nhím tới huấn luyện cho họ cách thức nấu rượu cần. Trước hết lấy những củ khoai già nhỏ hòa với nước và bột gạo, nấu lên rồi nắm thành những nắm to bằng quả trứng gà. Đặt những nắm ấy lên những chiếc mẹt rồi hong ra gió một thời gian, tới khi nào những nắm đó phủ men xanh, đem vào bếp sấy. Rồi thổi cơm cho chín, trộn những nắm bột có men ấy vào. Thế là thành men rượu gọi là Cua Êba.

Những nắm bột đó đem đặt vào những chiếc ghè, rồi lấy rơm bọc kín lại. Năm sáu ngày sau, mở ghè ra đổ nước lã vào cho đầy, rồi cho thêm một thứ lá tươi mà đồng bào Thượng giữ kín không nói là lá gì. Sau đó, lại dùng rơm trộn



với bùn bịt chặt miệng ghè lại, để thêm độ bảy ngày nữa là thành rượu cần.

Thần Nhím lại bảo tổ tiên người Thượng dùng một cái ống rỗng ruột uốn cong lại, một đầu cắm sâu vào trong vò, một đầu để vào miệng mà hút rượu. Uống như vậy cho đến khi ghè cạn hết rượu, có thể lại đổ thêm nước lã vào cho đến khi nào hết chất rượu mới thôi. Từ đó, tổ tiên người Thượng miền Nam chế rượu cần dùng và lưu truyền bí quyết chế rượu cho con cháu.

Truyện lại kể rằng tổ tiên người Thượng sau khi chế rượu xong cùng nhau uống, rượu ngon mềm môi uống mãi cho tới khi say mềm, vác gậy đánh nhau với thần Nhím. Thần Nhím cô thế phải bỏ chạy, mọi người đuổi theo. Thần Nhím trốn vào bụi rậm, đoàn người xua chó săn vào đuổi. Thần Nhím phải chạy lên núi, đoàn người cứ đuổi theo cho tới khi lên tới vùng cao nguyên thì người và chó đều mệt nhoài. Họ liền ở lại định cư tại đây, ngày nay là miền Thượng.

Sự tích rượu cần kể qua một câu chuyện thật là chất phác, nhưng nó đã đượm cả lòng tin của rất nhiều dân Thượng, và cũng nói lên bản chất yêu núi rừng của họ.



## NHỮNG CUỘC VUI XUÂN CỦA ĐỒNG BÀO THƯỢNG DU MIỀN BẮC



Đã nói đến Tết Nguyên Đán của người Kinh, đã nhắc qua sự mừng Tết của một vài sắc tộc Thượng miền Nam, tôi tưởng không thể bỏ qua không nói tới đồng bào Thượng du miền Bắc với những thú chơi xuân ăn Tết rất nên thơ.

Đồng bào Thượng miền Bắc phần nhiều gàn gụi người miền xuôi qua những cuộc giao dịch làm ăn, nên phong tục tập quán thường không khác người miền xuôi bao nhiêu, ngoại trừ ít nhiều tục lệ riêng, và một số các tục lệ chỉ thấy trong những dịp hội hè Tết nhất, nhất là khi mừng xuân.

Những tục lệ trình bày ở đây, chỉ là một số ít các tục lệ cổ truyền, giờ đây không biết có còn tồn tại hay đã thay đổi nhiều. Đành rằng những điều trình bày ra đây còn nhiều thiếu sót, nhưng đã giúp ích phần nào cho bạn đọc, biết tới đâu, xin nói tới đó với mục đích để những tục lệ này khỏi bị rơi vào lãng quên với tình trạng đất nước chia đôi ngày nay.

Đồng bào Thượng du miền Bắc, gồm rất nhiều sắc dân khác nhau, nhưng có nhiều phong tục có bề tương tự giống nhau. Những sắc dân chính phải kể người Thổ (Tày) ở Lạng



Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, người Nùng ở Móng Cái, Tiên Yên, người Mường ở Ninh Bình, Hòa Bình, phần thượng du tỉnh Thanh Hóa, người Mán (Dao) ở Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, người Mèo (H'Mông) ở Hà Giang, Hoàng Xu Phi (Hoàng Liên Sơn), người Lô Lô, người Yao, người Nhắng ở Lào Cai, người Xạ Phang ở dọc biên giới Vân Nam. Mỗi sắc dân đồng bào Thượng nói trên, trong phong tục đón xuân tuy có khác nhau, nhưng tựu trung những điểm chính vẫn giống nhau: sửa soạn Tết từ ngày trong năm và vui xuân với hội hè cùng các cuộc giải trí ngoài Tết trong suốt tháng Giêng, có khi sang cả tháng Hai và tháng Ba.

### TẾT CỦA NGƯỜI THỔ (TÀY)

Trong các sắc dân đồng bào Thượng miền Bắc, các đồng bào người Thổ (Tày) tại Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn và một phần tỉnh Bắc Giang (Hà Bắc) (Châu Hữu Lũng), cũng chung sống lẫn với người Kinh, cũng chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa với người Kinh, và xưa kia vẫn chịu sự chi phối trực tiếp của triều đình Việt Nam, nên phong tục tập quán gần với người Kinh lắm. Họ cũng sửa soạn Tết, cũng gói bánh chưng, cũng làm các thứ bánh trái như ta. Bánh chưng của họ gói tròn và họ gọi là bánh tày, tuy nguyên liệu làm bánh cũng như người Kinh: gói bánh bằng lá dong, bánh bằng gạo nếp, có nhân đậu và thịt hoặc nhân đường với đậu xanh dùng để cúng Phật.

Ngày Tết họ cũng sắm quần áo mới để ngoài riêng chơi xuân, và để thưởng thức Tết, trong nhà cũng trang hoàng sửa sang. Họ cũng làm cỗ bàn cúng bái.

Trong những ngày Tết họ đốt rất nhiều pháo, và tại nhiều nơi, Đồng Mỏ, Na Sầm, Nước Hai, Quảng Uyên... có mở

những hội pháo rất linh đình và người ta tranh nhau cướp đầu pháo. Pháo đốt ran trong những ngày hội, pháo tượng trưng cho Tết, có Tết là có pháo.

Trong những ngày hội xuân họ cũng có những trò vui như hội hè miền xuôi, nhưng cũng nhiều khi rất khác.

Dưới đây là tóm lược mấy trò vui đặc biệt của đồng bào Thổ (Tày) trong những hội xuân.

### HÁT LƯỢN

Hát lượn cũng giống như hát đúm ở miền xuôi, hoặc hát hò ở miền Nam. Đây là lối hát giao duyên giữa nam thanh nữ tú nhưng riêng của trai gái miền thượng du Bắc Việt. Tại khắp các hội xuân của đồng bào Thổ (Tày), và cả của đồng bào Mán (Dao), thuộc mấy tỉnh Vĩnh Yên, Phú Thọ (Vĩnh Phú), Tuyên Quang nữa, hội Tam Lộng tỉnh Vĩnh Yên vào ngày 25 tháng Chạp, hội Đồng Mỏ ngày mồng chín tháng Giêng (Châu Ôn tỉnh Lạng Sơn), hội Kỳ Lừa ngày mồng 10 tháng Giêng v.v... trai gái miền sơn cước rủ nhau tới hội hát lượn.

Trong câu hát cùng những lời dằm thắm, cùng những câu ân tình, trai gái thanh xuân hát lượn với nhau quên ngày giờ và quên cả các trò vui khác.

Vừa lượn họ vừa đưa sóng mắt nhìn nhau để câu hát thêm tình tứ, để tim họ thêm rung động. Họ cùng nhau tính đến ngày mai qua câu hát, họ hứa hẹn thề bồi cùng nhau sẽ như chim liền cánh, như cây liền cành.

Nam xướng, nữ họa, nam nữ đối đáp, trai một câu, rồi đến gái một câu, họ quên giá lạnh của miền núi, họ không biết đến sự ồn ào ở chung quanh, họ chỉ biết trao đổi cùng nhau những lời êm dịu. Họ ở lại hội rất muộn, rồi lúc về bản, đi đường, đôi khi họ còn hát tiếp.





## ĐÁNH CÒN

*Đánh còn* cũng là một trò vui đặc biệt của miền thượng du Bắc Việt. Đây là một môn du hí lưu truyền từ đời Hùng Vương, nghĩa là từ khi còn có các Quan Lang và các cô Mỵ Nương. Hàng năm cho đến hồi tiền chiến, trước năm 1954 tại hội đền Hùng, phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (Vĩnh Phú) đều có tổ chức đánh còn.

Còn là một trò chơi quý phái của nữ nhi, hay nói cho đúng của các cô tiểu thư con các Lạc hầu, Lạc tướng.

Lưu truyền tới ngày nay, môn du hí này vẫn giữ nguyên nếp chơi của ngày trước, cũng chỉ dành riêng cho các cô sơn nữ, ở Phú Thọ cũng như ở Lạng Sơn, ở Cao Bằng cũng như ở Bắc Cạn...

Còn là một trái cầu to bằng quả cam lớn, khâu bằng vải, trong nhồi bông, hoặc cỏ mềm, hoặc vải vụn. Bên ngoài còn bọc bằng vải mềm, có rua ngũ sắc trông sặc sỡ rất đẹp.

*Đánh còn* thường tổ chức trên một khoảng đất rộng. Giữa khoảnh đất này có trồng một thân tre cao. Trên ngọn cột tre, ngoài những lá cờ ngũ sắc phấp phới biểu hiện của đình đám ngày xuân, còn có một vòng tre đường kính ước độ già hai gang tay, có quấn giấy màu xanh đỏ.

Các thiếu nữ chơi còn đứng về hai phía sân còn đối diện nhau để lần lượt thi ném quả còn cho lọt qua chiếc vòng tre trên đỉnh ngọn cột cờ. Khách giả, phần nhiều là các chàng trai, đứng vây quanh sân còn.

Muốn ném còn, các cô sơn nữ cầm rua quả còn đưa tay văng vọt lên. Quả còn lướt qua ngọn cột tre, những dây rua ngũ sắc cũng lướt xòe ra trông rất ngoạn mục. Thường thường trái còn chỉ đi sát bên chiếc vòng tre, ít khi trúng vào giữa *vòng còn*. Mỗi lần trái còn đi trúng qua giữa vòng còn, khán giả thường hò reo khen ngợi khuyến khích.

Các cô sơn nữ say mê ném còn, ganh đua nhau mong tung trái còn qua vòng tròn. Các cô vừa ném còn, có khi vừa ca

những câu hát cổ truyền. Ném còn trúng đích các cô rất hãnh diện, không những với chúng bạn chơi mà nhất là với các chàng trai khán giả. Các chàng trai gọi tên các cô để ca tụng, các cô càng cố gắng hơn.

Trái còn văng đi, trái còn đánh lại; những tầm con mắt ngược theo đà còn và có những con tim hồi hộp khi trái còn từ từ sắp lướt tới vòng tròn.

Nhiều cô sơn nữ ném trái còn để bói cuộc nhân duyên của mình. Còn ném trúng đích, các cô hân hoan sung sướng, các cô tin rằng sẽ được may mắn trong yêu đương.

Cuộc chơi còn thường kéo dài suốt mấy ngày hội, và hàng ngày chỉ được ngừng rất muộn vào lúc bóng chiều dần xuống.

### HIẾU KHÁCH

Trong những ngày hội, nhất là các hội cướp đầu pháo, đồng bào Thượng miền Bắc tỏ ra rất *hiếu khách*. Khách lạ tới hội thường được tiếp đãi nồng hậu. Riêng tại châu Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng, có xã Quảng Uyên, dân làng trong dịp ngày hội đầu năm vào ngày mùng hai tháng hai âm lịch, rất lấy làm hân hạnh được tiếp khách vào nhà. Ở đây người ta tin rằng, đầu năm được khách lạ vào nhà và thết đãi được khách là một điều may mắn cho suốt năm.

Nhà có đàn bà con gái, người ta mong được tiếp khách đàn ông con trai, và trái lại nhà có đàn ông con trai, người ta mong được tiếp khách đàn bà con gái.

Những đồng bào Kinh tới dự những ngày hội rất được trọng vọng và những chàng trai được các cô sơn nữ tranh nhau mời đón vào nhà.

Có thể nói tính hiếu khách là tính chung của đồng bào người Thổ (Tày), nhưng đức tính quý hóa này được biểu lộ một cách rất nồng nhiệt trong dịp đầu năm. Có thể nói thêm rằng



cùng với tân niên, một người khách lạ đi lạc vào bản, vào bất cứ một gia đình nào cũng được tiếp đãi nồng hậu và lịch sự.

### TẾT CỦA NGƯỜI MUỜNG, NGƯỜI NÙNG, NGƯỜI THÁI, NGƯỜI MÁN (DAO)

Từ trên mới đề cập tới đồng bào Thổ (Tày) và một vài tục giải trí mùa xuân của họ, những tục không thấy ở miền xuôi. Ngoài những tục lệ trên, xin nhắc lại, người Thổ (Tày) cũng ăn Tết như người Kinh.

Cùng ăn Tết như ta, còn có các đồng bào người Mường, theo các cụ thì họ chính là người nguyên thủy Việt Nam, những tục lệ của người Mường phần nhiều tương tự với tục lệ của người Kinh.

Và cả người Nùng cũng vậy. Người Nùng ở Móng Cái chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc cũng như người Kinh, họ cũng thờ cúng như người Kinh với tục lệ Kinh, tuy nhiều nếp sống cũng như tục lệ của đồng bào này có phần nghiêng về người Trung Hoa nhiều hơn.

Sau ngày 19-12-1946, các đồng bào Nùng sinh hoạt nhiều với người Kinh, và sự đụng chạm đã có rất nhiều ảnh hưởng về tục lệ của họ, và những ngày Tết, họ vẫn như người Kinh, trải bao biến chuyển vẫn được đón tiếp long trọng như xưa, nếu không giữ nguyên được về mặt vật chất thì họ giữ nguyên cái tâm thành với Tết.

Cũng cần nói qua tới sự đón Tết của các đồng bào người Thái, cả Thái trắng lẫn Thái đen thuộc các tỉnh Sơn La, Lai Châu. Các đồng bào này cũng sửa soạn sắm Tết và vui Tết như người Kinh. Đặc biệt trong các cuộc vui của họ có múa xòe, là một vũ điệu riêng rất uyển chuyển và rất quyến rũ. Đầu năm, tại các gia đình quý tộc có tổ chức múa xòe để

mời các quan khách và để dân chúng mua vui. Xòe do các cô thiếu nữ biểu diễn, điệu múa nhịp nhàng lả lướt khiến ai đã có dịp dự kiến sẽ không bao giờ quên được. Các cô múa xòe mặc y phục diêm dúa sắc sỡ.

Trong những ngày hội hè, nam phái nhiều người ăn vận Kinh phục, các người quý phái ưa y phục này. Mấy năm cuối cùng thời Pháp thuộc, họ cũng theo người Kinh mặc Âu phục.

Tóm lại, người Thái, người Mường, người Thổ (Tày), và người Nùng sửa soạn và vui Tết không khác gì người Kinh mấy, có khác chỉ khác ở các trò vui, cả ngay đến một số các người Mán (Dao) ở Vĩnh Yên, Phú Thọ, Tuyên Quang cũng vậy.

## TẾT CỦA NGƯỜI NHẮNG

Người Nhắng ở Lào Cay, họ cũng chú trọng tới Tết như người Kinh, và ngày Tết họ cũng gác bỏ mọi công việc để vui chơi.

Từ 20 tháng chạp trở đi, họ đã sửa soạn ăn Tết, sắm đồ ăn thức mặc, quét dọn nhà cửa. Họ cũng dùng những câu đối như người Kinh để dán vào các cột nhà, dán vào vách.

Đêm ba mươi Tết họ cũng đón giao thừa. Họ thức suốt đêm để đốt pháo mừng xuân.

Họ có tục đi lấy nước mang về pha trà cúng tổ tiên. Đêm ba mươi Tết, họ chọn giờ tốt, rủ nhau mang ống nước, bầu nước hoặc sang trọng hơn, mang bình ra suối, lựa chỗ nước trong mức nước về. Nước này dành riêng để pha trà cúng.

Tục đi lấy nước suối này, cũng là tục xuất hành của họ, nên lúc trở về, họ cũng như người Kinh, bao giờ cũng hái một cành lộc. Cành lộc này họ mang về cắm trên bàn thờ.

Bàn thờ của người Nhắng sơ sài hơn bàn thờ của ta, không có vàng mã chỉ có một bát hương và vài đĩa hoa quả. Trước



bàn thờ là một chiếc cồng làm bằng một cây nứa thật dài còn nguyên cả lá uốn cong xuống. Rừng Lào Cay rất sẵn nứa.

Mồng một đầu năm, người Nhắng ăn chay và cúng toàn đồ chay. Ngày hôm ấy họ không đi đâu chỉ ở nhà chúc mừng lẫn nhau.

Ngày mùng hai, họ đi chào mừng bà con, họ hàng quen thuộc, và lễ cúng hôm nay là lễ mặn có thịt cá.

Vị chủ tịch trong làng, được dân chúng lũ lượt kéo nhau tới lễ ông vải và chúc mừng. Để đáp lại, ông có cỗ mời đầy đủ, nếu thấy thiếu gì phải cho tiếp ngay.

Trong lúc ăn, trai gái ngồi riêng bàn. Khi rượu ngà ngà say, đôi bên hát lượn với nhau những lời ân tình êm dịu.

Rồi kể đó những bàn thờ lò, xóc đĩa, bài câu được mở ra.

Ngày mồng hai Tết, cũng là ngày người Nhắng đi lễ các đền đài. Chung quanh Lào Cay cũng như chung quanh các thị trấn khác của tỉnh này, có rất nhiều đền miếu. Họ đi lễ cầu mạnh khỏe, xin ước những điều mong đợi. Những cặp trai gái Nhắng thường hẹn nhau từ trong năm để đi lễ, để cầu Thánh thần phù hộ cho họ được cùng nhau nên duyên cầm sắt. Lễ xong, họ dắt nhau ra cánh đồng hát lượn. Họ đứng cách nhau dùng hai ống nứa nối liền bằng sợi dây dài để hát.

Ngày mồng ba, mồng bốn và sau nữa, người Nhắng vẫn tiếp tục vui chơi có khi cho đến hết tháng xuân: lễ bái, cỗ bàn, hội hè, ca hát, bài bạc...

*Một lễ đặc biệt của người Nhắng: lễ Lục Tùng (Lùng tùng).*

Thường thường người Nhắng vui xuân cho đến hết ngày Lục Tùng là ngày hội chính hàng năm của họ.

Lục Tùng là hội to mở cho cả một tổng, có khi cả trai gái các tổng khác cũng tới dự. Thật là vui, vui hơn Tết Nguyên Đán nhiều!

Lễ Lục Tùng ở Bát Xát mở vào ngày mồng sáu hoặc mồng bảy tháng Giêng, ở Mường Hum mở vào ngày mồng mười

hay mười hai tháng Hai tùy tốt xấu trong các ngày đó. Họ xem ngày cẩn thận. Lễ Lục Tùng chính là ngày lễ cúng ông Thần coi về mùa màng.

Ông Lý trưởng hoặc Chánh tổng nơi mở hội phải đứng tổ chức lễ này và phải chịu hết các phí khoản. Ông phải có sẵn trâu bò, dê lợn, gà vịt để thết đãi dân làng.

Trong mấy ngày Tết Nguyên Đán, những người ở các thôn xa không đến chúc mừng ông Lý hoặc ông Chánh được, ngày lễ Lục Tùng họ kéo nhau tới chúc mừng ông rồi rượu chè, bài bạc hát lượn.

Lễ Lục Tùng cử hành ngoài đồng bởi một ông thầy cúng gọi là Pầu mo. Đứng vào ngày lễ vào lúc 8 giờ sáng Pầu Mo dẫn các chức dịch và dân làng ra ngoài đồng làm lễ tại giàn lễ. Giàn lễ là một chiếc bàn to, kê sau một hàng rào nửa mới dựng, trên bày đủ các thức ăn, trâu gà, lợn vịt v.v.... và hương hoa.

Pầu mo mặc toàn đồ đen, áo dài, quần và khăn đen, bước vào giàn lễ khấn thần, quỳ lễ. Sau Pầu mo đến các chức sắc, rồi đến dân làng cùng kéo nhau vào lễ.

Lễ xong là cuộc Ném còn. Trong lúc này, ông Chánh hoặc ông Lý ngồi cạnh bàn thờ. Pầu mo bắt đầu cuộc ném còn. Ông cầm quả còn ngũ sắc ném qua vòng tròn còn trên ngọn một cột cờ. Vòng còn ở đây có dán giấy đỏ. Nếu may mắn Pầu mo ném quả còn xuyên qua được vòng còn bịt giấy đỏ, năm ấy mùa màng sẽ tốt đẹp.

Pầu mo ném xong dù qua vòng còn hay không, cũng đến lượt dân làng thay phiên nhau ném còn cho đến khi mặt giấy đỏ bịt vòng còn rách tung ra mới thôi.

Sau cuộc ném còn là cuộc *cướp ống lệnh*. Ống lệnh là một ống bằng sắt, gắn kín hai đầu, trong có nhồi thuốc pháo và có cắm một chiếc ngòi. Đốt chiếc ngòi, ống sắt bị sức thuốc pháo nổ, tung lên cao, trai gái xô nhau vào cướp. Ai cướp



được, mang tới bàn thờ lễ tạ trước nhất, được ông Chánh hoặc ông Lý thưởng tiền và ban cho rượu uống.

Ngoài ra, trong ngày lễ này, còn có trò kéo co và cờ bạc nữa.

Tan lễ ở ngoài đồng, mọi người kéo nhau về nhà ông Chánh hoặc ông Lý ăn cỗ. Trai gái tha hồ chúc rượu cho nhau. Tục lệ bắt buộc phải uống của mỗi cô gái từ một tới ba chén rượu, tính trung bình mỗi người phải uống tới năm bảy chục chai rượu, mới hết lượt mời; ấy là chỉ tính uống của mỗi cô gái một chén. Nếu chàng trai nào không uống được, các cô xúm nhau vào đê ra, đổ rượu vào mồm, vào đầu, lên tai cho đến khi quần áo ướt hết mới tha.

Đây là ban ngày, còn buổi tối, trai gái thả sức hát lượn với nhau.

Những chàng trai bị mệt thường lên sàn gác hay sang các phòng bên để ngủ, nhưng các nàng đâu có chịu để yên. Các cô rủ nhau đi tìm các chàng. Một cô cầm chiếc điều cày và nén hương đang cháy đi trước, các cô khác lũ lượt theo sau. Các cô lên gác nhà sàn, vào buồng, buộc các chàng trai ngồi dậy để hát. Nếu chàng trai bằng lòng hát phải đỡ lấy điều cày, rít một hơi thuốc lào, rồi cất tiếng ca để trả lời sự mời mọc của các cô.

Nếu chàng trai cứ nằm ngủ, các cô lấy hương châm vào người, vào tay, vào chân, bịt đầu châm đầy cho đến khi chàng phải ngồi dậy mới thôi.

Suốt đêm Lục Tùng trai gái vang ca với nhau cho đến sáng.

Họ chia tay nhau ra về. Lễ Lục Tùng hết, Tết Nguyên Đán mới là hết. Mọi người lại bắt đầu làm việc để chờ Tết năm sau.

# MẤY LỄ ĐẦU XUÂN



Với Tết Nguyên Đán, một năm mới bắt đầu, mọi việc đều phải mới. Bao nhiêu những điều cũ như muốn lùi lại cùng năm cũ.

Chính vì vậy, người ta đã sửa soạn đón năm mới một cách trịnh trọng theo nghi lễ cũng như trên thực tế.

Rồi với đầu xuân tới, có những lễ đầu xuân để bắt đầu cho một năm. Những lễ này xưa kia, dân ta rất chú trọng, từ vua đến dân, từ quan đến lính, không ai là không theo để cầu mong lấy một năm mưa hòa, gió thuận, phát đạt, thịnh vượng.

Những lễ đó là lễ Động Thổ, lễ Khai Hạ, lễ Hạ Điền, lễ Thượng Nguyên, và riêng đối với nhà vua còn có lễ Du Xuân, lễ Khai Ân, các quan chức có kiếm ấn thường cũng làm lễ này.

Ngoài các lễ trên được cử hành khi Lập xuân hoặc sau khi xuân tới, có những lễ được sửa soạn trước để đón mùa xuân: lễ Ban Sóc, lễ Phát Thúc, đây là không kể lễ Tổng Cựu Nghinh Tân.

## LỄ ĐỘNG THỔ

*Động thổ* theo “Hán Việt tự điển” của Đào Duy Anh nghĩa là *động đến đất*. Vậy lễ Động thổ nghĩa là lễ động đất, và





trong khi động đất phải có lễ cúng Thổ thần để trình xin bắt đầu *động đến đất cho một năm mới*.

### NGUỒN GỐC TỤC LỆ

Theo các sách cổ nguồn gốc lễ Động thổ bắt đầu từ năm 113 trước Thiên chúa giáng sinh.

Nguyên năm đó là năm Mậu Thìn, vua Hán Vũ Đế thấy triều đình chỉ có tục tế Trời mà không tế Đất mới bàn cùng quần thần, và sau đó đặt ra nghi lễ tế Hậu Thổ, tức là Thần Đất, còn gọi là *xã tế*.

### NGHI THỨC

Nghi thức tế Thần Đất như sau:

Đào một ao, ở giữa có một nền tròn: trên nền tròn có năm bệ, trên mỗi bệ đều có lễ Tam sinh gồm bò, dê, lợn.

Lễ phục của mấy vị chủ tế và bồi bái đều màu vàng.

Lễ Xã Tế đầu tiên do vua Hán Vũ Đế chủ tế và cử hành tại đất Hoài Khuru gần sông Phàn.

Lễ Động Thổ bắt đầu từ đó, nhưng đến năm vua Hán Thành Đế lên ngôi, năm 32 trước tây lịch có lệnh bãi bỏ lễ này.

Về sau vì có thiên tai xảy ra, nên lễ Xã Tế lại được tái lập và tồn tại mãi về sau.

Lễ Xã Tế chia làm năm bậc dành cho Hoàng đế, các vua chư hầu và các quan đại phu trở xuống và có tác dụng khác nhau.

*Đại Xã*, Hoàng đế chủ tế, làm lễ cho toàn dân, kể cả dân các nước chư hầu.

*Vương Xã*, Hoàng đế chủ tế, làm lễ cho riêng mình.

*Quốc Xã*, vua chư hầu chủ tế làm lễ cho toàn dân của nước chư hầu liên hệ.

*Hầu Xã*, vua chư hầu chủ tế làm lễ cho riêng mình.

*Trí Xã*, quan đại phu trở xuống chủ tế, làm lễ cho từng địa phương.

### XÃ TẾ TẠI VIỆT NAM.

Xã Tế bắt đầu ở Trung Quốc, lẽ tất nhiên phải truyền tới các nước chư hầu và các nước lệ thuộc trong đó có Việt Nam.

Xưa kia, tại Việt Nam, lễ này cũng được tổ chức từ triều đình tới dân gian, nhưng về sau lễ này chỉ còn tồn tại trong dân chúng, tại triều đình, Thần Đất đã có tế trong dịp tế Nam Giao.

Hàng năm, sau ngày mùng ba Tết, tại các làng có làm lễ *Động Thổ* để cho dân làng có thể đào bới cuộc xới được.

Chính ra thì ngày lễ *Động Thổ* không nhất định là ngày nào, nhưng để dân chúng tiện việc làm ăn, nhiều làng thường cử hành lễ này sau ba ngày Tết.

Trong buổi lễ, ông chủ tế với nguyên áo thụng xanh cuộc mấy nhát xuống đất để lấy một cục đất đặt lên bàn thờ, tường trình với Thổ thần xin cho dân làng được động thổ.

Sau buổi lễ *Động Thổ* này, dân làng mới được động tới đất. Ai cuộc xới trước lễ *Động Thổ* bị dân làng bắt vạ.

Trong ba ngày Tết, nếu không may có ai mệnh chung, tang gia phải quàn lại trong nhà, đợi lễ *Động Thổ* xong mới được đào huyệt an táng.

### LỄ KHAI HẠ

Theo tục lệ Việt Nam, ngày mùng bảy tháng Giêng là ngày lễ Hạ nêu.

Cây nêu trồng trong năm, khi sửa soạn đón Tết cùng với cung tên bằng vôi trắng vẽ trước cửa nhà để trừ ma quỷ, nay được hạ xuống.

Lễ Hạ nêu còn gọi là lễ Khai hạ. Mọi công việc thường xuyên, người ta chỉ bắt đầu sau ngày lễ này, tuy tại vùng quê người ta vẫn còn ăn chơi, vì tháng Giêng là tháng ăn chơi, và vì lúc đó, công việc đồng áng đã vội.



### SỰ TÍCH CÂY NÊU.

Cây nêu người ta trồng để trừ ma quỷ có sự tích như sau:

Tục truyền ngày xưa, khi Tết đến, bọn ma quỷ hay tới quấy nhiễu dân gian. Dân gian kêu đức Phật, Phật liền ra tay bắt bọn ma quỷ. Bọn ma quỷ sợ hãi đức Phật, không dám quấy nhiễu, nhưng chúng hỏi ở đâu là đất của Phật để chúng tránh xa. Phật đáp:

- Ở đâu có phước, có chuông, có khánh đây là đất của Phật.

Ma quỷ lại hỏi địa giới của Phật đến đâu và lấy gì làm phân biệt.

Phật bảo chúng là ở đâu có vết vôi trắng là địa giới của Phật.

Sau đó, ngày Tết người ta dựng cây, trên ngọn nêu có treo khánh sành và phước giấy, và ở trước nhà có rắc vôi bột thành hình cung tên để trừ ma quỷ. Ma quỷ thấy cây nêu và vôi trắng không dám phạm tới vì sợ đức Phật.

### NGUỒN GỐC LỄ KHAI HẠ.

Lễ Khai hạ, người Trung Hoa gọi là lễ Nhân nhật, nghĩa là ngày của Người.

Theo sách *Phương sóc chiêm thú* thì tám ngày đầu năm mỗi ngày thuộc riêng về một giống:

Mùng 1 thuộc giống Gà

Mùng 2 thuộc giống Chó

Mùng 3 thuộc giống Lợn

Mùng 4 thuộc giống Dê

Mùng 5 thuộc giống Trâu

Mùng 6 thuộc giống Ngựa

Mùng 7 thuộc giống Người nên được gọi là Nhân nhật

Mùng 8 thuộc giống Thóc

Nhân ngày *Nhân nhật* là ngày của giống Người nên người ta làm lễ cúng Trời, Đất để đánh dấu ngày đó.

Người Việt Nam, nhân dịp này, ngoài lễ giữa trời cúng Trời, Đất, còn sửa lễ cúng Gia Tiên, cúng Thổ Công và cúng Thần Tài. Thường sau lễ này, những người buôn bán mới bắt đầu đi chợ, mở cửa hàng.

### LỄ KHAI HẠ CỦA NGƯỜI TRUNG HOA.

Lễ Khai hạ nguồn gốc tự người Trung Hoa, dân Việt Nam sở dĩ làm lễ Khai hạ vì bị ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc. Nhân đây, xin nói sơ qua về lễ này của người Trung Hoa để bạn đọc tìm hiểu.

Người Trung Hoa làm lễ Khai hạ rất linh đình. Họ họp nhau tại đình làng, treo đèn kết hoa, có nhiều cuộc nhảy múa để dân chúng mua vui thưởng xuân. Sau lễ Khai hạ, các hiệu buôn đều mở cửa, những nhà hàng đều đốt pháo. Theo họ, tiếng pháo đem lại sự may mắn và xua đuổi tà ma, quỷ quái.

Sở dĩ người Trung Hoa tổ chức những cuộc vui trong ngày mùng 7 tháng Giêng vì ngày này, như trên đã nói, là ngày của giống Người, giống Người cũng phải ăn mừng cho tung bừng để chứng tỏ loài người đứng trên muôn vật.

Trong sách Tào có thuật lại tục Nhân nhật ở Kim Lăng như sau:

Đầu giờ Tý, đêm mùng sáu tháng Giêng tại công sở các thôn xã, già trẻ trai gái đều tụ họp. Ai nấy đều tắm rửa sạch sẽ và mặc quần áo đẹp.

Một đôi ông già bà già khỏe mạnh và sung sướng nhất thôn đứng lên nói về thân thể của mình và cầu chúc cho mọi người đều được như mình. Khi đôi ông bà già này, chúc tụng mọi người đã xong, những cặp vợ chồng trẻ xúm vào yêu cầu đôi ông bà già nói chuyện ái ân cho họ nghe mặc dầu đôi ông bà già này không phải là vợ chồng. Đôi ông bà già phải chiều ý họ kể lại những chuyện ái ân của mình. Câu chuyện được mọi người hoan hô.

Cuộc vui tiếp diễn mãi tới sáng mới ai về nhà nấy.



### LỄ KHAI HẠ NGÀY NAY.

Ngày nay, nhiều nơi không còn lễ Khai hạ nữa, tuy nhiên tại các gia đình Trung Hoa và Việt Nam nhất là những gia đình buôn bán, ngày mùng 7 tháng Giêng vẫn có cúng lễ, cầu buôn may bán đắt, phát đạt, thịnh vượng quanh năm.

Người ta cũng cúng gia tiên, cúng Thổ Công, cúng Thần Tài, và có một số người vẫn cúng Trời, Đất như cổ lệ.

### LỄ THẦN NÔNG

Thần Nông tức là vị Hoàng đế Trung Hoa đầu tiên đã dạy dân nghề làm ruộng, chế ra cày bừa và là người đầu tiên đã làm lễ *Tịch điền* hoặc *Hạ điền*.

Lễ Thần Nông tức là lễ tế vua Thần Nông để cầu mong sự được mùa và nghề nông phát đạt.

Trên các quyền lịch hàng năm của người Trung Hoa cũng như của ta thường có vẽ một mục đồng giắt một con trâu.

Mục đồng tức là vua Thần Nông, còn con trâu tượng trưng cho nghề Nông.

Hình mục đồng cũng như con trâu thay đổi hàng năm tùy theo sự ước đoán của Khâm thiên giám về mùa màng năm đó tốt hay xấu.

Năm nào được mùa, Thần Nông giày dép chỉnh tề, còn năm nào mùa kém, Thần Nông có vẻ như vội vàng hấp tấp nên chỉ đi giày có một chân.

Con trâu đổi màu tùy theo hành của mỗi năm, vàng, đen, trắng, xanh, đỏ đúng với Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Hàng năm xưa có tục tế và rước Thần Nông tại triều đình.

### NGHI THỨC LỄ TẾ THẦN NÔNG.

Lễ tế Thần Nông hàng năm cử hành vào ngày Lập Xuân, bởi vậy nên tế Thần Nông còn được gọi là Tế Xuân.

Theo chỉ dụ của vua Minh Mạng trước đây, hàng năm sau tiết *Đông Chí*, tòa Khâm thiên giám phải lo sửa soạn việc tế Thần Nông. Các quan cùng nhau họp để nặn trâu và tượng Thần Nông, tra cứu theo lịch để nặn tượng cho đúng với sự ước lượng về mùa màng và tô sắc trâu.

Trước ngày Lập Xuân hai ngày, tại gần cửa Đông Ba ngày nay tức là cửa chính Đông, các quan Khâm thiên giám cho lập một cái đài hướng Đông. Trâu và tượng Thần Nông cũng được đưa tới lưu tại phủ Thừa Thiên để ngày hôm sau các quan trong phủ tới rước từ phủ tới đài. Các quan vận lễ phục, có lính vác gươm đao, tàn lọng, cờ quạt đi theo.

Tới đài thì một lễ đơn giản được cử hành như có ý để trình với thần linh tượng và trâu. Sau đó, trâu và tượng Thần Nông lại được khiêng về kho.

Hôm Tế Xuân lại được rước ra đài, nhưng lần này đi rước là các quan bộ Lễ và các quan tỉnh Thừa Thiên. Khi đám rước đi qua cung vua, một viên thái giám vào tâu vua biết. Sau đó, đám rước lại tiếp tục đi và khi đi qua bộ Lễ, một viên quan đánh vào đít trâu ba roi, có ý thôi thúc cho trâu phải làm việc.

Tới đài các quan làm lễ tế Thần Nông theo như nghi lễ các cuộc tế khác.

Tế Thần Nông xong, trâu và tượng Thần Nông lại có quân lính khiêng cất vào kho.

Năm Minh Mạng thứ hai, nhà vua ra lệnh phải chôn trâu và tượng Thần Nông sau mỗi cuộc tế.

Từ năm Khải Định thứ ba, để đỡ tốn kém, trâu và tượng Thần Nông từ trước vẫn nặn bằng đất, nhà vua ra chỉ dụ thay trâu và tượng bởi hình vẽ trên vải.

Lễ Thần Nông có năm roi đúng vào một ngày kỵ tại lăng miếu. Lễ vẫn cử hành, nhưng các quan tham dự không được mặc áo đỏ hoặc tía, và ban nhạc tuy có mặt cũng không được cử nhạc.



Tại các tỉnh, trong ngày Lập Xuân cũng có lễ tế Thần Nông, và lễ này cũng được sửa soạn từ sau ngày Đông Chí. Các quan tỉnh phụ trách việc hành lễ. Trâu và tượng Thần Nông cũng được đem chôn sau buổi lễ như tại kinh đô.

## LỄ TỊCH ĐIỀN

Lễ *Tịch Điền* còn gọi là lễ *Hạ Điền*. Chính vua Thần Nông là người đặt ra lễ này. Hàng năm xưa kia mỗi lần xuân đến, nhà vua lại tự thân cày mấy luống ruộng để làm gương cho dân chúng để cử hành lễ *Tịch Điền*.

### *LỄ TỊCH ĐIỀN TỪ KHỞI THỦY.*

Lễ *Tịch Điền* được cử hành trong một ngày hội đầu xuân. Nhà vua ngự trên một cỗ xa, đem theo cây bừa đi thẳng tới sở *Tịch Điền*, có văn võ bách quan theo hầu, quân lính và dân chúng theo sau.

Nhà vua xuống ruộng cày ba luống, các vương công chư hầu cày năm luống, các công khanh đại phu cày bảy luống, sĩ cày chín luống. Sau đến lượt dân chúng cũng cày bừa thửa ruộng này, một thửa ruộng dành riêng, lấy hoa màu dùng trong việc cúng lễ. Hạt giống gieo vào thửa ruộng cũng chính là lựa trong đám thóc đã gặt được vụ trước.

Lễ *Tịch Điền* lúc đầu giản dị như vậy, nhưng về sau có nhiều sự thay đổi như việc thêm lễ Tam sinh và có ca hát những bài ca đồng áng về đời nhà Hán. Đến đời nhà Tống nghi lễ càng thêm phiền phức như đắp đài sơn xanh cao chín thước, làm nhà trên đài v.v...

### *LỄ TỊCH ĐIỀN TẠI VIỆT NAM.*

Cũng như các nghi lễ khác, ta cũng dùng nghi lễ *Tịch Điền* của người Tàu, và lễ này du nhập sang nước ta cùng với sự nội thuộc Hán tộc.

Theo sử, chính vua Lê Đại Hành đã cày ruộng, và trong hai lần cày, nhà vua được một lần một chum bằng vàng và một lần một chum bằng bạc, và những thửa ruộng dùng để cày trong lễ Tịch Điền do đó có tên là *kim ngân điền*.

Các vua nhà Lý cử hành lễ Tịch Điền rất trọng thể.

Các vua nhà Trần vẫn giữ lễ này, nhưng vì có chiến tranh với quân Mông Cổ, lễ cử hành đơn giản. Qua đời nhà Hậu Lê, đến đời nhà Nguyễn, lễ này được vua Minh Mạng rất chú ý, và lễ được cử hành long trọng.

#### NGHI LỄ TỊCH ĐIỀN TRIỀU NGUYỄN.

Các quan bộ Lễ trình rõ nhà vua ngày lễ.

Trước ngày lễ một hôm, tại cửa Tả đòan, *sáu thể đình*, chiếc bàn chung quanh có phủ lụa, được thiết lập. Các quan tỉnh Thừa Thiên sắp sửa sẵn cày bừa và một thúng thóc đặt trên các thể đình rồi nhà vua được rước ra ngự lãm. Cày bừa nhà vua dùng và thóc giống được rước trên long đình mang tới, sở Tịch Điền có lính tráng, cờ quạt theo hầu. Tại đây long đình được đặt gần chiếc chiếu của vua, gọi là *đế tịch*.

Các thể đình cũng được mang tới và đặt gần chiếu của các quan gọi là *quan tịch*.

Sở Tịch Điền đặt tại phường Yên Trạch và Hậu Sanh là nơi cử hành lễ, có xây một đài để nhà vua tới xem cày gọi là *đài quan canh*, và có sẵn nhà kho để chứa cày bừa, thóc giống dùng vào việc lễ gọi là *phần khố*.

Sáng hôm hành lễ, chiêm trống vang lừng. Quân dân sắp hàng hai bên đường vua đi tới nơi hành lễ, đường này cờ xí rợp trời, có voi ngựa đứng hầu, lại thêm phường nhạc đội khăn mặc áo đỏ, mang *cờ ngũ hành*, chân đi hia đứng dàn hầu.

Đúng giờ Mão, nhà vua bắt đầu đi từ trong cung đi ra, đầu đội mũ cứu long, mình mặc áo vàng. Bầy phát súng lệnh được bán lên báo hiệu vua đã khởi hành.





Tới nơi hành lễ, nhà vua rửa tay rồi bắt đầu dự lễ, tế ba tuần rượu. Tế xong, phường nhạc nổi lên, và nhà vua sang nhà cụ phục để thay áo, đội một chiếc khăn, mặc một chiếc áo chèn. Sau đó nhà vua ra cày.

Nhà vua cày bằng một chiếc cày sơn vàng, tay trái cầm roi. Có bốn vị bê lão, chức sắc giúp nhà vua cày và dắt hai con bò có phủ lụa vàng. Hai vị quan đi theo sau vua, người bưng thúng thóc, người vãi thóc.

Nhà vua cày ba đường, đoạn giao cày và roi cho hai quan theo hầu là quan Phủ doãn Thừa Thiên và một quan bộ Hộ. Cày và roi để lên long đình. Nhà vua đến nhà quan canh để dự xem nốt buổi lễ. Các hoàng thân, các quan văn võ đều phải cày. Hoàng thân cày mười đường, quan văn võ cày mười tám đường. Sau cùng là các chức sắc, bê lão sở tại cũng ra cày.

Cày xong, vua trở về Đại Nội, các dụng cụ cất vào kho, trâu bò giao cho làng sở tại Phú Xuân để trong coi thửa ruộng cho tới mùa gặt.

Đồng thời tại các tỉnh, các xã cũng có lễ Tịch Điền. Ở tỉnh, quan tỉnh mở đầu việc cày, ở xã do ông tiên chỉ hoặc vị kỳ mục nào chức sắc cao nhất trong xã.

Việc cử hành lễ Tịch Điền tại các xã, nhiều địa phương có những tục lệ riêng.

Đến ngày lễ, vị chủ tế, ông tiên chỉ hoặc vị chức sắc cao nhất trong xã, được dân làng rước ra thửa ruộng riêng của làng dành cho lễ này. Nơi đây có bàn thờ để cử hành cuộc tế lễ. Tế lễ xong, ông tiên chỉ bước xuống ruộng cấy lúa, ruộng là ruộng chiêm nên thường xâm xấp nước. Theo lệ làng ông phải cấy mấy hàng lúa. Trong lúc ông cấy lúa, ông mặc quần áo chỉnh tề. Dân làng đứng ở trên bờ ruộng, chờ lúc ông bắt đầu cấy, họ dùng nước, có khi cả bùn đất ném vào người ông.

Bị ném ông lính quýnh, muốn cấy cho mau xong, cắm cây mạ xuống ruộng vội vàng, mạ không ăn sâu, lại tự nổi lên,

ông lại phải cấm lại, và dân làng té nước, ném bùn vào người ông, vừa té vừa cười rất vui vẻ.

Ông chủ té không giận và cũng không bỏ dở việc của mình, ông chịu đựng sự té nước, ném bùn và cấy cho xong những hàng lúa. Thật là náo nhiệt tưng bừng.

Hành động té nước vào ông tiên chỉ chủ té tượng trưng cho sự tưới nước vào cây lúa, cầu mong cho cây lúa được tốt tươi và có nhiều thóc.

### LỄ THƯỢNG ĐIỀN

Đã nói tới lễ Tịch Điền, tưởng không thể không nhắc tới lễ *Thượng Điền*, tuy lễ này không cử hành đầu xuân mà cử hành khi lúa chín.

Khi lúa chín, quan tỉnh Thừa Thiên làm lễ rồi gặt hái, chọn thóc dùng cho lễ Tịch Điền năm sau.

Tại các tỉnh, các xã đều có lễ Thượng Điền để tạ ơn Trời, Đất và vua Thần Nông đã ban cho được mùa.

### LỄ DU XUÂN

Lễ *Du Xuân* là lễ nhà vua ngự du lúc xuân sang.

Lễ có từ đời nhà Lê. Ngày mồng một tháng Giêng, sau khi các hoàng thân và các quan chúc mừng, nhà vua ngự du xuân có các quan văn võ đi theo. Ngài mặc áo hoàng bào cỡi ngựa đi trước. Các quan, lính tráng mang cờ quạt khí giới theo sau.

Triều Nguyễn, các nhà vua không có lễ Du Xuân.

Mãi tới đời vua Đồng Khánh mới tổ chức lễ Du Xuân một lần với mục đích để dân chúng thấy nhà vua không bị thực dân Pháp giam lỏng tại kinh thành.

Lễ Du Xuân của nhà vua, cũng giống như việc người dân xuất hành, vì bộ Lễ phải chọn hướng để nhà vua, ngô hầu quanh năm trong nước được thái bình, Khang thịnh.



## LỄ THƯỢNG NGUYÊN

Lễ *Thượng Nguyên* vào ngày rằm tháng Giêng. Từ triều đình đến dân chúng đều có lễ Phật trong ngày này. Ta có câu:

*Lễ Phật quanh năm,  
Không bằng rằm tháng Giêng.*

Tục ta tin rằng trong ngày rằm tháng Giêng, đức Phật giáng lâm tại các chùa để chứng độ lòng thành của các tín đồ Phật giáo. Trong dịp này, chùa nào cũng đông người tới lễ bái. Các cụ bà đã quy y cũng nhân ngày lễ này, đến chùa tụng kinh niệm Phật. Các cụ vừa lần tràng hạt vừa kể hạnh nghĩa là kể lại sự tích của đức Phật và chư bồ tát cũng như sự hy sinh cao cả của các người.

Và những đôi trai gái nặng lòng yêu nhau cũng kéo nhau tới trước Phật đài để xin đức Phật phù hộ cho được cùng nhau vẹn nghĩa ba sinh.

### *NGUỒN GỐC LỄ THƯỢNG NGUYÊN.*

Theo đạo Phật, nguồn gốc lễ Thượng Nguyên như sau:

Ngày mùng một và ngày rằm mỗi tháng được coi là ngày Phật, các tín đồ Phật Giáo trong những ngày này đều rủ nhau đi lễ chùa.

Ngày mùng một là ngày đầu tháng, nhưng đêm lại tối đen, còn ngày Rằm thì đêm có trăng sáng sủa. Trong một năm, ngày rằm đầu tiên là rằm tháng giêng nên người ta xô nhau đi lễ Phật.

Theo các sách Trung Hoa, lễ Thượng Nguyên không phải là một ngày lễ Phật.

Trước đây chính là *Tết Trạng Nguyên*. Nhân dịp này, nhà vua hội họp các ông Trạng để thết tiệc và mời vào vườn Thượng Uyển thăm hoa, ngắm cảnh, làm thơ. Ngày xuân đầm

ấm, gió mát trăng trong, trăm hoa đua nở, thi hứng rạt rào, các ông Trạng cùng nhau thi đua ngâm vịnh ca ngợi cái đẹp của hóa công cũng như ân đức của nhà vua.

Tết Trạng Nguyên sau được đổi làm Tết Thượng Nguyên.

Tết cũng còn một tên nữa là *Tết Nguyên Tiêu*. Nhân Tết này, ban đêm tại kinh thành và các thị xã có chăng đèn kết hoa. Ở các nơi như Giang Châu, Tô Châu gần sông nước có cuộc bơi thuyền.

Thuyền được trang hoàng muôn màu sắc, thấp sáng trung, hoa treo rục rờ. Tại các hí trường và các công viên có nhiều trò vui như đánh gươm, cưỡi ngựa, nhảy múa v.v...

Các văn nhân trong đêm Nguyên Tiêu thường họp nhau uống rượu thưởng xuân, vịnh ngâm thơ phú.

Theo các nhà thuật số, ngày rằm tháng Giêng còn là ngày vía *Thiên quan*. Nhân ngày này, tại các đền chùa có làm lễ dâng sao, nghĩa là cúng các vị sao để giải trừ tai ách quanh năm.

Cúng lễ dâng sao, người ta lập đàn tràng tam cấp, trên cúng Trời Phật, Tiên Thánh, giữa cúng các vị sao thủ mạng, ở dưới cùng cúng bố thí chúng sinh. Mỗi năm mỗi người có một vị sao thủ mạng.

Lễ vật cúng dâng sao dùng hoa quả, trâu cau, xôi oản, chè rượu, vàng mã và cả hình nhân nữa.

Theo một số đồng bào thượng du miền Bắc, ngày rằm tháng Giêng còn là ngày giỗ tướng Nùng Chí Cao.

Nùng Chí Cao ở Vân Nam, tự xưng là Lĩnh Nam Vương, chống nhau với quân Tống, bị Địch Thanh đánh nhau, chết vào ngày rằm tháng Giêng được giờ linh nên được dân chúng phụng thờ.

Dù lễ Thượng Nguyên có nguồn gốc nào cũng mặc, dân ta làm lễ Thượng Nguyên vì lòng tôn kính đối với chư Phật, đồng thời có cúng gia tiên, Thổ công và thần Tài... Những người gặp năm sao nặng, cũng nhân ngày lễ này làm lễ dâng sao giải hạn.



## LỄ KHAI ẤN

Các ấn đã được lau chùi trong năm, ngoài xuân bộ Lễ chọn ngày lành, giờ tốt để làm lễ *khai ấn* nghĩa là dùng ấn đóng lên một công văn chỉ dụ.

Thường bản văn đầu tiên được đóng ấn là bản văn tốt lành.

Tục khai ấn này, tại các tỉnh, các phủ, huyện, châu, tổng, xã, mỗi viên chức có ấn đều chọn ngày khai ấn.

Xưa, người ta có sửa lễ cúng vị thần giữ về ấn tín trong dịp lễ khai ấn.

## NHỮNG LỄ SỬA SOẠN CHO NĂM MỚI

Như trên đã nói, ngoài những lễ thực hiện sau khi xuân sang hoặc vào ngày Lập Xuân, để đón xuân có những lễ được cử hành trước để sửa soạn những lễ đầu năm như *lễ Trừ tịch*, *lễ Ban sóc*, *lễ Phát thức*...

Lễ Ban sóc là lễ nhà vua phát lịch năm sau cho quần thần và các hoàng thân. Lịch do Khâm thiên giám soạn. Có hai thứ lịch: *Bảo lịch* và *Quan lịch*.

Quan lịch mang dấu của tòa Khâm thiên giám. Lịch phát trong triều trước rồi gửi tới các tỉnh sau.

Lễ Phát thức tức là lễ lau chùi *kim ấn*, *kim sách*, *ngọc ấn*, *ngân sách*. Lễ này tổ chức trong tháng Chạp vào ngày tốt lành do tòa Khâm thiên giám chọn.

# TẾT HÀN THỰC



Tết Hàn thực vào ngày mùng ba tháng ba âm lịch. Hàn thực là đồ ăn lạnh. Tết này nguyên cũng là Tết của người Trung Hoa và đã được người Việt ta theo.

## NGUỒN GỐC TẾT HÀN THỰC

Nguyên về đời Xuân Thu vào năm 654 trước Tây lịch, tại nước Tần, một nước chư hầu của nhà Chu có loạn. Vua Văn Công nhà Tấn, lúc đó là công tử Trùng Nhĩ phải rời khỏi nước Tần đi lánh nạn. Cùng đi theo với Trùng Nhĩ có một số các bầy tôi tòng vong trong số đó có Giới Tử Thôi. Mấy chúa tôi long đong chạy khắp nước này qua nước khác, đầu tiên sang nước Địch, rồi trốn đi qua nước Vệ, tới nước Tề, lại sang nước Sở, suốt 19 năm trời lận đận, nhiều lúc thật là khổ sở. Một ngày kia, nửa đường bị thiếu lương thực, đói quá, không kiếm đâu ra thức ăn. Giới Tử Thôi liền cắt thịt đùi mình nấu nướng dâng cho chúa. Trùng Nhĩ ăn xong hỏi ra mới biết, rất lấy làm thương Tử Thôi đã hy sinh cho mình.

Sau 19 năm, ném đủ mọi điều gian truân, công tử Trùng Nhĩ mới khôi phục được nước, lên làm vua, tức là vua Tấn



Văn Công. Nhà vua phong thưởng cho tất cả những người đã có công theo mình trong lúc tòng vong, nhưng vô ý quên mất Giới Tử Thôi không phong thưởng gì. Giới Tử Thôi cũng không oán giận, vì tự xét mình không có công lao gì, nếu có đi theo giúp đỡ nhà vua, đó chỉ là bổn phận của một người bầy tôi. Vì vậy, Giới Tử Thôi về nhà, đem mẹ vào ẩn ở núi Miên Sơn.

Đến khi vua Tấn Văn Công nhớ ra công trạng của Giới Tử Thôi, cho người đi tìm không được, liền sai người đốt rừng Miên Sơn, có ý muốn cho rừng cháy, mẹ con Giới Tử Thôi không chịu được phải ra để nhà vua phong thưởng. Mẹ con Giới Tử Thôi không chịu ra và cùng chịu chết cháy ở trong rừng.

Nhà vua thương xót cho lập miếu thờ, và hàng năm tới ngày mồng ba tháng ba, tức là ngày hai mẹ con Giới Tử Thôi bị chết cháy, cấm dân gian không được dùng lửa để nhớ lại Giới Tử Thôi. Trong ngày này người ta phải làm đồ ăn từ hôm trước để đến ngày hôm sau ăn lạnh, do đó gọi là *Hàn thực*.

Tục này được lưu truyền mãi về sau, và ngày mồng ba tháng ba là *tết Hàn thực*.

## TẾT HÀN THỰC TẠI VIỆT NAM

Người Việt Nam ta nhiễm theo tục của người Tàu cũng ăn tết Hàn thực, một phần để nhớ tới lòng trung nghĩa của Giới Tử Thôi, nhưng cũng là một dịp để cúng gia tiên. Ta ăn Tết Hàn Thực, nhưng ta không kiêng lửa, ta cũng không ăn đồ lạnh. Ta có làm bánh trôi, bánh chay cúng nhưng không phải làm từ hôm trước như người Trung Hoa.

### *BÁNH TRÔI, BÁNH CHAY*

Tháng Ba còn được dân ta gọi là mùa *Trôi nước* vì bắt đầu với tháng ba là có *bánh trôi* và *bánh chay*.

Ta vẫn thường cho rằng bánh trôi và bánh chay là bắt chước người Trung Hoa, nhưng theo các cụ bánh trôi, bánh chay, ta có từ đời Hùng Vương, và tục làm bánh trôi nhắc lại sự tích trăm trứng trăm con.

Trước đây, mỗi khi Hội đền Hùng vào ngày mùng 10 tháng ba, cũng như ngày hội đền Hát Môn, nơi thờ Hai Bà Trưng vào ngày mùng 5 tháng ba, dân làng đều làm một mâm bánh trôi 100 chiếc để cúng, cúng xong chia đôi, đem 50 chiếc thả xuống sông đặt trên bè sen, có 50 chiếc đem đặt lên núi để nhắc lại tích cũ 50 con vua Lạc Long Quân theo mẹ lên núi, và 50 con theo cha xuống biển.

Những chiếc bánh trôi này, người ta tranh nhau giành lấy sau khi đã thả bè sen xuống sông hoặc đặt lên núi vì người ta tin rằng ăn những bánh trôi này sẽ được phước.

Bánh trôi làm bằng bột nếp nhào nặn với nước trong có nhân bằng đường phèn. Bánh nặn xong, được thả vào nồi nước sôi. Bánh chìm xuống rồi nổi lên, *ba chìm bảy nổi chín lên đênh* thì vớt ra bày vào đĩa

Bánh chay cũng làm bằng bột nếp nhào nặn với nước và cũng có nhân, nhưng nhân bằng đậu xanh nấu chín, bỏ vỏ, giã nhỏ. Bánh chay làm xong cũng thả vào nước như bánh trôi, và cũng đợi bánh chìm xuống, nổi lên mấy lần mới vớt ra.

Bánh chay không bày ra đĩa mà để vào bát và có đồ nước đường ở ngoài.

Hai thứ bánh tuy cùng làm bằng bột gạo nếp, nhưng mỗi thứ có mỗi vị và mỗi thứ ăn mỗi ngon riêng.

Trước đây, ta không ăn bánh trôi bánh chay trước ngày mùng ba tháng ba, vì ngày hôm đó, bánh mới bắt đầu cúng tổ tiên, cũng như mới cúng Thổ Công. Vì lòng kính trọng đối với thần linh và tổ tiên, mỗi khi tới một mùa nào, có thực phẩm gì của mùa đó, người ta không ăn nếu chưa làm lễ cúng. Bánh trôi, bánh chay cũng vậy, là của mới, của mùa trôi nước, người ta đợi cúng trước rồi mới ăn sau.





### LƯU TRƯỜNG KHÚC THỦY

Lễ Lưu Trường Khúc Thủy, được cử hành vào ngày mồng 3 tháng ba.

Theo cổ tục nước Tàu, vào ngày tháng này dân chúng rủ nhau đi xem mực cao thấp ở bờ sông, bờ ao, bờ hồ. Các quan tỉnh, hàng năm sức cho phải bày hương án trên các bờ sông để làm lễ Lưu Trường Khúc Thủy.

Về đời nhà Hán, các bà hoàng hậu, công chúa, tôn nhân... đều ra bờ sông làm lễ, và nhân dịp hái lá dâu về cho tắm ăn để kén được thêm tốt tươi.

Trong ngày này, con trai thi nhau đuôi thỏ, con gái thi nhau thả hoa xuống nước. Nếu các nhánh hoa thả xuống nước kết được thành hình con vật gì, mọi người sẽ tán thưởng, và các cậu con trai sẽ kén chọn, về xin phép cha mẹ cưới làm vợ chính thức.

### TẾT HÀN THỰC NGÀY NAY

Ngày nay, tại nơi thành thị không còn mấy nhà ăn Tết Hàn thực, nhưng với tháng ba, mùa trôi nước vẫn xuất hiện và người ta vẫn thấy các bà, các cô đi bán bánh trôi, bánh chay.

# TẾT THANH MINH



**T**hanh Minh là tiết thứ năm trong nhị thập tứ khí và đã được người phương Đông coi là một lễ tiết hàng năm. Tiết Thanh Minh đến với chúng ta, 45 ngày sau ngày Lập Xuân.

## THANH MINH LÀ GÌ

Theo đúng nghĩa đen, *Thanh* là *khí trong* còn *minh* là *sáng sủa*. Thanh Minh là khí trong trẻo và sáng sủa.

Khí tiết Xuân Phân qua, tiết Xuân Phân đến trước tiết Thanh Minh, những mưa bụi của trời xuân đã tan hết, bầu trời trở nên quang đãng, khí trời trong trẻo và cảnh trời sáng sủa. Người ta đã mượn cảnh đất trời mà đặt tên cho đệ ngũ tiết khí trong năm, do đó có tên gọi tiết *Thanh Minh* để ghi lấy thời gian đẹp nhất của năm. Tiết này thường bắt đầu trong tháng ba hoặc muộn lắm là đầu tháng tư âm lịch tùy từng năm.

## TẾT THANH MINH

Như trên đã nói, tiết Thanh Minh được coi là một lễ tiết, tức là một ngày Tết có cúng lễ. Nhân ngày Thanh Minh tới,



người Á Đông, nhất là Trung Hoa và Việt Nam có tục ăn Tết Thanh Minh.

Theo Phan Kế Bính trong “Việt Nam phong tục” thì *tục Tàu nhân hôm ấy giai nhân tài tử đua nhau đi tảo mộ, gọi là hội Đạp Thanh.*

Người Việt Nam ta tuy không hoàn toàn ăn Tết Thanh Minh như người Tàu, nhưng cũng nhân ngày tết này rủ nhau đi viếng mộ gia tiên, và cũng làm lễ cúng gia tiên sau cuộc tảo mộ.

## HỘI ĐẠP THANH

Đạp Thanh nghĩa là giày xéo lên cỏ xanh.

Nhân lúc trời quang mây tạnh sau tiết Xuân Phân, lòng con người như bùng thức dậy, người ta rủ nhau đi tới những nơi mờng mênh bát ngát cỏ mọc xanh rì chỉ có khí trong trẻo và tươi sáng. Rồi người ta nghĩ đến gia tiên, người ta rủ nhau đi thăm mộ và cũng là dịp để *tài tử giai nhân ngựa xe như nước, áo quần như nêm* khoe hồng phôi tía, dẫm lên những đám cỏ xanh rì.

Có lẽ ý nghĩ đầu tiên của người ta trong tiết Thanh Minh là chú trọng tới việc *tảo mộ*, rồi về sau kẻ đa sự mới bày vẽ ngày hội Đạp Thanh.

*Thanh Minh trong tiết tháng Ba.*

*Lệ là Tảo Mộ, hội là Đạp Thanh.*

## LỄ TẢO MỘ

*Tảo Mộ* chính là sửa sang ngôi mộ cho được sạch sẽ.

Người Việt Nam nhân ngày lễ Thanh Minh rủ nhau đi tảo mộ, mang theo cuộc xẻng để đắp lại nấm mộ cho to, dẫy hết những cỏ dại, những cây hoang mọc trèo lên mộ có thể phạm tới hài cốt của người khuất được.

Trong dịp này, những nắm mỗ có người trông nom đều được sửa sang và sau đó đều được cắm mấy nén hương đang cháy để chúng tỏ ngôi mộ không phải là mỗ vô chủ.

Bãi tha ma xưa nay vẫn âm u vắng lặng bỗng trở nên sầm uất trong ngày tảo mộ. Những người quanh năm đi làm ăn xa, xưa kia, thường nhân ngày Thanh Minh trở về tảo mộ gia tiên và có dịp để sum họp với đại gia đình.

Người ta dắt nhau đi tảo mộ rất vui vẻ, người này tay cầm bó hương, người kia vai vác cuốc, người nọ tay cầm bó hoa, bó vàng v.v...

Các cô gái mới lấy chồng, tức là những cô dâu mới, cũng nhân dịp này đi nhận biết mỗ mả của nhà chồng.

Nhiều gia đình mang theo cả mâm cỗ đi để tạ những ngôi mộ mà theo thuyết phong thủy đã bị động, khiến cho con cháu bị đau ốm hoặc có sự lủng củng trong nhà. Mâm cỗ được đặt lên mộ rồi con cháu khấn vái, và sau đó người ta hóa ngay vàng mã tại ngôi mộ.

Có nhiều nơi, có tục đốt pháo trong dịp tảo mộ và cùng với xác pháo là những *thoi vàng hồ rấc và tro tiền giấy bay*.

Tin theo sự bất diệt của linh hồn, cũng như tin tưởng ở sự đốt vàng mã, trong dịp đi tảo mộ, người ta không thể không có nghìn vàng thỏi hương mang theo để đốt dâng vong hồn những người quá vãng.

Mấy năm về sau, nhiễm theo thói tục Tây phương, nhiều gia đình mang theo bó hoa đặt nơi mộ người thân cùng với vàng hương.

Tất cả mọi hoạt động của người sống trong ngày tảo mộ đã khiến cho bãi tha ma có một vẻ tấp nập khác thường. Đây vài người đang rầy cỏ đắp mỗ, kia vài người đang khúm núm khấn vái trước một ngôi mộ. Xa xa vài đám hóa vàng. Rồi những đám đốt pháo, pháo nổ vang, mùi khói pháo hòa lẫn với mùi hương ngào ngạt, xác pháo bay quyen lấy áo là quần lượt của những người đi viếng mộ.



Trong lúc đi tảo mộ, y phục mọi người rất chỉnh tề, các ông già bà cả còn phải khăn vái ở nơi phần mộ, con cái, con trai con gái cũng nhân dịp này phô sắc phô tài: bãi tha ma trong ngày tảo mộ chính là nơi tụ tập của tất cả mọi người, mọi tuổi, mọi tầng lớp trong làng.

Cả trẻ em cũng theo cha mẹ đi tảo mộ, trước là để biết dần những ngôi mộ của gia tiên, sau là bố mẹ muốn tập cho chúng sự kính trọng tổ tiên qua tục viếng mộ.

Thường người ta đi tảo mộ từ sáng sớm cho đến gần trưa.

Bên những ngôi mộ được trông nom săn sóc, có vàng hương hoặc thêm bó hoa đặt dưới chân hương, còn những ngôi mộ vô thừa nhận:

*Sè sè nắm đất bên đường,*

*Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

Những người giàu lòng nhân đức, gặp những ngôi mộ này không khỏi mũi lòng, cắm một nén hương, đốt một nắm vàng, và tự hỏi:

*Rằng nay trong tiết Thanh Minh*

*Mà sao hương khói vắng tanh thế này?*

Những ngôi mồ vô chủ này, ai người viếng thăm! Quanh năm thật là quạnh hiu tiêu tụy. Những ngôi mộ này, với thời gian, nắm sẽ thấp dần vì phong sương mưa gió, cỏ dại cây hoang sẽ xâm chiếm mãi cho đến một ngày ngôi mộ không còn là ngôi mộ nữa!

Chính vì những ngôi mộ không có người săn sóc này mà tại các nơi tha ma mộ địa đều có *lập một cái am năm ba gian, hoặc xây bệ lộ thiên đề ba chữ Hàn Lâm Sở, để thờ chung những mồ mả vô gia chủ gọi là Am Chúng Sinh. Mỗi cửa am có một bà đồng sớm tối đèn hương thờ phụng.*<sup>(1)</sup>

1. Phan Kế Bính. Việt Nam phong tục.

Ngày lễ Thanh Minh, tại am có làm lễ cúng các vong hồn không người hương khói, thường là cúng cháo. Và đến Tết Trung Nguyên, cũng lại có cúng cháo để các vong hồn trên phối hưởng.

Tiền chi tiêu vào việc này đều do dân làng các người từ tâm đóng góp.

### TỤC LỆ TẢO MỘ Ở KHẮP NƠI

Thường ra, người ta chỉ đi tảo mộ vào tiết Thanh Minh để nhân dịp trời quang mây tạnh sửa sang cho ngôi mộ được khang trang hợp với tiết trời, và sau đó kính mời hương hồn tổ tiên về hưởng lễ con cháu cúng trong dịp này; nhưng cũng có nhiều nơi người ta đi tảo mộ vào tiết Thanh Minh, mà người ta cử hành lễ tảo mộ vào những dịp khác, như các làng Thị Cầu và Đáp Cầu đã nói ở trên khi trình bày về các tục lệ Tết Nguyên Đán, có tục đi viếng mộ trước và sau ngày Tết.

Nhiều làng thuộc tỉnh Hà Đông (Hà Tây), ở vào những vùng đất thấp, tới vụ nước, ruộng nương bị ngập, và cả bãi tha ma của làng cũng chìm dưới làn nước, người ta đi tảo mộ hàng năm vào dịp đầu tháng chín, sau khi nước đã rút.

Dù lệ tảo mộ, vào ngày nào thì việc đi tảo mộ để thăm nom lại mồ mả gia tiên vẫn là việc hay. Nghĩ đến gia tiên tức là nghĩ đến gốc tưởng đến nguồn.

### CÚNG LỄ TRONG NGÀY TẾT THANH MINH

Ta lấy sự thờ cúng tổ tiên làm trọng, mỗi tuần tiết đều có cúng lễ.

Tết Thanh Minh cũng là một dịp để con cháu sửa lễ cúng gia tiên sau khi viếng mộ về.

Cũng có những nhà sửa lễ mang ra mộ cúng, nhưng đó chỉ là cúng riêng một ngôi mộ nào, và sau đó người ta vẫn



cúng ở bàn thờ tổ tiên và khấn tất cả gia tiên nội ngoại về phối hưởng.

Cúng lễ trong ngày Thanh Minh, người ta thường cúng mặn, nghĩa là có làm cỗ, hoặc nếu không làm cỗ thì cũng có đĩa xôi con gà cùng với hương hoa, trà rượu, vàng mã. Vàng mã đem hóa sau lễ cúng.

Và đồng thời với việc tổ tiên, cũng có cúng Thổ Công như trong mọi dịp.

## NHỮNG GIA ĐÌNH CÓ NGƯỜI MỚI CHẾT VỚI TẾT THANH MINH

Theo tang lễ của ta, những người mới chết cho đến tuần bách nhật, mỗi khi tuần tiết sóc vọng, con cháu đều có com canh sửa lễ cúng.

Trong ngày lễ Thanh Minh, tang chủ cũng có lễ cúng riêng những người chết, ngoài lễ cúng gia tiên. Những người mới chết, bài vị còn được con cháu đặt thờ riêng cho tới tuần bách nhật, nhiều gia đình cho đến ngày đại tường, mới thờ chung vào bàn thờ tổ tiên.

Sửa lễ cúng ở nhà, người ta còn mang lễ ra cúng tận mộ, trong lúc mọi người đi tảo mộ.

Cảnh tượng một vài người khăn xô áo tang, khóc lóc khấn vái trước một ngôi mộ mới trong ngày Thanh Minh tại bãi tha ma đã từng khiến những người đi tảo mộ phải chạnh lòng đau xót.

Nếu trong lễ tảo mộ có sự thông cảm giữa kẻ khuất người còn, ắt vong hồn người mới khuất phải thương cho con cháu đang đau khổ trong buổi tảo mộ, giữa lúc mọi người có thể gọi được hầu như vui vẻ trước cái quang cảnh tấp nập tung bừng của nơi mộ địa dưới một bầu trời trong trẻo quang đãng.

Trong lúc những người khác lo đắp hết ngôi mộ này qua ngôi mộ kia, cắm hương tại các ngôi mộ, chuyện trò cùng nhau vui vẻ thì thân nhân những người mới khuất chỉ ngồi khóc lóc bên ngôi mộ mới, hết khăn lại vải, rồi hóa vàng mã để càng đau đớn hơn. Họ chưa nguôi được sự cảm thương của nỗi đau tử biệt còn quá mới.

Cho đến lúc mọi người đi tảo mộ đã ra về hết, những người này còn ngồi ôm lấy ngôi mộ tưởng chừng như họ không muốn rời bỏ nắm đất ở nơi u buồn này nữa.

Từ năm 1945, nước Việt Nam ta đã trải không biết bao nhiêu biến chuyển của thời cuộc khiến cho mọi tục lệ cổ truyền đã chịu một ảnh hưởng rất lớn.

Riêng về Tết Thanh Minh và lễ Tảo mộ, tuy người Việt Nam luôn luôn tha thiết với phần mộ gia tiên, nhưng trong thời gian này, người sống còn bận lo cho người sống trước mọi sự tàn phá ghê gớm của chiến tranh, không còn tâm trí để nghĩ về người khuất.

Hơn nữa mọi biến chuyển về chính trị đã khiến cho dân chúng nhiều vùng phải di cư, nhất là dân vùng quê phải tới những chốn thị thành để tìm an ninh, thì mỗi năm khi Tết Thanh Minh đến, dù có nhớ tới lễ tảo mộ, người ta cũng đành khoanh tay chịu sự bất hiểu đối với tổ tiên. Nhớ đến Tổ tiên người ta chỉ làm lễ cúng trong Tết Thanh Minh.

## ĐOẠN KẾT

Để kết thúc mấy trang này, xin mượn đoạn thơ sau đây của cụ Nguyễn Du tả Tết Thanh Minh trong truyện Kiều, ca tụng cái cảnh trời quan mây đẹp của tháng quý xuân và nói lên sự vui vẻ của ngày hội Đạp Thanh, mặc dầu hội này là hội của người sống đi viếng thăm người chết:





Ngày xuân con én đưa thoi.  
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.  
Cỏ non xanh rợn chân trời,  
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.  
Thanh Minh trong tiết tháng ba,  
Lễ là Tảo mộ, hội là Đạp Thanh.  
Gần xa nô nức yến oanh,  
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.  
Dập dìu tài tử giai nhân,  
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.  
Ngổn ngang gò đồng kéo lên,  
Thoi vàng hồ rặc, tro tiền giấy bay.



# TẾT ĐOAN NGỌ



Ca dao ta có câu:

*Tháng tư đông đậu nấu chè,  
Ăn tết Đoan Ngọ trở về tháng năm.*

chứng tỏ rằng Tết Đoan Ngọ là một tết cũng được sự chú ý của người Việt Nam ta xưa, tuy rằng tục lệ ăn tết này ta đã bắt chước Tàu, cũng như nhiều tiết lễ khác.

Vậy Tết Đoan Ngọ là tết gì? Và ta ăn Tết Đoan Ngọ vào ngày nào tháng Năm?

*Đoan Ngọ là gì?*

Theo sách Phong Thổ ký thì Tết Đoan Ngọ còn được gọi là *Tết Đoan Dương*.

Đoan nghĩa là *mở đầu*, Ngọ, là giữa trưa, Đoan Ngọ là *bắt đầu lúc giữa trưa*; còn Dương là *mặt trời*, là *khí dương*, Đoan Dương nghĩa là *bắt đầu lúc khí dương đang thịnh*.

Tết Đoan Ngọ ăn vào ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch.

Sở dĩ Tết này được gọi là Tết Đoan Ngọ, chính vì tháng năm là lúc bắt đầu nắng to, khí dương đang thịnh như mặt trời vào lúc giữa trưa.

Theo địa bàn thì phương Nam là chính Ngọ, mà Ngọ là ngôi dương, cho nên tết này gọi là Tết Đoan Dương. Và chẳng tháng năm cũng lại là tháng Ngọ trong một năm.



Người Trung Hoa còn gọi Tết Đoan Ngọ là *Tết Trùng Ngũ* hay *Đoan Ngũ* nữa.

Theo sách “*Tuế Thời tạp ký*” thì Trùng Ngũ là hai số 5 gặp nhau, mồng 5 tháng Năm. Ngoài ra xưa kia ở kinh kỳ, người ta gọi ngày mồng 1 tháng năm là Đoan Nhất, ngày mồng 2 là Đoan Nhị, ngày mồng 3 là Đoan Tam, ngày mồng 4 là Đoan Tứ và ngày mồng 5 là ngày Đoan Ngũ.

### SỰ TÍCH TẾT ĐOAN NGỌ

Thực ra ban đầu, ngày Đoan Ngọ chỉ là ngày người dân cúng lễ để đánh dấu một thời tiết mới, mừng sự trong sáng quang đãng. Hơn nữa giữa tiết hạ này oi bức, bệnh tật thường hay có, nên người ta cúng vái để cầu được bình yên, tránh được mọi bệnh thời khí.

Nhưng về sau để cho ngày này có một ý nghĩa, người ta liền lấy ngày đó làm ngày kỷ niệm Khuất Nguyên và các ông thầy thuốc cũng nhân dịp ngày này kỷ niệm hai chàng Nguyễn Triệu và Lưu Thần vào núi Thiên Thai tìm thuốc.

### SỰ TÍCH KHUẤT NGUYÊN

Khuất Nguyên, họ Tam Lư làm chức Tả Đồ nước Sở dưới triều vua Hoài Vương vào thời Thất Quốc bên Tàu (307-246 tr. Tây lịch), có tài và liêm chính. Mỗi khi vào triều bàn bạc quốc sự, ông đều bị vua Hoài Vương bài bác vì những nịnh thần xúi giục.

Về sau ông lại bị nhà vua truất bỏ. Để tự tạ nỗi oán than ông viết bài thơ “Ly Tao”.

Khi vua Sở Hoài Vương sang Tần, ông hết lời can ngăn nhưng Hoài Vương không nghe, rồi bị chết ở đất Tần. Vua Tương Vương kế nghiệp vua Hoài Vương không những không chịu nghe lời ông lại còn bắt ông đi đày.

Ông làm bài thơ “Hoài Sa” rồi buộc đá vào mình nhảy xuống sông Mịch La tự vận. Hôm đó là ngày mùng 5 tháng Năm.

Được tin đó nhà vua rất hối hận và thương tiếc sức dân làm cỗ ra tận bờ sông cúng ông và ném cỗ xuống sông cho ông hưởng, nhưng cỗ bị cá tôm ăn hết. Ông báo mộng cho nhà vua hay, và xin với nhà vua nếu nghĩ tình thương ông thì khi ném cỗ xuống cho ông phải lấy lá bọc lại, buộc bằng chỉ ngũ sắc, cá tôm sẽ không ăn được.

Theo lời báo mộng của ông, vua ra lệnh cho nhân dân làm theo.

Từ đó vào ngày mùng 5 tháng Năm bên Tàu, dân chúng làm cỗ cúng linh đình trên các bờ sông rồi lấy lá bọc lại, buộc chỉ ngũ sắc ném xuống dòng nước để kỷ niệm ông Khuất Nguyên.

Riêng tại sông Mịch La, người nước Sở mở hội rất vui, ngoài việc cúng lễ Khuất Nguyên còn tổ chức các cuộc đua thuyền, tượng trưng cho ý muốn vớt thây Khuất Nguyên.

### SỰ TÍCH LƯU THẦN VÀ NGUYỄN TRIỆU

Lưu Thần và Nguyễn Triệu là hai người đời nhà Hán, nhân ngày Tết Đoan Dương cùng rủ nhau vào núi hái thuốc, gặp hai tiên nữ kết duyên. Sau thời gian nửa năm sống nơi tiên cảnh với vợ tiên, hai người nhớ nhà đòi về. Giữ lại không được, hai tiên nữ đưa tiễn chồng về. Trở về làng, Lưu, Nguyễn thấy phong cảnh đã khác xưa, nửa năm trên cõi tiên là mấy trăm năm dưới cõi trần. Hai chàng bèn đi tìm trở lại cõi tiên, nhưng không thấy nữa. Hai chàng rủ nhau vào trong rừng rồi không thấy trở về.

Nhiều nhà thơ đã ngâm vịnh rất nhiều về sự tích đầy thi vị của hai chàng, và riêng thi sĩ Tản Đà đã có cả một tập chèo “Thiên Thai” kiệt tác.

Dưới đây là đoạn hai nàng tiên tiễn biệt Lưu, Nguyễn về trần:



*Lá đào rơi rắc lối Thiên Thai,  
Suối tiễn oanh đưa những ngậm ngùi!  
Nửa năm tiên cảnh,  
Một bước trần ai.  
Ước cũ duyên thừa có thể thôi!  
Đá mòn rêu nhạt,  
Nước chảy hoa trôi,  
Cái hạc bay lên vút tận trời!  
Trời đất từ đây xa cách mãi,  
Cửa động,  
Đầu non,  
Đường lối cũ,  
Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng chơi.*

## LỄ BÁI TRONG NGÀY ĐOAN NGỌ

Có tiết lễ, phải có cúng bái. Cũng như các Tết khác, ta cũng ăn Tết Đoan Ngọ bằng sự cúng lễ.

Tại các làng xã có lễ thần tại đình, đền; tại các thôn xóm có cúng tại miếu. Ở nhà, các tư nhân sửa lễ cúng ông bà ông vải và cúng Thổ Công. Trong lễ cúng tại miền Bắc về dịp này thế nào cũng có trái dưa hấu vì lúc này đang mùa. Cỗ cúng xong thì ta ăn, không ai mang đồ xuống sông như tục bên Tàu, và ta cũng không cúng Khuất Nguyên tuy là ngày kỷ niệm Khuất Nguyên.

Riêng tại gia đình các đông y sĩ có sửa lễ cúng Thánh sư, ngoài lễ cúng tổ tiên và Thổ Công.

## TỤC LỆ NGÀY ĐOAN NGỌ

Ngoài việc cúng lễ trong ngày Tết Đoan Ngọ, xưa và cả nay ở một vài địa phương, người Việt ta có nhiều tục lệ được mọi người cùng theo. Những tục lệ có khi ta bắt chước theo người Trung Hoa, có khi chính là tục lệ riêng của nước ta:

Tục giết sâu bọ,  
Tục nhuộm móng chân móng tay,  
Tục đeo bùa túi, bùa túi,  
Tục tắm nước lá mùi,  
Tục khảo cây lấy quả,  
Tục hái thuốc vào giờ Ngọ,  
Tục treo ngải cứu để trừ tà,  
Tục đi sêu.  
Giết sâu bọ.

Tết mùng 5 tháng Năm, còn được ta gọi là Tết Giết sâu bọ, vì trong ngày hôm ấy ta có tục giết sâu bọ. Theo quan niệm của ta xưa, trong người, nhất là trong bộ phận tiêu hóa, thường có sâu bọ. Sâu bọ này nếu không trừ đi sẽ sinh sản ngày một nhiều và gây tai hại cho người, nhưng giết sâu bọ không phải là một chuyện dễ dàng và không phải là bất cứ lúc nào giết chúng cũng được. Quanh năm chúng ẩn sâu trong bụng, duy chỉ có ngày mùng 5 tháng Năm là chúng ngoi lên. Nhân dịp chúng ngoi lên, người ta cần giết chúng.

Giết sâu bọ bằng gì?

Chính bằng những thức ăn, nhất là bằng rượu nếp và hoa quả.

Sáng sớm ngày mùng 5 tháng Năm, ngay sau khi thức dậy, súc miệng xong là phải giết sâu bọ ngay. Ở miền Bắc, trong dịp này mỗi người đều ăn ít nhất một bát rượu nếp, sau đó ăn một bát thạch, rồi đến ăn các trái cây như mận, đu đủ, sấu, đào, roi (mận) v.v...

Đối với trẻ con, người ta bôi cho chúng một ít than sa, chu sa vào hai bên thái dương và vào bụng. Có khi người ta hòa với nước cho chúng uống. Người ta cắt nghĩa sự giết sâu bọ như sau:

Sáng hôm mùng 5 tháng Năm, bọn sâu bọ ở bụng dưới ngoi lên bụng trên. Ăn rượu nếp vào cho chúng say, sau đó những



trái cây sẽ làm cho chúng chết. Mỗi trái cây đều là vị thuốc giết sâu bọ. Trong đông y, thuốc Nam cũng như thuốc Bắc, các vị thuốc phần lớn đều lấy ở loài thảo mộc, các trái là kết tinh của loài thảo mộc cho nên có tính chất giết được sâu bọ.

Ngoài trái cây, người ta còn cho con trẻ bôi hoặc uống thần sa, chu sa, vì người ta tin rằng, lúc sâu bọ bị các trái cây giết có phản ứng gây sự bất an cho con trẻ nên dùng thần sa, chu sa để trấn an trước. Đó là tục lệ và ý kiến người xưa!

Ngày nay, hàng năm khi mùng 5 tháng Năm tới, ngoài việc cúng bái, vẫn có người giết sâu bọ, vẫn ăn rượu nếp (com rượu) vào buổi sáng và vẫn dùng trái cây như xưa.

#### *RƯỢU NẾP (COM RƯỢU)*

Tiếng gọi là rượu, nhưng rượu nếp không phải hoàn toàn chất nước như các rượu khác mà có cả chất cái nữa.

Rượu nếp làm bằng xôi. Dùng gạo nếp thổi xôi rồi rắc men lên trên, ủ một thời gian từ ba tới năm ngày, xôi đã thành rượu nếp.

Thúng xôi ủ được đặt trên một chiếc chậu để hứng lấy nước. Nước này là chất rượu, còn cái là xôi ủ men nổi màu ngà. Khi ăn, ăn cả cái trộn lẫn với nước rượu đã hứng được lúc ủ men.

Rượu nếp ăn ngọt ngọt cay cay, đem cho người ta một cảm giác say say dễ chịu.

Mỗi lần Tết Đoan Ngọ các cô hàng rượu nếp xuất hiện len lỏi đi vào các xóm từ ngày mùng ba, mùng bốn để bán rượu. Khách mua rượu có thể để dành một vài bữa không sợ hư. Các cô có treo vào gánh rượu nếp một chùm ớt cùng một ít lá cây có tính chất khử trùng để trừ sâu bọ không làm hư gánh rượu của các cô.

Các phụ nữ đồng quê ta xưa phần nhiều đều biết ngả rượu nếp.

Ngày nay có người không dùng rượu nếp để giết sâu bọ. Họ dùng rượu trắng tức là ba xị để cho mạnh hơn, hoặc những người sang lại dùng rượu Tây như Martel, Cognac v.v...

### NHUỘM MÓNG CHÂN MÓNG TAY.

Mỗi khi muốn làm đẹp, các bà các cô ở tỉnh thường nhuộm móng chân móng tay. Các bà các cô kén thuốc kén màu. Xưa ở nhà quê, mỗi khi ngày Tết Đoan Ngọ tới, người ta vẫn nhuộm móng chân móng tay cho các trẻ em. Người ta không cần phải mua thuốc kén màu gì cả, chỉ cần hái một nắm gọi là *Lá nhuộm móng tay* đem giã nhỏ rồi lấy lá vông bọc lên đầu ngón chân ngón tay cho các em từ tối hôm trước, sáng hôm sau tháo ra, các móng chân, móng tay đều được nhuộm đỏ.

Lá móng tay là một thứ lá nhỏ và hơi dài của một thứ cây thuộc loại mộc nhỏ, mọc nhiều ở bờ ở bụi.

Hàng năm, gần đến ngày Tết mùng 5 tháng Năm, có người đi hái rồi mang ra chợ bán. Nhuộm bằng lá này, móng chân móng tay có màu đỏ tươi như son, màu đỏ ăn loang ra cả đầu ngón tay.

Sở dĩ có tục nhuộm móng chân móng tay cho các trẻ em là cốt để trừ tà ma, cũng như cho các em đeo bùa, cùng một tác dụng như khi các em đeo bùa tui bùa túi. Người xưa còn cho rằng tính chất của lá nhuộm móng tay, khi nhuộm vào, giúp các em không bị ảnh hưởng nếu sâu bọ quấy rối.

Nhuộm móng chân móng tay, ngón tay trở được chừa ra, ngón này là thần chỉ không đem nhuộm được.

### BÙA TUI BÙA TÚI

Đây là một thứ bùa ngũ sắc đeo cho trẻ em trong ngày mùng năm tháng năm để diệt trừ ma quỷ và rắn rết.

Dùng vải và chỉ ngũ sắc để may bùa. Bùa khâu thành hình những trái cây rồi buộc túm với nhau bằng chỉ ngũ sắc cho các em đeo. Một túm bùa thường gồm:

- một cục hồng hoàng có tính chất kỵ rắn rết;
- một túi hạt mùi hình vuông, một góc buộc chỉ để đeo





vào túm bùa còn ba góc kia có ba rùa chỉ ngũ sắc và một hạt bóng màu. Hạt mùi rất thơm có tính chất kỵ gió;

- một quả ớt màu xanh, đỏ, vàng...
- một quả khế mỗi múi một màu;
- một quả na (mãng cầu)
- một quả hồng v.v...

Có khi túm bùa được đeo vào một chiếc vòng cổ tết bằng chỉ ngũ sắc cùng với một chiếc khánh bằng giấy hoặc bằng chỉ ngũ sắc.

Theo sự tin tưởng, chỉ ngũ sắc kỵ được ma quỷ.

Bùa được khâu thành hình trái cây, vì trái cây được dùng để giết sâu bọ trong dịp tết Đoan Ngọ.

#### *TẮM NƯỚC LÁ MÙI.*

Cây mùi (ngò) là một loại cây nhỏ lá lăn tăn có hạt và lá có mùi thơm.

Trong ngày tết Đoan Ngọ người ta lấy cây mùi đun nước tắm để trừ độc. Người ta cho rằng, tắm nước lá mùi trong ngày mùng 5 tháng Năm sẽ tránh được gió máy, cảm mạo và sẽ được khỏe mạnh.

Sự thực tắm nước nóng giữa mùa nóng, mồ hôi toát ra, người được nhẹ nhàng thư thái, như khi bị cảm xông nước lá đun lên, gia dĩ má mùi cũng lại là một vị thuốc Nam dùng để trị cảm, nên tắm nước lá mùi thấy dễ chịu.

Tết mùng 5 tháng Năm mỗi nhà đều nấu một nồi nước lá mùi. Ông già bà cả trong dịp này khi tắm xong đều tự lấy làm khoan khoái.

Ngày nay, tục tắm nước lá mùi ngày tết Đoan Ngọ không còn ở nơi thành thị, nhưng ở vùng quê nhiều nơi người ta vẫn chưa bỏ tục xưa.

Tục này xét ra có điều hay là các trẻ em nơi bùn lầy nước

động thường bản thủ, quanh năm thiếu nước sạch, nước ao thiếu vệ sinh, nhân dịp tết Đoan Ngọ tắm bằng nước đun lá mùi, người chúng trở nên sạch sẽ thơm tho, và cũng nhờ sự sạch sẽ này chúng đỡ đau yếu.

### *KHẢO CÂY LẤY QUẢ.*

Có nhiều cây trồng đã được nhiều năm vẫn không có quả, tuy đúng ra những cây đó phải có quả từ một đôi năm rồi. Người ta cho rằng đó là những cây bướng bỉnh, mỗi cây đều coi như có một linh hồn, cần phải khảo mới chịu có quả.

Khảo cây lấy quả là một tục cử hành vào dịp tết Đoan Ngọ: một người leo lên cây, một người đứng dưới gốc.

Người đứng dưới gốc hỏi cây tại sao không có quả và dọa nếu mùa tới không có quả sẽ chặt cây đi. Người trên cây van lạy xin đừng chặt và hứa đến mùa tới sẽ có quả.

Người đứng dưới gốc lại hỏi mùa tới sẽ cho bao nhiêu quả, người trên cây trả lời số quả là mấy thúng tùy theo sức vóc của cây. Sau đó người trên cây đi xuống.

Người ta bảo rằng sau kỳ khảo cây này, cây thường có quả! Không biết có phải cây sợ bị chặt đi mà có quả, hay tại năm đó cây mới đủ sức bói để ra quả!

### *HÁI THUỐC MỒNG NĂM.*

Theo thuốc Nam, mỗi cây đều là một vị thuốc, và trong các vị thuốc Nam người ta dùng lá rất nhiều.

Người Việt ta bắt chước người Trung Hoa tin rằng những củ, cành, lá hái và đào được trong ngày mồng 5 tháng Năm đều là những vị thuốc tốt chữa được rất nhiều bệnh, nhưng phải hái vào khoảng giờ Ngọ nghĩa là từ 11 giờ đến 13 giờ ngày nay.

Y học Đông phương giải thích rằng vào một ngày nắng nhất của mùa hạ, vào một giờ nóng nhất, tức là giờ Ngọ, của ngày



nóng nhất ấy, khí nóng đã cô đọng nhựa cây lên lá, khiến cho lá có một dược tính chữa được một số các bệnh như nhức đầu, đau xương, sổ mũi, choáng váng v.v...

Bí quyết của sự hái là vào ngày Đoan Ngọ là đây!

Những lá người ta thường hái lá ngải cứu, đinh lăng, lá mùi, lá mua v.v... Những lá này được đem phơi khô, rồi khi bị các chứng bệnh trên người ta đem sắc lên mà dùng.

Tục hái lá mồng 5 là do sự tích Lưu Thần, Nguyễn Triệu truyền lại và được thi vị hóa cho rằng chư tiên đã truyền phép cho cây lá vào giờ Ngọ ngày Đoan Dương.

Có nhiều làng ở ven rừng núi, ngày Đoan Ngọ dân làng rủ nhau đi hái lá rất vui, vui như một ngày hội hàng năm vậy.

#### *TREO NGẢI CỨU TRỪ TÀ.*

Cây ngải cứu có dược tính khu phong giải độc, người bị nhức đầu lấy lá ngải cứu đắp lên hai bên thái dương có thể khỏi.

Ngày tết Đoan Ngọ, người ta lấy lá ngải cứu buộc treo ở trước cửa nhà để trừ tà, tránh sự đau ốm.

Trừ tà là một điều huyền bí, không chắc có hay không, nhưng lá ngải cứu treo ở trước cửa nhà quả đúng có công dụng vì dược tính của lá này:

- Ngày đó mọi người giết sâu bọ, ăn nhiều trái cây có thể bị ẩm ouch khó chịu, mùi lá ngải cứu treo ở cửa nhà bốc xông vào có thể làm cho người ta dễ chịu như khi xông bằng lá này.

- Ngày mồng năm tháng năm là một ngày nắng nhất, hơi nóng bốc gay gắt. Lá ngải cứu treo ở cửa nhà tỏa mùi thơm làm dịu bớt sức nóng của trời đất.

Treo lá ngải cứu ở trước cửa nhà không chỉ tốt riêng cho ngày mồng 5 tháng 5 mà còn có ích trong các ngày khác với công dụng trình bày trên. Chính vì vậy, tại nhiều nhà,

bó ngải cứu được treo ở trước cửa cho đến khi khô héo sau ngày Đọan Ngọ.

### ĐI SÊU.

Những chàng trai đã dạm vợ hoặc hỏi vợ nhưng chưa cưới có bổn phận phải sêu tết trong những dịp lễ tiết.

Ngoài Tết Nguyên Đán, một năm có hai lần sêu vào dịp cơm mới tháng năm và tháng mười, nghĩa là vào dịp vụ gặt xong có lúa mới của hai vụ chiêm và mùa.

Về vụ chiêm, những chàng rể chưa cưới đi sêu bố mẹ vợ nhân dịp Tết Đọan Ngọ.

Lễ sêu trong dịp này bao giờ cũng gồm có đậu xanh mới hái vào tháng tư, gạo nếp của vụ chiêm. Ngoài ra tháng năm cũng là mùa ngỗng và mùa chim ngói, cùng với gạo đậu bao giờ cũng có một đôi ngỗng và vài chục ngói. Kèm thêm vào có vài cân đường cát và mấy trái dưa hấu, nghĩa là toàn những sản phẩm trong mùa. Chàng rể đi sêu, lễ tất nhiên bố mẹ vợ nhận đồ lễ, nhưng bao giờ cũng hoàn lại một phần, thường chỉ lấy một nửa.

“*Lễ quý hồ thành, bất quý hồ đa*”, lễ trọng ở lòng thành chứ không trọng ở chỗ nhiều.

Bố mẹ vợ không nhận cả, phần sợ mang tiếng tham, phần theo tập quán ít ai nhận đồ biếu Tết mà không lại quả, phần là để lại cho người biếu một phần.

Có những trường hợp các chàng rể nài ni để bố mẹ vợ nhận hết, bố mẹ vợ sẽ nói:

- Thầy đẻ (cha, mẹ) đã nhận cả, nhưng đây là thầy đẻ biếu lại ông bà đằng nhà.

Thật là lịch sự vậy thay!

Chỉ những chàng rể chưa cưới vợ mới phải đi sêu, còn những chàng rể đã cưới vợ rồi thì hết lệ sêu, nhưng trong các dịp lễ tết thường có lễ biếu ông nhạc bà nhạc. Dịp mồng 5



tháng Năm cũng vậy, các chàng rể dù nghèo cũng cố kiếm chút lễ mọn để biếu cha mẹ vợ, lễ biếu này nhiều ít tùy tâm và không quan trọng bằng lễ sêu.

### *TẾT THẦY HỌC.*

Các ông đồ xưa dạy học thường không lấy học phí. Hàng năm vào dịp mùng 5 tháng Năm, mùng 9 tháng chín và dịp Tết, các học trò đều có đồ lễ tết thầy. Thúng gạo, đôi ngỗng, đường bánh hoặc hoa quả tùy sự giàu nghèo và tùy tâm bố mẹ học trò. Những gia đình khá giả thường phong bao kèm một số tiền.

Học trò cũ đã làm nên danh vọng cũng không quên thầy về dịp này.

### *TẾT ÔNG LANG.*

Các con bệnh được các ông lang chữa bệnh khỏi, mặc dầu đã trả tiền thuốc, nhưng cũng không quên ơn cứu bệnh cho mình, nên trong dịp tết Đoan Ngọ, còn gọi là *tết hái thuốc* cũng mang tết ông lang. Đồ lễ cúng gồm đậu, gạo, ngỗng, chim v.v... như đồ lễ học trò tết thầy.

### *TẾT LÃN NHAU.*

Những người chịu ơn người khác, những kẻ dưới trong làng, để tỏ lòng biết ơn và kính trọng, trong dịp này cũng có quà biếu người trên và những người đã giúp mình.

Qua những điều biếu tết trên, ta thấy rằng dân Việt Nam ta rất biết ơn cho nên sự giao thiệp giữa mọi người bao giờ cũng tốt đẹp.

## MỘT VÀI CÂU CHUYỆN VỀ TẾT MÙNG NĂM

Đã viết về Tết Mùng Năm tưởng không nên bỏ qua một vài câu chuyện thường được kể truyền khẩu trong dân chúng về Tết này.

### LEN LÉT NHƯ RẮN MỒNG NĂM.

Ta hằng đề ý, ngày mồng 5 tháng Năm không ai gặp rắn, và trong ngày hôm đó loài rắn như sợ sệt len lét chỉ tìm cách đi trốn. Bởi vậy ta có câu *len lét như rắn mồng năm*.

Ngày mồng 5 loài rắn sợ hãi là đúng, vì ngày hôm đó các em đều đeo bùa tui bùa túi, và những túm bùa này đều có viên hồng hoàng. Chất hồng hoàng kỵ rắn, nên rắn tìm đường ẩn trốn.

Rùa ẩn trốn không phải riêng gì ngày mồng 5 tháng Năm mà từ trước bữa đó và cả sau bữa đó mấy ngày nữa, suốt trong thời gian trẻ em còn đeo bùa hồng hoàng. Rắn chỉ xuất hiện khi không ngửi thấy mùi vị hồng hoàng.

### SỰ TÍCH CON THẦN LẦN (RẮN MỐI).

Thần lần cũng là một loại rắn, thường bò ở các bờ dậu, bờ tường. Thần lần hiền lành, thấy người thường sợ. Thần lần cũng sợ hồng hoàng như các loại rắn khác, ngày mồng năm tháng năm cũng đi ẩn trốn.

Sự tích con thần lần như sau:

Xưa có một người con nhà giàu, tính tình hào phóng. Khi cha mẹ mất, sản tiền của để lại, anh ta ăn tiêu thái quá đến nỗi khánh kiệt cả gia sản, phải vay mượn nhiều người nên mang công mắc nợ rất lắm, không lấy tiền đâu trả cho được.

Các chủ nợ đòi, anh ta cứ hẹn lần khất lượt, cho đến một ngày bị các chủ nợ thúc bách quá, anh ta đành khất liều đến ngày mồng 5 tháng Năm anh sẽ trang trải trả hết cho mọi người.

Ngày hẹn tới, các chủ nợ kéo đến chật nhà. Không có tiền trả, anh đành phải đi trốn. Anh ta rúc vào một bụi cây để ẩn, nhưng các chủ nợ vẫn nháo nhác đi tìm. Sợ hãi quá, anh ta không dám thò mặt ra, rồi chết luôn trong bụi cây, hóa thành con thần lần.



Con thần lẩn xuất hiện quanh năm, nhưng đến ngày mồng 5 tháng Năm, chợt nhớ tới các chủ nợ, lại vội vàng lẩn trốn nên không ai bắt gặp con vật này trong ngày hôm đó.

Thực ra con thần lẩn trốn vì sợ hồng hoàng. Tục ngữ ta có câu: *Trốn như thần lẩn mồng năm.*

### MỘT CÂU CHUYỆN VỀ KHUẤT NGUYÊN.

Người ta lấy ngày Tết Đoan Ngọ làm ngày kỷ niệm Khuất Nguyên để ghi nhớ sự trung thành của một vị đại thần chỉ nghĩ đến việc nước.

Nhắc lại Tết Đoan Ngọ tưởng không nên bỏ qua một câu chuyện lý thú về Khuất Nguyên.

Truyện này theo các cụ Trần Lê Nhân và Nguyễn Văn Ngọc trong “Cổ Học Tinh Hoa” thì do chính Khuất Nguyên viết ra để đánh lời một ông lão đánh cá tỏ bày tâm sự của mình.

Truyện như sau, theo “Cổ Học Tinh Hoa”:

Sau khi Khuất Nguyên vì lời sàm báng của kẻ nịnh thần bị phóng khí, nghĩa là bị đuổi đi không dùng nữa, ngày ngày đi lang thang trên bờ đầm, mặt mũi tiều tụy, hình dung khô héo, vừa đi vừa hát.

Có ông lão đánh cá trông thấy hỏi rằng:

- Ông có phải là Tam Lư đại phu đó không? Sao mà đến nỗi khốn khổ như vậy?

Tam Lư chính là họ của Khuất Nguyên.

Nghe ông lão nói, Khuất Nguyên nói:

- Cả đời đục, một mình ta trong; mọi người say cả, một mình ta tỉnh, bởi vậy cho nên ta phải phóng khí.

Ông lão đánh cá nói;

- Thánh nhân không câu nệ việc gì, lại hay tùy thời. Có phải cả đời đục cả, sao ông không khuấy thêm bùn, vỗ thêm sóng cho đục một thể; loài người say cả, sao ông không ăn

cả men, húp cả bã cho say một thể? Việc gì mà phải lo xa nghĩ sâu để đến nỗi phải phóng khí?

Khuất Nguyên nói:

- Tôi nghe: mới gội đầu tất phải chải mũ, mới tắm ra tất phải thay áo; có đâu lại đem cái thân trong sạch cho vật dơ bẩn vào mình được? Chẳng thà nhảy xuống sông Tương, vùi xác vào trong bụng cá, chớ sao trắng lôm lốp, lại chịu để dây phải bụi dơ.

Ông lão đánh cá nghe nói tùm tùm cười, quay bơi chèo đi rồi hát rằng:

*Sông Thương nước chảy trong veo,  
Thì ta đem giặt cái lều mũ ta.  
Sông Thương nước đục phù sa  
Thì ta lội xuống để mà rửa chân.*

Hát xong đi thẳng không nói gì nữa.

Bản về truyện trên, hai cụ Trần Lê Nhân và Nguyễn Văn Ngọc đã viết:

*Mấy câu hát của lão đánh cá thì có ý khuyên Khuất Nguyên hòa quang đồng trần với đời, mấy câu Khuất Nguyên nói thì lại phản đối lại; chết thời thôi chứ không chịu theo thời, không chịu dày dạn, sống đục không bằng thác trong! Ôi! Không nỡ bỏ nước nhà mà lẩn lút bỏ đi ở nơi khác, lại cũng không chịu cùng tiểu nhân mà cầu thả sống cho qua đời, sau quả nhiên vùi xác vào bụng cá trong sông Mịch La lấy nước sông Mịch mà tẩy uế sự nhơ bẩn, thật là nghìn thu trung nghĩa, dòng nước sông xanh, khiến cho ai xem truyện Khuất Nguyên, cũng ngậm ngùi nhớ và sinh lòng phấn khởi.*

Nhắc lại chuyện xưa, thử hỏi ai là người không đồng ý xót thương cho một bậc trung nghĩa cam chịu thác để cảnh tỉnh nhà vua.

\*

\* \*





Cũng như phần nhiều các lễ tiết, tết mùng 5 tháng Năm cũng từ Trung Quốc truyền sang Việt Nam, nhưng sang đến nước ta, tết này cũng chịu sự biến đổi hình thức như các lễ tiết khác.

Dân Việt Nam ta ăn tết Đoan Ngọ để không quên lòng trung nghĩa của Khuất Nguyên và cả sự tích nên thơ của Lưu Thần, Nguyễn Triệu, nhưng cũng lại để mừng lúa chiêm mới, ăn mừng cái công lao kết quả của vụ này, công Lưu Thần, Nguyễn Triệu, nhưng cũng lại để mừng mùa lúa mùa đông giá lạnh, cho đến khi gặt lúa giữa mùa nắng oi bức, nóng trên nóng dưới.

Ta có nhiều tục lệ cổ truyền về Tết, những tục lệ này đã bảo tồn được tính chất đặc biệt Việt Nam của nền văn hóa ta xây dựng trên căn bản nhân nghĩa và đạo đức.

Những tục Tết thầy đồ, tết thầy thuốc, biếu tặng những người đã thi ân cho mình chứng tỏ rằng lễ giáo của ta rất được tôn trọng, và những ân sâu nghĩa trọng ở Việt Nam không bao giờ chúng ta quên.

Đến như tục đi sêu lại nêu ra tinh thần biết ơn nhạc phụ nhạc mẫu đã sinh ra vị hôn thê của mình và cũng là một dịp để chàng trai tỏ lòng thương mến với cô gái qua lễ nghi phong tục.

Tết Đoan Ngọ ngày nay, qua mọi biến đổi của thời cuộc vẫn tồn tại trong dân chúng với ý nghĩa thiêng liêng của nó.

## LỄ THẮT TỊCH



**N**gày lễ Thắt Tịch nhằm ngày mùng 7 tháng Bảy. Lễ này còn gọi là lễ Ngâu, vì lễ này để kỷ niệm sự tích vợ chồng Ngâu, tức là Ngưu Lang và Chức Nữ.

Tháng 7 âm lịch là tháng mưa nhiều, mưa rì rả suốt ngày nọ qua ngày kia, nhất là miền Bắc. Mưa này gọi là mưa Ngâu, vì người ta cho đây là những giọt lệ của vợ chồng Ngâu.

Sự tích vợ chồng Ngâu đã được thi sĩ Tản Đà nhắc lại trong mấy vắn thơ đầy nhạc điệu:

*Tục truyền tháng Bảy mưa Ngâu,  
Con trời lấy chú chăn trâu cũng phiêu.  
Một là duyên, hai là nợ,  
Mối xích thằng, ai gỡ cho ra.  
Vụng về cũng thể cung nga,  
Trăm khôn nghìn khéo chẳng qua mục đồng!*

Mấy vắn thơ trên đã nhắc lại một cách rất cảm động cổ tích thần thoại của chàng Ngâu, với mối tình dang dở giữa chàng và ả Chức. Ôi! Buồn đâu là buồn!

Chức Nữ, ái nữ của Ngọc Đế có nhan sắc có tài nữ công khéo léo. Ngưu Lang, chỉ là một chàng chăn trâu nhưng có tâm hồn thi sĩ, biết yêu đương tha thiết lại có tài thi phú. Trai



tài, gái sắc, đôi bên nặng một lòng yêu. Trước mỗi tình đầm thắm ấy, Ngọc Đế tác thành cho đôi lứa.

Đôi uyên ương được cùng nhau chung sống, hưởng hạnh phúc của tình yêu, nhưng mãi mê say mỗi duyên vàng lụa, chàng và nàng đều xao lãng phận sự của mình. Nàng thoi biếng dệt, kim chỉ biếng khâu; chàng vẫn biếng luyện, sách đèn biếng ngó, và cả đàn trâu cũng không buồn săn sóc đến.

Trước sự trạng ấy, Ngọc Đế nổi giận, đày hai người ở hai bờ sông Ngân và một năm nhờ đàn quạ đen bắc cầu, gọi là cầu Ô Thước, đôi bên chỉ được gặp nhau một lần.

Ở hai bên bờ sông Ngân, chàng Nguru chăn trâu đợi ngày gặp gỡ với người yêu, còn nàng Chức phải dệt lụa vá may để đền lỗi cũ.

Hàng năm tháng Bảy tới, đôi bên gặp nhau. Gặp nhau nước mắt tràn lời nói, và những dòng nước mắt của đôi bên rơi xuống cõi trần gây nên những ngày mưa liên tiếp: ấy là mưa Ngâu.

Hai bên gặp nhau ngày mồng 7 tháng Bảy, ngày Thất Tịch.

Tục nói rằng, ngày hôm đó ở trần gian không có quạ, quạ đã lên sông Ngân Hà bắc cầu cho Nguru Lang và Chức Nữ gặp nhau.



# TẾT TRUNG NGUYÊN



Tết Trung Nguyên nhằm ngày rằm tháng Bảy âm lịch. Về Tết này, còn có tên là Lễ Vu Lan, một lễ của nhà Phật, đã được trình bày rõ ràng khi nói tới Phật giáo. Ở đây chỉ nói thêm về phần *xá tội vong nhân*.

Theo tín ngưỡng, ta thường cho ngày rằm tháng Bảy là ngày vong nhân xá tội, nghĩa là bao nhiêu tội nhân ở dưới âm phủ, ngày hôm đó đều được tha tội. Bởi vậy, trên dương thế mọi gia đình đều làm cỗ bàn cúng gia tiên, và đồng thời có đốt vàng mã. Những gia đình có người mới mất, cũng nhân dịp này mời tăng ni tới làm chay tụng kinh và đốt vàng mã.

## CÚNG CHÁO

Tại các cầu quán, đình chùa, đều có tổ chức cúng cháo, tức là cúng các cô hồn không ai cúng giỗ.

Họ bày cúng ở trước cửa nhà. Đồ lễ đặt trên một cái mẹt, hoặc cái nong tùy theo nhiều ít và thường gồm có *cháo hoa*, thứ cháo nấu bằng gạo, cơm nắm thành những nắm nhỏ, hoa quả, bánh bồng, kẹo, trầu cau và cũng có khi có xôi chè. Có nhiều đồ mã, vàng hương. Đồ mã thường là những quần áo



cắt nhỏ, thành từng xấp. Quần áo tuy cắt nhỏ, nhưng tục tin rằng, xuống cõi âm, sẽ biến để các âm hồn vừa mặc.

Mọi người khi cúng cháo tin rằng các cô hồn những cô nhi yếu vong, những chiến sĩ chết trận, những người chết đường chết chợ, những người chết không ai biết, không ai cúng giỗ sẽ tới phối hưởng lễ cúng làm phúc trong ngày xá tội vong nhân này.

Lễ cúng, tại đình, chùa, cầu, quán tổ chức có quy mô hơn, có khi cúng đặt bàn làm chay như lễ Kỳ An lúc cuối xuân đầu hạ. Ở những nơi này, cháo được múc ra những bô dài lá mít cắm ở hai bên đường trước lễ đài. Đồ mã cùng trái cây và đồ lễ cũng nhiều hơn. Riêng về cháo, ngoài những bô dài lá mít, còn cả một nồi cháo đại. Khi cúng lễ xong, những người nghèo vác liễn tới xin cháo, các mục đồng và trẻ con xô nhau vào cướp những hoa quả bánh trái, tục gọi là “cướp cháo”. Những vàng mã được đem hóa, và có khi sự tưng kinh để cầu siêu độ cho những vong hồn vô thừa tự.

Ngày nay tại các công sở miền Nam, mỗi năm Tết Trung Nguyên tới, công chức thường góp nhau chung tiền làm lễ cúng cô hồn...

## TỤC ĐỐT MÃ

Tục *đốt mã* tự bên Trung Hoa truyền sang ta. Nguyên đời xưa dùng đồ bạch ngọc để cúng tế. Đời sau, vì bạch ngọc đắt và hiếm, người dùng tiền để thế cho bạch ngọc. Những tiền này mỗi khi cúng xong đều bỏ đi, rất phí tổn.

Trước sự phí phạm này, vua Huyền Tôn nhà Đường, ra lệnh dùng tiền giấy thay cho tiền thật, những thoi vàng, thoi bạc giấy được cúng thế cho vàng bạc thật, và những hình đồng tiền vẽ trên giấy được cúng thay cho tiền quan.

Đền đời vua Đường Thế Tôn, quan Từ tế sứ, lo việc Tế tự là Vương Dữ, đã cho cúng toàn tiền giấy rồi đốt đi.

Về sau, thêm tục cúng quần áo mũ và đồ dùng bằng giấy, từ đời Ngũ Đại.

Người Trung Hoa xưa còn có tục dùng chiếc giường Vu Lan bằng tre, ba chân, có treo đồ mã, tiền mã cúng trong dịp Trung Nguyên rồi đốt đi.

Ta theo người Trung Hoa, bắt chước tục đốt mã và truyền tới ngày nay.



# TẾT TRUNG THU



Hàng năm *Tết Trung Thu* đến với chúng ta vào rằm tháng tám.

Ngay từ đầu tháng, Tết đã được sửa soạn với những cỗ đèn muôn màu sắc, muôn hình thù, với những bánh dẻo, bánh nướng mà ta gọi gồm là bánh trung thu, với những đồ chơi của trẻ em muôn hình vạn trạng, trong số đó đáng kể nhất của thời xưa là ông tiền sĩ giấy.

Các trẻ em đón Tết có những đèn xếp, đèn lồng sặc sỡ thấp sáng kéo nhau thành từng đoàn vui reo ca hát, tối tối cùng nhau nhón nhơ, cùng đi đường này ngõ khác.

Và khi ngày rằm tới, có những đám múa lân rầm rộ, ngoài Bắc gọi là múa sư tử, với tiếng trống, tiếng thanh la kèm thêm tiếng pháo.

Vậy Tết Trung Thu Tết gì?

Trung Thu là giữa mùa thu, Tết Trung Thu như tên gọi, đến với chúng ta đúng giữa mùa Thu, mùa mát mẻ đẹp đẽ nhất trong năm với trăng trong, gió mát.

## NGUỒN GỐC TẾT TRUNG THU

Theo sách cổ thì Tết Trung Thu bắt đầu từ đời nhà Đường, thời vua Duệ Tôn, niên hiệu Văn Minh.

Nguyên năm đó, vào đêm rằm tháng Tám, trời thật là đẹp, trăng tròn sáng tỏ, gió mát hây hây. Say cảnh đẹp của đất trời, nhà vua ngự chơi ngoài thành tới mãi trời khuya.

Lúc đó có một ông già đầu bạc phơ trắng như tuyết chông gậy tới bên nhà vua.

Trông người và theo cử chỉ, nhà vua đoán ngay là một vị thượng tiên giáng thế.

Ông già kính cẩn chào nhà vua rồi hỏi:

- Bệ hạ có muốn lên thăm cung trăng không?

Nhà Vua liền trả lời có.

Vị tiên liền đưa chiếc gậy lên trời, hóa phép ra một chiếc cầu vòng, một đầu giáp cung trăng, còn một đầu ăn xuống đất.

Tiên ông đưa nhà vua trèo lên cầu vòng, chẳng bao lâu đã đến cung trăng. Phong cảnh nơi đây thật đẹp, một vẻ đẹp khác xa nơi trần thế. Có những nàng tiên nữ nhan sắc với những xiêm y cực kỳ lộng lẫy, xinh như mộng, đẹp như những bài thơ hay, nhảy múa theo những điệu vô cùng quyến rũ, đủ muôn hồng ngàn tía.

Nhà Vua đang say sưa với những cảnh đẹp thì tiên ông lại đưa nhà vua trở lại cung điện.

Về tới trần thế, nhà vua còn luyến tiếc cảnh trên cung Quảng và những giờ phút đầy thơ mộng nhà vua đã qua ở nơi đây.

Để kỷ niệm cái ngày du Nguyệt điện, nhà vua đặt ra Tết Trung Thu.

Trong ngày Tết này, người ta uống rượu thưởng trăng, và vì vậy Tết này còn được gọi là *Tết Trông trăng*.





## TRĂNG VỚI TRUNG THU

Tết Trung Thu sơ khởi là Tết Trông Trăng, vậy đã nói đến Tết Trung Thu không thể bỏ qua trăng được, Trăng đã được in hình trên mặt bánh Trung Thu, trăng đã được vẽ trên mặt đèn đêm rằm tháng Tám.

Trăng là gì? Qua những bài học trong lớp tiểu học, Trăng là một hệ tinh của trái đất và xoay quanh trái đất, mỗi vòng là một tháng theo âm lịch. Ta thấy được mặt trăng nhờ ánh sáng mặt trời chiếu vào. Tùy theo vị trí của trăng với mặt trời đối với quả đất, ta thấy trăng khuyết hay trăng tròn. Khi nào bóng quả đất che kín hết mặt trăng là có *nguyệt thực*, xưa ta gọi là *Gấu ăn trăng*.

Trước khi mỗi lần có nguyệt thực, ta cho là có loài gấu trên trời ăn mất mặt Trăng, nên đem chậu thau, mâm đồng, thanh la, nã bạt ra gõ tới khi hết nguyệt thực, tức là tới khi gấu sợ tiếng gõ ở trần gian phải nhả mặt trăng ra.

## TRĂNG THEO TỬ VI ĐẤU SỐ

Theo tín ngưỡng của ta, trăng không phải như thế, Trăng là một vị sao tên gọi *Thái Âm tinh*. Theo Tử Vi thì sao Thái Âm chủ về Điền, chủ về Văn học. Người nào có sao Thái Âm thủ mệnh thì thông minh, thanh kỳ, uy nghiêm. Thái Âm đắc địa phải ở hai cung Hợi và Tý.

Thái Âm cư Hợi là *Nguyệt tăng thiên môn*, trăng ở cửa trời, thật là tốt, nhất là lại gặp sao Hóa Kỵ là mây, thực là trăng sáng lại thêm mây ngũ sắc vây quanh càng thêm rực rỡ.

Thái Âm cư Tý cũng tốt. Đây là *Nguyệt minh song hải*, tức là trăng ở cửa bể, đang sáng rõ. Ở đây trăng gặp mây cũng đẹp, nghĩa là Thái Âm ngộ Hóa Kỵ cũng tốt.

Đã có Thái Âm, lại có thêm Thiếu Âm, vị trăng non, trăng sáng càng sáng thêm, số càng tốt.

Nhưng phải cẩn thận, nếu Thái Âm gặp lũ sát tinh gồm Kinh Dương, Đà La, Kim Tinh, Thiên Không và Địa Kiếp thì phải coi chừng những tai nạn rủi ro.

Đây là nói trắng theo Tử Vi đầu số.

## TRĂNG THEO QUAN NIỆM ĐÔNG PHƯƠNG

Ngoài Tử vi đầu số, người phương Đông ta còn hiểu trăng theo nhiều lối khác.

Trăng là cung Quảng Hàn của chư tiên, nơi Đường Minh Hoàng đã được lên du ngoạn và đã được thưởng thức ở đó hai điệu múa “*Nghê thường*” và “*Vũ y*” do các tiên nữ xiêm y lộng lẫy ca múa và là nguồn gốc của Tết Trung Thu.

Theo sách “*Thiên văn chí*” của Tâu thì mặt trăng là khí Thái âm kết tinh, ngược với mặt trời là khí Thái dương kết tinh, - Thái âm là hơi lạnh và Thái dương là hơi nóng.

Mặt trăng thuộc quyền của vị nữ thần Thái Âm vợ của thần Thái Dương tức là mặt trời.

Thái Âm thần nữ ngự ở *Quảng hàn cung*, toàn bằng ngọc lưu ly, trong suốt như pha lê, hào quang chói lọi nhưng lúc nào cũng giá lạnh như băng. Thái âm thần nữ cai quản một số các tiên nữ và những linh vật.

## NHỮNG LINH VẬT Ở CUNG TRĂNG

Như trên đã nói, trên cung trăng có nhiều linh vật thuộc quyền cai quản của Thái Âm thần nữ. Những linh vật này đều hiện từ ngoạn ngoạn, và trong số đó đáng kể nhất là hai con *thiềm thừ* và *ngọc thỏ*.

### CON THIỀM THỪ

- Thiềm thừ là một giống cóc, đầu có sừng bằng thịt, bụng có vết chữ bát màu đỏ.



Tiền thân Thiềm thừ là nàng Hằng Nga, vợ chàng Hậu Nghệ, vua xứ Hữu Cung, có tài thiện xạ bách phát bách trúng. Hậu Nghệ có dịp lên vườn Lãng Uyển, xin đức Giao Trì Vương Mẫu ban cho thuốc trường sinh bất tử. Mang thuốc về, Hậu Nghệ không uống ngay, phải mang quân đi đánh giặc nên cất thuốc vào lò.

Ở nhà Hằng Nga đã ăn trộm thuốc trường sinh uống rồi nàng bay lên mặt trăng vào ra mắt Thái Âm thần nữ, kể rõ sự tình, cầu xin thần nữ che chở.

Thái Âm thần nữ biến Hằng Nga thành con Thiềm thừ, đem giấu ở một nơi kín đáo trong cung Quảng Hàn.

Hậu Nghệ đi trận về, thấy mất cả vợ lẫn thuốc trường sinh tức giận lắm. Chàng cho là vợ đã lên trời, chàng quyết tìm nàng cho bằng được.

Thời ấy, trên trời có mười mặt trời. Ngờ vợ ẩn trong những mặt trời này, Hậu Nghệ đã bắn chín mặt trời nhưng không thấy vợ. Hậu Nghệ bốt lại mặt trời thứ mười để lấy ánh sáng ban ngày, cũng như chàng không bắn rơi mặt trăng vì ban đêm chỉ có một mặt trăng. Chàng cần có ánh sáng ban đêm để soi đường cho chàng đi tìm vợ. Chàng không tìm thấy Hằng Nga, nàng vẫn biến hình ẩn núp trong cung Quảng cho tới ngày nay.

### CON NGỌC THỎ.

Con Ngọc Thỏ có sự tích như sau:

Nguyên ngày xưa có thời mất mùa, người vật đều nhịn đói.

Các loài vật khó kiếm thức ăn, tàn sát lẫn nhau.

Loài thỏ yếu đuối, không khí giới tự vệ, không dám thò ra ngoài kiếm ăn. Chúng đành nằm một chỗ kín đáo cùng nhau nhịn đói. Đã đói lại rét, chúng rù nhau tới một đồng lửa, không biết có ai đốt sẵn, nằm quanh đồng lửa nhìn nhau, con nào cũng ươn ướt hoen lệ.

Trước tình trạng nã nề ấy, một con thỏ vì thương đồng loại, nhảy mình vào đồng lửa tự thui để những con khác có cái ăn cho đỡ đói.

Vừa lúc ấy, đức Phật đi qua. Ngài thầm khen nghĩa khí của con vật. Ngài nhặt nắm xương của nó, hóa phép cho nó thành hình toàn bằng ngọc thơm tho và trong sáng, đưa nó lên cung Quảng Hàn, xin cho nó một viên thuốc trường sinh và nói với Thái Âm thần nữ cho nó được lưu lại ở đây.

### *CÂY ĐAN QUẾ.*

Ngoài các linh vật tại cung Quảng Hàn còn có bóng một cây mà ở trần gian ta nhìn lên thấy hình đen trên mặt trăng. Đó là cây Đan quế tức là cây quế đỏ.

Theo sách Trung Hoa, cây này cao một trăm linh năm thước, gốc lớn vô cùng, đường kính ước vài ba trượng. Cây sống hàng ngàn vạn năm. Gỗ và vỏ rắn như thép. Gốc cây có nhiều vết bầm đỏ vì quanh năm lúc nào cũng có người suốt đời cầm búa bổ vào gốc cây. Ở mặt đất nhìn lên ta thấy bóng đen của người đó ở gốc cây.

Người đó, ta gọi là thằng Cuội, nhưng theo người Tàu thì hẳn là Ngô Cương. Xưa kia Ngô Cương đã tu tiên đắc đạo, nhưng sau vì làm nhiều điều càn bậy trong chốn tiên cung, bị đức Ngọc Hoàng nổi giận bắt đày xuống cung trăng, giao cho việc chặt và bóc vỏ cây Đan quế. Cây Đan quế cũng như thép, đâu có như cây quế thường, Ngô Cương chặt làm sao cho nổi và bóc làm sao được vỏ. Bởi vậy cho tới ngày nay, Ngô Cương vẫn cố chặt cây này và bóc vỏ để người trần chúng ta, mỗi đêm trông lên lại thấy bóng chàng đang lúi húi ở gốc cây.

### *TRUYỆN THẰNG CUỘI.*

Đã nói đến Ngô Cương của người Tàu, lẽ đâu ta lại quên mất thằng Cuội của chúng ta. Ca dao có câu:



*Thằng Cuội ngồi gốc cây đa  
Bỏ trâu ăn lúa, gọi cha ời ời!  
Cha còn cắt cỏ trên trời  
Mẹ còn cuội ngựa đi mời quan viên.*

Thằng Cuội là ai? Chính là cái bóng người trên cung trăng mà người Tàu gọi là Ngô Cương và cây Đa quế của người Tàu, đối với chúng ta chỉ là cây Đa thần.

Sự tích thằng Cuội ắt hẳn chúng ta ai cũng biết. Đó là một kẻ đi nói dối cha, về nhà nói dối chú. Suốt đời chỉ nói dối đánh lừa người.

Sau cùng nó đã đánh lừa được một lão trượng hiền lành, và lão trượng này đã cho nó một cây đa thần có thể dùng lá chữa được người chết sống lại. Lão trượng dặn nó mang về phải luôn luôn tưới cho cây tươi tốt.

Cuội nghe lời lão trượng mang cây về trồng ở mé Đông và dặn vợ hàng ngày tưới nước cho cây.

Lão trượng cũng lại dặn Cuội là cây Đa thần kỵ nước tiểu, trồng cây ở hướng Đông thì mọi người phải đi tiểu về hướng Tây, bằng không cây sẽ đông lên trời mất.

Về nhà Cuội cũng dặn vợ và người nhà:

- Có tiểu thì tiểu đằng Tây, chớ tiểu đằng Đông cây đông lên trời.

Hàng ngày Cuội vào rừng đốn củi, ở nhà vợ Cuội vẫn tưới cây rất chăm chỉ. Cho đến một hôm vì vợ Cuội mãi mê công việc khác quên không tưới cây, chợt Cuội về đến ngõ, vợ Cuội mới nhớ ra nhiệm vụ tưới cây của mình. Sợ đi múc nước tưới cây, chồng trông thấy sẽ mắng là mình sơ khoáng, nàng vội vàng chạy tới gốc cây, ôm váy lên... tiểu vào đó! Nàng đã phạm điều kiêng.

Nàng vừa tiểu vào gốc cây, cây bỗng từ từ nhỏ gốc và bay lên trời. Cuội vừa về tới nơi, thấy cây đông lên trời, sẵn tay có chiếc cuốc, liền móc ngay vào gốc cây, mong giữ được cây lại.

Nào ngờ, Cuội đã không giữ được cây Đa thân lại, mà chính Cuội lại bay theo cây Đa lên trên cung Quảng cho tới ngày nay.

Chẳng biết ở trên cung Trăng, Cuội có nhìn xuống trần gian để ngắm chúng ta không, nhưng trần giới chúng ta, hàng năm, rằm tháng Tám, chúng ta vẫn uống rượu *trông trăng* nhìn lên Cuội.

## NHỮNG TỤC LỆ TRONG NGÀY TẾT TRUNG THU

Trong ngày tết Trung Thu để thưởng trăng có nhiều cuộc vui được bày ra, có cuộc vui riêng trong gia đình, có cuộc vui công cộng. Người lớn có cuộc vui của người lớn, trẻ em có cuộc vui của trẻ em.

### *THI CỔ VÀ THI ĐÈN.*

Trong tết Trung Thu người ta bày cỗ bánh trái hình mặt trăng, trưng đèn kết hoa, có nhảy múa ca hát và nhiều nơi có những cuộc rước đèn múa lân rất tung bừng náo nhiệt.

Trăng hôm rằm tháng tám thường trong và đẹp.

Để thưởng thức trăng trong gió mát, các văn nhân thi sĩ bày ra ngâm vịnh trước những mâm cỗ, dưới ánh trăng với bánh trung thu hình mặt trăng.

Nhiều nơi có những cuộc thi đồ, thi làm bánh trung thu. Đây là dịp để khuyến khích các bà nội trợ và các cô gái trong việc nữ công.

Lại có treo đèn kết hoa để mâm cỗ thêm màu sắc, bánh mứt thêm hoa mỹ, cuộc thi do đó thêm tung bừng.

Các trẻ em có những cuộc rước đèn và nhiều nơi có mở cuộc thi đèn: đèn làm hình mặt trăng, làm hình các linh vật trong cung trăng.

Trong trăng chơi đèn đêm rằm tháng tám để nhớ lại sự tích Đường Minh Hoàng du Nguyệt điện.



Nhiều gia đình bày cỗ riêng cho trẻ em, và trong mâm cỗ xưa kia thường có ông tiến sĩ giấy đặt ở nơi cao đẹp nhất, chung quanh là bánh trái hoa quả.

Sau khi chơi cỗ trông trăng, các em cùng nhau phá cỗ vào lúc đã khuya khuya, nghĩa là cùng nhau ăn mâm cỗ này.

### HÁT TRỐNG QUÂN.

Về tháng Tám có tục hát trống quân, nam nữ đối đáp cùng nhau.

Sách chép rằng tục hát trống quân bắt đầu từ đời nhà Tống, dưới triều vua Tống Nhân Tôn.

Nguyên thời đó thường có giặc, quân lính phải luôn đi trận, khi Tết Trung Thu đến nhớ nhà, trễ nãi việc binh nên ông Bao Chuẩn mới đặt ra lời hát trống quân với những câu hát cho quân lính ganh đua nhau đối đáp, quên bớt nỗi hồi luyến quê hương.

Dân chúng thấy lối hay hay hay, hàng năm tới Tết Trung Thu cũng hát trống quân để thưởng trăng nam nữ đối đáp cùng nhau.

Trống quân lập ra ở các thôn xóm bằng những vật liệu rẻ tiền. Trước hết là một chiếc thùng gỗ hoặc thùng sắt tây rỗng. Trên mặt thùng có căng một giây thùng hoặc một giây thép hai đầu buộc chặt vào hai chiếc cọc đóng xuống đất ở hai bên chiếc thùng, cách xa chiếc thùng mỗi bên chừng hơn một thước. Muốn cho dây thùng hoặc dây thép được thật căng, dùng một hoặc hai que nhỏ chụm vào nhau, chống đỡ sợi dây trên mặt thùng. Đánh trống quân, có những chiếc dùi nhỏ bằng gỗ chiếc thước kẻ. Dùi đánh vào chiếc dây căng bật ra những tiếng *thình thùng thình* là nhịp cho câu hát.

*Trống quân, trống quýt, trống còi,*

*Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy ta.*

*Thình thùng thình*

*Trống quân anh đánh nhịp ba,*

*Lúc vào nhịp bảy, lúc ra nhịp mười,*

*Thình thùng thình.*

Hát trống quân đôi bên nam nữ đối đáp với nhau bằng những câu *hát vần*, nghĩa là hát theo vần, theo ý, hoặc bằng những câu *hát đố*, nghĩa là hát đố nhau. Có khi những câu hát đã có sẵn, có khi lúc hát mới ứng khẩu đặt ra.

Cuộc đối đáp trong những buổi hát trống quân rất vui và nhiều khi gay go vì những câu đố hiểm hóc.

Về nguồn gốc hát trống quân, có người cho rằng lời hát này thuần túy Việt Nam, bắt đầu từ đời nhà Trần. Từ đó, khi quân Việt phải chống quân Nguyên, đức Trần Hưng Đạo đặt ra lời hát trống quân để quân lính mua vui với nhau.

Ông Văn Thôn, trong “Văn Hóa Nguyệt San” số 23, tháng 7 năm 1957, lại cho là tục hát trống quân mới có từ đời vua Quang Trung, ông đã viết:

Riêng về nước ta, vị anh hùng dân tộc Quang Trung cũng đánh dấu ngày rằm tháng Tám bằng một cử chỉ không nhuốm vẻ hoang đường, đài các nhưng vô cùng thiết thực mà nên thơ, muốn cho binh sĩ theo ngài đi đánh Đông dẹp Bắc quên nỗi nhớ nhung cố quận, vua Quang Trung đã cho họ trong các giờ nhàn rỗi, nhất là các đêm có gió mát trăng thanh, cùng nhau hội họp, để vừa hát đối, một bên nam, một bên giả nữ, vừa đánh nhịp vào một đường dây thép, căng trên một chiếc thùng rỗng ruột. Nhân dân thấy hay và lạ, đã bắt chước rồi áp dụng cuộc tiêu khiển vào ngày rằm tháng Tám, mà gọi đó là tục hát trống quân...

### MÚA SƯ TỬ.

Vào dịp Tết Trung Thu lại có tục múa sư tử, còn gọi là múa lân. Cứ bắt đầu từ mồng bảy mồng tám trở ra, xưa kia, tại các đô thị cũng như ở vùng quê, những đám múa lân được tổ chức, có đám hoàn toàn của người lớn, có đám riêng của trẻ em. Người lớn thường chỉ họp đoàn múa lân vào hai đêm mười bốn và rằm, và trong những ngày này, các tư gia





thường có treo giải để các *con lân* lấy. Giải thưởng bằng tiền treo trên cao, đám múa lân phải bắc thang mới chiếm được.

Các trẻ em múa lân sớm hơn, các trẻ em tổ chức múa lân để cùng nhau mua vui, không có mục đích đi lấy giải, tuy nhiên nếu có ai yêu mến các em, gọi các em lại treo giải các em cũng xin lĩnh.

Đám múa lân thường gồm có một người đội một chiếc đầu sư tử bằng giấy và múa những điệu bộ của con vật này, khi chồm lên, khi bò xuống. Đầu sư tử có một đuôi dài bằng vải màu do một người cầm phát phát theo điệu bộ của người múa lân và theo nhịp trống của đám múa.

Có trống, có thanh la, có nã bạt, có đèn sặc sỡ, có cờ ngũ sắc. Có những người cầm côn đi hộ vệ đầu lân. Lại có người vác chiếc thang đi theo để khi cần lĩnh giải thì người múa Lân sử dụng. Đám múa lân đi trước, người lớn trẻ em đi theo sau.

Tới trước mỗi nhà có treo giải, đám rước ngừng lại. Trong lúc Lân múa để lĩnh giải có đốt pháo.

### *SỰ TÍCH MÚA SƯ TỬ.*

Theo sách cổ truyền lại, sự tích múa lân như sau:

Về đời nhà Đường, có một bà lão, tuổi đã cao, nhưng không có con cái họ hàng, quanh năm chỉ lấy nghề may vá áo quần đem ra chợ bán để nuôi thân. Một hôm vào ngày rằm tháng Tám, bà đến một làng kia để nhận quần áo về may. Khi trở về vào lúc tối trời, bà thấy dân làng đều thi nhau thắp đèn bày cỗ, ăn uống vui vẻ. Hỏi thì dân làng cho biết là họ ăn Tết Trung Thu.

Bà nghĩ rằng dù bà có một mình bà cũng thường trăng được, bà bèn mua ít bánh trái hoa quả về để thưởng trăng đối giá. Trên đường về, khi đi qua khu rừng vắng về thì có con sư tử xông ra, đây là con sư tử dữ tợn vẫn thường bắt người ăn thịt.

Biết mình không tránh nổi con sư tử, bà lão van xin nó cho bà về thưởng trăng để bỏ công bà đã đi mua bánh trái hoa quả, sau đó bà sẽ đến nộp mình cho nó ăn thịt.

Sư tử ưng thuận quay đi nơi khác để bà lão về đến nhà bình yên vô sự.

Bà lão bày cỗ thưởng trăng, nhưng khi trăng bắt đầu mờ dần trong bóng mây, bà chạnh tới giờ phút cuối cùng của mình liền khóc lóc thảm thiết.

Tiếng khóc của bà kinh động tới quỷ thần. Quỷ thần liền sai một con rết tới trước mặt bà, ra hiệu cho bà yên tâm và nó sẽ giúp bà để trừ con sư tử độc ác! Dù không hiểu hết ý muốn của con rết, nhưng bà cũng yên lòng trước cử chỉ của nó.

Vừa lúc ấy, con sư tử tới để đòi ăn thịt bà. Con rết liền nhảy ra cắn chết nó.

Ngày hôm sau bà loan tin nói rõ với dân làng việc thần linh đã sai con rết giết con sư tử.

Tin đến tai vua, vua ban thưởng cho bà lão. Từ đó hàng năm nhắc lại sự tích con sư tử hay ăn thịt người bị giết chết vào Tết Trung Thu, người ta có tục múa sư tử.

\*

\* \*

Qua các điều trình bày ở trên, chúng ta thấy rằng Tết Trung Thu trước kia là Tết của người lớn, nhưng đã dần biến thành Tết của nhi đồng với những cuộc vui trong ngày Tết, và trong dịp này, người lớn đặc biệt săn sóc tới các trò vui của trẻ em.

Ngoài ý nghĩa ngày Tết của trẻ em Việt Nam, ngày Trung Thu, các trẻ em cô cút, tàn tật, bệnh hoạn được các cơ quan từ thiện Việt Nam và ngoại quốc đến tận nơi phân phát cho đồ chơi và quà bánh, nhất là đèn giấy và bánh Trung Thu để các em kém may mắn này cũng có một Tết Trung Thu như các em khác.



## XUÂN TẾ VÀ THU TẾ



**T**rong hai dịp xuân, thu vào ngày Đinh đầu tháng Hai, và ngày Đinh đầu tháng Tám dân làng có hai tuần đại tế để cầu cho dân làng được bình yên.

Hai kỳ tế này còn gọi là *tế kỳ phúc* (Xin xem Tế Kỳ Phúc, phần thứ nhất mục Sự Thần trong *Tín ngưỡng Việt Nam* quyển thượng).



# TẾT TRÙNG CỬU



Tết *Trùng Cửu* nhằm ngày mồng chín tháng Chín. Tháng chín là tháng cuối cùng của mùa thu, và tháng chín là mùa thu sắp hết. Các văn nhân, thi sĩ luyện tiếu mùa thu lên núi cao ngắm cảnh, do đó người xưa có câu *trùng cửu đặng cao*.

Thực ra dân Việt Nam ít người ăn Tết Trùng Cửu, nếu có cũng chỉ là một số rất ít ăn theo người Trung Hoa.

Về nguồn gốc Tết Trùng Cửu, trong “Việt Nam Phong Tục” của ông Phan Kế Bính viết:

*Nguyên về đời nhà Hán, có người Hoàn Cảnh theo học người Phí Tràn Phòng. Tràn Phòng một bữa bảo Hoàn Cảnh rằng: Mồng chín tháng chín nhà anh có nạn to, nên cho người nhà mỗi người may một cái túi lụa đựng hoa thù du, buộc lên cánh tay rồi lên chỗ nào cao mà uống rượu, thì mới tiêu được nạn ấy. Hoàn Cảnh theo lời thầy, quả nhiên bữa đó người không việc gì cả mà gà chó ở nhà thì chết.*

Sự tích trên đây của Hoàn Cảnh là nguồn gốc tục ăn Tết Trùng Cửu.

Tết này còn được gọi là Tết Trùng Dương. Người Trung Hoa, bắt chước gia đình Hoàn Cảnh xưa, cứ đến ngày này, hái hoa thù du, lên núi uống rượu.



Văn nhân Việt Nam, ngày Trùng Cửu cũng rủ nhau lên núi uống rượu, nhưng không hái hoa thù du. Uống rượu ngắm cảnh rồi cùng nhau ngâm vịnh.

Thực ra ở bên Tàu, trong dịp này, thiên hạ nô nức vui chơi, rủ nhau lên non, lội suối, hái hoa. Họ tin tưởng những hoa hái trong ngày này, mang về nhà thờ sẽ trừ được những tai họa bất ngờ.



## LỄ CƠM MỚI



Lễ ngày chữ gọi là *Thường Tân*, nghĩa là lễ lấy phẩm vật đầu mùa mà tế thần hoặc biếu người trên.

Mùa thu qua, tháng mười tới, vụ gặt lúa mùa bắt đầu.

Người Việt Nam nhân dịp này, dùng lúa mới làm xôi thổi com dâng cúng thần linh ở đình đền, và ở trong nhà cũng làm lễ cúng gia tiên.

Sự cúng lễ này để bày tỏ sự tri ân và lòng kính trọng đối với thần linh đã bảo vệ dân làng, cũng như ở trong nhà, con cháu có lúa mới nhớ đến tổ tiên, làm lễ cúng tổ tiên.

Tháng mười cũng là mùa chim ngói, mùa đậu mới. Người ta cũng nhân lễ Thường Tân mua quà biếu các bậc trên cũng như các bậc đã thi ân cho mình: con cái biếu bố mẹ, chàng rể chưa cưới sêu bố mẹ vợ, học trò tết thầy, con bệnh biếu ông lang v.v...

Tất cả những sự biếu tết đều có như trường hợp tết Đoan Ngọ vậy.



# TẾT TRÙNG THẬP



Mùng mười tháng mười là Tết Trùng Thập. Tết này, theo tục lệ nhà Phật là lễ Hạ Nguyên để đối lại với lễ Thượng Nguyên vào ngày rằm tháng giêng.

Ngoài ra đây là Tết của các ông Thầy, bà Cốt, và của các ông Lang. Trong tết này các ông đồng, bà bóng và các ông Lang ăn Tết rất linh đình.

Trong dân gian cũng có ăn Tết, nhưng người ta thường chỉ sửa lễ cúng gia tiên, và ở các nơi thờ tự công cộng thì cũng chỉ có cúng lễ với nghi thức đơn giản.

Ngày xưa, về vùng Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, người ta có ăn Tết này to lắm. Người ta làm bánh dày, nấu chè kho, cúng thần, cúng gia tiên rồi đem biếu những người quen.

Nhiều nơi, người ta gộp lễ Thường Tân vào Tết này, và mọi sự biếu xén của con bệnh đối với ông Lang, của con hương đệ tử đối với ông Đồng, bà Bóng trong dịp lễ Thường Tân, thường chính là để biếu xén trong Tết Trùng Thập.

Trong dịp này ông Đồng, bà Cốt cũng như các ông Lang thu được rất nhiều lễ lạc, thường là khi tiền mặt đối với ông Đồng bà Cốt, bởi thế cho nên những người này thường có cỗ bàn linh đình, trước là để cúng cấp, sau là để khoản đãi các đệ tử và các bạn hàng.

Dân chúng vùng Thanh Trì, đặc biệt không ăn Tết Trùng Thập vào ngày mồng mười tháng mười lại để dành đến ngày 21 tháng Mười mới ăn Tết. Mồng mười tháng mười công việc gặt hái dang dở, ngày 21, công việc này đã hoàn thành, mọi người mới rảnh rang ăn Tết.





# LẠP TIẾT



**Đ**ây là buổi cúng lễ cuối cùng của năm vào ngày mùng 2 tháng Chạp.

Năm cũ sắp hết, chỉ còn non một tháng nữa bước sang năm mới. Dân làng cáo yết thần linh với buổi cúng lễ cuối cùng này. Thường sự cúng lễ theo nghi thức đơn giản, trừ những trường hợp đặc biệt mới có tế lễ.



# TÀI LIỆU THAM KHẢO



*Ngoài các sách đã ghi trong mục tài liệu tham khảo, quyển Thượng, dưới đây là một số các tài liệu khác, soạn giả đã tham khảo thêm về quyển Hạ này:*

•Đào Duy Anh - Việt Nam Văn Hóa Sử Cương - Nhà xuất bản Bốn Phương Sài Gòn, 1961.

•Marel Caratini et Philippe Grandjean - Le Statut des Missions en Indochine - Études Indochinoises et Extrême Orientales - Ideo, Hanoi.

•Christiane Fournier. - En parcourant L'Indochine. - Ed. *Les Flots bleus, Monte carlo, 1954.*

•Gerald C.Hickley, với sự cộng tác của Bùi Quang Đa. - Nghiên cứu một cộng đồng thôn xã Việt Nam, xã hội học. - Võ Hồng Phúc dịch. - *Phái đoàn cố vấn đại học đường tiểu bang Michigan tại V.N.*

•Nguyễn Văn Huyền. - La civilisation annamite. - *Collection de la Direction de l'Instruction publique de l'Indochine, 1944.*

•L.m. Nguyễn Hồng. - Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, Sài Gòn, 1959.



•Hội thánh Tin Lành Việt Nam. - Tìm hiểu Hội thánh Tin Lành Việt Nam.

•Hội Đồng Tinh Thần Baha'i Saigon. - Baha'i là gì?

- Tất cả các tôn giáo đều là một.

- Đời sống Baha'i.

- Baha'i, tiến tới Thế giới duy nhất.

•Thái Văn Kiêm. - *Đất Việt trời Nam*. - *Nhà xuất bản Nguồn Sống Sài Gòn*.

•Nguyễn Hiến Lê. - Bảy ngày trong Đồng Tháp. - *Nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê, Sài Gòn, 1954*.

•André Masson. - Histoire du Việt Nam. - *Collection Que sais - Gie?*

•René P.Millot. - Missions d'Aujourd'hui, Paris, 1960.

•Nguyễn Văn Ngọc và Trần Lê Nhân. - *Cổ học tinh hoa*.

•Nguyễn Văn Ngọc. - *Tục ngữ phong dao*.

•Ch.Rollin. - *Đời sống Phụng vụ và Bí tích*.

•Lê Văn Siêu. - *Văn minh Việt Nam - Nam Chi Tùng thư, Sài Gòn*.

•Linh Việt. - *Đố ai nằm ngủ không mơ*. - *Nhà xuất bản Quang Minh Phú Nhuận, 1964*.

•Việt Nam Công Giáo niên giám, 1964.

IP.Varet. - *Au Pays d'Annam, les Dieux qui meurent*. - Ed. Eugène Figuière, Paris.

Ngoài các tài liệu này còn một số báo và tạp chí đã được nhắc đến qua các trang sách.

# MỤC LỤC



## TÔN GIÁO

THIÊN CHÚA GIÁO	7
ĐẠO TIN LÀNH	73
ĐẠO BAHAI	91
HỒI GIÁO	102
CÁC ÔNG ĐẠO	112

## MÊ TÍN DỊ ĐOAN

MÊ TÍN DỊ ĐOAN	121
CHIÊM ĐOÁN	135
CHIÊM NGHIỆM	156
XEM TUỐNG	224
LOÀI VẬT VỚI MÊ TÍN DỊ ĐOAN	245
CÂY CỐI VỚI MÊ TÍN DỊ ĐOAN	255

## LỄ TIẾT

TẾT NGUYÊN ĐÁN	267
NGÀY TẾT CỦA ĐỒNG BÀO THUỢNG MIỀN NAM	305
NHỮNG CUỘC VUI XUÂN CỦA ĐỒNG BÀO THUỢNG DU MIỀN BẮC	316
MẤY LỄ ĐẦU XUÂN	326
TẾT HÀN THỰC	340



TẾT THANH MINH	344
TẾT ĐOAN NGỘ	352
LỄ THẮT TỊCH	368
TẾT TRUNG NGUYỄN	370
TẾT TRUNG THU	373
XUÂN TẾ VÀ THU TẾ	385
TẾT TRÙNG CỬU	386
LỄ CƠM MỚI	388
TẾT TRÙNG THẬP	389
LẠP TIẾT	391
TÀI LIỆU THAM KHẢO	392

**NẾP CŨ**  
**Tín ngưỡng Việt Nam (Quyển hạ)**  
**TOAN ÁNH**

*chịu trách nhiệm xuất bản:*

**TS. QUÁCH THU NGUYỆT**

*biên tập:*

**NGUYỄN LỤC**

*vẽ bìa:*

**TRẦN MINH DŨNG**

*sửa bản in:*

**THỦY TÚ**

*kỹ thuật vi tính:*

**THU HÀ**

**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**

*161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh*

*ĐT: (08) 9316289 - 9350973 - 9316211; Fax: (08) 8437450*

*E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)*

*Chi nhánh NXB TRẺ tại HÀ NỘI*

*số 20 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh - Q. Đống Đa - Hà Nội*

*ĐT: (04) 7734544; Fax: (04) 7734544*

*E-mail: [vanphongnxbtre@hn.vnn.vn](mailto:vanphongnxbtre@hn.vnn.vn)*

*Website: <http://www.nxbtre.com.vn>*

